

TRẦN TRỌNG KIM
tuyển dịch

ĐƯỜNG THI



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

LỆ THẦN
TRẦN TRỌNG KIM

唐 詩
ĐƯỜNG THI

DỊCH RA THƠ VIỆT VĂN
(336 bài)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN
1995

TỰ

C HỒ CAO SIÊU NHẤT TRONG NGHỀ VĂN LÀ do ở khí hao nhiên. Đó là thuộc về phần hình nhi thượng của tạo hóa, không tiếc hơi, không bờ bến, thu lại là tinh thần, khoáng sung ra là du cửu, khi tĩnh như trời êm bể lặng, đem muôn vật vào cõi êm đềm, khi động như sấm sét, như mưa bão, làm cả thế giới đều rung chuyển, cả mặt trời mặt trăng phải đổi sắc; một linh cơ tự nó ẩn hiện biến hóa, vô cùng vô tận, không có thể nào đo lường được, vì thế gọi là hao nhiên.

Những bậc chính nhân quân tử ở nước ta, như ông Tiểu ẩn, ông Giới hiền đời Trần, ông Ưc trai, ông Bạch vân am đời Lê, ông Thanh hiền, ông Ngộ trai đời Nguyễn, há phải là những người suốt đời chỉ vui đùa ở trong làng văn mặc để tiêu ma hết tháng hết năm, thế mà mỗi khi làm được một câu, một bài, đều có giá trị đặc biệt, thành một văn gia, là tại sao? Là vì những bậc ấy nắm thụ được một phần hao khí rất khinh thanh, bình nhạt lại có rất nhiều công

hàm dưỡng, khi nào cảm xúc với cảnh vật thiên nhiên của tạo hóa, như khóc, như cười, như tỉnh, như say, như bức dọc, như há hê, như nhớ nhung, như khuấy khuấy, tự nhiên tả ra thành văn: mưa gió tuôn dàu ngọn bút, mây rắng bay trên mặt giấy, lăm lăm chính nhà viết được một câu đặc ý mà lại ngỡ là không phải của mình làm ra, vì thế cô nhân có câu: "văn như hóa công", tương không phải là nói ngoa vậy.

Nước ta sau khi tuyên bố độc lập, tôi vào thăm Thuán hóa, ông Trần Lê thân cho xem một tập văn dịch 120 bài thơ Đường, làm theo lối lục bát và song thất lục bát, trong lúc ông ở đảo Chiêu nam. Tôi đem so với nguyên văn, cân nhắc, đo dấn từng chữ, từng nghĩa một, không hiểu làm sao khi đọc văn Đường tôi tưởng là văn Trần quân, khi đọc văn Trần quân, tôi lại tưởng là văn Đường. Tôi sực nhớ đến một đoạn trong truyện Kiều:

Trong như tiếng hạc bay qua,

Dục như nước suối chảy ra mưa rơi,

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,

Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa.

Những câu ấy cũng đều dịch ở trong Đường thi, nhưng nếu bảo là Đường thi dịch ở những câu ấy ra, cũng có nhiều người tin là thực, có lẽ từ sự cảm xúc đến sự miêu tả, khi đã vào chân cảnh, thì Đường và Việt, văn gia cũng là đồng tâm đồng điệu chẳng?

Hồi tưởng lúc Trần quân ở Chiêu nam, xa nước xa nhà, ngày đêm thui thủi, trên trời dưới bể, giữa có một thân; nếu so một người với trời bể, thì người thấm vào đâu, nhưng nếu bảo trời bể là của một người, thì hoài bão không khoáng biết là đường nào ! Ức tắc thở với làn không khí.

khôi lỗi rửa với ngọn thủy triều, lúc này chính là lúc thiên chân thường lưu lộ ra; những bài Đường thi chỉ là những mối cảm hứng để kêu gọi tâm sự của Trần quân, mà Trần quân với Đường văn gia lại cùng một khâm hoài, vì thế mới có tập văn này.

Tôi viết mấy lời ra đây, không phải chỉ để tán dương một tập văn dịch đúng và hay, nhưng cốt là muốn giải bày chỗ kiến giải riêng của tôi về nghề văn. Có phải người nào và lúc nào cũng viết được văn không? Làm thế nào điều khiển được tài tử, biểu diễn được tư tưởng và tình cảm? Xưa có người phê bình văn Thiệu lăng, cho là "cùng tắc công" về sau người ta lại dùng câu ấy để phê bình chung các danh văn gia. *Cùng* đây chỉ về cảnh ngộ, *cùng* có một ý nghĩa thanh cao đối với những bậc đạt giả. Có đạt mới thoát ra ngoài trần tục và vào tới cõi hạo nhiên. *Công* là khéo, nhưng không phải khéo dũa gọt, khéo gò ghép; khéo có vẻ hồn hóa như thợ trời. Tôi thiết tưởng người nào đã linh hội được chữ *cùng* của người quân tử, chữ *công* của bậc văn hào mới thường thức được cái chân thú ở trong nghề ngâm vịnh vậy.

Viết tại Hà thành ngày 22 tháng sáu năm Ất dậu

Ưu tiên BÙI KỶ

BÀI THƠ CỦA ÔNG CỬ DƯƠNG BÁ TRẠC

viết khi nằm ở bệnh viện tại đảo Chiêu nam

Nằm nhắm những câu dịch Đường thi cùng
bạn Lê thần ở nhà hàng Phú sĩ.
Tiếng ta không phải không giàu,
Thơ ta tuyệt tác kém dẫu Thịnh Đường.
Ngàn thu bất tử vẫn chương,
Thúy Kiều, Chinh phụ hàng hàng gấm thêu.
Giọng Hàn (1) chìm bóng tiêu dao,
Mà hồn Đại Việt, tỉnh tao nhẹ nhàng.
Nay xem mấy áng thơ Đường,
Tỉ tê đem thử dịch sang thơ mình.
Vẫn không túng, điệu nghe thanh,
Nghiêm nhiên thơ Hán hóa thành thơ ta.
Quý thay văn tự nước nhà,
Thật là quốc túy, thật là quốc hoa.
Ra công ma luyện kẻ mà,
Để cho cùn sét, lỗi đà tại ai.

Chiêu nam ngày 25 tháng 11 năm 1944,
tức là ngày 10 tháng 10 năm Giáp thân ở tại bệnh viện

DƯƠNG BÁ TRẠC

(1) Có thể thơ ta gọi là Hàn luật.

HẬU TỰ

TRẦN QUÂN VĂN ÂN CÙNG TÔI QUA CHIỀU nam trước ba tháng, kể lại cụ Trần và Dương sau cùng sang. Trong cảnh lữ thứ cô tịch được có hai cụ, chúng tôi cảm thấy bớt được vài phần.

Trong hai gian phòng nơi Phú sĩ binh trạm lữ quán, bốn hình bốn bóng, ngày ba lần ăn, đọc báo, xem sách, bàn thời cục. Như thế mãi mãi, cảnh không thay đổi, ngày dài như năm!

Vì vậy mà có tập thơ này ra đời do cụ Trần phiên dịch, cụ Dương hiệu chính. Khi tập thi này được 120 bài, thì cụ Dương mắc phải bệnh phế nham, nghĩa là bệnh nhọt ở trong phổi. Vì nổi đau đớn ấy mà cụ Trần gác bút, nên tôi mới viết bài hậu tự này, gọi là để kỷ niệm khoảng đời gian truân của bốn chúng tôi.

Từ lúc tôi lên bảy, đã tăng học thuộc lòng những thi của các bậc tiền bối: Tôn Thọ Tường, Cử Trị. . . do cha anh

truyền dạy. Kịp lớn lên, có học qua niêm luật cùng thể thức làm thi theo Đường luật. Năm 1922 được giao du cùng các thi nhân như Hoài nghĩa, Mạnh tự, Quốc biểu, Tuấn năng, Thuần đức v. v. . . Thi vị từ ấy, tôi mới bắt đầu thật biết cảm. Vào khoảng năm 1934-1935, các báo chí có cuộc bút chiến về thi cũ, thi mới, tôi đều được đọc. Đôi khi cũng có dự bàn những quan niệm thi cùng các bạn thân. Ông bạn thân ái của chúng tôi là Phan văn Hùm cho tôi xem quyển "Thi để nguyên lý" do tác giả người Nhật (tôi quên tên); tuy tôi chưa thật hiểu đến chỗ "điệu" nhưng cũng được rộng thêm phần kiến thức.

Thi là thể vận văn, theo phương diện hình thức. (Về niêm luật cùng thể cách, tác giả đã giải thích. Đây tôi chỉ nói về ý nghĩa, cùng lối phân loại mới, để giúp thêm cho sự nhận định được thêm vài phần bổ túc mà đôi khi vượt ra ngoài đề. Xin đọc giả lượng thứ). Nhưng, hiểu một cách đơn giản, nếu vẫn có vẫn là thi, thì những "vè" của trẻ con đọc đều là thi hay sao? Vì thế "thi" là nghệ thuật. Đã là nghệ thuật, tất phải có chỗ "huyền diệu" mà người đời thường gọi là "hồn thơ".

Thi chẳng qua là nghệ thuật của văn chương, hàm súc những cái Đẹp cái Khéo cái Hay mà người thường không thể nhận thấy; riêng thi nhân mới cảm biết. Thi, để tỏ tình cảm đặc biệt ở tận đáy lòng, không thể đem lời nói thông thường diễn tả, nên phải mượn đến lời thơ. Ví như nhà hội họa, đem những màu sắc riêng mà điều hòa nên luật, điệu, cốt để cho mọi người xem, nghe, cùng với cái cảm, cái hứng như mình.

Thi còn gọi là thi ca. Vì thi nguyên bởi ca dao mà ra. Một bài thi ca hay, khi ngâm đọc lên, trước hết ta nghe âm hưởng của nó mà cảm thú, mới đến ý nghĩa. Thi hay ở

nơi lời đẹp (từ) ý sâu (tử) và nhờ tiếng tốt, điệu hay của kẻ ngâm, làm cho người nghe tăng thêm lòng cảm hứng. Vì thế, thi ca với âm nhạc thuộc vào loại tình cảm xúc động, tức là thuộc loại "Động" của nghệ thuật. Còn hội họa và điêu khắc thuộc vào loại tình cảm yên tĩnh, tức là thuộc loại "Tĩnh" của nghệ thuật. "Động" là thuộc về tình cảm "nóng", và "Tĩnh" là thuộc về tình cảm "nguội".

Khi ta vào phòng triển lãm để quan sát cùng thưởng thức bức tranh hay pho tượng của họa sĩ hay nhà điêu khắc, thì ta phải trầm tĩnh suy nghĩ, nhìn màu, sắc, đậm, nhạt, xem từ nét nổi, chìm, trông từ bề cao, bề rộng, chiều dài của bức tranh, pho tượng, mới nhận thấy rõ ý tứ cùng cái khéo, cái đẹp, cái hay riêng của nghệ sĩ. Vì thế gọi là Tĩnh hoặc Ngủi. Đến rạp hát hay vào phòng âm nhạc, khi ta nghe đến tiếng hát, cung đàn, bắt ta cảm động liền. Vì vậy, gọi là Động hay là Nóng. Chẳng những thế, nhạc sĩ hay ca nữ, lúc diễn tấu, hình dung rõ ràng từ diện bộ, từ cử động, theo chiều tiếng bổng, tiếng chìm của âm luật; còn họa sĩ hay là điêu khắc thì êm đềm trong phòng riêng, tỉ mỉ tìm tòi, không một ai hay biết.

Có người nói: Thi ca chỉ để cho bọn trường giả ăn không ngồi rồi thưởng thức. Còn bình dân, quanh năm mải lo vật chất với bát cơm manh áo, dư công đâu mà nghĩ đến thi ca. Nói thế là một cách vô đoán mà cũng quá bi quan. Thiết tưởng những người ấy, chẳng qua họ nhìn vào hiện trạng của xã hội này, thiên về phương diện hạ tầng cơ cấu mà không nghĩ đến những điều nhu cầu của loài người về phương diện thượng tầng kiến trúc. Đời sống không phải chỉ lo về vật chất mà quên hẳn đường tinh thần. Nghệ thuật là sản phẩm chung, chứ đâu phải món dành riêng cho hạng người phú quý. Nhờ nó mà đời sống của con người

được tăng thêm giá trị và hứng thú. Bởi vì ta không đủ điều kiện hoặc chưa đến trình độ thưởng thức đầy thôi.

Lại có kẻ nói: Thi nhân là bọn người lãng mạn. Lãng mạn hay không là bởi quan niệm. Đời không thi nhân, lấy ai nhắc nhở những nỗi xa xăm, tô điểm vẻ vời cái đẹp, cái khéo, cái hay, là những vật vô hình ảnh; khiến những vật vô tri giác như cây, đá sinh tình, như câu:

Đá xây nghĩa nặng non chồng chất,

Sóng gợi tình sâu bể lắng lại.

Làm cho đời người có cảm hứng, nhờ có nghệ thuật. Từ món ăn thức mặc, cho chí giọng nói, dáng đi, ta khen là ngon, là đẹp, là hay, đều do nơi lòng ái mỹ, là tính chất của nghệ thuật. Bởi thế, các vật nhu cầu của ta đều gồm có ba phần trọng yếu, là: sử dụng, thích nghi và mỹ lệ. Cái ghế sấm để ngồi, là sử dụng, ngồi êm, ấy là thích nghi, trông đẹp mắt ấy là mỹ lệ. Tóm lại, nghệ thuật là một điều quan trọng cho sự sống của con người, mà không phải món phụ thuộc.

Thi ca là môn tối cao của nghệ thuật. Biết thi, hiểu thi, chẳng những nhờ nơi học vấn, mà cũng cần ở chỗ từng trải nhân tình thế thái. Biết thi, hiểu thi, chưa phải dễ làm nên thi mà trở thành thi nhân. Chân chính thi nhân phải có thiên tư đặc biệt và thiên tài xuất chúng.

Như trên đã nói: làm thi đã khó, dịch thi không phải dễ. Phiên dịch văn chương của nước người ra văn mình là một điều khó, mà dịch thi lại khó hơn bội phần. Dịch giả phải chọn từ lời, xét từng ý, biết thời đại và thân thế của tác giả; phải đem mình cùng một hoài bão, cùng một cảm xúc như tác giả, may ra mới lột được tinh thần của nguyên văn.

Hai cụ Trần, Dương nhờ ở hoàn cảnh thật, thân thế thật, học về Hán văn kiêm Pháp văn, lợi dụng thì giờ nhàn rỗi, phiên dịch tập thi Đường ra thể thi Việt Nam. Ngoài cái công phu khó nhọc về phần hình thức, bên trong lại còn chan chứa biết bao cảm xúc nồng nàn.

Chúng tôi đây, cái thân thế, cái tâm sự, sánh với người xưa, nào có khác chi. Vì vậy, những nỗi đau đớn xa xăm thốt ra bằng lời thơ của người xưa, là tình cảm của chúng tôi đương mang lấy, mà lời thơ cùng giọt lệ chan hòa, tuy là dịch, thật là thuật.

Hai cụ, phần già, phần bệnh, mà không hề chán hoàn cảnh, quên nghĩa vụ. Tôi vừa kính phục, vừa cảm động, nên nhớ đến câu: *"Lão do tài trúc dữ nhân khan"* của người đời xưa, ý nói: tuổi già không làm gì được, trông trúc để người đời xem. Hay thay, biết thay về cái nghĩa nhân sinh!

Kết thúc lời hậu tự, tôi xin trích lục bài thi của Sầm Tham là thi hữu cùng Lý, Đỗ đời Đường. Bài ấy đúng với tình cảm chúng tôi như hết, nhất là hai cụ:

Cố viên đông vọng lộ man man,

Song tự long chung lệ bất can.

Mã thượng tương phùng vô chỉ bút,

Bằng quân truyền ngữ báo bình an.

(Xin đọc giả xem lời dịch bài thứ 29, thể luật, thất ngôn tuyệt cú).

Đọc văn chương, ta cảm, là nhờ ở sự thiết; cái sự thiết ta đã trải qua, hoặc đương ở trong ấy. Thơ hay nhờ bởi cảnh, bởi tình. Tình cảnh người xưa với tình cảnh người nay, tuy khác nhau vì thời gian, nhưng đồng một cuộc đời sống như nhau, cùng đồng quan niệm vì tổ tiên, vì chủng tộc, vì nghĩa vụ, vì gia hương, thì hoài bão cũng giống nhau, khác chăng bởi kẻ sau người trước. Khách lữ thứ

hôm nay, ngắm cảnh nhìn trăng, mà lũ khách ngày xưa cũng nhìn trăng ngắm cảnh, khác nhau chẳng chỗ đứng nơi ngồi. Trăng soi khách hôm nay, cũng là trăng soi người thừa trước, ngặt vì trăng không nói, nỗi niềm ta biết lấy nhau.

Trăng xưa soi khách anh hào,

Mà trăng nay cũng soi vào hùng anh,

Kìa ai nung vạc chống thành,

Người đời trăng vẫn soi luôn.

Viết văn để giải rõ quan niệm về thi ca, lại lạc lối vào vườn thi mà không hay. Cũng như người xem hát nghe đàn, dầu mình không phải nghệ sĩ, nhưng có cái cảm mừng tượng gắn với nghệ sĩ.

Chấm dứt bài này, tôi xin thú thật rằng: Vì cảm mà viết, viết theo nguồn cảm, mà ghi bằng nét bút nên lời, thật không hề nghĩ đến mình làm văn. Chẳng qua, vì muốn kỷ niệm tập thi, cùng mối tình đối với hai cụ Trần, Dương nên mới có bài hậu tự này.

Viết tại Phú si bình trạm biệt quân

Chiêu nam đảo, ngày 2 tháng 12 năm 1944

Minh tái ĐẶNG VĂN KÝ

TỰ TỰ

NÓI VỀ THƠ HÁN VĂN THÌ CÓ THƠ ĐƯỜNG LÀ hơn cả, tình tứ tao nhã, ý nghĩa sâu xa, có thể nuôi được cái khí hạo nhiên của người ta, tức là di dưỡng được cái tính tình cao thượng và chân chính.

Ta dùng văn thơ mà nuôi cái khí hạo nhiên cũng như giống cây, thường nhật cứ bón tưới, rồi để tự nhiên cây mọc lên tươi tốt, có hoa, có trái. Đó là cái học hàm dưỡng của người đời xưa mà ngày nay có người cho là vô ích. Chẳng qua là người ta hiểu lầm cái nghĩa chữ học. Học có hai nghĩa: một là học để gây nuôi cái nhân cách đặc biệt, đem cái tinh thần và cái tình cảm con người thoát ra ngoài những điều hèn hạ mà đi vào con đường cao khiết, thanh nhã. Hai là học để chuyên tập một nghề nào cho sành mà ứng dụng ở đời. Có lẽ ngày nay người ta bỏ quên cái nghĩa thứ nhất, mà chỉ chú trọng ở cái nghĩa thứ hai, cho nên thấy cái gì không có lợi ngay thì cho là vô ích.

Ta nên biết rằng trong người ta bao giờ cũng có hai phần: một phần người và một phần vật cùng đi đôi với nhau, điều hòa với nhau. Hễ để phần người át phần vật quá độ, thì người không đủ sức mà làm mọi việc; hễ để phần vật át phần người quá độ thì sự hành vi của ta thành ra dè dặt, mất cả phẩm giá, như thế là bỏ mất cái bình hành, mất sự điều hòa, rất cần cho người hoàn toàn ngay chính.

Vậy trong sự học, có một phần rất quan trọng là việc gây cái tinh thần sáng suốt và mạnh mẽ, nuôi cái tình cảm thuần hậu và thanh nhã. Cái học ấy phải phí nhiều thì giờ, phải mất nhiều công phu, mới có hiệu quả. Nếu nói rằng học cái gì mà không thấy có hiệu quả ngay thì không nên học, nói như thế, khác nào người nước Tống đời xưa giống lúa, thấy cây lúa mọc chậm đem rút ngọn lúa lên, thành ra lúa chết cả. Ta nên nhớ lời Mạnh tử nói về sự nuôi cái khí hạo nhiên rằng: "*Thị tập nghĩa sở sinh giả, phi nghĩa tập nhi thủ chi dã*" (是集義所生者、非義襲而取之也) : Nghĩa là cứ thường theo đạo nghĩa mà làm để nuôi cái khí hạo nhiên, rồi khi ấy tự nó sinh nở ra, chứ không phải lấy cái nghĩa mà bất thành linh chụp lấy khí ấy được. Hiểu rõ nghĩa câu ấy, thì hiểu cái giá trị sự học hàm dưỡng của cổ nhân,

Những bài thơ Đường tựa như những đồ chơi làm bằng ngọc bằng ngà, chạm trổ rất tinh xảo, trau giồi bóng bẩy, càng ngắm càng thấy đẹp, chơi bao lâu cũng không thấy chán. Những thơ ấy lại có nhiều tình sâu ý cao, ngâm nga tiêu khiển và ngắm nghĩ kỹ, thật là lợi cho tính tình biết bao.

Bình nhật tôi hay xem thơ mà ít khi làm thơ. Tôi cho

làm thơ cũng như đánh đàn, không có cảm khái, không có cao hứng thì dù đánh đúng cung đúng điệu, đàn vẫn không hay. Đánh đàn không hay thì không đánh. Chỉ vì phải khi gặp bước gian nan, tôi ra ở Chiêu nam đảo (Tân gia ba) đứng trong cái hoàn cảnh éo le, tâm tình sầu muộn, lại bị những nỗi đoạn trường chua xót, tôi mới lấy thi văn cổ nhân ra xem và chọn lấy những bài có tình tứ hay, đem dịch ra các lối thơ Việt văn để làm chỗ tiêu khiển, và cũng nhờ việc làm ấy mà tôi khuây khỏa được bao nhiêu nỗi đau buồn khổ não. Thế mới biết văn thơ thật bổ ích cho tinh thần của ta vậy.



Tập Đường thi này, khi tôi ở Chiêu nam đảo về, mới dịch được có 120 bài. Sau khi thôi làm việc ở Huế, tôi ra ngụ ở làng Vĩ dạ gần Huế, được ít lâu về Hà nội, lại phải tránh loạn chạy sang Tàu, rồi về Saigon. Trong những lúc phải nay đây mai đó như thế, tôi lại đem Đường Thi ra dịch thêm được 216 bài nữa, gồm tất cả là 336 bài.

Dịch thơ nọ ra thơ kia, khó nhất là đừng bỏ sót những ý nghĩa, cốt yếu và đừng làm mất cái thần câu thơ trong nguyên văn. Tôi lại cố tìm tiếng, tìm vần, để cho câu văn dịch không mất vẻ thơ.

Tôi theo cái nguyên tắc ấy mà dịch tập Đường Thi này, chia ra làm ba mục. Mục thứ nhất nói về thơ cổ phong, có 35 bài ngũ ngôn, 23 bài thất ngôn; mục thứ hai nói về thơ luật, có 76 bài ngũ ngôn, 67 bài thất ngôn; mục thứ ba nói về thơ tuyệt cú, có 67 bài ngũ ngôn tuyệt cú, 68 bài thất ngôn tuyệt cú.

Những thi nhân có thơ trích ra ở trong sách này đều xếp đặt trước sau theo các thời đại. Ngày xưa người ta chia Đường Thi ra làm bốn thời kỳ, gọi là Sơ Đường, Thịnh Đường, Trung Đường và Vãn Đường. Sau lại có người thu lại làm ba thời kỳ, là Sơ Đường, Thịnh Đường và Vãn Đường. Dù chia làm bốn hay làm ba thời kỳ, chẳng qua là lấy khí phách và thể cách của thi văn làm chừng, chứ không phải là cái giới hạn nhất định.

Thơ mà hay là cốt ở tình và văn. Cổ nhân đã nói: *Tình sinh vu văn, văn sinh vu tình*, nghĩa là tình sinh ra ở văn, văn sinh ra ở tình. Tình và văn đối đảo cả hai là thơ Thịnh Đường, tình không đủ mà văn có thừa là thơ Vãn Đường. Thấy rõ chỗ hơn kém ấy và biết rõ cái tài khi và thanh điệu của các thi nhân đời Đường là một điều rất hệ trọng và rất có thú vị trong sự xem thơ Đường.

Làm một việc trước hết là để tiêu khiển, mà nhân đó lại làm hay rõ cái diện mục thi văn đời Đường, tưởng cũng không phải là vô ích cho văn học vậy.

Lê thẩn TRẦN TRỌNG KIM

TIỂU SỬ NHỮNG THI NHÂN ĐỜI ĐƯỜNG CÓ THƠ TRÍCH RA Ở SÁCH NÀY

Người đời xưa chia Đường Thi ra làm bốn thời kỳ:

1. **SƠ ĐƯỜNG**, kể từ năm Võ đức thứ ba (620) đời vua Cao tổ đến năm Thái đức (712) đời vua Duệ tông, tức là 92 năm, có những thi nhân, như:

VƯƠNG TÍCH, em Vương Thông, người cuối đời Tùy, đầu đời Đường. Ông thường lấy rượu và thơ làm vui thú.

DƯƠNG QUỲNH, lúc nhỏ rất thông minh, nổi tiếng là thần đồng. Sau ra làm quan, cùng với Vương Bột, Lô Chiếu Lân, Lạc Tân Vương nổi tiếng là tứ kiệt đời Sơ Đường.

LẠC TÂN VƯƠNG, giỏi nghề vắn từ, giúp Từ Kính Nghiệp khởi nghĩa, làm bài hịch đánh Vũ hầu. Khi Từ Kính Nghiệp thất bại, người thì nói Tân Vương bị giết, người nói đi tu làm tăng.

VƯƠNG BỘT, tự là Từ an, 6 tuổi đã biết làm văn, đỗ cao đệ, tính rất kiêu ngạo. Thân phụ làm quan ở Giao chỉ, ông sang thăm cha, đi qua thành Nam xương, làm bài tựa Đẳng vương các, nổi tiếng là thiên tài. Ông đi thuyền ra bể, bị đắm thuyền, chết.

TRẦN TỬ NGANG, tự Bá ngọc, làm quan đời Vũ hầu, đến chức Thập di, thường gọi là Trần Thập di.

VI THỪA KHÁNH, làm quan đời Vũ hầu.

ĐỖ THẨM NGÔN, đỗ tiến sĩ, làm quan đời Trung tông.

TỔNG CHI VẤN, tự Diên thanh, làm quan đời Vũ hậu.

THẨM THUYỀN KỲ, tự Văn khanh, đỗ tiến sĩ, làm quan đời Vũ hậu.

TIẾT TẮC, tự Tư thông, làm Lại bộ thượng thư đời vua Duệ tôn, hay thơ, chữ tốt, về giới.

II. - **THỊNH ĐƯƠNG**, kể từ năm Khai nguyên nguyên niên (713) đời vua Huyền tông đến năm Vĩnh thái cuối cùng (765) đời vua Đại tông, tức là 52 năm, có những thi nhân, như:

ĐƯƠNG HUYỀN TÔNG, con vua Duệ tôn, dẹp loạn Vi hậu, làm vua được 44 năm.

TRƯƠNG THUYẾT, đỗ Hiền lương phương chính, làm quan được phong tước Yên quốc công, cùng với Hứa quốc công Tô Đĩnh nổi tiếng hay thơ.

HẠ TRI CHƯƠNG, tự Quý chân, hiệu Tứ minh cuồng khách, đỗ tiến sĩ, làm chức Bí thư giám, thường gọi là Hạ giám.

TRƯƠNG NHƯỢC HƯ, chưa biết rõ.

TRƯƠNG HỨC, tự Bá cao, có tiếng viết chữ thảo tốt, mỗi khi say rượu, dúi đầu vào nghiên mực mà viết thành chữ cực tốt, người ta gọi là Trương điên.

VƯƠNG HÀN, chưa biết rõ.

TRƯƠNG CỬU LINH, tự Tư thọ, đỗ tiến sĩ, có tiếng giỏi văn học, làm quan đến chức Tế tướng đời Khai nguyên, bị bọn Lý Lâm Phủ và Ngưu Khách Tiên dèm, bỏ về di ẩn.

TỪ AN TRINH, chưa biết rõ.

VƯƠNG LOAN, chưa biết rõ.

VƯƠNG XƯƠNG LINH, tự Thiệu bá hay thơ, làm quan đến chức Long phiêu úy, thường gọi là Vương Long phiêu, thôi quan về đi ẩn.

MANH HẠO NHIÊN, thi tiến sĩ không đỗ, giỏi thơ ngũ ngôn, không ra làm quan.

VƯƠNG DUY, tự Ma cật, đỗ tiến sĩ làm quan đến chức Thượng thư hữu thừa, thường gọi là Vương Hữu Thừa, bình sinh chuộng đạo Phật, ăn trường trai, hay thơ, chữ tốt, về giỏi. Ông lập ra lối vẽ Nam tông họa phái.

THÔI HẠO, có tiếng hay thơ, nhưng người ta chê là người vô hạnh.

LÝ BẠCH, tự Thái bạch, hiệu Thanh liên cư sĩ, không thi tiến sĩ. Ông có thiên tài đặc biệt về văn thơ. Vua Huyền tông rất yêu kính. Một hôm thị yến rồi say, vua sai hoạn giả Cao Lực Sĩ cỡi giầy cho ông ngủ. Lực sĩ cầm giầy, lấy câu thơ trong bài Thanh bình điệu, ví Dương Quý phi với Triệu Phi Yến mà dèm pha, để Quý phi ghét, nên không được dùng. Ông mất năm Bảo ứng (762) đời vua Túc tông, thọ 61 tuổi.

ĐỖ PHỦ, tự Tử mỹ, hiệu Đỗ lăng bố y và lại xưng là Thiệu lăng dã lão, cháu họ Đỗ Thẩm Ngôn, thi tiến sĩ không đỗ, làm quan đời vua Huyền tông. Sau cuộc loạn An lộc sơn, vua Túc tông cho làm chức Tả Thập di, rồi bỏ quan về nhà. Ông lại theo Nghiêm Vũ sang đất Thục, làm chức Viên ngoại lang ở bộ Công, đến năm Đại lịch thứ năm (770) say rượu, mất.

CAO THÍCH, tự Đại phu, tính lỗi lạc, chuộng tiết nghĩa, quá 50 tuổi mới làm thơ, ngang tiếng với Sầm Tham.

SẦM THAM, đỗ tiến sĩ, hay làm thơ nói về việc biên

giới, làm quan đến chức Gia châu thứ sử.

LÝ KỶ, chưa biết rõ.

THƯỜNG KIẾN, chưa biết rõ.

THÔI QUỐC PHỤ, chưa biết rõ.

TRỮ QUANG HI, chưa biết rõ.

TỔ VỊNH, chưa biết rõ.

GIẢ CHỈ, chưa biết rõ.

TRƯƠNG VỊ, chưa biết rõ.

TRƯƠNG QUÂN, chưa biết rõ.

LƯU TRƯỞNG KHANH, tự Văn phòng, đỗ tiến sĩ, giỏi làm ngũ ngôn thi, làm quan đến chức Tùy châu thứ sử.

TRƯƠNG KẾ, chưa biết rõ.

LƯU PHƯƠNG BÌNH, chưa biết rõ.

III. *TRUNG ĐƯỜNG*, kể từ năm Đại lịch nguyên niên (766) đời vua Đại tông đến năm Thái hòa cuối cùng (836) đời vua Văn tông, tức là 69 năm, có những thi nhân, như:

VI ỨNG VẬT, lời văn nhân đạm giản viên, người ta ví với Đào Uyên Minh đời Tấn. Ông làm quan đến chức Tô châu thứ sử, thường gọi là Vi Tô châu.

TIỀN KHỞI, tự Trọng văn, đỗ tiến sĩ. Ông là một trong mười tài tử đời Đại lịch.

VƯƠNG KIẾN, tự Trọng sơ, đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Thiểm châu tư mã.

LÝ ĐOAN, chưa biết rõ.

TÚ KHÔNG THỰ, chưa biết rõ.

ĐÁI THỨC LUÂN, chưa biết rõ.

LƯƠNG HOÀNG, chưa biết rõ.

NHUNG DỤC, chưa biết rõ.

LIÊU TÔNG NGUYÊN, tự Tử hậu, đỗ tiến sĩ năm Trinh nguyên, làm quan đến chức Liễu châu thứ sử.

MANH GIAO, tự Đông dã, 50 tuổi mới đỗ tiến sĩ năm Trinh nguyên.

THÔI HỘ, tự Ân công, đỗ tiến sĩ năm Trinh nguyên, làm quan đến chức Lĩnh nam Tiết độ sứ.

LƯU VŨ TÍCH, tự Mộng đắc, đỗ tiến sĩ năm Trinh nguyên, làm quan đến chức Thái tử tân khách. Ông đặt ra lối hát *trúc chi từ*.

LÝ ÍCH, giỏi nghề thi ca, làm quan đến chức Lễ bộ thượng thư.

LỆNH HỒ SỞ, năm tuổi đã làm được văn, đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức Tế tướng.

BẠCH CỬ DỊ, tự Lạc thiên, đỗ tiến sĩ năm Nguyên hòa, làm quan đến chức Hình bộ thượng thư về trí sĩ.

NGUYỄN CHẤN, tự Vi chi, hay làm ca thi, cùng với Bạch Cư Dị xướng họa theo lối thứ vận, tức là lối theo đúng thứ tự nguyên vận mà họa lại, tức là lối họa thơ ta thường dùng.

TRƯƠNG TỊCH, tự Văn xương, giỏi làm thơ lối cổ thể và những bài nhạc phủ, làm quan đến chức Quốc tử tư nghiệp, cùng xướng họa với Bùi Độ, Lệnh hồ Sở, Bạch Cư Dị và Nguyễn Chấn.

BÙI ĐỘ, tự Trung lập, đỗ Tiến sĩ, làm quan đến chức Tế tướng, phong tước Tấn quốc công. Ông là một hiền tướng đời Đường.

GIẢ ĐẢO, tự Lăng tiên, trước đi tu làm tăng. Miếu là Vô bản, hay làm thơ, thường gò từng chữ. Một hôm cỡi lừa đi ngoài đường, nghĩ được hai câu thơ: *Điếu túc tri biên thụ, Táng sao nguyệt hạ môn*. Sau muốn đổi chữ sao ra chữ

thời, nhưng còn phân vân chưa biết dùng chữ nào, rồi cứ một tay ra hiệu gõ cửa, một tay ra hiệu đẩy cửa. Gặp quan Kinh triệu doãn là Hàn Dũ đi qua, thấy thế, gọi lại hỏi và bảo nên đề chữ *sao*. Từ đó người ta gọi lối văn gọt dưa từng chữ là lối *thời sao*. Ông thi tiến sĩ không đỗ, làm chức Trường giang chủ bạ.

DƯƠNG CỰ NGUYÊN, chưa biết rõ.

CHU KHÁNH DƯ, đỗ tiến sĩ, nhưng làm quan không đạt.

TIẾT OÁNH, chưa biết rõ.

ĐỖ THU NƯƠNG, người ở Kim lăng, hay thơ, trước làm vợ lẽ Lý Kỳ, tiết độ sứ ở Trấn hải. Sau Lý Kỳ làm phản, bị giết, vua Mục tông (821-826) đem về dạy học ở trong cung.

IV. *VĂN ĐƯỜNG*, kể từ năm Khai thành nguyên niên (836) đời vua Văn tông đến năm Thiên hữu cuối cùng (905) đời vua Chiêu tuyên đế, tức là 69 năm, có những thi nhân, như:

ĐỖ MỤC, tự Mục chi, hiệu Phàn xuyên, đỗ tiến sĩ năm Thái hòa, làm quan đến chức Trung thư xá nhân, tính cương trực, có kỳ tiết. Có tài thi văn ngang tiếng với Lý Thương Ẩn.

LÝ THƯƠNG ẨN, tự Nghĩa sơn, đỗ tiến sĩ năm Khai thành, làm quan đến chức công bộ viên ngoại.

ÔN ĐÌNH QUÂN, tự Phi khanh, giỏi từ phú, thi tiến sĩ không đỗ. Thơ của ông thì văn nhiều mà tình ít.

HỮA HỒN, chưa biết rõ.

TÚ KHÔNG ĐỖ, tự Biểu thánh, theo học Trương Tịch, đỗ tiến sĩ, ẩn cư ở Vương quan cốc.

TRỊNH CỐC, tự Thủ ngu, lúc trẻ rất thông minh, làm

quan đến chức Đô quan lang trung.

LÝ TẤN, chưa biết rõ.

HẠNG TỰ, chưa biết rõ.

LÝ HÀM DUNG, chưa biết rõ.

TRIỆU HỒ, chưa biết rõ.

THÔI LÔ, chưa biết rõ.

TRƯ TỰ TÔNG, chưa biết rõ.

VU LƯƠNG SỬ, chưa biết rõ.

CHU PHÁC, chưa biết rõ.

TÀO ĐƯỜNG, tự Nghiêu tân, trước làm đạo sĩ, sau ra thi tiến sĩ không đỗ, làm tông sự Sứ phủ.

THÔI ĐỔ, tự Lễ sơn, đỗ tiến sĩ năm Quang khái đời vua Hi tông.

TRẦN THAO NGỌC, tự Trọng minh, đỗ tiến sĩ năm Trung hòa đời vua Hi tông.

CÁP GIA VÂN, chưa biết rõ.

ĐƯỜNG NGẠN KHIÊM, chưa biết rõ.

NGÔ DUNG, tự Tử hoa, đỗ tiến sĩ năm Long kỷ đời vua Chiêu tông, làm quan đến chức Hàn lâm thừa chỉ.

MÃ ĐÁI, chưa biết rõ.

VI TRANG, tự Đoan kỷ, đỗ tiến sĩ năm Càn ninh đời vua Chiêu tông. Sau về nước Thục, giúp Vương Kiến, làm Lại bộ thượng thư.

ĐỖ QUANG ĐÌNH, chưa biết rõ.

TRẦN ĐÀO, chưa biết rõ.

TẶNG LINH NHẤT, chưa biết rõ.

I
THƠ CỔ PHONG

Thơ cổ phong là lối thơ có từ khi chưa có thơ luật. Lối thơ này chỉ có vần mà không có luật dùng tiếng bằng tiếng trắc trong câu thơ.

Thơ cổ phong hoặc dùng vần bằng, hoặc dùng vần trắc, hoặc dùng lẫn cả hai thứ. Những bài thơ dùng suốt một vần, bằng hay trắc, gọi là dùng độc vận, như bài **Cảm ngộ** (số 1) của **Trần Tử Ngang**, hay bài **Độc du** (số 3) của **Vương Xương Linh**; những bài thơ, trong một đoạn dùng một vần, rồi đến đoạn khác lại đổi sang vần khác, bằng hay trắc, gọi là dùng hoán vận, như bài **Cảm ngộ** (số 2) của **Trương Cửu Linh**.

Thơ có thứ ngũ ngôn, có thứ thất ngôn, thứ nào cũng có đoạn thiên và trường thiên. Theo phép làm thơ cổ phong, thì thơ ngũ ngôn đoạn thiên phải điều nhiên mà khởi lên, nghĩa là khởi một cách sâu thẳm, và du nhiên mà dừng lại, nghĩa là dừng một cách nhanh chóng và không cần phải nối khởi với kết.

Ngũ ngôn trường thiên có bốn điều cốt yếu là phân đoạn 分段, quá mạch 過脈, hồi chiếu 迴照, tán thán 讚嘆. Trước hết phải chia làm mấy đoạn, mấy tiết, mỗi tiết có bao nhiêu câu, yếu lược đều đặn. Đoạn đầu phải thu

DUƠNG THI

hết cái ý cả thiên, đoạn kết phải chiếu ứng với đoạn khởi ở đầu. Thứ phải có những câu *quá cú* để làm huyết mạch, thường là hai câu, một câu ứng với trên, một câu tiếp với dưới. Hồi chiếu là đi một quãng lại quay đầu về đề mục, và trong những quãng ấy có lời tán thán để nghỉ ngơi cho khỏi xúc bách.

Thơ trường thiên tôi kỵ sự tạp loạn. Mỗi ý phải làm một đoạn và cách phô bày phải có thứ tự, khởi kết chỉnh tề, mới là hợp cách.

Khởi điệu của ngũ ngôn cổ thi phải bao quát được cái ý cả bài, như bài thơ *Tuế mộ viễn vì khách*, khởi rằng:

曉 燈 寒 無 光 ,
Hiếu đăng hàn vô quang,
驅 馬 別 親 故 .
Khu mã biệt thân cố.

Có mười chữ mà tả hết cái khổ phải từ biệt nhà mà đi xa, khi sắp hết năm.

Hay là như bài *Xuất môn*, khởi rằng:

飢 寒 逼 腐 儒 ,
Cơ hàn bức hủ nho,
顛 倒 作 奇 想
Điên đảo tác kỳ tưởng.

Hai câu ấy nói hết cái tình ý kẻ hàn sĩ phải đi xa, tìm cách sinh nhai.

Thơ quý ở một lời ngụ trăm tình mà trước sau có điều lý, như bài *Khương thôn* (số 23) của **Đỗ Phủ**. Bốn câu đầu nói cái mừng của người đi xa về đến nhà; tám câu sau

nói cái trạng thái bi hoan giao tập rất uyển chuyển chu chít.

Thơ thất ngôn cổ phong cần ở đoạn lạc phân minh và hoàn để rõ ràng. Bài thơ **Tống Khổng Sào Phủ qui du Giang đông kiêm trình Lý Bạch** (số 16) của **Đỗ Phủ** là bài làm đúng khuôn phép ấy

Số chữ trong câu thất ngôn cổ phong không nhất định, có bài khởi bằng câu ba chữ rồi đến câu bảy chữ, như bài **Vọng phu thạch** (số 20) của **Vương Kiến**. Có bài khởi bằng câu ba chữ, tiếp liền câu năm chữ rồi đến câu bảy chữ, như bài **Thu tứ** (số 10) của **Lý Thái bạch**. Có bài khởi bằng câu năm chữ rồi đến câu bảy chữ, như bài **Đáp Trương ngũ đệ Nhân** (số 4) của **Vương Duy** và bài **Tiết phụ ngâm** (số 22) của **Trương Tích**. Có bài phần nhiều trong những câu bảy chữ chen lẫn những câu năm, sáu chữ hay câu chín, mười chữ, như bài **Tương tiễn tửu** (số 5) của **Lý Thái bạch**.

Trong thơ thất ngôn cổ phong có lối lục ngôn thể, nghĩa là làm thơ mỗi câu sáu chữ. Lối thơ này cần phải từng chữ sát với sự thực, thanh điệu phải cho kêu, không nên dùng những chữ nhàn tản. Tiếng bằng trắc không chỉnh cũng không ngại, chỉ phải dùng những chữ thứ hai và thứ tư trong câu thơ cho đúng niêm, nghĩa là hai chữ ấy phải một chữ bằng, một chữ trắc. Bài lục ngôn **Vô đề** (số 19) của **Lưu Trường Khanh** làm đúng qui tắc ấy. Song có khi người ta làm lối tạp thể ấy chỉ vụ lấy xuôi nghĩa và hay mà thôi, không câu nệ bằng trắc.

Đại khái, thơ ngũ ngôn cổ phong thì dùng thuần câu

ĐƯỜNG THI

năm chữ, mà thơ thất ngôn cổ phong thì không có luật nhất định về số chữ trong câu thơ. Còn bài thơ ngắn hay dài, tức là đoản thiên hay trường thiên, đề tùy ý định và vần điệu của người làm thơ. Miễn là một bài từ bốn câu hay sáu câu trở đi, mà có vần, có âm điệu hay và có phương pháp rõ ràng là thành thơ.

A-NGŨ NGÔN CỔ

陳子昂

TRẦN TỬ NGANG

1. 感遇

CẢM NGỘ

蘭 若 自 春 夏 .

Lan nhựt tự xuân hạ,

芊 蔚 何 青 青 .

Thiên uất hà thanh thanh.

幽 獨 空 林 色 .

U độc không lâm sắc,

朱 蕤 冒 紫 莖 .

Chu nhụy mạo tử hành.

遲 遲 白 日 晚 .

Trì trì bạch nhật vãn,

嫋 嫋 秋 風 生 .

Niêu niêu thu phong sinh

歲 花 盡 搖 落 .

Tuế hoa tận dao lạc,

芳 意 竟 何 成 .

Phương ý cánh hà thành.

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH. – *Cảm ngộ* là nói sự cảm xúc về sự gặp gỡ – Lan nhuec là hai thứ cỏ đẹp ở trong rừng, đến mùa xuân mùa hạ thì tốt tươi, hoa đỏ cuống tím; đến mùa thu thì tàn.

Tác giả lấy hoa ấy tự ví mình, có ý nói muốn được dùng ở đời mà lo muộn quá. – Thơ cảm ngộ của tác giả có mười bài, bài này là bài đầu.

CẢM NGỘ

*Chòm lan khóm nhuec xinh thay,
Trải xuân qua hạ những ngày tốt xanh.
Rừng không hiu quạnh một mình.
Rủ hồng đỏ thắm trên nhành tím tươi.
Dần dà ngày bạc phôi phai,
Gió thu hiu hắt, một trời lạnh tanh.
Mùa hoa hết thấy điêu linh,
Thơ thơ rút lại có thành nỗi chu.*

張九齡

TRƯƠNG CỬU LINH

2. 感遇

CẢM NGỘ

孤鴻海上來，

Cô hồng hải thượng lai,

池潢不敢顧。

Trì hoàng bất cảm cố.

側見雙翠鳥，

Trác kiến song thủy điểu,

巢在三珠樹。

Sào tại tam châu thụ.

矯矯珍木巔，

Kiểu kiểu trân mộc diên,

得無金丸懼。

Đắc vô kim hoàn cụ.

美服患人指，

Mỹ phục hoạn nhân chỉ,

高明逼神惡。

Cao minh bức thần ố.

今我遊冥冥，

Kim ngã du minh minh,

弋者何所慕。

Dặc giả hà sở mộ.

蘭葉春葳蕤，

Lan diệp xuân uy nhuy,

桂花秋皎潔。

Quế hoa thu kiều khiết.

欣欣此生意，

Hân hân thử sinh ý,

ĐƯỜNG THI

自爾為佳節 .

Tự nhĩ vi giai tiết.

誰知林棲者 ,

Thùy tri lâm thê giả.

聞風坐相悅 .

Văn phong tọa tương duyệt.

草木有本心 ,

Thảo mộc hữu bản tâm.

何求美人折 .

Hà cầu mỹ nhân chiết.

幽人歸獨臥 ,

U nhân qui độc ngọa.

滯慮洗孤清 .

Trệ lự tẩy cô thanh.

持此謝高鳥 ,

Trì thử tạ cao diều.

因之傳遠情 .

Nhân chi truyền viễn tình.

日夕懷空意 ,

Nhật tịch hoài không ý.

人誰感至精 .

Nhân thùy cảm chí tinh.

飛沈理自隔 ,

Phi trầm lý tự cách.

何所慰吾誠 .

Hà sở ỷ ngô thành.

CHÚ THÍCH – *Châu thụ* là cây ngọc. Theo điển cũ nói ở ngoài biển rất xa, ở nước thần tiên có ba cây châu thụ. Đây nói chỗ tôn quý. – *Cao minh* bức thần ở là lấy ý trong kinh Dịch, mỗi quẻ có 6 hào hào thượng là hào cao tốt có cái địa vị rất nguy. – *Mỹ nhân* có nghĩa là vua chúa hay người hiền.

Tác giả làm Tế tướng đời vua Huyền tông, bị bọn Lý Lâm Phủ và Ngưu Tiên Khách đem pha lui về di ẩn. Ông làm bài Cảm ngộ này nói cái ý cảm nhớ cái cảnh ngộ, lấy con chim hồng mà tự ví mình, lấy hai chim thúy ví họ Lý và họ Ngưu.

Bài thơ này có ba đoạn. đoạn đầu mười câu tả cái thái độ chim hồng và chim thúy, đoạn thứ hai tám câu nói cái sinh thú của cây lan cây quế trong rừng, đoạn thứ ba tám câu nói lòng nhớ vua.

CẢM NGỘ

*Chiếc hồng ngoài bể bay về,
Những nơi ao vụng đám hề ngó trông.
Liếc dòm chim thúy vẫy vùng,
Trên ba châu thụ, ở cùng với nhau.
Ngất ngơ trên ngọn cây châu,
Chắc chi khỏi sợ đạn nào bắn tin.
Cao minh thần ý ghét ghen,
Sợ người chỉ trở vì khen tốt màu.
Ta nay mù mịt tiền dao,
Dù ai săn bắn làm sao tới gần.
Lá lan xanh mượt mùa xuân,
Sạch trong hoa quế vào tuần gió thu.
Thú vui sinh ý ngao du,
Tự mình thuận tiết theo mùa gió trắng.
Ai hay lan quế trong rừng,
Thoảng nghe tiếng gió, vui mừng đông yên.*

ĐƯỜNG THI

Bản tâm cây cỏ tự nhiên,
Cầu chi người quý mon men bề càn.
U nhân nằm lặng một mình,
Nặng lòng, những muốn thênh thênh mối sầu.
Chút chi ngổ vơi chim cao,
Xa đưa, cây cỏ bấy nhiêu nỗi lòng.
Ngày đêm tưởng nhớ luống công,
Ai đâu cảm biết tắc lòng chí tinh.
Bỗng chìm cách trở đã đành,
Sao cho an ủy tấm thành của ta.

王昌齡

VƯƠNG XƯƠNG LINH

3. 獨遊

ĐỘC DU

林臥情自閒，
Lâm ngoạ tình tự nhàn,
獨遊景常晏。
Độc du cảnh thường án.
時從霸陵下，
Thời tòng Bá lăng há,
隨釣往南澗。
Tùy điếu vãng Nam gián.
手攜雙鯉魚。
Thủ攜 song lý ngư.

Thủ huê song lý ngư,

目 送 千 里 雁 .

Mục tống thiên lý nhạn.

悟 彼 飛 有 適 ,

Ngộ bĩ phi hữu thích,

知 此 罹 憂 患 .

Tri thử li ưu hoạn.

放 此 清 冷 泉 ,

Phóng thử thanh lãnh tuyền,

因 得 省 疏 慢 .

Nhân đắc tỉnh sơ mạn.

永 懷 青 岑 客 ,

Vĩnh hoài thanh sâm khách,

迴 首 白 雲 間 .

Hồi thủ bạch vân gian.

超 然 物 無 違 ,

Siêu nhiên vật vô vi,

豈 繫 名 與 宦 .

Khởi hệ danh dữ hoạn.

CHÚ THÍCH. - Tác giả tả chỗ ở của người đi ẩn, lấy chim cá mà nói cái ý không nên làm những việc kinh nhon. Phàm việc kinh nhon là ở chỗ đô thị, chỗ chỗ nước chảy non cao, thì công danh sĩ hoạn nào buộc được lòng mình

ĐI CHƠI MỘT MÌNH

Lâm cư riêng thú thanh thời,

Cảnh thường êm lặng, dạo chơi một mình.

ĐƯỜNG THI

Bá lũng khi xuống khuấy tình,
Khi câu Nam giản bên ghềnh cũng vui.
Lý ngư tay xách một đôi,
Mắt trông chim nhạn bay hoài trên không.
Chim kia sung sướng vẫy vùng,
Cá này mắc nạn hải hùng lo âu.
Suối trong thả xuống dòng sâu,
Nhân đà tỉnh ngộ, đề sau khinh nhàn.
Tránh lòng nhớ khách thanh sơn,
Khoảnh không mây trắng, chấp chờn nhìn quanh.
Siêu nhiên cùng vật thuận tình,
Bỏ chi danh hoạn, buộc mình vào trong.

4. 同從弟南齊翫月憶山陰崔少府
ĐỒNG TÔNG ĐỆ NAM TRAI NGOẠN
NGUYỆT, ỨC SƠN ÂM THÔI THIẾU PHỦ

高臥南齊時，
Cao ngọa Nam trai thì,
開帷月初吐。
Khai duy nguyệt sơ thổ,
清輝淡水木，
Thanh huy đạm thủy mộc,
演漾在窗戶。
Diễn dạng tại song hộ,
苒苒幾盈虛，
Nhiễm nhiễm kỷ dinh hư,
澄澄變金古。

Trùng trùng biến kim cổ,
美人清江畔,
Mỹ nhân thanh giang bên,
是夜越吟苦.
Thị dạ việt ngâm khổ,
千里其如何,
Thiên lý kỳ như hà,
微風吹蘭杜
Vi phong xuy lan đồ.

CHÚ THÍCH. - Thanh huy là vẻ sáng trong của mặt trăng - Nhiễm nhiễm là nói cái dáng êm đêm nhẹ nhàng - Trùng trùng là nói về nước trong dưng lảng - Lan đồ là cây lan cây đồ, những thứ cỏ có hoa thơm.

CÙNG VỚI EM HỌ Ở NAM TRAI
XEM TRĂNG NHỚ THÔI THIẾU PHỦ

Trong khi nằm ở Nam trai,
Mở màn trông thấy chân trời trắng lên,
Nước cây dạt về bóng quỳên,
Chập chờn lấp lánh ở bên cửa ngòi.
Êm đêm mấy lượt đầy vơi,
Lặng soi biến đổi cuộc đời xưa nay,
Thanh giang bờ bến ấy ai,
Khúc ngâm đêm ấy dễ hay được nào,
Xu xôi ngàn dặm làm sao,
Gió bay hiu hắt thổi vào đồ lan.

5. 塞下曲

TÁI HẠ KHÚC

飲馬渡秋水，

Ám mã độ thu thủy,

水寒風似刀。

Thủy hàn phong tựa dao.

平沙日未沒，

Bình sa nhật vị mọt,

黯黯見臨洮。

Ám ám kiến Lâm thao.

昔日長城戰，

Tích nhật Trường thành chiến,

咸言意氣高。

Hàm ngôn ý khí cao.

黃塵足金古，

Hoàng trần túc kim cổ,

白骨亂蓬蒿。

Bạch cốt loạn bông hao.

CHÚ THÍCH. – Lâm thao là tên một huyện, thuộc tỉnh Cam túc – Hoàng trần là bụi vàng thường có ở phía Bắc nước Tàu – Bông hao là cỏ bông và cỏ thanh hao, thứ cỏ mọc ở vùng nước hay trên đồi núi.

KHÚC HÁT DƯỚI CỬA ẢI

Cho ngựa uống nước thu ở bến,

Nước lạnh lòng, gió bén như dao,

Mặt bằng bãi cát, bóng chiều,

Nẻo xa trông thấy Lâm thao mập mờ,

Trận Trường thành phát cờ ngày nọ,
Ý khí cao, đâu có nhường ai.
Bụi hoàng trần, đủ lưa này,
Xương khô lẫn với cỏ cây đã nhiều.

-- 孟浩然

MẠNH HẠO NHIÊN

6. 秋登蘭山寄張五

THU ĐĂNG LAN SƠN KÝ TRƯƠNG NGŨ

北山白雲裏，

Bắc sơn bạch vân lý,

隱者自怡悅。

Ẩn giả tự di duyệt,

相望試登高，

Tương vọng thí đăng cao,

心隨雁飛滅。

Tâm tùy nhạn phi diệt,

愁因薄暮起，

Sầu nhân bạc mộ khởi,

興是清秋發。

Hưng thị thanh thu phiết,

時見歸村人，

Thời kiến qui thôn nhân,

ĐƯỜNG THI

沙 行 渡 頭 歌 .
Sa hành độ đầu yết,
天 邊 樹 若 薺 .
Thiên biên thụ nhưc tì,
江 畔 洲 如 月 .
Giang bặt châu như nguyệt,
何 當 載 酒 來 ,
Hà đương tải tửu lai,
共 隨 重 陽 節 .
Cộng tùy trùng dương tiết.

CHÚ THÍCH. – Lan sơn ở thạch môn sơn, phía nam huyện Khánh phủ, tỉnh Tú Xuyên. Tương truyền ở đó có nhiều cây lan, cho nên mới gọi là Lan sơn – Trùng dương là ngày mồng chín tháng chín. Vì số chín là số dương, hai số chín là hai số dương nên gọi là trùng dương. Tục đời xưa đến ngày ấy người ta thường hoa cúc uống rượu.

MÙA THU LÊN LAN SƠN GỬI CHO TRƯỞNG NGŨ

*Trong mây trắng mập mờ núi bắc,
Người ẩn cư tự khắc mừng vui.
Lên cao cất bước thử coi,
Tấm lòng theo nhận tuyết vời xa bay.
Nỗi buồn bã, tối ngày mới thấy,
Tiết thanh thu mới nẩy tứ hay,
Người về thôn ổ đó đây,
Đi qua bãi cát, nghỉ ngoài bến kia.
Cây trông xa xanh rì một loạt,
Bãi sông kia trắng toát trắng soi,*

Sao không mang rượu cùng xài,
Cùng nhau say túy trong ngày trùng dương.

7. 夏日南亭懷辛大

HẠ NHẬT NAM ĐÌNH HOÀI TÂN ĐẠI

山 光 忽 西 落 ,

Sơn quang hốt tây lạc,

池 月 漸 東 上 .

Trì nguyệt tiệm đông thượng.

散 髮 乘 夕 涼 ,

Tán phát thừa tịch lương,

開 軒 臥 閑 敞 .

Khai hiên ngọa nhàn sàng.

荷 風 送 香 氣 ,

Hà phong tống hương khí,

竹 露 滴 清 響 .

Trúc lộ trích thanh hưởng.

欲 取 鳴 琴 彈 ,

Dục thủ minh cầm đàn,

恨 無 知 音 賞 .

Hận vô tri âm thưởng.

感 此 懷 故 人 ,

Cảm thử hoài cố nhân,

中 宵 勞 夢 想 .

Trung tiêu lao mộng tưởng.

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH – Tả cảnh đêm mùa hạ và tình nhớ bạn

NGÀY MÙA HẠ Ở NAM ĐÌNH NHỚ BẠN TÂN ĐẠI

*Bóng dâu bông xế non đồi
Phía đông trăng mọc phía ngoài hồ kia.
Xõa dâu hóng mát đêm khuya.
Cửa hiên mở rộng, sân hè nằm chơi.
Gió sen thơm ngát đưa hơi,
Cành tre thánh thót sương rơi giọt thăm.
Giải buồn muốn gảy đàn cầm,
Ngâm ngùi nổi thấy tri âm vắng người.
Trạnh lòng nhớ bạn xa xôi,
Nửa đêm vật vã bồi hồi chiêm bao.*

8 宿業師山房待丁大不至 TÚC NGHIỆP SƯ SƠN PHÒNG ĐÀI ĐÌNH ĐẠI BẤT CHÍ

夕陽度西嶺，
Tịch dương độ tây lĩnh,
群壑倏已暝。
Quần hác thúc dĩ minh.
松月生夜涼，
Tùng nguyệt sinh dạ lương,
風泉滿清聽。
Phong tuyến mãn thanh thính.

樵人歸欲盡，
Tiểu nhân qui dục tận,
煙鳥棲初定。
Yên diều thê sơ định.
之子期宿來，
Chi tử kỳ túc lai.
孤琴候蘿逕。
Cô cầm hậu la kính.

CHÚ THÍCH – *Nghiep sư là thầy dạy mình học.*

ĐÊM NGỦ Ở SƠN PHÒNG CỦA NGHIỆP SƯ
ĐỢI ĐÌNH ĐẠI KHÔNG ĐẾN

*Chiều hôm qua tây lĩnh,
Hàng hồ tối không rõ.
Trăng cây đêm lạnh lùng,
Suối gió tiếng nghe tỏ.
Tiểu phu về gần hết,
Chim sương đậu đầu đó.
Người kìa hẹn đến đêm,
Ôm cầm đợi đường cỏ.*

王維

VƯƠNG DUY

9. 淇上送趙仙舟

Kừ THUỜNG TỔNG TRIỆU TIÊN CHU

相逢方一笑，
Tương phùng phượng nhất tiếu,
相送還成泣。
Tương tống hoàn thành khấp.
祖帳已傷離，
Tổ trường dĩ thương ly.
荒城復愁入。
Hoang thành phục sầu nhập.
天寒遠山淨，
Thiên hàn viễn sơn tịnh,
日暮長河急。
Nhật mộ trường hà cấp.
解纜君已遙，
Giải lãn quân dĩ dêu.
望君猶佇立。
Vọng quân do trừ lập.

CHÚ THÍCH — Tổ trường là chỗ tạm dừng khi sắp lên đường đi xa, rồi đặt tiệc tiễn biệt ở trong màn tế ấy. Vây tổ trường đồng nghĩa với chủ cao đình là nơi tiễn biệt.

TRÊN SÔNG KỲ TIỀN TRIỆU TIÊN CHU

Gặp nhau vừa mới cười xòa,
Đưa nhau thoát đã lệ sa đầm đề.
Cao đình thương nỗi biệt ly,
Lại buồn thui thui trở về thành hoang.
Xa xa trời lạnh mùi quang,
Nước sông tối đến chảy càng xiết mau.
Nhỏ sào thuyền đã đi lâu,
Vẫn còn đứng sông trông nhau thân thờ.

10. 送別

TỔNG BIỆT

下馬飲君酒 ,
Hạ mã ẩm quân tưu,
問君何所之 .
Vấn quân hà sở chi.
君言不得意 ,
Quân ngôn bất đắc ý,
歸臥南山陲 .
Qui ngọa Nam sơn thùy.
但去莫復問 ,
Đản khứ mạc phục vấn,
白雲無盡時 .
Bạch vân vô tận thì.

CHÚ THÍCH. — Nam sơn tức là Chung nam sơn, thuộc dãy núi Tần Lĩnh ở chỗ cao đến ba bốn ngàn thước tây. Núi Nam sơn này ở phía nam thành Trường an, cách độ 50 dặm

ĐUỜNG THI

Bài thơ này khi phách như bài thơ thất ngôn tuyệt cú của Lý Bạch *Sơn trung vấn đáp*, số 21, mục Thất ngôn tuyệt cú.

TIỀN BIỆT

*Xướng yên uống rượu cùng anh,
Hỏi anh sắp sửa cất mình đi dân,
Rằng ta chán chuyện mưu cầu,
Định về nằm ở mé dẫu Nam sơn.
Di dây dừng có hỏi han,
Mây kia trắng xóa chẳng tan bao giờ.*

11. 過李揖宅

QUÁ LÝ TIẾP TRẠCH

閒門秋草色，
Nhàn môn thu thảo sắc,
終日無車馬。
Chung nhật vô xa mã.
客來深巷中，
Khách lai thâm hạp trung.
犬吠寒林下。
Khuyển phệ hàn lâm hạ.
散髮時未簪。
Tán phát thời vị trâm,
道書行上把。
Đạo thư hành thượng bả.
與我同心人。
Dữ ngã đồng tâm nhân,

樂 遁 安 貧 者 .

Lạc đạo an bần giả.

一 罷 宜 城 酌 ,

Nhất bãi Nghi thành chúc,

還 歸 洛 陽 社 .

Hoàn qui Lạc dương xã.

CHÚ THÍCH. - *Nghi thành* là tên một huyện đời xưa có tiếng nấu rượu ngon. - *Lạc dương xã* là Bạch xã ở ngoài thành Lạc dương, chỗ Đồng Uy Liễn đời Tấn ẩn ở đây Vương Duy tu đạo Phật, nên mới ví mình như Uy Liễn.

Bốn câu đầu tả chỗ ở của Lý Tiếp, bốn câu sau tả cái ý thú của họ Lý là người thần suất, không câu nệ, hai câu cuối nói gặp bạn uống qua loa một tuần rượu, không say mà tình rất nồng.

QUA NHÀ LÝ TIẾP

Cửa nhàn cỏ dạm màu thu,

Suốt ngày xe ngựa mịt mù vắng tanh.

Khách theo ngõ hẻm đi quanh,

Tiếng muông sữa dưới rừng xanh lạnh lùng.

Thấy người xõa tóc ra trông,

Đạo thư một quyển vẫn trong tay cầm.

Cùng ta là bạn đồng tâm,

An bần lạc đạo, chẳng lăm le gì.

Nghi hành rượu ngọt chén kề,

Một tuần thù tạc, ta về Lạc dương.

12. 西施詠

TÂY THI VỊNH

艷色千下重，

Diễm sắc thiên hạ trọng,

西施寧久微。

Tây Thi nình cửu vi.

朝為越谿女，

Triêu vi Việt Khê nữ,

暮作吳宮妃。

Mộ tác Ngô cung phi.

賤日起殊眾，

Tiện nhật khởi thù chúng,

貴來方悟稀。

Quý lai phương ngộ hi.

邀人傳香粉，

Yêu nhân phụ hương phấn,

不自著羅衣。

Bất tự trước la y.

君寵益嬌態，

Quân sủng ích kiều thái.

君憐無是非。

Quân liên vô thị phi.

當時浣紗伴，

Đương thời cán sa bạn,

莫得同車歸。

Mạc đắc đồng xa qui.

持 謝 鄰 家 子 ,

Tri tạ lân gia tử,

效 顰 安 可 希 .

Hiệu�� an khả hi.

CHÚ THÍCH. – *Tây Thi* là một người đàn bà đẹp tuyệt trần ở nước Việt, đời Xuân thu bên Tàu, vua Câu Tiễn đem dâng vua Phù Sai nước Ngô, được phong làm vương phi. Khi còn hàn vi thì Tây Thi chỉ là người con gái giặt lụa, đến khi làm vương phi nước Ngô nổi tiếng là người đẹp nhất trong thiên hạ, nhất là khi nàng nhận máy lai thi có cái đẹp không ai bằng.

VỊNH NÀNG TÂY THI

Dưới trời sắc đẹp quý thay,

Tây Thi dâu chịu lâu ngày hàn vi.

Sớm làm gái Việt trong khe,

Chiều dà chính vị Ngô phi lâu dài.

Ngày bàn tiện, khác chi ai,

Sang rồi mới biết sắc tài ai đương.

Gọi người hầu hạ phần hương,

Áo là có kẻ sẵn sàng điểm trang.

Vua yêu thêm vẻ dịu dàng,

Vua thương, có quản chi đường thị phi.

Khi xưa gái giặt bận bề,

Ai dâu được dự cùng xe mà về.

Nhắn lời bạn gái cùng quê,

Đừng mong bất chước cau mi nhắn mày.

13. 青谿

THANH KHÊ

言入黃花川，
Ngôn nhập Hoàng hoa xuyên,
每逐青谿水。
Mỗi trục thanh Khê thủy.
隨山將萬轉，
Tùy sơn tương vạn chuyển,
趣途無百里。
Thú đồ vô bách lý.
聲喧亂石中。
Thanh huyền loạn thạch trung.
色靜深松裏。
Sắc tĩnh thâm thâm tùng lý.
漾漾汎菱荇。
Dạng dạng phiếm lăng hạnh.
澄澄映葭葦。
Trừng trừng ánh gia vĩ.
我心素已閒，
Ngã tâm tố dĩ nhàn,
清川澹如此。
Thanh xuyên đạm như thử.
請留盤石上，
Thỉnh lưu bàn thạch thượng.
垂釣將已矣。
Thùy diếu tương dĩ hỹ.

CHÚ THÍCH - Thanh Khê là một cái khe chảy vào sông Hoàng xuyên
- Dạng dạng là nổi dâng nước chảy sóng sánh - Lãng là thứ củ ấu có hai
canh, hạnh là thứ củ mọc ở dưới nước. - Gia vĩ là cây lau non và cây lau
già. Cây lau mới mọc lên gọi là gia, cây lau chưa có hoa gọi là vĩ, cây lau
đã già gọi là vĩ.

THANH KHÊ

Núi vào suối Hoàng hoa len lỏi,
Độc Thanh Khê một lối đến cùng.
Quanh co theo núi trập trùng,
Độ chừng trăm dặm một vùng tươi xanh.
Tiếng huyên náo nước quanh đá chảy,
Dưới bóng tùng hết thấy lặng im.
Chồng chênh rau cỏ êm đêm,
Sậy lau ánh nước bóng chìm miên man.
Lòng tu vẫn ưa nhàn đã sẵn,
Thấy thanh xuyên lặng hẳn thế kia.
Ngồi trên bàn thạch bên khe,
Buông câu như cá có gì là hơn.

14. 渭川田家

VỊ XUYÊN ĐIÊN GIA

斜陽照墟落，
Tà dương chiếu khu lạc,
窮巷牛羊歸。
Cùng hạng ngưi dương qui.
野老念牧童，
Dã lão niệm mục đồng,

ĐƯỜNG THI

倚杖候荆扉。

Ỡ trượng hậu kinh phi.

雉雉麥苗秀，

Trĩ cầu mạch miêu tú,

蠶眠桑葉稀。

Tằm miên tang diệp hi.

田夫荷鋤至，

Điền phu hạ xừ chí,

相語見依依。

Tương kiến ngữ y y.

即此羨閒逸，

Tức thử tiền nhàn dật,

悵然吟式微。

Trưởng nhiên ngâm thức vi.

CHÚ THÍCH. – Trĩ cầu là tiếng chim trĩ kêu. – Thức vi là tên một khúc hát thời xưa.

NHÀ LÀM RUỘNG Ở VỊ XUYỀN

Bóng tà chiếu xuống hương thôn,

Trâu dê ngõ hẻm đã dồn về xong.

Ông già mong đợi mục đồng,

Cửa sài chống gậy đứng trông ở ngoài.

Trĩ kêu, ngọn lúa tới tươi,

Tằm đà yên ngủ, dâu còi lá thưa.

Điền phu vác cuốc chân đưa,

Thấy nhau trò chuyện cũng như ngày thường.

*Đó là nhàn dật rõ ràng,
Thần thơ hát khúc dịu dàng thức vì.*

崔顥

THÔI HẠO

15. 入若耶溪

NHẬP NHƯỚC DA KHÊ

輕舟去何疾，

Khinh chu khứ hà tật,

已到雲林境。

Dĩ đáo vân lâm cảnh,

起坐雲鳥間，

Khởi tọa vân diều gian,

動搖山水影。

Động dao sơn thủy ảnh,

巖中響自答，

Nham trung hưởng tự đáp,

谿裏言彌靜。

Khê lý ngôn di tĩnh.

事事令人幽，

Sự sự linh nhân u,

停撓向餘景。

Đình nhiều hướng dư cảnh.

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH. – *Nhược da khe* là một danh thắng ở vào quãng 28 lí phía đông huyện Cối khe, thuộc tỉnh Chiết giang.

VÀO KHE NHƯỢC DA

*Con thuyền nhẹ nhẹ đi mau,
Thoắt đâu đã tới nẻo đâu rừng cây.
Đứng ngồi giữa đám chim mây,
Nước non lóng lánh, bóng lay mặt ghềnh.
Trong harg dội lại truyền thanh,
Giữa khe, tiếng nói nghe hình lặng thính.
Cảnh chi cũng gợi u tình,
Dừng chèo mền cảnh khôn đành bỏ đi.*

李白

LÝ BẠCH

16. 春日獨酌

XUÂN NHẬT ĐỘC CHƯỚC

春風扇淑氣，

Xuân phong phiến thực khí,

水木榮春暉。

Thủy mộc vinh xuân huy.

白日照綠草，

Bạch nhật chiếu lục thảo,

落花散可飛。

Lạc hoa tán thả phi.

孤雲還空山，

Có vân hoàn không sơn,

眾鳥各已歸。

Chúng diều các dĩ qui.

彼物皆有託，

Bỉ vật giai hữu thác,

吾生獨無依。

Ngô sinh độc vô y.

對此石上月，

Đối thử thạch thượng nguyệt,

長醉歌芳菲。

Trường túy ca phương phi.

CHÚ THÍCH. - Tác giả cảm cái cảnh xuân mà buồn về nỗi mình phải phiêu đảng.

NGÀY XUÂN UỐNG RƯỢU MỘT MÌNH

Gió đông thổi khí huyền hòa,

Nước cây tươi đẹp, đậm đà nắng xuân.

Màu dương sắc cỏ đượm nhuận,

Hoa tàn cành rữa rụng dần bay tung.

Đám mây về núi thung dung,

Chim bay về tổ, đều cùng thảnh thơi.

Vật kia y thác có nơi,

Thân ta riêng chịu cái đời lẻ loi.

Ngắm trăng trên đá bồi hồi,

Rượu rồi say tí, hát bài phương phi.

17. 春日醉起言志

XUÂN NHẬT TÚY KHỞI NGÔN CHÍ

處世若大夢，

Xử thế nh ược đại mộng,

胡為勞其生。

Hồ vì lao kỳ sinh.

所以終日醉，

Sở dĩ chung nhật túy,

頽然臥前楹。

Đồi nhiên ngọa tiền doanh,

覺來盼庭前，

Giác lai phán đình tiền.

一鳥花間鳴。

Nhất điểu hoa gian minh.

借問此何日，

Tá vấn thử hà nhật,

春風語流鶯。

Xuân phong ngữ lưu oanh.

感之欲歎息，

Cảm chi dục than tức,

對之還自傾。

Đối chi hoàn tự khuynh.

浩歌待明月，

Hạo ca đãi minh nguyệt,

曲盡已忘情。

Khúc tận dĩ vong tình.

CHÚ THÍCH - Oanh là loài chim hay hót, thường ở trong bụi rậm, hình lông lốm đốm và nhỏ hơn chim hoàng anh. Chim hoàng anh cũng là loài chim hót nhưng có lông vàng mờ mờ, có tên là hoàng diều hay là hoàng.

Tác giả cho cuộc đời như một giấc chiêm bao. Lời thanh dật phát ra ở câu văn

NGÀY XUÂN SAY DẬY NÓI CHÍ CỦA MÌNH

Ở đời tựa giấc chiêm bao,
Làm chi mà phải lao đao nhọc mình.
Suốt ngày mượn chén khuây tình,
Say rồi nghiêng ngả bên màn hàng ba (1).
Tỉnh ra trông mẹ trước nhà,
Một con chim hót trong hoa ngọt ngào.
Hồi xem ngày ấy ngày nào,
Chim oanh riu rít đón chào gió đông.
Thả than cảm xúc nổi lòng,
Chúc thêm ít chén say cùng cảnh vui.
Hát ngao chờ bóng trăng soi,
Ca vịnh dật khúc đã nguôi mối tình.

(1) Ở miền Nam gọi mái hiên là hàng ba.

18. 月下獨酌

NGUYỆT HẠ ĐỘC CHƯỚC

花間一壺酒 .

Hoa gian nhất hồ tửu,

獨酌無相親 .

Độc chước vô tương thân.

ĐƯỜNG THI

舉杯邀明月，
Cử bôi yêu minh nguyệt,
對影成三人。
Đối ảnh thành tam nhân.
月既不解飲，
Nguyệt ký bất giải ẩm,
影徒隨我身。
Ảnh đồ tùy ngã thân
暫伴月將影，
Tạm bạn nguyệt tương ảnh,
行樂須及春。
Hành lạc tu cập xuân.
我歌月徘徊，
Ngã ca nguyệt bối hồi,
我舞影零亂。
Ngã vũ ảnh linh loạn.
醒時同交歡，
Tỉnh thời đồng giao hoan,
醉後各分散。
Túy hậu các phân tán.
永結無情遊，
Vĩnh kết vô tình du,
相期邈雲漢。
Tương kỳ mạt vân hán.

CHÚ THÍCH. - Vĩnh cái cảnh một mình ngồi uống rượu với trăng và bóng, lời thơ giản dị mà ý cao.

MỘT MÌNH UỐNG RƯỢU DƯỚI TRĂNG

Trong hoa rượu ngọt một bầu,
Một mình chuốc chén có đâu bạn bè,
Mời trăng cất chén kè nhè,
Thân ta, bóng ấy, trăng kia, ba người.
Trăng thì tiếp rượu không nguôi,
Bóng ta theo mãi không rời thân ta.
Bạn cùng trăng bóng vẫn vơi,
Vui chơi khuấy khỏa để chờ ngày xuân.
Ta ca trăng cũng bắn khoăn,
Khi ta nháy múa, bóng lẫn lộn hoài.
Cùng nhau khi tỉnh vui cười,
Say rồi nghiêng ngả, mọi nơi rạc rời.
Vô tình giao kết chơi bời,
Hẹn nhau ở chỗ xa khơi cõi trời.

19. 春思

XUÂN TƯ

燕 草 如 碧 絲 .
Yên thảo như bích ti,
秦 桑 低 綠 枝 .
Tân tang đề lục chi.
當 君 懷 歸 日
Đương quân hoài qui nhật,
是 妾 斷 腸 時 .
Thị thiếp đoạn trường thì.

DUỜNG THI

春風不相識

Xuân phong bất tương thức,

何事入羅幃。

Hà sự nhập la vi.

CHÚ THÍCH. - Lời người vợ một người chiến sĩ đi thú ở xa. Khi chồng trông thấy cỏ xanh ở đất Yên, thì vợ trông thấy cánh dâu tốt ở đất Tần, tức là nói mỗi người một nơi nhớ nhau.

XUÂN TỬ

Cỏ Yên đường sợi tơ xanh,

Dâu Tần cũng nảy những cành le te,

Đương khi chàng muốn về quê,

Chính là khi thiếp đau tê tằm lòng.

Giỏ xuân dâu có quen cùng,

Cớ chi lại cứ vào trong màn là.

20. 下終南山過斛斯山人宿，置酒
HÁ CHUNG NAM SƠN QUÁ HỘC TỬ SƠN

NHÂN TÚC, TRÍ TỬU

暮從碧山下，

Mộ tông bích sơn há.

山月隨人歸。

Sơn nguyệt tùy nhân qui.

卻顧所來徑，

Khước cố sở lai kính,

蒼蒼橫翠微。

Thương thương hoành thủy vi.

相 攜 及 田 家 ,
Tương huê cập điền gia,
 童 雉 開 荆 扉 .
Đồng trĩ khai kinh phi.
 綠 竹 入 幽 徑 ,
Lục trúc nhập u kinh,
 青 蘿 拂 行 衣 .
Thanh la phất hành y.
 歎 言 得 所 憩
Hoan ngôn đắc sở khế,
 美 酒 聊 共 揮 .
Mỹ tửu liêu cộng huy.
 長 歌 吟 松 風 ,
Trường ca ngâm tùng phong,
 曲 盡 河 星 稀 .
Khúc tận hà tinh hi.
 我 醉 君 復 樂 ,
Ngà túy quân phục lạc,
 陶 然 共 忘 機 .
Đào nhiên cộng vong ky.

CHÚ THÍCH - *Thủy vi* là màu xanh của núi trông ở đằng xa. Có khi dùng tiếng thủy vi để nói núi. - *Vong ky* cũng như *tức ky* là phép tu tiên, bỏ hết các sự cơ xảo của phàm tục. trong lòng thần nhiên không vướng víu gì cả

ĐƯỜNG THI

Ở NÚI CHUNG NAM XUỐNG, NGỦ Ở NHÀ SƠN NHÂN HỌ HỌC TỬ, CÓ ĐẶT RƯỢU

*Non xanh chiều tối xuống mau,
Theo người, trắng núi trước sau cùng về.
Ngoảnh đầu trông lại đường đi,
Chấn ngang một bức xanh rì xa xa.
Cùng nhau về đến điền gia,
Tiểu đồng mở cửa bước ra dừng chờ.
Đường vào bóng trúc dệp mờ.
Cỏ xanh lướt áo cạnh bờ lời thôi.
Vui mừng được chỗ nghỉ ngơi,
Rượu ngon lại dọn cùng mời uống say.
Ngâm nga từng gió điệu hay,
Hát xong một khúc, sao mây thưa rồi.
Ta say anh lại càng vui,
Dây dây vui sướng, việc đời bỏ quên.*

21. 子夜秋歌

TỬ DẠ THU CA

長安一片月，
Trường an nhất phiến nguyệt,
萬戶搗衣聲。
Vạn hộ đảo y thanh.
秋風吹不盡，
Thu phong xuy bất tận,
總是玉關情。
Tổng thị Ngọc quan tình.

何 日 平 胡 虜 ,
Hà nhật bình Hồ lỗ,
良 人 罷 遠 征 .
Lương nhân bãi viễn chinh.

CHÚ THÍCH. – *Tử Da ca* là một khúc hát đời Tấn. Đời ấy có người con gái tên là *Tử Da* đặt ra bài hát ấy, giọng nghe rất sâu thẳm. – *Ngọc quan* tức là *Ngọc môn quan*, một cửa ải ở phía tây bắc nước Tàu, thuộc địa hạt tỉnh Cam túc. – *Lương nhân* tiếng người vợ gọi chồng, cũng như tiếng lang quân.

BÀI HÁT MÙA THU CỦA TỬ DA

*Trông an trăng một mảnh,
Đập áo muốn cửa ải.
Gió thu thổi không dứt,
Ngọc quan một mối tình.
Ngày nào giấc Hồ đẹp,
Lương nhân khỏi viễn chinh.*

杜甫
ĐỖ PHỦ

23. 羌村

KHƯƠNG THÔN

崢 嶸 赤 雲 西
Tranh vân xích vân tây,

ĐƯỜNG THI

日 腳 下 平 地 .

Nhật cước hạ hình địa.

柴 門 鳥 雀 噪 .

Sài môn điểu tước táo.

歸 客 千 里 至 .

Qui khách thiên lý chí.

妻 拏 怪 我 在 .

Thê noa quái ngã tại.

驚 定 還 拭 淚 .

Kinh định hoàn th拭 lệ.

世 亂 遭 飄 蕩 .

Thế loạn tao phiêu dăng.

生 還 偶 然 遂 .

Sinh hoàn ngẫu nhiên tuy.

鄰 人 滿 牆 頭 .

Lân nhân mãn tường đầu.

感 歎 亦 嗟 唏 .

Cảm thán diệc hū hí.

夜 闌 更 秉 燭 .

Đạ lan cánh bình chúc.

相 對 如 夢 寐 .

Tương đối như mộng my.

CHU THỊCH. - Khương thôn ở huyện Lạc giao, Đỗ Tử mỹ có nhà ở đó. Phải chi có loạn An lộc sơn, ông bị giặc bắt gần hai năm mới trốn về được. vua Túc tông cho làm chức Tả Thập di, nhưng vì ở nhà vợ con đói khổ, vua cho về thăm nhà, mới làm ba bài thơ đề là Khương thôn. Bài này là bài đầu.

KHƯƠNG THÔN

Mé tây mây dờ bằng bằng,
Văng hồng ngả tới đất bằng buông chân.
Cửa sài chim chóc kêu rân,
Dặm nghìn, khách đã trở chân lại nhà.
Vợ con dâu tưởng còn ta,
Hết cơn kinh ngạc, khóc òa lệ rơi.
Loạn ly phải lúc chia phôi,
Sống về, may được thỏa nơi tắc lòng.
Đầy tường hàng xóm đứng trông,
Thở than đường cũng nào nùng xót thương.
Đêm khuya đốt ngọn đèn suông,
Nhìn nhau mà tưởng như dương mơ màng.

24. 佳人

GIÀI NHÂN

絕代有佳人 ,
Tuyệt đại hữu giai nhân,
幽居在空谷 .
U cư tại không cốc.
自云良家子 ,
Tự vân lương gia tử,
零落依草木 .
Linh lạc y thảo mộc.
關中昔喪亂 ,
Quan trung tích táng loạn,

ĐUƠNG THI

兄 弟 遭 殺 戮 .

Huynh đệ tao sát lục.

官 高 何 足 論 ,

Quan cao hà túc luận,

不 得 收 骨 肉 .

Bất đắc thu cốt nhục.

世 情 惡 衰 歇 ,

Thế tình ố suy yết,

萬 事 隨 轉 燭 .

Vạn sự tùy chuyển chúc.

夫 婿 輕 薄 兒 ,

Phu tế khinh bạc nhi,

新 人 美 如 玉 .

Tân nhân mỹ như ngọc.

合 昏 尚 知 時 ,

Hợp hôn thượng tri thì,

鴛 鴦 不 獨 宿 .

Uyên ương bất độc túc.

但 見 新 人 笑 ,

Đãn kiến tân nhân tiếu,

那 聞 舊 人 哭 .

Na văn cựu nhân khóc.

在 山 泉 水 清 ,

Tại sơn tuyền thủy thanh,

出 山 泉 水 濁 .

Xuất sơn tuyền thủy trọc.

侍婢賣珠回，

Thị tì mại châu hồi,

牽蘿補茅屋。

Khiên la bổ mao ốc.

摘花不插髻，

Trích hoa bất sấp mấn,

採柏動盈掬。

Thái bách động盈 cức.

天寒翠袖薄，

Thiên hàn thúy tុ bạc,

日暮倚修竹。

Nhật mộ ỷ tu trúc.

CHÚ THÍCH. – Hợp hôn tức là cây dạ hợp, hoa nó cứ đến đêm là thơm. Tác giả tả cái cảnh một người đẹp, sa cơ lạc loài ở chỗ cỏ cây, chồng bỏ, ở một mình với đứa thị tì, có gì bán để độ nhật. Thân thể người đẹp ấy có phải là thân thể của tác giả không? Người ta nói Tử mỹ đặt ra chuyện ấy để tự ví mình.

NGƯỜI ĐẸP

Một trang quốc sắc tuyệt đời,

Nấu thân hiu quạnh ở nơi hang cùng.

Kể rằng con cái nhà tông,

Sa cơ phải lạc loài cùng cỏ cây.

Quan trung loạn lạc những ngày,

Anh em bị hại bởi tay hung tàn.

Kể chi hiển trật cao quan,

Thảm thay đến nỗi xương tàn không thu.

ĐƯỜNG THI

Tình đời suy có ai phù,
Việc đời chỉ khác đèn cù xoay quanh.
Lang quân cũng thói bạc tình,
Coi người mới đẹp như hình tiên sa.
Biết thời kia dụ hợp hoa,
Cặp uyên ương nợ thường là ngủ đôi.
Chỉ trông người mới vui cười,
Nghe đau tiếng khóc của ai cô phòng.
Suối còn trong núi suối trong,
Suối ra khỏi núi, suối trông đục ngầu.
Sai thì đi bán hạt châu,
Lều tranh rách nát phải khâu dây lòi.
Ngắt hoa mái tóc không cài,
Vốc đầy lá Bách, hái hoài không thôi.
Lạnh lòng tay áo mỏng tơi,
Trời hôm dựa khóm trúc dài thân thơ.

25. 贈衛八處士 .

TẶNG VỆ BÁT XỬ SĨ

人 生 不 相 見 ,
Nhân sinh bất tương kiến,
動 如 參 與 商 .
Động như Sâm dư Thương.
今 夕 復 何 夕 ,
Kim tịch phục hà tịch,
共 此 燈 燭 光 .
Cộng thử đưng; chúc quang.

少 壯 能 幾 時 ,
Thiếu tráng năng kỷ thì,
 鬢 髮 各 已 蒼 .
Mán phát các dĩ thương.
 訪 舊 半 為 鬼 ,
Phỏng cựu bán vi quỷ,
 驚 呼 熱 中 腸 .
Kinh hô nhiệt trung trường.
 焉 知 二 十 載 ,
Yên tri nhị thập tải,
 重 上 君 子 堂 .
Trùng thượng quân tử đường.
 昔 別 君 未 婚 ,
Tích biệt quân vị hôn,
 兒 女 忽 成 行 .
Nhi nữ hốt thành hàng.
 怡 然 敬 父 執 ,
Di nhiên kính phụ chấp,
 問 我 來 何 方 .
Vấn ngã lai hà phương.
 問 答 乃 未 已 ,
Vấn đáp nãi vị dĩ.
 兒 女 羅 酒 漿 .
Nhi nữ la tửu tương.
 夜 雨 剪 春 韭 ,
Dạ vũ tiễn xuân cửu.

ĐƯỜNG THI

新 炊 閒 黃 梁 .
Tân xuy nhàn hoàng lương.
主 稱 會 面 難 ,
Chủ xưng hội diện nan,
一 舉 累 十 觴 .
Nhất cử lũy thập thương,
十 觴 亦 不 醉 ,
Thập thương diệc bất túy.
感 子 故 意 長 .
Cảm tử cố ý trường.
明 日 隔 山 岳 ,
Minh nhật cách sơn nhạc,
世 事 雨 茫 茫 .
Thế sự vũ mang mang.

CHÚ THÍCH. - Đỗ Phủ cùng với Lý Bạch, Cao Thích và Vệ Tân kết bạn, Vệ Tân, tức là Vệ bát nói ở đây, trẻ tuổi hơn cả, thường gọi là *tiểu hữu*. - *Sâm* và *Thương* là hai vị sao trong nhị thập bát tú, ta thường gọi lầm là sao hôm và sao mai. Nhưng sao hôm và sao mai là Kim tinh, một vị du tinh đi quanh mặt trời ở vòng trong quỹ đạo trái đất, có khi thấy buổi sáng trước khi mặt trời mọc, thì gọi là sao mai; có khi trông thấy buổi chiều sau khi mặt trời lặn, thì gọi là sao hôm. Còn hai sao *Sâm* và *Thương* là hai chòm hằng tinh. Theo sách Tả truyện của Tàu nói rằng: Đời thượng cổ, vua Cao tân thì có hai người con tên là Ất Bá 閼伯 và Thục Trầm 實沈 thường hay đánh nhau. Vua dấy Ất Bá ra ở Thương khâu, chú sao Thần 辰 tức là ba sao Tâm, sao lớn là sao "Antarès", bởi vậy người ta gọi sao Thần là sao Thương; vua lại dấy Thục Trầm ra ở Đại Hạ chú sao Sâm, tức là chòm sao "Orion". Khi sao Sâm lặn về phía tây thì sao Thương mới mọc tên ở phía đông không bao giờ hai sao ấy cùng trông thấy ở giữa trời cùng một lúc. Người ta còn gọi anh em không hòa thuận hay xa cách nhau là *Sâm Thương*. - *Phụ chấp* là bậc ngang hàng với cha.

TẶNG XỬ SĨ VỆ BÁT

Người đời không được thấy nhau,
Sâm thương mỗi lúc dễ hầu gặp nhau.
Đêm nay mới lại đêm nào,
Ngọn đèn soi tỏ một bầu sáng trưng.
Trẻ trung kẻ được mấy chùng,
Tóc đầu thấy đã một vầng hoa đậm.
Hỏi bạn xưa, nửa về âm,
Thở than ngán nỗi, âm thầm xót xa.
Hai mươi năm, có đâu ngờ,
Nay ta trở lại đến nhà thăm anh.
Xa nhau gia thất chưa thành,
Mà nay trai gái quần quanh một đàn.
Kính nhường phụ chấp hỏi han,
Hỏi ta dâu mới bằng ngàn đến đây.
Đôi bên chưa dứt phân bày,
Trẻ nhà đã dọn mâm đầy rượu ngon.
Đêm mưa cất ngọn hẹ non,
Cơm kê mới nấu hầy còn hơi bay.
Chủ rằng: gặp mặt khó thay,
Mười chung một lượt, uống ngay mới vừa.
Mười chung cũng chẳng say sưa,
Cảm lòng bạn cũ tình xưa vẫn còn.
Rồi đây cách trở núi non,
Sự đời đôi ngã, tần phồn biết bao.

常建
THƯỜNG KIẾN

26. 宿王昌齡隱居
TÚC VƯƠNG XƯƠNG LINH ẨN CƯ

清 谿 深 不 測 ,

Thanh khe thâm bất trắc,

隱 處 惟 孤 雲 .

Ẩn xứ duy cô vân.

松 際 露 微 月 ,

Tùng tế lộ vi nguyệt,

清 光 猶 為 君 .

Thanh quang do vị quân.

茅 亭 宿 花 影 ,

Mao đình túc hoa ảnh,

藥 院 滋 苔 紋 .

Dược viện tư đài văn.

余 亦 謝 時 去 ,

Dư diệc tạ thời khứ,

西 山 鸞 鶴 群 .

Tây sơn loan hạc quần.

CHÚ THÍCH - *Dược viện* là vườn trồng hoa thuộc dược.

NGỦ Ở CHỖ ẨN CƯ CỦA
VƯƠNG XƯƠNG LINH

*Khe trong suốt khôn dò đến đáy,
Chỗ ẩn cư chỉ thấy đám mây.
Mảnh trăng lấp ló trong cây,
Vẻ thanh quang vẫn vì ai thần thờ.
Vườn thược dược đầy bờ rêu mọc,
Bóng cành hoa ngã nóc nhà kia.
Tạ từ ta bước chân đi,
Núi tây loan hạc bay về khắp nơi.*

韋應物
VI ỨNG VẬT

27. 幽居

U CƯ

貴 賤 雖 異 等 ,
Quý tiện tuy dị đẳng,
出 門 皆 有 名 .
Xuất môn giai hữu danh.
獨 無 外 物 牽 ,
Độc vô ngoại vật khiên,
遂 此 幽 居 情 .
Toại thử u cư tình.

ĐƯỜNG THI

微雨夜來過，
Vì vũ dạ lai quá.
不知春草生。
Bất tri xuân thảo sinh.
青山忽已曙，
Thanh sơn hốt dĩ thụ,
鳥雀繞舍鳴。
Điểu tước nhiễu xá minh.
時與道人偶，
Thời dữ đạo nhân ngẫu,
或隨樵者行。
Hoặc tùy tiêu giả hành.
自當安蹇劣，
Tự đương an kiển liệt,
誰謂薄世榮。
Thùy vị bạc thế vinh.

CHÚ THÍCH. - Ý bài thơ này nói người học đạo không muốn vướng gì với thế tình. trong bụng bao giờ cũng thần nhiên, không bị ngoại vật lôi kéo. Nắng mưa, cây cỏ cứ tự nhiên, không quan tâm đến thì lúc nào cũng an nhàn vui vẻ luôn.

CHỖ ẨN CƯ

*Sang hèn dù có khác nhau,
Ra ngoài ai nấy đều cầu doanh sinh.
Riêng ta ngoại vật vong tình,
U cư cho thỏa bụng mình yên vui.
Ban đêm mưa bụi qua rồi,
Cỏ xuân, nào biết trên đời đã sinh.*

Bóng hồng bằng sáng non xanh,
Chim kêu riu rít bay quanh cạnh nhà.
Khi cùng dạo sĩ lân la,
Khi đeo tiêu giả la cà rừng xanh,
Tự yên kém cõi phận mình.
Phải đâu bĩ bạc lợi danh trên đời.

28. 效陶彭澤

HIỆU ĐÀO BÀNH TRẠCH

霜落悴百草，
Sương lạc tuy bách thảo,
時菊獨妍華。
Thừa cúc độc nghiên hoa.
物性有如此，
Vật tính hữu như thử,
寒暑其奈何。
Hàn thử kỳ nại hà.
掇英汎濁醪，
Xuyết anh phiếm trọc giao,
日入會田家。
Nhật nhập hội điền gia.
盡醉芋簷下，
Tận túy mao thiềm hạ,
一生豈在多。
Nhất sinh khởi tại đa.

ĐƯỜNG THI

CHỦ THÍCH - Đào Bành Trạch, tức là Đào Tiềm đời Tấn, vì trước có làm huyện lệnh ở huyện Bành Trạch, cho nên người ta lấy tên huyện ấy mà gọi.

BẮT CHƯỐC ĐÀO BÀNH TRẠCH

*Sương rơi trăm cỏ đều còi,
Riêng mình cây cúc tươi cười nở hồng.
Khác nhau vật tính lạ lùng,
Mặc dầu khi lạnh khi nóng chẳng sao.
Rượu đây ngất nhị ngâm vào.
Bạn bè trong ruộng buổi chiều nhóm chơi.
Dưới hiên nhà cỏ say vui,
Có cần chi lắm, đời người đủ thôi.*

29. 寄全椒山中道士

KÝ TOÀN TIÊU SƠN TRUNG ĐẠO SĨ

今朝郡齋冷，
Kim triều quận trai lãnh,
忽念山中客。
Hốt niệm sơn trung khách.
澗底束荆薪，
Giản đế thúc kinh tân,
歸來煮白石。
Qui lai chủ bạch thạch.
欲持一瓢酒，
Dục trì nhất biểu tửu,
遠慰風雨夕。
Viễn ủy phong vũ tịch.

落 葉 滿 空 山 ,
Lạc diệp mãn không sơn,
何 處 尋 行 跡 .
Hà xứ tầm hành tích.

CHÚ THÍCH. – Bài thơ này tác giả làm khi đang làm Thứ sử ở quận Trừ châu, thuộc tỉnh An huy bây giờ. Người ta khen bài thơ này có vẻ cao diệu, siêu thoát.

THƠ GỎI CHO ĐẠO SĨ Ở TRONG NÚI
TOÀN TIÊU

Sáng nay quận thực lạnh lùng,
Tránh niềm nhớ khách ở trong núi rừng.
Dưới khe nhật củi lừng nhắng,
Dem về bên đá nhì nhắng nấu đun.
Muốn đem tặng hủ rượu ngon,
Để khi muta gió giải buồn hôm mai.
Rừng không, lá rụng đầy nơi,
Biết đâu hành tích mà sai người tìm.

30. 夕次盱眙縣
TỊCH THỦ VU DỊ HUYỆN

落 帆 逗 淮 鎮 ,
Lạc phàm đậu Hoài trấn,
停 舫 臨 孤 驛 .
Đình phảng lâm cô dịch.
浩 浩 風 起 波 ,
Hạo hạo phong khởi ba,

ĐƯỜNG THI

冥冥日沈夕 .

Minh minh nhật trảm tịch.

人歸山郭暗 ,

Nhân qui sơn quách ám,

雁下蘆洲白 .

Nhạn há lô châu bạch.

獨夜憶秦關 ,

Độc dạ ức Tần quan,

聽鐘未眠客 .

Thính chung vị miên khách.

CHÚ THÍCH. - Vu di tên một huyện ở trên núi Vu di ở phía nam hồ Hồng trạch, thuộc quận Lâm hoải, tỉnh An huy ngày nay.

ĐÊM NGHỈ Ở HUYỆN VU DI

Cuốn buồn đau ở trấn Hoài,

Dừng thuyền ghé bến mé ngoài nghỉ ngơi,

Mông mênh gió thổi sóng gồi,

Mịt mờ buổi tối mặt trời lặn xong.

Người về thành núi mịt mù,

Nhạn sà xuống bãi, lau trông trắng ngần.

Một mình đêm nhớ cửa Tần,

Khách xa chửa ngủ nghe gần tiếng chuông.

柳宗元
LIÊU TÔNG NGUYÊN

31. 晨謁超師院讀禪經
THÂN YẾT SIÊU SƯ VIỆN
ĐỌC THIÊN KINH

汲井漱寒齒，

Cấp tỉnh thẩu hàn xỉ,

清心拂塵服，

Thanh tâm phất trần phục.

閒持貝葉書，

Nhàn trì bối diệp thư.

步出東齋讀，

Bộ xuất đông trai đọc.

真源了無取，

Chân nguyên liễu vô thủ,

妄跡世所逐，

Vọng tích thế sở trục.

遺言冀可冥，

Di ngôn ký khả minh,

繕性何由熟，

Thiện tính hà do thục.

道人庭宇靜，

Đạo nhân đình vũ tĩnh,

ĐUƠNG THI

苔 色 連 深 竹 .

Đài sắc liên thâm trúc.

日 出 霧 露 餘 ,

Nhật xuất vụ lộ dư.

青 松 如 青 沐 .

Thanh tùng như cạo mọc.

澹 然 離 言 說 ,

Đạm nhiên li ngôn thuyết.

悟 悅 心 自 足 .

Ngộ duyệt tâm tự túc.

CHÚ THÍCH - *Bối điệp thư* là sách viết vào là bối điệp tức là kinh nhà Phật. - *Chân nguyên* là cội nguồn chân thực của vạn vật. - *Đi ngôn* là lời thánh hiền truyền lại để dạy người. - *Thiền tịnh* là luyện tập tâm tĩnh. - *Đạo nhân* là người học đạo. đây nói đạo Phật. - *Cạo mọc* là đầu bôi cho mượt tóc của đàn bà hay dùng.

Tác giả làm bài này nói đạo Phật cao và đúng chân lý lắm. phụng vì mẫu nhiệm sâu xa quá. không dùng mà rèn tập tâm tĩnh người ta được Song người nào đã hiểu được cũng đủ yên vui.

BUỔI SỚM YẾT SIÊU SỞ VIỆN ĐỌC KINH NHÀ PHẬT

Lấy nước giếng rửa răng lạnh buổi.

Lòng sạch trong phải tuột áo dơ.

Tay cầm một bối điệp thư.

Đông trai lần bước mắt đưa xem tường.

Chân nguyên thấu khôn đường lượn lầy.

Chuyện hoang đường, vẫn thấy người cầu.

Đi ngôn cố ý nhiệm mẫu.

Tập rèn tâm tĩnh trông vào chỗ nao.

Nhà đạo nhân biết bao lặng lẽ,
 Trúc với rêu một vẻ như nhau.
 Mặt trời mọc, khói sương dẫu,
 Lá tùng bóng lộn như dầu mới bôi.
 Lặng không hủi nổi nói lời,
 Cõi nguồn thấu suốt, đủ vui tâm lòng.

32. 溪居

KHÊ CƯ

久 為 簪 祖 束 ,
 Cửu vi trâm tổ thúc,
 幸 此 南 夷 謫 .
 Hạnh thử nam di trích.
 閒 依 農 圃 鄰 ,
 Nhân y nông phó lân,
 偶 似 山 林 客 .
 Ngẫu tự sơn lâm khách.
 曉 耕 翻 露 草 ,
 Hiếu canh phiên lộ thảo.
 夜 榜 響 溪 石 .
 Dạ bảng hưởng khe thạch,
 來 往 不 逢 人 .
 Lai vãng bất phùng nhân.
 長 歌 楚 天 碧 .
 Trường ca sở thiên bích.

CHÚ THÍCH. - Trâm tổ, trâm là cái mũ tổ là cái dây thao buộc ấn của người làm quan đời xưa - Bàng là chèo thuyền đi tên.

ĐƯỜNG THI

Tác giả làm quan phải trích ra làm thú sử ở Liễu châu, thuộc tỉnh Quảng tây bây giờ, nên mới nói là Nam di.

Ở TRONG KHE

*Lâu đã bị trăm thao trời buộc,
May được dầy đất thuộc Nam di.
Nhàn có vườn ruộng cạnh kê,
Không ngờ lại giống khách kia núi rừng.
Ngày cày cỏ, lật từng mảnh một,
Đêm chèo thuyền, theo hút đá khe.
Gặp ai đâu, lúc đi về,
Trong xanh trời Sở, hát nghe một bài.*

孟郊

MẠNH GIAO

33. 遊子吟

DU TỬ NGÂM

慈母手中線 ,
Từ mẫu thủ trung tuyến.
遊子身上衣 .
Du tử thân thượng y.
臨行密密縫 ,
Lâm hành mật mật phùng.
意恐遲遲歸 .
Ý khùng trì trì qui.

誰言寸草心，
Thùy ngôn thốn thảo tâm,
報得三春暉。
Báo đắc tam xuân huy.

CHÚ THÍCH. - Người con đi xa, mặc cái áo mẹ may cho, nhớ đến công ơn mẹ, không biết báo đền thế nào cho vừa được. Lời nói nhân hậu, mà tự nhiên phong nhã.

BÀI HÁT NGƯỜI CON ĐI XA

*Mẹ từ sợi chỉ trong tay,
Trên mình du tử áo may vội vàng.
Sắp đi mỗi chữ kỹ càng,
Sợ con đi dỏ, nhờ nhàng trễ lâu.
Chút lòng tức cỏ dễ dẫu,
Bóng bu xuân đáp ơn sâu cho vừa.*

白居易

BẠCH CƯ DỊ

34. 閒夕

NHÀN TỊCH

一聲蚤蟬歌，
Nhất thanh tảo thiên yết,
數點青螢度。
Số điểm thanh huỳnh độ.

ĐƯỜNG THI

蘭缸耿無煙，
Lan cang cánh vô yên,
筠簟清有露。
Quân diệm thanh hữu lộ.
未歸房後寢，
Vị qui phòng hậu tẩm,
且下前軒步。
Thả há tiền hiên bộ.
斜月入低廊，
Tà nguyệt nhập dề lang,
涼風滿高樹。
Lương phong mãn cao thụ.
放懷常自適，
Phóng hoài thường tự thích,
遇景多成趣。
Ngộ cảnh đa thành thú.
何法使之然，
Hà pháp sử chi nhiên,
心中無細故。
Tâm trung vô tế cố.

CHÚ THÍCH. – Đêm mùa thu tiếng ve kêu đã hết, và dóm dóm đã bay, cảnh trời êm lặng, lòng không bận bịu điều gì, thành ra gặp cảnh là vui. – *Phóng hoài* là nhiệm tình tùy ý, không hạn chế sự hứng thú của mình.

ĐÊM NHÀN

*Tiếng ve kêu sớm đã im,
Mấy con dóm dóm ban đêm lượn vòng.*

*Dèn lan không khói sáng trong,
Chiếu tre mát lạnh như đồng bảm sương.
Ham chơi chưa vội về buồng.
Trước hiên dạo bước đêm sương một mình.
Quanh hồ bóng nguyệt chênh chênh,
Gió hây hẩy mát trên cành cây cao.
Phóng hoài riêng thú tiên dao,
Người vui khi gặp cảnh nào cũng vui.
Phép gì được thế ai ơi,
Vì lòng không vướng chuyện đời nhỏ nhen.*

35. 雲居寺孤桐

VÂN CƯ TỰ CÔ ĐỒNG

一株青玉立，
Nhất châu thanh ngọc lập.
千葉綠雲委。
Thiên diệp lục vân ủy.
亭亭五杖餘，
Đình đình ngũ trượng dư.
高意猶未已。
Cao ý do vị dĩ.
山僧年九十，
Sơn tăng niên cửu thập,
清淨老不死。
Thanh tịnh lão bất tử.
自云手種時，
Tự vân thủ chủng thì,

一顆青桐子 .
Nhất khóa thanh đồng tử.
直從萌芽拔 .
Trực tông manh nha bặt,
高自毫末始 .
Cao tự hào mạt thi.
四面無附枝 ,
Tứ diện vô phụ chi,
中心有通理 .
Trung tâm hữu thông lý.
寄言立身者 ,
Ký ngôn lập thân giả.
孤直當如此 .
Cô trực đương như thử.

CHÚ THÍCH. - Đồng là cây ngô đồng. - Ngọc/áp là nơi cái thảo hạnh kiên trinh - Uy là xếp chồng lên. - Đỉnh/đỉnh là nơi cái dáng cao dong dong.

CÂY NGÔ ĐỒNG Ở CHÙA VÂN CƯ

Cứng cỏi một cây đưng
Mây xanh nghìn lá nở.
Ngất ngểu năm trượng thôi.
Ý còn muốn cao nữa
Sơn tăng chín mươi tuổi.
Thanh tỉnh già không chết.
Nói rằng thừa tay gieo.
Một hạt đồng xanh lét.
Thẳng ở trong mầm nhú.

*Cao từ lúc nhỏ bé,
Bốn mặt không cảnh nương,
Giữa ruột có thông lý,
Nhấn gử người lập thân,
Có trực phải như thế.*



B- THẤT NGÔN CỔ

陳子昂

TRẦN TỬ NGANG

1. 登幽州臺歌

ĐĂNG U CHÂU ĐÀI CA

前 不 見 古 人 ,
Tiền bất kiến cổ nhân,
後 不 見 來 者 .
Hậu bất kiến lai giả.
念 天 地 之 悠 悠 ,
Niệm thiên địa chi du du,

ĐƯỜNG THI

獨 愴 然 而 涕 下 .
Độc sảng nhiên nhi thế há.

CHÚ THÍCH. – Bài thơ này hai câu năm chữ và hai câu sáu chữ, mà hai câu sáu chữ thì câu đầu lại không đúng niêm.

BÀI HÁT TRÊN ĐÀI Ở THÀNH U CHÂU

*Trước chẳng thấy người xưa,
Sau chẳng thấy ai cả.
Ngẫm trời đất rộng mênh mông,
Lòng đau xót, lệ tầm tã.*

張若虛

TRƯƠNG NHƯỢC HƯ

2. 春江花月夜

XUÂN GIANG HOA NGUYỆT ĐẠ

春 江 潮 水 連 海 平 .
Xuân giang triều thủy liên hải bình,
海 上 明 月 共 潮 生 .
Hải thượng minh nguyệt cộng triều sinh.
滌 滌 隨 波 千 萬 里 .
Diêm diêm tùy ba thiên vạn lý,
何 處 春 江 無 月 明 .
Hà xứ xuân giang vô nguyệt minh.

江 流 宛 轉 遶 芳 甸 ,
Giang lưu uyển chuyển nhiều phương diện,
月 照 花 林 皆 如 霰 .
Nguyệt chiếu hoa lâm giai như tiển.
空 裏 流 霜 不 覺 飛 ,
Không lý lưu sương bất giác phi,
汀 上 白 沙 看 不 見 .
Đình thượng bạch sa khan bất kiến.
江 天 一 色 無 纖 塵 ,
Giang thiên nhất sắc vô tiêm trần.
皎 皎 空 中 孤 月 輪 .
Kiểu kiểu không trung cô nguyệt luân,
江 畔 何 人 初 見 月 ,
Giang bên hà nhân sơ kiến nguyệt.
江 月 何 年 初 照 人 .
Giang nguyệt hà niên sơ chiếu nhân,
人 生 代 代 無 窮 已 ,
Nhân sinh đại đại vô cùng dĩ.
江 月 年 年 望 相 自 .
Giang nguyệt niên niên vọng tương tự,
不 知 江 月 照 何 人 ,
Bất tri giang nguyệt chiếu hà nhân,
但 見 長 江 送 流 水 .
Đàn kiến trường giang tống lưu thủy.
白 雲 一 片 去 悠 悠 ,
Bạch vân nhất phiến khứ du du,

ĐƯỜNG THI

青 楓 浦 上 不 勝 愁 .
Thanh phong phổ thượng bất thắng sầu.
誰 家 今 夜 扁 舟 子 ,
Thùy gia kim dạ thiên chu tử.
何 處 相 思 明 月 樓 .
Hà xứ tương tư minh nguyệt lầu.
可 憐 樓 上 月 徘 徊 ,
Khả liên lầu thượng nguyệt bồi hồi,
應 照 離 人 粧 鏡 臺 .
Ưng chiếu ly nhân trang kính đài.
玉 戶 簾 中 捲 不 去 ,
Ngọc hộ liêm trung quyển bất khứ,
搗 衣 砧 上 拂 還 來 .
Đào y châm thượng phát hoàn lai.
此 時 相 望 不 相 聞 ,
Thử thời tương vọng bất tương văn,
願 逐 月 花 流 照 君 .
Nguyên trục nguyệt hoa lưu chiếu quân.
鴻 雁 長 飛 光 不 度 ,
Hồng nhạn trường phi quang bất độ.
魚 龍 潛 躍 水 成 文 .
Ngư long tiềm dục thủy thành văn.
昨 夜 閒 潭 夢 落 花 ,
Tạc dạ nhàn đàm mộng lạc hoa,
可 憐 春 半 不 還 家 .
Khả liên xuân bán bất hoàn gia.

江水流春去欲盡，
 Giang thủy lưu xuân khứ dục tận,
 江潭落月復西斜。
 Giang đàm lạc nguyệt phục tây tà.
 斜月沈沈藏海霧，
 Tà nguyệt trầm trầm tàng hải vụ.
 碣石瀟湘無限路。
 Kiệt thạch Tiêu tương vô hạn lộ.
 不知乘月幾人歸，
 Bất tri thừa nguyệt kỷ nhân qui,
 落月搖情滿江樹。
 Lạc nguyệt dao tình mãn giang thụ.

CHÚ THÍCH. – Đời vua Hậu chủ nhà Trần ở Nam triều cùng với các nữ học sĩ và các triều thần làm thơ, rồi nhặt những bài thơ dóng thành tập gọi là Xuân giang hoa nguyệt dạ. Tác giả lấy cái đề ấy làm bài thơ này, là một bài thơ cổ rất hay.

ĐÊM XUÂN CẢNH TRẮNG HOA TRÊN SÔNG

Sông liền biển, nước xuân đầy dẫy,
 Trăng mọc cùng triều dẫy trên khơi.
 Trăng theo muôn dặm nước trôi,
 Chỗ nào có nước mà trời không trăng?
 Dòng sông lượn quanh rừng thẳm ngát,
 Trăng soi hoa trắng toát một màu.
 Trên không nào thấy sương đầu,
 Trăng phau bãi cát; ngó hầu như không.
 Không mấy bụi trời sông một sắc,
 Một vầng trăng vắng vặc giữa trời.

ĐƯỜNG THI

Trăng sông thấy trước là ai,
Đầu tiên trăng mới soi người năm nao?
Người sinh hóa kiếp nào cùng tận,
Năm lại năm trăng vẫn thế hoài.
Trăng sông nào biết soi ai;
Dưới sông chỉ thấy nước trôi giữa dòng.
Mảnh mây bạc bông lông di mãi,
Rừng phong xanh trên bãi gọi sầu.
Thuyền ai lơ lửng đêm thâu,
Trong lâu minh nguyệt chỗ nào tương tư?
Trên lầu nọ, trăng như có ý,
Vào đài trung, trêu kẻ sinh ly.
Trong rèm cuốn cũng không đi.
Trên chày đập áo, phải thì vẫn nguyên.
Mong nhau mãi mà tin bất mãi,
Muốn theo trăng đi tới cạnh người.
Nhạn bay trăng cứ đứng hoài,
Cá rồng nổi lặn, nước trôi thấy nào.
Đêm trước thấy chiêm bao hoa rụng,
Thương quê người chiếc bóng nửa xuân.
Nước sông trôi hết xuân dần,
Trăng sông cũng lặn xẽ lần sang tây.
Trăng xẽ thấp chìm ngay xuống bể.
Cách núi sông, xa kẻ đường bao,
Cõi trăng về, ấy người nào?
Cây sông trăng lặn nao nao mỗi tình.

孟浩然

MẠNH HẠO NHIÊN

3. 夜歸鹿門歌

ĐA QUI LỘC MÔN, CA

山寺鳴鐘晝以昏 ,
Sơn tự minh chung trú dĩ hôn,
漁梁渡頭爭渡喧 .
Ngư lương độ đầu tranh độ huyền.
人隨沙岸向江村 ,
Nhân tùy sa ngạn hướng giang thôn,
余亦乘舟歸鹿門 .
Dư diệc thừa chu qui Lộc môn.
鹿門月照開煙樹 ,
Lộc môn nguyệt chiếu khai yên thụ,
忽到龐公樓隱處 .
Hốt đáo Bàng công thê ẩn xứ.
巖扉松逕長寂寥 ,
Nham phi tùng kính trường tịch liêu,
唯有幽人自來去 .
Duy hữu u nhân tự lai khứ.

CHÚ THÍCH. - *Lộc môn* là chỗ cách Tương dương phủ 20 dặm. - *Bàng công* tức là Bàng đức công, bạn với Tư mã Đức Tháo và Gia cát Lượng. đầu đời Tam quốc. Trước ông cây ở Hiệu sơn, sau vì Lưu Biểu mới không chịu

ĐƯỜNG THI

ra, lại vào ẩn ở Lộc môn.

BÀI HÁT VỀ LỘC MÔN

*Chuông chùa trên núi chiều hôm,
Bến dò chen chúc la om tiếng người.
Giang thôn dọc bến tới nơi,
Thuyền đưa ta đến nẻo ngoài Lộc môn.
Lộc môn trắng rọi khói tuôn,
Thoát qua chỗ ở khi còn Bàng công.
Quanh hieu của núi đường tùng,
Tôi lui chỉ có sơn ông mấy người.*

王維

VƯƠNG DUY

4. 答張五弟諠

ĐÁP TRƯỞNG NGŨ ĐỆ NHÂN

終南有茅屋，

Chung nam hữu mao ốc,

前對終南山。

Tiền đối Chung nam sơn.

終年無客長閉關，

Chung niên vô khách trường bế quan.

終日無心長自閒。

Chung nhật vô tâm trường tự nhàn.

不妨飲酒復垂釣，

Bất phương ẩm tửu phục thùy diều.

君 但 能 來 相 往 還 .

Quan dãn năng lai tương vãng hoàn.

CHÚ THÍCH. – Vương Ma cắt bạn với Trương Nhân nhưng Ma cắt tu đạo Phật, ăn chay. Trương muốn về Chung nam chơi sở sự vui thích của mình là uống rượu câu cá trái với sự trai giới của bạn. Ma cắt làm bài thơ này mời Trương cứ đi chơi.

ĐÁP EM NĂM TRƯỞNG NHÂN

Chung nam có nóc nhà tranh,

Núi Nam trước mặt, xanh xanh chạy dài.

Quanh năm vắng khách cửa cài,

Lòng không chểnh vờng suốt ngày trên dao.

Ngai gì uống rượu buông câu,

Đến đây ta sẽ cùng nhau bàn hoàn.

李白

LÝ BẠCH

5. 將進酒

TƯƠNG TIẾN TỬU

君 不 見 黃 河 之 水 天
上 來 .

*Quan bất kiến Hoàng hà chi thủy thiên
thượng lai.*

DUỜNG THI

奔流到海不復回。

Bôn lưu đáo hải bất phục hồi.

君不見高堂明鏡悲

白髮。

Quân bất kiến cao đường minh kính bi

bạch phát.

朝如青絲暮如雪。

Triều như thanh tì mộ như tuyết.

人生得詫須盡歡。

Nhân sinh đắc ý tu tận hoan.

莫使金樽空對月。

Mạc sử kim tôn không đối nguyệt.

天生我材必有用。

Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng.

千金散盡還復來。

Thiên kim tán tận hoàn phục lai.

烹羊宰牛且為樂。

Phanht dương tở ngưu thả vi lạc.

會須一飲三百杯。

Hội tu nhất ẩm tam bách bôi.

屏夫子，丹丘生。

Sâm phu tử, Đan khâu sinh,

進酒君莫停。

Tiến tửu quân mạc đình.

與君歌一曲，

Dữ quân ca nhất khúc.

請君為我側耳聽 .
Thỉnh quân vị ngã trắc nhĩ thỉnh.
 鐘鼓饌玉不足貴 ,
Chung cổ soạn ngọc bất túc quý,
 但願長醉不願醒 .
Đản nguyện trường túy bất nguyện tỉnh.
 古來聖賢皆寂寞 ,
Cổ lai thánh hiền giai tịch mịch.
 惟有飲者留其名 .
Duy hữu ẩm giả lưu kỳ danh,
 陳王昔時宴平樂 .
Trần vương tích thời yến Bình lạc.
 斗酒十千恣謔譁 .
Đấu tửu thập thiên tứ hoan hước,
 主人何為言少錢 .
Chủ nhân hà vi ngôn thiểu tiền.
 徑須沽取對君酌 .
Kinh tu cớ thủ đối quân chước.
 五花馬，千金裘，
Ngũ hoa mã thiên kim cưu,
 呼兒將出換美酒，
Hô nhi tương xuất hoán mỹ tửu,
 與爾同銷萬古愁 .
Dữ nhĩ đồng tiêu vạn cổ sầu.

CHÚ THÍCH. - Cổ nhạc phủ có điệu *Tương kiến tửu* nghĩa là: cùng uống
 rượu. Thái Bạch lấy đề ấy làm bài thơ này rất hào phóng, xưa nay chưa từng
 có

ĐƯỜNG THI

CÙNG UỐNG RƯỢU

Anh chẳng thấy Hoàng hà nước nọ,
Tự trên trời chảy đổ ra khơi.
Ra khơi thôi thế là thôi,
Về nguồn trở lại có đời nào dẫu.
Anh chẳng thấy nhà cao giương sáng,
Những buồn tênh vì nắng tóc thưa.
Sớm còn xanh mượt như tơ,
Tối đã như tuyết bạc phơ bời bời.
Khi dẫu ý cũ chơi cho phỉ,
Dưới vầng trăng dưng để chén không.
Có thân âu hửn có dưng,
Ngàn vàng tiêu hết lại hồng kiếm ra.
Trần đề mỗ, tiệc hoa trần thiết,
Ba trăm chung cạn hết một lần.
Sầu phu tử, Dàn khâu quân.
Rượu kẻo xin chờ ngại ngần uống ngay,
Hát một khúc vì ai an ủi,
Lắng tai nghe ý vị khôn cùng.
Quý gì soạn ngọc cổ chung,
Muốn say say mãi tỉnh không thôi gì.
Bao hiền thành xưa kia lãng lữ
Chỉ anh say tiếng để đời đời.
Trần vương Bình lạc mua vui
Muôi ngàn đấu rượu chơi bởi thóa thuê,
Chủ ông hời, chờ e tiền ít.
Mua rượu về chén tít cùng ta.
Cầu thiên kim, ngựa ngừ hoa,
Đem đi đổi rượu, khê khà uống chơi.
Sầu dầu dăng đặc muôn đời.

6. 江上吟

GIANG THUỜNG NGÂM

木蘭之枻沙棠舟，

Mộc lan chi duệ sa đường chu,

玉蕭金管坐兩頭。

Ngọc tiêu kim quản tọa lưỡng đầu.

美酒尊中置千斛，

Mỹ tửu tôn trung tri thiên hộc,

載妓隨波任去流。

Tái kỹ tùy ba nhiệm khứ lưu.

仙人有待乘黃鶴，

Tiên nhân hữu đãi thừa hoàng hạc,

海客無心隨白鷗。

Hải khách vô tâm tùy bạch âu.

屈平詞賦懸日月，

Khuất Bình từ phú huyền nhật nguyệt,

楚王臺榭空山邱。

Sở vương đài tạ không sơn khâu.

興酣落筆搖五嶽，

Hứng hân lạc bút dao ngũ nhạc,

討成笑傲凌滄洲。

Thi thành tiếu ngạo lăng Thương châu.

功名富貴若長在，

Công danh phú quý nhược trường tại.

漢水亦應西北流。

Hán thủy diệc ứng tây bắc lưu,

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH. – *Ngũ nhạc* là năm núi lớn ở nước Tàu. Thái sơn là đông nhạc, Hoa sơn là tây nhạc. Hoắc sơn ở An huy là nam nhạc. Hằng sơn ở Sơn tây là Bắc nhạc. Tung sơn là trung nhạc.

Bài thơ này làm theo chính điệu thơ cổ, ba giải mười hai câu. Bốn câu đầu tả sự vui chơi trên thuyền, có thanh, có sắc, có rượu, đứng đi tùy sóng gió, bốn câu sau tả sự vui của khách đi chơi, sướng hơn thần tiên. Thái bạch cho văn thơ là bền lâu, còn sự xa hoa sang giàu chỉ là sự ảo vọng một lúc, bốn câu cuối nói khách chơi, rượu say rồi làm thơ lay động núi non, chế nhạo cả thần tiên.

BÀI HÁT TRÊN SÔNG

*Chèo lan, thuyền ván sa đường,
Hai đầu, đàn địch mấy hàng lô nhỏ.
Rượu ngon ngàn hộc trong vò,
Mùi bông đứng đỉnh, mấy cô ả đào.
Tiên kia hoàng hạc đợi lâu,
Thảnh thơi hải khách, chim âu rong dài.
Khuất Bình từ phú đời đời,
Lâu dài vua Sở, núi đồi ai hay.
Bút lay ngũ nhạc, rượu say,
Thơ xong, cười nhạo ở ngoài Thương châu
Công danh phú quý dài lâu,
Thì dà sông Hán chảy dào về tây.*

7. 行路難

HÀNH LỘ NAN

金樽清酒斗十千，

Kim tôn thanh tửu đấu thập thiên,

玉盤珍饈值萬錢。

Ngọc bàn trân tu trị vạn tiền.

停杯投箸不能食，

Đình bôi đầu trứ bát năng thực,

拔劍四顧心茫然。

Bạt kiếm tứ cố tâm mang nhiên.

欲渡黃河冰塞川，

Dục độ Hoàng hà băng tắc xuyên,

將登太行雪暗天。

Tương đăng Thái hành tuyết ám thiên.

閒來垂釣在溪上，

Nhàn lai thùy điếu tọa khe thượng,

忽復乘舟夢日邊。

Hốt phục thừa chu mộng nhật biên.

行路難，行路難，

Hành lộ nan, hành lộ nan,

多岐路，今安在。

Đa kỳ lộ, kim an tại.

長風破浪會有時，

Trường phong phá lãng hội hữu thì,

直掛雲帆濟滄海。

Trực quải vân phàm tế thương hải.

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH. – Thái hành là dãy núi ở địa phận tỉnh Hà nam và tỉnh Sơn tây bên Tàu. Cổ nhạc phủ có thích rằng hành lộ nan là nói thế lộ gian nan.

ĐƯỜNG ĐI KHÓ

*Chén bạc, rượu trong, mười ngàn dẫu,
Già tiên muôn, mâm báu vị ngon.
Bỏ chén dĩa, dạ bồn chồn,
Rút gươm ngó khắp, nỗi buồn mênh mông.
Qua Hoàng hà nước đông không chảy,
Lên Thái hành trời thấy tuyết che,
Khí nhân câu cá trên khe,
Lên trời, bỗng thấy giấc mê trên thuyền.
Đường đi khó, đường lên rất khó,
Lối rẽ quanh dẫu dò bầy giờ.
Gió to sóng vỗ nào ngờ,
Buồm mây kéo thẳng qua bờ biển xanh.*

8. 宣州謝眺樓餞別校書叔雲 TUYÊN CHÂU TẠ DIỄU LÂU TIÊN BIỆT HIỆU THƯ THÚC VÂN

棄我去者昨日之日
不可留,
Khí ngã khứ giả tạc nhật chi nhật
bất khả lưu,
亂我心者今日之日
多煩憂.
Loạn ngã tâm giả kim nhật chi nhật
đa phiền ưu.

長風萬里送秋雁，

Trường phong vạn lý tống thu nhạn,

對此可以酣高樓。

Đối thử khả dĩ hàm cao lâu.

蓬來文章建安骨，

Bồng lai văn chương Kiến an cốt,

中間少謝又清發。

Trung gian Tiểu Tạ hựu thanh phát.

俱懷逸興壯思飛，

Câu hoài dật hứng tráng tứ phi,

欲上青天覽日月。

Dục thượng thanh thiên lãm nhật nguyệt.

抽刀斷水水更流，

Trừu đao đoạn thủy, thủy cánh lưu.

舉杯消愁愁更愁。

Cử bôi tiêu sầu sầu cánh sầu.

人生在世不稱意，

Nhân sinh tại thế bất xưng ý,

明朝散髮弄扁舟。

Minh triều tán phát lộng thiên chu.

CHÚ THÍCH - *Ta Diếu lâu* là lầu của Ta Diếu xây ở phía bắc Ninh quốc phủ thuộc tỉnh An huy bây giờ. - *Kiến an* là niên hiệu vua Hiến đế cuối đời Đông hán. Đời ấy có bảy người nổi tiếng về văn học, như Khổng Dung, Trần Lâm, Vương Sấn, Nguyễn Vũ v. v. gọi là Kiến an thất hiền. - *Tiểu Ta* là Ta Diếu, một nhà văn sĩ có tiếng đời Nam Tề. Gọi là Tiểu Ta để phân biệt với Đại Ta là Ta Linh Vận đời Tống Nam triều. - *Dật hứng* là ý hứng cao.

ĐƯỜNG THI

TRÊN LẦU TẠ ĐIỀU TIỄN BIỆT HIỆU THƯ THÚC VÂN

Bỏ ta đi đó đã rồi,
Là ngày bữa trước vẫn hồi được sao
Lòng ta rối loạn vì đâu,
Vì ngày hiện tại dỗi dào nổi lo.
Ngoài muôn dặm gió thu đưa nhạn,
Trên lầu cao hãy cạn chén mời.
Kiến an vẫn vật Bồng lai,
Trung gian Tiểu Tạ trở tài thanh tao.
Dem dệt hừng tít cao bay tít,
Lên trời xanh, nhật nguyệt xem chơi
Rút dao chém nước, nước trời,
Tiêu sầu nhấc chén, lại dỗi nổi sầu.
Ở đời vừa ý được đâu,
Sáng ngày xóa tóc tiêu dao trên thuyền.

9. 金陵酒肆留叮別

KIM LĂNG TỬU TỬ LƯU BIỆT

風吹柳花滿店香 .
Phong suy liễu hoa mãn điếm hương.
吳姬壓酒勸客嘗 .
Ngô cơ áp tửu khuyến khách thưởng.
金陵子弟來相送 ,
Kim lăng tử đệ lai tương tống.
欲行不行各盡觴 .
Dục hành bất hành các tận thương.

請君試問東流水，
Thỉnh quân thí vấn đông lưu thủy,
別意與之誰短長。
Biệt ý dư chi thủy đoản trường.

CHÚ THÍCH. – *Kim lăng* là thành Nam kinh bây giờ. – *Ngô cơ* là gái ở Ngô châu, đẹp có tiếng bên Tàu

TIỀN BIẾT NHAU Ở QUÁN RƯỢU
TẠI KIM LĂNG

*Gió đưa hương liều đầy nhà,
Gái Ngô chuối rượu thiết tha ép nài,
Kim lăng tử đệ tới lui,
Muốn đi chẳng được, uống với chén mời,
Vê dòng nước chảy ra khơi,
Với tình ly biệt ngắn dài bên nao.*

10. 秋思

THU TỬ

秋風清，
Thu phong thanh,
秋月明，
Thu nguyệt minh.
落葉聚還散，
Lạc diệp tụ hoàn tán,
寒鴉棲復驚。
Hàn nha thê phục kinh.

ĐUỜNG THI

相 思 相 見 知 何 日 ,
Tương tư tương kiến tri hà nhật,
此 時 此 夜 難 為 情 .
Thử thời thử dạ nan vi tình.

CHÚ THÍCH. – Lời thơ này gọi là lối tam ngũ thất ngôn cách.

THU TỬ

*Gió thu thanh,
Trăng thu minh.
Lá rụng tự lại tán,
Quạ đậu lạnh giắt mình.
Nhớ nhau biết đến ngày nào gặp,
Lúc này đêm ấy xiết bao tình.*

杜 甫

ĐỖ PHỦ

11. 貧 交 行

BẦN GIAO HÀNH

翻 手 作 雲 覆 手 雨 ,
Phiền thủ tác vân phúc thủ vũ,
紛 紛 輕 薄 何 須 數 .
Phân phân khinh bạc hà tu số.
君 不 見 管 鮑 貧 時 交 ,
Quân bất kiến Quản Bào bần thời giao,

此道今人棄如土。

Thử đạo kim nhân khí như thổ.

CHÚ THÍCH. - *Quản Bào* là *Quản Trọng* và *Bào Thúc Nha*, hai người bạn tri kỷ về đời Xuân thu ở nước Tề.

Bài thơ này chê cái thói đơn bạc trong sự giao nghị của người đời.

BÀI HÁT SỰ GIAO NGHỊ LÚC NGHÈO

Mây mù tráo trở bàn tay,

Những tường khình bạc đời này hiết bao,

*Không coi giao nghị *Quản Bào*,*

Mà nay đạo ấy rẻ sao như bùn.

12. 蠶穀行

TÀM CỐC HÀNH

天下郡國向萬城，

Thiên hạ quận quốc hướng vạn thành,

無有一城無甲兵。

Vô hữu nhất thành vô giáp binh.

安得鑄甲作農器，

An đắc chú giáp tác nông khí,

一寸荒田牛得耕。

Nhất thốn hoang điền ngưu đắc canh.

牛盡耕，

Ngưu tận canh,

蠶亦成。

Tằm diệp thành.

ĐUỞNG THI

不勞烈士淚滂沱。

Bất lao liệt sĩ lệ bàng đà,

男穀女絲行復歌

Nam cốc nữ tì hành phục ca.

CHÚ THÍCH. – Trong thời loạn, chỗ nào cũng lo làm binh giáp để đánh giết nhau. Lòng mong mỏi của tác giả là người ta chóng tỉnh ngộ ra, đem binh giáp đúc làm đồ nông khí, cây ruộng nuôi tằm, kẻ liệt sĩ không phải nỗi đau buồn khổ sở, mà ở chỗ dân gian thì trai cấy ruộng, gái dệt tơ, hát xướng vui vầy.

BÀI HÁT NUÔI TẦM GIỒNG LÚA

Dưới trời các quận muôn thành,

Thành nào cũng có giáp binh chắt đầy.

Sao không đúc giáp làm cày,

Ruộng hoang tắc đất chẳng ai bỏ thửa.

Trâu cày hết sức mới vừa,

Tằm nuôi được lùa thành tơ dôi dào.

Khỏi phiên liệt sĩ dằn châu,

Trại cày, gái dệt, ca âu vui vầy.

13. 今夕行

KIM TỊCH HÀNH

今夕何夕歲云徂。

Kim tịch hà tịch tuế vân tồ,

更長燭明不可孤。

Canh trường chúc minh bất khả cô.

咸陽客舍一事無，
 Hàm dương khách xá nhất sự vô,
 相與博塞為歡娛。
 Tương dữ bác tái vi hoan ngu.
 馮陵大叫呼五白，
 Bằng lăng đại khiếu hô ngũ bạch,
 袒跣不肯成梟盧。
 Dãn tẩy bất khăng thành kiêu lô.
 英雄有時亦如此，
 Anh hùng hữu thời diệc như thử,
 邂逅豈即非良圖。
 Giải cẩu khởi tức phi lương đồ.
 君莫笑劉毅從來布
 衣願，
 Quân mạc tiếu Lưu Nghị tông lai bố
 家無擔石輸百萬。
 Gia vô đảm thạch thâu bách vạn.

CHÚ THÍCH. - *Bác tái* là cuộc đánh bạc, đại khái như đánh trịch sắc.
 - *Kiều* là số yếu *lô* là số lục - *Lương đồ* là kế hoạch hay. *Đảm thạch* là đồ đóng lưng, *đảm* là cái lưng hai thạch, *thạch* là cái lưng một thùng. -
Lưu Nghị là tướng đời Đông Tấn khi hàn vi hay đánh bạc.

Tác giả lấy cuộc đánh bạc mà ví việc làm của những bậc anh hùng, việc thành bại thường ở những sự may rủi như cuộc đánh bạc vậy.

BÀI HÁT ĐÊM NAY

Cuối năm đêm ấy đêm gì,
 Canh dài, đèn tỏ, phiên gì lẽ loi.

ĐƯỜNG THI

Hàm dương khách xá ngồi rồi.
Bày trò trịch sắc, đánh chơi giải buồn.
La to nằm trắng, bốn chồn,
Xấn tay, ngồi xổm, dẫu còn lực yếu.
Anh hùng gặp vận rủi nhiều.
Rủi may dẫu phải không theo lương đồ.
Đừng cười Lưu Nghị áo sờ.
Nhà không thúng thóc, đánh thua trăm vò.

14. 歎庭前甘菊花

THÁN ĐÌNH TIỀN CAM CÚC HOA

庭前甘菊移時晚，
Đình tiền cam cúc di thời vãn.
青蕊重陽不堪摘。
Thanh nhị trùng dương bất kham trích.
明日蕭條醉盡醒，
Mình nhật tiêu điều túy tận tỉnh.
殘花爛漫開何益。
Tàn hoa lạn mạn khai hà ích.
籬邊野外多眾芳，
Li biên dã ngoại đa chúng phương.
采擷細瑣升中堂。
Thái hiệt tế tảo thăng trung đường.
念茲空長大之葉，
Niệm tư không trưởng đại chi diệp，

結 根 失 所 纏 風 霜 .

Kết căn thất sở chiêm phong sương.

CHÚ THÍCH. – Từ mỹ lấy cây cam cúc mà ví người hiền. *Cam cúc* là cây có hoa đẹp và thơm để thưởng ngoạn trong cuộc rượu ngày trùng dương, nhưng vì giếng muộn, hoa không nở kịp. Những hoa tầm thường mọc ở ngoài đồng hay bờ giậu, thì lại hái về bày chơi. Cây cam cúc tuy lá dài tốt, nhưng vì không được chỗ mọc và lại bị gió sương, thành ra không được dùng. Khác nào người quân tử không gặp thời, phải chịu mọi sự đau buồn mà kẻ tiểu nhân lại được trong dụng.

THAN HOA CAM CÚC TRƯỚC SÂN

Trước sân ca: cúc muộn giếng.

Nụ xanh, trùng cửu, không hòng nở hoa.

Hôm sau, say hết tỉnh ra,

Hoa tàn man mác, thì đà ích chi.

Ngoài đồng, dọc giậu, hoa kia,

Biết bao những thú hái về bày chơi.

Cúc này nhành lá lớn dài,

Phải nơi đất xấu, mắc hoài gió sương.

15. 短歌行贈王郎司直

ĐOẢN CA HÀNH TẶNG

VƯƠNG LANG TỬ TRỰC

王 郎 酒 酣 ,

Vương lang tửu hàm,

拔 劍 斫 地 歌 : 莫 哀 .

Bạt kiếm chước địa, ca: Mạc ai !

ĐƯỜNG THI

我能拔爾，
Ngà năng bặt nhĩ.
抑塞磊落之奇才，
Ức tắc lồi lạc chi kỳ tài.
豫章翻風白日動，
Dự chương phiên phong bạch nhật động.
鯨魚跋浪滄溟開，
Kinh ngư bạt lãng thương minh khai.
且脫劍佩休徘徊，
Thả thoát kiếm bội hưu bồi hồi.
西得諸侯棹錦水，
Tây đắc chư hầu trạo Cẩm thủy.
欲向何門踏珠履，
Dục hướng hà môn đạp châu lý.
仲宣樓頭春已深，
Trọng tuyên lầu đầu xuân dĩ thâm.
青眼高歌望吾子，
Thanh nhãn cao ca vọng ngô tử.
眼中之人吾老矣，
Nhãn trung chi nhân ngô lão hĩ.

CHÚ THÍCH - *Dự chương*, tức truyền ở phía nam thành Du chương có cây chương, thứ cây mã não, cao lớn lắm, người ta gọi cây chương ấy là cây Dự chương - *Kinh ngư* là cá voi, đời xưa người ta tin là cá ấy có thú lớn, dài đến nghìn dặm, vỗ sóng thành sấm, phun bọt thành mưa. Đây dùng cây chương và cá kinh để ví cái kỳ tài nói ở trên. - *Cẩm thủy* là tên con sông chảy qua thành Thành đô. Lúc ấy Đỗ Phủ sang nương nhờ Nghiêm Vũ. Tiết độ sứ ở Tây Thục - *Trọng tuyên* là tên tước của Vương San, là một nhà văn học cuối đời Đông Hán, phải khi hai kinh loạn lạc, ông sang lánh nạn ở Kinh

châu nương nhờ Lưu Biểu, thường ngồi trên lầu mà làm phú – Thanh nhân cao ca là theo điển nói Nguyễn Tịch đời Tấn thường lấy con mắt trắng mà nhìn những người bí tục, và lấy con mắt xanh mà nhìn những người thanh cao. Mỗi khi gặp Kê Khang thì nhìn bằng con mắt xanh và vui mà hát to.

Bài thơ này khúc chiết rất nhiều, mỗi chữ có bao nhiêu nghĩa, thật là khó hiểu.

BÀI ĐOÀN CA TẶNG CHÀNG VƯƠNG LÀM QUAN TỬ TRỰC

*Chàng Vương chuyển choáng rượu say,
Rút gươm chém đất, hát ngay một bài:
"Dừng buồn! Ta giúp được người,
Kỳ tài lỗi lạc, nhờ thời chẳng may,
Cây chươm quạt gió rung ngày,
Cá kinh vượt sóng mở ngay biển mới,
Cởi gươm thôi chờ ngàn ngày,
Mải chèo sông Cẩm, nương nhờ mé tây,
Nơi nào lên bước dật giày,
Ngồi lầu Vương Sơn, tháng ngày phơi phai,
Mắt xanh, hát lớn trông ai."
Con người trông mắt, ta nay già rồi.*

16. 送孔巢父歸遊江東兼呈李白 TỔNG KHỔNG SÀO PHỦ QUI DU GIANG ĐÔNG, KIÊM TRÌNH LÝ BẠCH

*巢父掉頭不肯住,
Sào Phủ trạo đầu bất khảng trụ,
東將入海隨煙霧.
Đông tương nhập hải tùy yên vụ*

ĐUƠNG THI

詩 卷 長 留 天 地 間 ,

Thi quyển trường lưu thiên địa gian,

釣 竿 欲 拂 珊 瑚 樹 .

Điếu can dục phất san hô thụ.

深 山 大 澤 龍 蛇 遠 ,

Thâm sơn đại trạch long xà viễn,

春 寒 野 陰 風 景 暮 .

Xuân hàn dã âm phong cảnh mộ

蓬 萊 織 女 回 雲 車 ,

Bồng lai Chức nữ hồi vân xa,

指 點 虛 無 是 歸 路 .

Chỉ điểm hư vô thị qui lộ

自 是 君 身 有 仙 骨 ,

Tự thị quân thân hữu tiên cốt,

世 人 那 得 知 其 故 .

Thế nhân na đắc tri kỳ cố

惜 君 只 欲 苦 死 留 ,

Tích quân chỉ dục khổ tử lưu,

富 貴 何 如 草 頭 露 .

Phú quý hà như thảo đầu lộ.

蔡 侯 靜 者 意 有 餘 ,

Thái hầu tĩnh giả ý hữu dư.

青 夜 置 酒 臨 前 除 .

Thanh dạ tri tửu lâm tiền trừ.

罷 琴 惆 悵 月 照 席 ,

Bãi cầm trừ trướng nguyệt chiếu tịch,

幾歲寄我空中書 .

Kỷ tuế ký ngã không trung thư.

南尋禹穴見李白 .

Nam tìm Vũ huyết kiến Lý Bạch,

道甫問訊今何如 .

Đạo phủ vấn tẩn kim hà như.

CHÚ THÍCH – *Khổng Sào Phủ* là một người trong Trúc Khê lục dật, đi đồng du, có ý muốn đồn thế, cho nên trong bài này, tác giả nói những việc thần tiên. – *Vũ huyết* là một cái hang, nơi cổ tích ở huyện Thiệu hưng tỉnh Chiết giang. Lúc ấy Lý Bạch đang đi chơi ở Giang nam.

Bài thất ngôn cổ này làm rất đúng phép: đoạn lạc phân minh và hoàn đề cũng rõ ràng. Đoạn đầu bốn câu nói Sào Phủ đi Giang đông; đoạn thứ hai bốn câu, tả cái cảnh đồng du; đoạn thứ ba bốn câu nói cái chí quyết đi ẩn; đoạn cuối sáu câu nói rõ cái ý tổng Khổng trình Lý ở trong đề.

TIỀN KHỔNG SÀO PHỦ ĐI GIANG ĐÔNG VÀ TRÌNH LÝ BẠCH

Lắc đầu Sào Phủ không dừng,

Về đông ra biển, theo chường khói sương.

Khoảng trời đất, tập văn chương,

Cần câu muốn phất cạnh luồng san hô.

Long xà xa ở núi hồ,

Đồng dân, xuân lạnh, ngao du tối ngày.

Xe mây, Chúc nữ, Bồng lai,

Hư vô chỉ điểm đường này thênh thênh.

Vốn là tiên cốt thân anh,

Người đời chỉ có biết ngành cổ dẫu.

Mến anh cố giữ ở lâu,

Sương đầu ngọn cỏ, sang giàu khác nao.

ĐƯỜNG THI

*Thái hậu tình ý đôi dào,
Đêm thanh dặt rượu mời vào trước hiên,
Dứt cầm, bóng nguyệt kê bên,
Vài năm mong được thư tiên tự tình.
Đến Vũ huyết, gặp Lý huynh,
Nói rằng Phủ có lòng thành hỏi thăm.*

高適

CAO THÍCH

17. 人日題杜二拾遺

NHÂN NHẬT ĐỀ ĐỖ NHỊ THẬP DI

人日題詩寄草堂，

Nhân nhật đề thi ký thảo đường,

遙憐故人思故鄉。

Dao liên cố nhân tư cố hương.

柳條弄色不忍見，

Liêu điều lộng sắc bất nhẫn kiến,

梅花滿枝空斷腸。

Mai hoa mãn chi không đoạn trường.

身在南蕃無所預，

Thân tại nam phiên vô sở dự,

心懷百憂復千慮。

Tâm hoài bách ưu phục thiên lự.

今年人日空相憶，
Kim niên nhân nhật không tương ức,
 明年人日知何處，
Minh niên nhân nhật tri hà xứ.
 一臥東山三十春，
Nhat ngọa Đông sơn tam thập xuân,
 豈知書劍老風塵，
Khởi tri thư kiếm lão phong trần.
 龍鐘還忝二千石，
Long chung hoan thiêm nhị thiên thạch.
 媿爾東西南北人。

CHÚ THÍCH - *Thiên nhật* là ngày mùng bảy tháng giêng. - *Đỗ Phủ* là Đỗ Phủ - *Tào 1* là chức quan, xem chú thích bài thơ ngũ ngôn luật số 51 của Sầm Tham. - *Tào 2* là nhà của Đỗ Phủ ở Thành đô, khi co Nghiêm Vũ Nhà ấy gọi là Cán hoa thảo đường. - *Nam thiên* là nói đất Thục đối với kinh đô Trường an về phía bắc. Cao Thích đang làm ngư sử bị Lý Phục Quốc đem pha phải trích ra làm thủ sử ở đất Thục. Vì trong triều có gian thần giữ quyền cho nên nói rằng chưa biết chắc ở chức này được bao lâu. - *Ngoa*

Đông Sơn, ý nói như Ta An đời Tấn ở Đông sơn mãi không xuất sĩ, ám chỉ Đỗ Phủ muốn phân hiến đất. - *Long chung* tên một thư tre. Người già chân tay lẩy bẩy như cành tre long chung, nhân ý ấy mà dùng chữ long chung là già. - *Hu trên thạch* là bổng quan thủ sử đời xưa. Ý Cao Thích nói mình già nua kém hèn mà được trong dụng, còn người có tài như Đỗ Phủ thì không cất nhắc lên để phải long đong, nay đây mai đó, cho nên tu mình lấy làm hổ thẹn.

Bài thơ này cũng như bài, Giang thường ngâm của Lý Bạch, làm đúng chính điều thơ thất ngôn cổ, có ba giải mười hai câu, mỗi giải bốn câu. Bài Giang thường ngâm ba giải một vần, bài này ba giải ba vần.

ĐƯỜNG THI

NGÀY MỒNG BẢY THÁNG GIÊNG ĐỀ THƠ GỬI CHO ĐỖ NHỊ THẬP ĐI

*Thảo đường, mồng bảy gửi thơ,
Xa thương bạn cũ nhớ nhà biếng khuây.
Sắc tươi mảnh liễu nào hay,
Hoa mai cành trĩu luồng gây đoạn trường.
Nam phiên triều chính dẫu tường,
Trăm lo nghìn nghĩ ngổn ngung bởi bởi.
Năm nay mồng bảy đã rồi,
Sang năm mồng bảy sẽ dời dẫu đây?
Đông sơn ba chục xuân chầy,
Biết dẫu thư kiếm không dây phong trần.
Già nua hưởng lộc bội phần,
Thẹn mình để bác xa gần bắc nam.*

李頎

LÝ KỲ

18. 琴歌

CẨM CA

主人有酒歡今夕，
Chủ nhân hữu tửu hoan kim tịch,
請奏鳴琴廣陵客。

Thỉnh tấu mình cảm Quảng lăng khách.
 月 照 城 頭 烏 半 飛 ,
 Nguyệt chiếu thành đầu 6 bán phi,
 霜 淒 萬 木 風 入 衣 .
 Sương thê vạn mộc phong nhập y.
 銅 鑪 華 燭 曾 輝 ,
 Đồng lô hoa chúc chúc từng huy,
 初 彈 綠 水 後 楚 妃 .
 Sơ đàn Lục thủy hậu Sở phi.
 一 聲 以 動 物 皆 靜 ,
 Nhất thanh dĩ động vật giai tĩnh,
 四 座 無 言 星 欲 稀 .
 Tứ tọa vô ngôn tinh dục hi,
 清 淮 奉 使 千 餘 里 ,
 Thanh Hoài phụng sứ thiên dư lý,
 敢 告 雲 山 從 此 始 .
 Cảm cáo Vân sơn tòng thử thử.

CHÚ THÍCH. – Quảng lăng khách là do điển nói rằng đời Tam quốc, Kê Khang đi chơi ở Lạc tây, đêm ngủ ở Hoa dương đình, đem đàn cầm ra đánh, bỗng có người khách lạ vào lấy đàn cầm đánh bài Quảng lăng tán để dạy Kê Khang, thanh điệu nghe cực hay. Sau Kê Khang bị Tư mã Chiên giết, bài đàn ấy thất truyền. – Lục thủy là tên một khúc đàn đời xưa. – Sở phi là do Sở phi thân là một khúc đàn trong nhạc phủ do Thạch Sùng đời Tấn lấy chuyện Phàn phi can Sở Trang vương mà đặt ra.

BÀI HÁT ĐÀN CẦM

Chủ nhân có rượu đêm nay thích,

ĐUƠNG THI

*Dàn cầm xin gảy, Quảng lăng khê h.
Trắng chiếu dần thành quạ bay nhao.
Sương lạnh muôn cây, áo gió vào.
Lò đồng đốt đuốc, đuốc lên cao.
Trúc khúc Lạc thủy, Sở phi sau.
Một tiếng nổi lên, vật đều lặng.
Bốn bề lặng lẽ, trời thâu sao.
Thanh Hoài vắng mệnh ngoài ngàn dặm.
Đám nói Vân sơn đã thấy thắm.*

劉長卿

LƯU TRƯỜNG KHANH

19. 無題

VÔ ĐỀ

晴 川 永 路 何 極 .
Tình xuyên vĩnh lộ hà cực.
落 日 孤 舟 解 攜 .
Lạc nhật cô chu giải h携.
烏 向 平 蕪 遠 近 .
Điền hướng bình vu viễn cận.
人 隨 流 水 東 西 .

Nhân tùy lưu thủy đông tề.

白雲千里萬里 .

Bạch vân thiên lý vạn lý.

明月前溪後溪 .

Minh nguyệt tiền khe hậu khe.

惆悵長沙謫去 .

Trù trưởng Trường sa trích khứ.

江潭芳草萋萋 .

Giang đàm phương thảo thê thê.

CHU THÍCH - Bài thơ này làm đúng niêm thơ lục ngôn.

Tho Việt văn ta về đời Lê người ta hay dùng những bài thơ sáu chữ chen với những câu bảy chữ, như những bài thơ của ông Nguyễn Bình Khiêm và Nguyễn Hữu Chính

VÓ ĐỀ.

Đường dài sông lặng xa tít.

Ai lầu, chiếc thuyền nhỏ neo.

Xa gần chìm tới hoang dã,

Dòng tây nước chảy thuận chèo.

Mây trắng nghìn muôn dặm thắm,

Trắng sáng trước sau khe reo.

Buồn bã Trường sa bị trích,

Sông đầm cây cỏ xanh lè.

王建

VƯƠNG KIẾN

20. 望夫石

VỌNG PHU THẠCH

望 夫 處 ,

Vọng phu xử,

江 悠 悠 .

Giang du du.

化 為 石 ,

Hóa vì thạch,

不 回 頭 .

Bất hồi đầu.

山 頭 日 日 風 和 雨 ,

Sơn đầu nhật nhật phong hòa vũ,

行 人 歸 來 石 應 語 .

Hành nhân qui lai thạch ứng ngữ.

CHÚ THÍCH. - Bến Tàu có hai Vọng phu thạch. Đây là nói Vọng phu thạch ở Bắc sơn gần thành Vũ xương trên sông Trường giang.

ĐÁ VỌNG PHU

Chỗ vọng phu.

Sông chảy mau.

Hóa ra đá.

*Không ngoảnh đầu.
Ngày ngày đỉnh núi mưa cùng khói,
Người đi có về, đá mới nói.*

柳宗元
LIÊU TÔNG NGUYÊN

21. 漁翁
NGƯ ÔNG

漁翁夜傍西巖宿，
Ngư ông dạ bàng tây nhâm túc,
曉汲清湘然楚竹。
Hiếu cấp thanh Tương nhiên Sở trúc.
煙銷日出不見人。
Yên tiêu nhật xuất bất kiến nhân,
欸乃一聲山水綠。
Âi nãi nhất thanh sơn thủy lục.
迴看天際下中流，
Hồi khan thiên tế hạ trung lưu.
巖上無心雲相逐。
Nhâm thượng vô tâm vân tương trục.

CHÚ THÍCH - 欸 nãi là tiếng của người chài lưới hát khi chèo thuyền.
Bài thơ này Tô Đông Pha đời Tống cho là đọc kỹ có kỳ thú

ĐUỜNG THI

ÔNG CHÀI

*Ông Chài đêm ngủ núi tây,
Nước Tương tre Sở thắm ngày nầu ầu.
Dưới vàng đông mọc, chiếc thân,
Tiếng vang ai nài xa gần nước non,
Bên trời ngấm một dòng tuôn,
Đám mây trên núi di luân hững hờ.*

張籍

TRƯƠNG TỊCH

22. 節婦吟

TIẾT PHỤ NGÂM

君 知 妾 有 夫 ,
Quân tri thiếp hữu phu,
贈 妾 雙 明 珠 ,
Tặng thiếp song minh châu
感 君 纏 綿 意 ,
Cảm quân triền miên ý
繫 在 紅 羅 襦 ,
Hệ tại hồng la nhu,
妾 家 高 樓 連 苑 起 ,
Thiếp gia cao lâu liên uyển khởi,
良 人 執 戟 明 光 裏 ,
Lương nhân chấp kích Minh quang lý.

知君用心如日月，

Tri quân dụng tâm như nhật nguyệt,

事夫誓擬同生死，

Sự phu thệ nghi đồng sinh tử.

還君明珠雙淚垂，

Hoàn quân minh châu song lệ thùy.

恨不相逢未嫁時，

Hận bất tương phòng vị giá thì.

CHÚ THÍCH - Lý Su cổ làm nguyên sủy ở trấn Văn, đưa tưa và ngọc sang mời Trương Tích về giúp mình. Trương làm bài thơ này để từ tạ không nhận.

LỜI HÁT NGƯỜI TIẾT PHỤ

Chàng hay thiệp có chồng rồi,

Còn đem cho thiệp một đôi ngọc lành,

Cảm lòng quyến luyến khôn đành,

Thiệp đeo vào áo lột mình màu sen,

Vườn kia nhà thiệp kẻ bên,

Lung quân lấp lánh trong đèn Minh quang,

Biết chàng bụng sáng như gương,

Thờ chồng thề quyết dãi vàng chẳng sai,

Cắt châu, trổ ngọc chàng thôi,

Tiệc không gặp gỡ đương thời còn son.

白居易
BẠCH CÚ DỊ

23. 琵琶行
TÌ BÀ HÀNH

序
TỰ

元和十年，余左遷九江郡司馬，
Nguyên hòa thập niên, dư tả thiên Cửu giang quận Tư mã,
明年秋送客湓浦口，聞舟中
mình niên thu tống khách Bồn phổ khẩu, văn chu trung
夜彈琵琶者，聽其音錚錚然，有京
đạ đàn tì bà giả, thính kỳ âm tranh tranh nhiên, hữu kinh
都聲。問其人，本長安娼女，嘗
đô thanh. Vấn kỳ nhân, bản Trường an xướng nữ, thường
學琵琶于穆曹二善才。年長色衰，
học tì bà vu Mục, Tào nhị thiện tài. Niên trưởng sắc suy,
委身為賈人婦。遂命酒，使快彈數
ủy thân vi cổ nhân phụ. Toại mệnh tửu, sử khoái đàn số
曲。曲罷，憫然自敘少小時歡
khúc. Khúc bãi, mẫn nhiên tự tự thiếu tiểu thời hoan

樂事，今漂淪憔悴，轉徙于江湖間。
lạc sự, kim phiêu luân tiều tụy, chuyển tị vu giang hồ gian.
余出官二年，恬然自安，感斯人
Dư xuất quan nhị niên, điềm nhiên tự an, cảm tư nhân
言，是夕始覺有遷謫意，自為長
ngôn, thị tịch thì giác hữu thiên trich ý, tự vi trường
句歌以贈之，凡六百二十二言命
cú ca dĩ tặng chi, phàm lục bách nhị thập nhị ngôn, mệnh
曰琵琶行。
viết Tì bà hành

潯陽江頭夜送客，
Tám dương giang đầu dạ tống khách,
楓葉蘆花秋瑟瑟。
Phong diệp lô hoa thu sát sát.
主人下馬客在船，
Chủ nhân hạ mã khách tại thuyền,
舉酒欲飲無管絃。
Cử tửu dục ẩm vô quản huyền.
醉不成歡慘相別，
Tsay bất thành hoan thảm tương biệt.
別時茫茫江浸月。
Biệt thời mang mang giang tẩm nguyệt.
忽聞水上琵琶聲，
Hốt văn thủy thượng tì bà thanh.

ĐƯỜNG THI

主人忘歸客不發。
Chủ nhân vong qui khách bất phiệt.
尋聲暗問彈者誰？
Tầm thanh ám vấn đàn gia thùy？
琵琶聲停欲語遲。
Tì bà thanh đình dục ngữ trì.
移船將近要相見，
Di thuyền tương cận yêu tương kiến.
添酒迴燈重開宴。
Thiêm tửu hồi đăng trùng khai yến.
千呼萬喚始出來，
Thiên hô vạn hoán thi xuất lai.
猶抱琵琶半遮面。
Do bào tì bà bán giã diện.
轉軸撥絃三兩聲。
Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh.
未成曲調先有情。
Vị thành khúc điệu tiên hữu tình.
絃絃掩抑聲聲思。
Huyền huyền yêm ức thanh thanh tứ.
似訴平生不得志。
Tự tố bình sinh bất đắc chí.
低眉伸手續續彈，
Đề mi thân thủ tục tục đàn.
說盡心中無限事。
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự.

輕攏慢撚抹復挑，

Khinh lung mạn niền mạt phục khiêu,

初為霓裳後六么，

Sơ vi Nghi thường hậu Lục yêu.

大絃嘈嘈如急雨，

Đại huyền tào tào như cấp vũ.

小絃切切如私語，

Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ.

嘈嘈切切錯雜彈，

Tào tào thiết thiết thác tạp đàn,

大珠小珠落玉盤，

Đại châu tiêu châu lạc ngọc bàn.

間關鶯語花底滑，

Gian quan oanh ngữ hoa đế hoạt,

幽咽泉流水下灘，

U yết tuyền lưu thủy hạ than.

水泉冷澀絃凝絕，

Thủy tuyền lãnh sáp huyền ngưng tuyệt.

凝絕不通聲暫歇，

Ngưng tuyệt bất thông thanh tạm yết.

別有幽愁暗恨生，

Biệt hữu ưu sầu ám hận sinh,

此時無聲勝有聲，

Thử thời vô thanh thắng hữu thanh.

銀瓶乍破水漿迸，

Ngân bình xạ phá thủy tương bình,

鐵騎突出刀鎗鳴。
Thiết kỵ đột xuất đao thương minh.
曲終抽撥當心畫，
Khúc chung trứu bát đương tâm hoạch,
四絃一聲如裂帛。
Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch.
東船西舫悄無言，
Đông thuyền tây phảng tiếu vô ngôn.
惟見江心秋月白。
Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch.
沈吟放撥插絃中，
Trầm ngâm phóng bát sáp huyền trung,
整頓衣裳起斂容。
Chỉnh đôn y thường khởi liễm dung.
自言本是京城女，
Tự ngôn bản thị Kinh thành nữ,
家在蝦蟆陵下住。
Gia tại Hà mô lăng hạ trụ.
十三學得琵琶成，
Thập tam học đắc tì bà thành,
名屬教坊第一部。
Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ.
曲罷常教善才服，
Khúc bãi thường giao thiện tài phục,
粧成每被秋娘妒。
Trang thành mỗi bị thu nương dố.

五陵年少爭纏頭，
Ngũ lăng niên thiêu tranh triển đầu,
一曲紅綃不知數。
Nhất khúc hồng tiêu bất tri số.
鈿頭銀篦擊節碎，
Diên đầu ngân bệ kích tiết toái,
血色羅裙翻酒污。
Huyết sắc la quần phiên tửu ô.
今年歡笑復來年，
Kim niên hoan tiếu phục lai niên,
秋月春風等閒度。
Thu nguyệt xuân phong đẳng nhàn độ.
弟走從軍阿姨死，
Đệ tẩu tòng quân a di tử,
暮去朝來顏色故。
Mộ khứ triêu lai nhan sắc cố.
門前冷落車馬稀，
Môn tiền lãnh lạc xa mã hy,
老大嫁作商人婦。
Lão đại giá tác thương nhân phụ.
商人重利輕別離，
Thương nhân trọng lợi khinh biệt ly,
前月浮梁買茶去。
Tiền nguyệt Phù lương mai trà khứ.
去來江口守空船，
Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền,

DUỠNG THI

繞船明月江水寒。
Nhiều thuyền minh nguyệt giang thủy hàn.
夜來忽夢少年事，
Đạ lai hốt mộng thiếu niên sự,
夢啼粧淚紅欄干。
Mộng đề trang lệ hồng lan can.
我聞琵琶已歎息，
Ngã văn tì bà dĩ than tức,
又聞此語重唧唧。
Hựu văn thử ngữ trùng tức tức.
同是天涯淪落人，
Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân,
相逢何必曾相識。
Tương phùng hà tất tằng tương thức.
我從去年辭帝京，
Ngã tòng khứ niên từ Đế kinh,
謫居臥病潯陽城。
Trích cư ngoạ bệnh Tầm dương thành.
潯陽地僻無音樂，
Tầm dương địa tịch vô âm nhạc
終歲不聞絲竹聲。
Chung tuế bất văn tì trúc thanh.
住近湓池地底濕，
Trụ cận Bồn trì địa đế thấp.
黃蘆苦竹繞宅生。
Hoàng lô khổ trúc nhiều trạch sinh.

其間旦暮聞何物，

Kỳ gian dân mọ vãn hà vật?

杜鵑啼血猿哀鳴，

Dồ quyên đé huyết viên ai minh.

春江花朝秋月夜，

Xuân giang hoa triêu thu nguyệt dạ,

往往取酒還獨頃，

Vãng vãng thủ tửu hoàn độc khuynh.

豈無山歌與村笛，

Khởi vô sơn ca dư thôn địch,

嘔啞啁哳難為聽，

Ưu nha trù chiết nan vì thính.

今夜聞君琵琶語，

Kim dạ vãn quân tì bà ngữ,

如聽仙樂耳暫明，

Như thính tiên nhạc nhĩ tạm minh.

莫辭更坐彈一曲，

Mạc từ cớng tọa đàn nhất khúc,

為君翻作琵琶行，

Vì quân phiên tác tì bà hành.

感我此言良久立，

Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập,

卻坐促絃絃轉急，

Khước tọa xúc huyền huyền chuyển cấp.

淒淒不似向前聲，

Thê thê bất tự hướng tiền thanh.

DUƠNG THI

滿坐聞之皆掩泣。

Mãn tọa văn chi giai yếm khấp.

就中泣下誰最多。

Tựu trung khấp hạ thủy tối đa.

江洲司馬青衫濕。

Giang châu Tư mã thanh sam thấp.

CHÚ THÍCH. – *Gian quan* là tả tiếng riu rít của chim kêu. *Thiện tài* là thầy dạy âm nhạc. *Thu nương* là người đàn đẹp đã có tuổi. – *Ngũ lạng* niên thiếu là những người trẻ tuổi hào hiệp ở chỗ Ngũ lạng gần kinh thành. – *Triền đầu* là khăn đỏ. Thuở xưa dùng làm vật để ban thưởng cho những người ca vũ. – *Điền đầu ngân bễ* là đồ trang sức cài trên đầu đàn bà. – *Điền* là thú hoa làm bằng ngọc châu và lông chim thúy để cài vào tóc. *bễ* là thú lược để gỡ tóc. Khi đánh đàn, đầu lắc theo để làm cho những hoa và lược ấy rơi vỡ tan. – *Phủ lương* tên một huyện có trà ngon, thuộc tỉnh Chiết giang ở phía đông hồ Bả dương – *Lan can* nghĩa là cái bao lon, lại có nghĩa là vành mắt.

Bài Tì bà hành, có cả bài tựa nói rõ làm vào năm Nguyên hòa thứ mười một (816) đời vua Hiến tông nhà Đường. Bạch Lạc thiên từ năm chín tuổi đã hiểu thanh luật, và sau có tiếng giỏi đàn, hay thơ.

Bài thơ này là một lời văn đời dào, thật hay, lời nhiều tình rõ lại có khuôn phép, chỗ mau, chỗ chậm, nhưng so với phần cao và mạnh thì không bằng văn của Đỗ Phủ.

TÌ BÀ HÀNH

Tựa

Năm Nguyên hòa thứ mười, ta bị giáng ra làm chức Tư mã ở quận Cửu giang. Mùa thu năm sau, di tiễn khách ở bến Bồn, giữa đêm nghe tiếng đàn tì bà ở trên cái thuyền, tiếng lảnh lảnh như tiếng ở Kinh đô. Hồi ra, thì là một người ca nữ ở Trường an, thường đã học đàn tì bà hai thiện tài họ Mục và họ Tào. Tuổi già, sắc kém,

ủy thân làm vợ một người lái buôn. Liền bảo đặt rượu và bảo đánh vài khúc. Đánh xong mấy khúc, người ấy buồn bã, tự kể sự vui chơi lúc thiếu thời, nay lưu lạc tiêu tụy, ở nơi giang hồ. Ta ra làm quan ở ngoài đã hai năm, điềm nhiên tự an, đêm nay cảm lời nói của người ấy, mới để ý đến sự giáng trích, và làm bài trường ca để tặng người ấy. Bài này có 622 lời, đặt tên là Tì bà hành.

Đêm đưa khách bến Tầm dương,
 Gió thu sàt lá vàng bông lau.
 Người xuống ngựa, khách đón chào,
 Rượu kèo muốn uống, có đâu sáo dần.
 Chén sông ngân nổi hợp tan,
 Trăng sông man mác, chứa chan nỗi lòng.
 Tiếng tì chọt vắng trên sông,
 Chủ quên trở lại, khách không vội về.
 Lần tìm sẽ hỏi ai kia,
 Tiếng đàn nín bật, người e ngỏ lời.
 Ghé thuyền đến cạnh, chào mời,
 Khêu đèn thêm rượu, lại bày tiệc hoa.
 Này nì mời mãi mời ra,
 Ôm đàn che nửa, mặt hoa thấn thờ.
 Lỡm dầy vắn trúc dạo qua,
 Chưa thành khúc điệu, thiết tha hữu tình.
 Dẫn do, nấn nót, rõ ràng,
 Đường như tổ cáo bình sinh nỗi buồn.
 Đang tay củi mặt gãy luôn,
 Xiết bao tâm sự như tuôn mạch sâu,
 Tiếng đàn, dịu dặt thấp còi,
 Nghê thường vừa dứt, lạc vào Lục yêu.

ĐƯỜNG THI

Dây to sầm sập mưà dào,
Nỉ non dây nhỏ, thì thảo nổi tây.
Nhật thuta réo rất quấy dây,
Hạt châu to nhỏ rơi đầy trên mâm.
Trong hoa riu rít oanh ngâm,
Cuối ghềnh nước suối réo ngâm giữa khơi.
Tiếng đàn, suối lạnh không trôi.
Không trôi ngập ngừng, tạm thôi nhịp nhàng.
Lắng nghe sâu oán ngổn ngang.
Bấy giờ lặng lẽ, lại càng hay hơn.
Nước tuôn bình bạc vỡ tan,
Giáo gươm thiết kỵ tiếng ran rợn người.
Khúc xong gảy một tiếng dài.
Bốn dây một tiếng như ai xé là.
Đồng tây thuyền lặng như tờ,
Giữa sông bóng sáng thần thờ gương nga.
Trên dây cây móng giấu ngọc,
Dung y chỉnh đôn, dừng xa phân trình.
Kể rằng xưa ở kinh thành,
Hà mô lẳng ấy gần quanh là nhà.
Học đàn từ thuở mười ba,
Giáo phường đệ nhất, tiếng đà đồn xa.
Thiện tài phục ngón tì bà,
Thu nương tấm tức, khi đà giới trau.
Ngũ lừng tuổi trẻ đua nhau,
Đàn xong một khúc biết bao khăn điều.
Lực trâm gõ nhịp gảy nhiều.
Chén mời, giọt rượu quần điều ố hoen.

Năm qua năm lại bao phen,
 Xuân thu trăng gió đã quen vui vầy.
 Nỗi buồn đi chết em đây,
 Sớm chiều thăm thoắt, mặt mây kếm xuân.
 Ngựa xe lẻ tẻ trước sân,
 Vê già lấy một thương nhân bạn bè.
 Trọng tài lại, nhẹ biệt ly,
 Phù lương tháng trước chồng đi buồn chề.
 Một mình nắp bóng chiếc ghe,
 Quanh thuyền nước lạnh trăng kê vẫn vơ.
 Đêm qua mộng thấy chuyện xưa,
 Lệ rơi lãm tã, mắt mờ đỏ hoe.
 Tiếng ti đã gọi mối phiền,
 Lại nghe mụ nói, chẳng yên nổi lòng.
 Cùng nhau gòc bể long dong,
 Gặp nhau lo phải đã cùng quen nhau.
 Để kinh từ biệt bấy lâu,
 Tâm đương bị trích lại đau bấy chầy.
 Có dấu âm nhạc chốn này.
 Suốt năm tư trúc chẳng ngày nào nghe.
 Bến Bồn đất thấp ở kê,
 Lau vàng trúc cối bao vì bốn bề.
 Sớm chiều nghe tiếng vật gì?
 Cuộc kên vượn hú, ử a đêm ngày.
 Xuân thu hoa nguyệt khổ khuây.
 Thường thường chuốc chén, lại say một mình.
 Ca rừng sáo nội đã dành.
 Lầu lo riu rít, nào mình có hay.

ĐƯỜNG THI

Tì bà giọng ấy đêm nay,
Nghe như tiên nhạc bên tai rạch ròi.
Gảy thêm khúc nữa, hãy ngồi.
Tì bà hành sẽ vì ai đặt thành.
Cầm lời, đứng lúc lặng thinh,
Lại ngồi lựa ngón, lạnh lạnh gảy bài.
Véo von khác trước một hồi,
Những người ngồi đó lệ rơi ngấn dài.
Khóc nhiều hơn cả là ai?
Giang châu Tư mã đắm mùi áo xanh.

II THƠ LUẬT

Thơ luật là lối thơ khởi đầu có từ đời Đường, làm mỗi bài chỉ có tám câu, bốn hay năm vắn, theo đúng niêm và luật bằng trắc. Khi làm bốn vắn, thì hai câu đầu phải đối nhau, mà làm năm vắn thì hai câu đầu không đối mà có vắn.

Thơ luật ngũ ngôn hay thất ngôn chỉ dùng vắn bằng, chứ không bao giờ dùng vắn trắc. Khi có một bài thơ làm theo điệu luật mà có vắn trắc, thì bài ấy là bài cổ thi.

Thơ luật mỗi bài có tám câu, chia làm hai giải, gọi là tiền giải và hậu giải. Tiền giải có bốn câu: hai câu đầu gọi là hai câu **khởi**, hai câu ba và bốn gọi là hai câu **thừa**; hậu giải có bốn câu: hai câu năm và sáu là hai câu **chuyển**, hai câu cuối gọi là hai câu **hợp**. Khởi, thừa, chuyển, hợp, phải đặt cho khéo thì thơ mới hay.

Đó là nói về hình thức, còn về ý nghĩa, thì tư liệu của thơ là **tình** và **cảnh**, sự vận dụng của thơ là **ý** và **từ**. Ý dùng ở những câu khởi và những câu hợp, từ dùng ở những câu thừa và những câu chuyển. Những câu dùng ý là những câu đi lẻ, không đối nhau; những câu dùng từ, thì phải có đối ngẫu. Đó là luật nhất định.

Tình với cảnh mà trong câu thơ kiêm được cả hai là hạng nhất, thiên về một bên là hạng thứ. Những câu kiêm cả tình và cảnh, như:

ĐƯỜNG THI

露 從 今 夜 白

Lộ tông kim dạ bạch.

月 是 故 鄉 明 .

Nguyệt thị cố hương minh

Những câu thiên về tình cả, như:

長 擬 即 見 面 ,

Trường nghi tức kiến diện

反 致 久 無 書 .

Phản trí cửu vô thư.

Những câu thiên về cảnh cả, như:

日 花 川 上 動 ,

Nhật hoa xuyên thượng động

風 光 草 際 浮 .

Phong quang thảo tế phù.

Lại có những câu trong cảnh ngụ tình, như:

水 流 心 不 競 ,

Thủy lưu tâm bất cạnh,

雲 在 意 俱 遲 .

Vân tại ý câu trì

Những câu trong tình ngụ cảnh, như:

卷 簾 惟 白 水 ,

Quyển liêm duy bạch thủy,

隱 几 亦 青 山 .

Ẩn kỷ diệp thanh sơn.

Những câu tình với cảnh hòa lẫn, không phân tách ra, như:

感 時 花 濺 淚 ,

Cảm thời hoa tiển lệ,

恨 別 鳥 驚 心 .

Hận biệt diều kinh tâm.

Có khi trong hai câu đối, một câu nói tình một câu nói cảnh, như:

白 手 多 年 病 ,

Bạch thủ đa niên bệnh,

秋 天 昨 夜 涼 .

Thu thiên tạc dạ lương.

Có khi người ta làm theo lối biến cách, hai câu đối nói cảnh và hai câu đối nói tình, hay là hoặc bốn câu, hoặc sáu câu đều nói cảnh cả, rồi lấy hai câu nói tình mà kết. Lại có khi suốt cả bài nói tình, nhưng nếu không có cách thu thúc cho khéo, thì thành ra dờ.

Phép làm thơ như lời cổ nhân đã nói: *Dung tình ư cảnh vật chi trung, thác tử ư phong vân chi y* 融情於景物之中,托思於風雲之衣: Dung hòa tình ở trong cảnh vật, ký thác ở áo gió mây. Đó là sự khó của thơ vậy.

Phép làm thơ luật, phải chú trọng ở câu khởi, câu kết và bốn câu đối ngẫu ở giữa.

Hai khởi phải mạnh mẽ. Người ta cho những câu khởi sau này là hay:

Của Tạ Diếu:

大 江 流 日 夜 ,

Đại giang lưu nhật dạ,

ĐUƠNG THI

客 心 悲 未 央 .
Khách tâm bi vị ương.

Của Ngộ Quân:

春 從 何 處 來 ,
Xuân tòng hà xứ lai,
拂 水 復 驚 梅 .
Phất thủy phục kinh mai

Của Tô Đình:

北 風 吹 早 雁 ,
Bắc phong xuy tảo nhạn,
日 日 度 河 飛 .
Nhật nhật độ hà phi.

Của Vương Duy:

風 勁 角 弓 鳴 ,
Phong kính giác cung minh,
將 君 獵 渭 城 .
Tướng quân liệp Vị thành.

Bốn câu đối ngẫu, thì câu ba và bốn theo trên cao xuống đang mạnh, phải từ từ êm dịu mà đi; đến câu năm và sáu phải trỗi bật lên để mở ra một cảnh vực khác, như bài **Tặng Trương đô đốc của Thôi Tư Huân**, rằng:

出 塞 清 沙 漠 ,
Xuất tái thanh sa mạc,
還 家 拜 羽 林 .
Hoàn gia bái vũ lâm,

rồi tiếp theo hai câu sau rằng:

風霜苦臣節，
Phong sương khổ thần tiết,
歲月主恩深。
Tuế nguyệt chủ ân thâm.

Trong bài **Nhạc dương thành hạ** của Đỗ Thiệu lẫm nói rằng:

岸風翻夕浪，
Ngạn phong phiên tịch lãng,
舟雪洒寒燈。
Chu tuyết sái hàn đăng.

rồi tiếp hai câu sau rằng:

留滯才難盡，
Lưu trệ tài nan tận,
艱危氣益增。
Gian nguy khí ích tăng.

Trong bài **Thương sơn tảo hành** của Ôn Phi Khanh rằng:

雞聲茅店月，
Kê thanh mao điếm nguyệt,
人跡板橋霜。
Nhân tích bản kiều sương.

rồi tiếp hai câu đáp đúng với tên rằng:

槲葉落山路，
Hộc diệp lạc sơn lộ
枳花明驛牆。
Chi hoa minh dịch tường.

ĐƯỜNG THI

Trong bốn câu đối ngẫu, khi nói điệp cảnh, thì phải có hai ý, khi nói sự to rộng, thì một nửa phải nói sự nhỏ hẹp. Đó là phép **Tam muội**, tức là cái quyết yếu của thơ luật. Thí dụ như:

浮雲連海岱，

Phù vân liên Hải Đại,

平野入青徐。

Bình dã nhập Thanh từ.

孤嶂秦碑在，

Cô chương Tần bi tại,

荒城魯殿餘。

Hoang thành Lô điện dư.

Bốn câu ấy đều tả cảnh ở đất Thanh và đất Từ, nhưng cảnh trên thuộc về nhơn giới, cảnh dưới thuộc về sự cảm hoài, thành ra hai ý khác nhau.

Lại như:

詔從三殿去，

Chiếu tông tam điện khứ,

碑到百蠻開。

Bi đáo bách man khai.

野館禮花發，

Dã quán lễ hoa phát,

春帆細雨來。

Xuân phàm tế vũ lai.

Nửa trên rộng lớn, nửa dưới công tế.

Trong bốn câu đối ngẫu, thì hai câu trên nói tình mà

hư, hai câu dưới nói cảnh mà thực. Thực thì khí thế hùng kiện, hư thì thái độ hòa dịu. Nhẹ trước nặng sau thì thể tượng vừa phải, như trong bài *Quá Hương tích tự* (số 21) của Vương Ma cập, rằng:

古木無人徑。

Cổ mộc vô nhân kính

深山何處鐘，

Thâm sơn hà xứ chung.

泉聲咽危石，

Tuyền thanh yết nguy thạch,

日色冷青松，

Nhật sắc lãnh thanh tùng.

Hai câu trên thì hư, hai câu dưới thì thực. Nếu trái lại, trên thực dưới hư, thì khí thế yếu kém, không hay.

Thơ luật có lối làm hai câu nói một việc, như:

又從江北路，

Hựu tòng giang bắc lộ,

重到竹西亭。

Trùng đáo trúc tây đình.

Hay là:

若無三日雨，

Nhược vô tam nhật vũ,

那得一年秋。

Na đắc nhất niên thu.

Hay là:

又得清新句，

ĐƯỜNG THI

Huyền đặc thanh tân cú,

如 聞 聲 歎 音 .

Như văn khánh khái âm.

Lời ấy nghe cũng nhẹ nhàng.

Phép thu thúc của thơ luật thường có ba cách, một là **bản vị thu sinh** 本位收生, hai là **dăng xuất viễn thần** 宕出遠神, ba là **phóng khai nhất bộ** 放開一步.

Bản vị thu sinh, như Trương Yên công kết bài **Dạ ẩm** rằng:

不 作 邊 城 將 ,

Bất tác biên thành tướng,

誰 知 恩 遇 深 .

Thùy tri ân ngộ thâm.

Dăng xuất viễn thần, như Vương Ma cật kết bài **Thù Trương thiếu phủ** (số 25), sau khi nói giải đãi dần cảm rằng:

君 問 窮 通 理 ,

Quân vấn cùng thông lý,

漁 歌 入 浦 深

Ngư ca nhập phố thâm.

Phóng khai nhất bộ, Như Đỗ Thiếu lãng kết bài thơ đề bức vẽ con chim ưng mà tả ra con ưng thật rằng:

何 常 擊 凡 鳥 ,

Hà thường kích phàm diều,

毛 血 洒 平 蕪 .

Mao huyết sái bình vu.

Đó là phép làm thơ luật của cổ nhân, đại khái có qui củ như thế, ta phải biết rõ mới hiểu được cái hay của thơ.

Trong những bài thơ luật, nhất là từ Thịnh Đường về trước, có nhiều bài cốt làm lấy hay mà không bó buộc theo đúng niêm và luật, xem như bài ngũ ngôn **Phá sơn tự hựu thiển viện** (số 52) của **Thường Kiến**, hai câu tam tứ không đối; trong những bài thất ngôn như **Chước tửu dư Bồi Dịch** (số 4) của **Vương Duy**, **Hoàng hạc lâu** (số 6) của **Thôi Hạo**, **Đăng Kim lăng Phượng hoàng đài** (số 7) và **Đế Đông khê công u cư** (số 9) của **Lý Bạch**, **Kiến huỳnh hỏa** (số 21) của **Đỗ Phủ**, **Sứ quân tịch dạ tống Nghiêm Hà nam phó Trường thủy** (số 22) của **Sầm Tham**, hoặc có những câu tam tứ không đối, hoặc có những câu không theo đúng niêm đúng luật. Những bài thơ như thế, thành lối thơ nửa cổ nửa luật, thông dụng về đời Sơ Đường và Thịnh Đường. Song phải biết rằng những bài thơ ứng chế, tức là thơ của vua ra, như bài **Tống Hạ giám qui Tứ minh** (số 8) của **Lý Bạch**, thì nhất định phải làm đúng niêm luật. Vì vậy về sau những thơ ra ở chỗ khoa trường, tức là thơ ứng chế, hễ làm sai niêm luật thì hỏng.

Sau này những bài thơ luật có dấu hoa thị, là những bài nửa cổ nửa luật, để đọc giả dễ nhận biết.

A-NGŨ NGÔN LUẬT

王績

VƯƠNG TÍCH

1. 野望

DÃ VỌNG

東 皋 薄 暮 望 ,

Đông cao bạc mộ vọng,

徙 倚 欲 何 依 .

Tỉ ỷ dục hà y.

樹 樹 皆 秋 色 ,

Thụ thụ giai thu sắc.

山 山 惟 落 暉 .

Sơn sơn duy lạc huy.

牧 人 驅 犢 反 ,

Mục nhân khu độc phản,

獵 馬 帶 禽 歸 .

Liệt mã đới cầm qui.

相 顧 無 相 識 ,

Tương cố vô tương thức,

長歌懷採薇

Trường ca hoài thái vi

CHÚ THÍCH – Tác giả làm bài thơ này để than nỗi mình và ví mình như Bá Di, Thúc Tề cuối đời nhà Ân, bỏ đi hái rau trên núi Thử dương.

Bài thơ này rất chỉnh tề, người ta thường lấy kiểu mẫu cho thơ luật. Hai câu đầu tả lúc đứng trông, hai câu thừa nói cái tình đối với cảnh sắc của núi cây, hai câu chuyển tả những người và vật trông thấy, hai câu hợp nói cái tình tứ của mình ứng với cảnh ở trên.

TRÔNG CẢNH ĐỒNG

Chiều hôm ngắm cảnh đồng không,

Tựa kề vợ vẫn biết trông nẻo nào.

Vẽ thu cây nhuộm một màu,

Bóng chiều muôn núi ủa rầu xiết bao.

Người đi bắn, kẻ chăn trâu,

Xách chim, xua ghé, ruổi mau về nhà,

Trông người, người chẳng biết ta,

Hát ngao trạnh nhớ ông già hái rau

楊炯

DUƠNG QUỲNH

2. 從軍行

TÔNG QUÂN HÀNH

烽火照西京，

Phong hỏa chiếu Tây kinh,

ĐƯỜNG THI

心中自不平。

Tâm trung tự bất bình.

牙璋辭鳳闕，

Nha chương từ Phượng khuyết,

鐵騎繞龍城。

Thiết kỵ nhiều Long thành.

雪暗凋其色，

Tuyết ám điêu kỳ sắc,

風多雜鼓聲。

Phong đa tạp cổ thanh.

寧為百夫長，

Ninh vi bách phu trưởng,

勝作一書生。

Thắng tác nhất thư sinh.

CHÚ THÍCH.— Ở nước Tàu đời xưa, chỗ biên địa hay có giặc, cho nên đắp những lò đất, chất củi ở trong; hễ có biến thì đốt cho khói bốc lên để báo tin.— *Nha chương* là thời ngà hình tròn đẹp và nhọn, đời cổ dùng làm binh phù, khi có việc binh.— *Phượng khuyết* là cung nhà vua — *Long thành* là cố thành ở đất Hồ, chỗ ấy hình giống con rồng, nên gọi là Long thành. Hằng năm các bộ lạc hội ở đó để tế trời đất quỷ thần.

BÀI HÁT TÔNG QUÂN

Tây kinh khói lửa chói lòe,

Bằng bằng nổi giận chẳng tha giặc thù.

Vào trào bá lĩnh binh phù,

Ruổi mau thiết kỵ thành hồ xông pha,

Màu cờ xám, dẫm tuyết pha,

Ào ào gió thổi, nhịp hòa trống canh.

*Thà rằng làm quân trăm binh,
Còn hơn mang tiếng thư sinh một đời.*

駱賓王
LẠC TÂN VƯƠNG

3. 在獄詠蟬

TẠI NGỤC VỊNH THIÊN

西陸蟬聲唱，

Tây lục thiên thanh xướng,

南冠客思深。

Nam quan khách tứ thâm.

不堪玄鬢影，

Bất kham huyền mấn ảnh,

來對白頭吟。

Lai đối bạch đầu ngâm.

露重飛難進，

Lộ trọng phi nan tiến.

風多響易沈。

Phong đa hưởng dị trầm.

無人信高潔，

Vô nhân tín cao khiết,

誰為表予心。

Thùy vị biểu dư tâm.

DƯƠNG THI

CHÚ THÍCH. – *Tây lục* là cõi đất ở phía tây, đây có nghĩa là mùa thu, lấy nghĩa câu: *Nhật hành tây lục vị chi thu*. Mặt trời đi ở cõi đất tây là mùa thu. – *Nam quan* là mũ của người tù nước Sở, đây nói người ở tù.

Ở TRONG NGỤC VỊNH VE SẦU

*Trời thu nghe tiếng ve kêu.
Khách nằm trong ngục nghĩ điều sâu xa.
Chịu đau núp bóng tối mờ,
Lại cùng đau hạc ngâm nga suốt ngày.
Sương dày đau dễ xa bay,
Tiếng vang, gió mạnh, bất ngay giọng rền.
Tĩnh cao khiết mấy người tin.
Cậy ai bộc bạch cho yên lòng này.*

王勃

VƯƠNG BỘT

4. 杜少府之任蜀川

ĐỖ THIẾU PHỦ CHI NHẬM THỰC XUYÊN

城 闕 輔 三 秦 ,

Thành khuyết phụ Tam Tần,

風 煙 望 五 津 .

Phong yên vọng ngũ tân.

與 君 離 別 意 ,

Dữ quân ly biệt ý,

同 是 寓 遊 人 .
Đồng thị hoạn du nhân.
海 內 存 知 己 ,
Hải nội tồn tri kỷ,
天 涯 若 比 鄰 .
Thiên nhai nhược tỉ lân.
無 為 在 岐 路 ,
Vô vi tại kỳ lộ,
兒 女 共 沾 巾 .
Nhi nữ cộng triêm cân.

CHÚ THÍCH - *Tam Tần* là đất Quan trung ở tỉnh Thiểm tây bảy giờ. Khi nhà Tần mất, Hạng Vũ chia nước Tần làm ba nước, phong cho ba người tướng cũ nhà Tần. - *Ngũ tân* là năm bến sông ở đất Thục. - *Hoạn du* là người làm quan đi đây đó. - *Tỉ lân* là láng giềng gần.

Tiền giải nói sự ly biệt, hậu giải nói không nên thương xót,

ĐỔ THIẾU PHỦ ĐI NHẬM CHÚC Ở THỤC XUYÊN

*Cõi ngoài thành ải Tam Tần,
Gió mây, trông khắp ngũ tân rõ ràng.
Tổ lòng ly biệt với anh,
Cùng nhau bẽ hoạn lênh dênh mấy người.
Hãy còn tri kỷ ở đời,
Thiên nhai chi khác những nơi gần nhà
Phân kỳ thôi chờ xót xa,
Đã cùng nhi nữ lệ sa đầm đìa.*

杜審言
ĐỖ THẨM NGÔN

5. 和晉陵陸丞早春遊望
HÒA TẤN LĂNG LỤC THỪA
TẢO XUÂN DU VỌNG

獨 春 窈 遊 人 ,

Độc hữu hoạn du nhân

偏 驚 物 候 新 .

Thiên kinh vật hậu tân.

雲 霞 出 海 曙 ,

Vân hà xuất hải thụ,

梅 柳 渡 江 春 .

Mai liễu độ giang xuân.

淑 氣 催 黃 鳥 ,

Thục khí thôi hoàng điểu,

晴 光 轉 綠 蘋 .

Tình quang chuyển lục tân.

忽 聞 歌 古 調 ,

Hốt văn ca cổ điệu,

歸 思 欲 沾 巾 .

Qui tứ dục triêm cân.

CHÚ THÍCH. – Tấn lăng ở huyện Vũ tiên, tỉnh Giang tô.

HỌA LỤC THỪA Ở TẤN LĂNG VỀ VIỆC
CHƠI XUÂN BUỔI SỚM

*Hoạn du riêng có một người,
Hải hùng thấy vật thấy người đổi thay.
Ráng mây ngoài bể sáng ngày,
Bến xuân cành liễu chùm mai đậm đà.
Chim vàng đón khí hòa,
Rau Tần phe phẩy cạnh bờ giữa trưa.
Chợt nghe tiếng hát điệu xưa,
Muốn về, giọt lệ nhặt thưa thấm bào.*

宋之問
TỔNG CHI VẤN

7. 陸渾山莊
LỤC HỒN SƠN TRANG
歸來物外情，
Qui lai vật ngoại tình
負杖閱巖耕，
Phụ trượng duyệt nhâm canh.
源水看花入，
Nguyên thủy khan hoa nhập,
幽林採藥行。
U lâm thái dược hành.

ĐƯỜNG THI

野 人 相 問 姓 ,
Dã nhân tương vấn tính.
山 鳥 自 呼 名 .
Sơn diều tự hô danh.
去 去 獨 吾 樂 ,
Khứ khứ độc ngô lạc,
無 能 愧 此 生 .
Vô năng quý thử sinh.

CHÚ THÍCH - Tiền giải nói về sơn trang; hậu giải nói nhân dĩ tự lạc.

NHÀ Ở TRÊN NÚI LỤC HỒN

*Nghĩ về gác bỏ chuyện đời,
Thung dung chống gậy coi chơi ruộng cồn,
Xem hoa vào tận trong nguồn,
Có khi hái thuốc đi luôn vào rừng.
Người quê hỏi họ lắng nghe,
Chim kêu trên núi tự xưng tên mình.
Đi đi cho thỏa tâm tình,
Vụng về ngẫm lại sinh bình tử thay.*

7. 題大庾北驛

ĐỀ ĐẠI DỮ BẮC DỊCH

陽 月 南 飛 雁 ,
Dương nguyệt nam phi nhạn.
傳 聞 至 此 回 .
Truyền văn chí thử hồi.

我行殊未已，
Ngã hành thù vị dĩ,
何日復歸來。
Hà nhật phục qui lai.
江靜潮初落，
Giang tĩnh triều sơ lạc,
林昏瘴不開。
Lâm hôn chương bất khai.
明朝望鄉處，
Minh triều vọng hương xứ,
應見隴頭梅。
Ưng kiến lũng đầu mai.

CHÚ THÍCH. — Đại Dữu tức là Dữu Lĩnh dãy núi ở phía nam Dữu huyện thuộc tỉnh Giang tây. Ở núi ấy có cái đèo cao và có nhiều cây mai, cho nên có tên gọi là Mai lĩnh. Đèo ấy là chỗ giao thông của tỉnh Giang tây và tỉnh Quảng đông. Dương nguyệt là tháng mười

ĐỀ Ở TRẠM BẮC DỊCH
TRÊN NÚI ĐẠI DỮ

Về nam chim nhận tháng mười,
Nghe rằng đến đấy là nơi quay về.
Sao ta còn cứ phải đi,
Ngày nào mới được trở về đến nơi,
Sông êm triều mới rút lui,
Trên rừng chương khí chưa khai bóng mờ.
Sáng ngày trông phía quê nhà,
Mới hay thấy rõ cây mơ trên đồi.

沈佺期
THẨM THUYÊN KỲ

8. 雜詩

TẠP THI

聞道黃龍戍，
Văn đạo Hoàng long thú,
頻年不解兵。
Tần niên bất giải binh.
可憐閨裏月，
Khả liên khuê lý nguyệt,
長在漢家營。
Trường tại Hán gia dinh.
少婦今春意，
Thiếu phụ kim xuân ý,
良人昨夜情。
Lương nhân tạc dạ tình.
誰能將旗鼓，
Thùy năng tương kỳ cổ,
一為取龍城。
Nhất vị thủ Long thành.

CHÚ THÍCH.— *Hoàng long thú* là chỗ Phùng Bat đời Đông Tấn đóng đồn ở đây, vào quăng phía bắc nước Tàu. *Lương nhân* là tiếng người vợ gọi người chồng — *Long thành* xem chú thích bài số 2 ở trên.

TẬP THI

*Nghe rằng đồn đồn Hoàng long,
Luôn năm cứ phải áp dùng binh nhung.
Bóng trắng soi ở khuê phòng,
Theo sang lại chiếu ở vùng Hán quân.
Ngẩn ngơ thiếu phụ lòng xuân,
Đêm qua tâm sự lương nhân thần thờ.
Có ai đánh trống dong cờ,
Long thành lấy được cõi bờ đẹp yên.*

唐玄宗

ĐƯỜNG HUYỀN TÔN

9. 經魯祭孔子而歎之

KINH LỔ TẾ KHỔNG TỬ NHÌ THÁN CHỈ

夫子何為者，
Phu tử hà vi giả,
栖栖一代中。
Thê thê nhất đại trung.
地猶鄒氏邑，
Địa do Châu thị ấp,
宅即魯王宮。
Trạch tức Lỗ vương cung.
歎鳳嗟身否，
Thán phượng ta thân bì,

ĐƯỜNG THI

傷 麟 怨 道 窮 .

Thương lân oán đạo cùng.

今 看 兩 楹 奠 ,

Kim khan lưỡng doanh diện,

當 與 夢 時 同 .

Đương dữ mộng thời đồng.

CHÚ THÍCH. – *Châu* là tên một ấp ở nước Lỗ ngày xưa, tức là làng Khổng tử, thuộc huyện Khúc phụ, tỉnh Sơn đông bây giờ. – *Lỗ vương cung*, sử chép rằng Lỗ vương muốn phá cái nhà cũ của Khổng tử để mở rộng chỗ ở của mình, nhưng đến khi lên điện ngồi, nghe tiếng âm nhạc, lại thôi không phá nữa.

Tiền giải nói chỗ quê hương của Khổng tử; hậu giải nói sự thờ phụng Khổng tử.

QUA NƯỚC LỔ TẾ ĐỨC KHỔNG TỬ MÀ THAN NGÀI

Khổng phu tử đã làm gì,

Một đời vợ vã đi về những dâu.

Quê hương ở ấp họ Châu,

Nhà xưa cung điện Lỗ hầu bao vi.

Than thân, tiếc phượng lâm nguy,

Thương lân, oán đạo suy vì khôn cùng.

Nay xem miếu mạo tôn sùng,

Rõ như trong mộng thật không khác gì.

張九齡
TRƯƠNG CỬU LINH

10. 望月懷遠
VỌNG NGUYỆT HOÀI VIỄN

海上生明月，
Hải thượng sinh minh nguyệt,
天涯共此時。
Thiên nhai cộng thử thì.
情人怨遙夜，
Tình nhân oán dáo dạ,
竟夕起相思。
Cánh tịch khởi tương tư.
滅燭憐光滿，
Diệt chúc liên quang mãn,
披衣覺露滋。
Phi y giác lộ tư.
不堪盈手贈，
Bất kham dinh thủ tặng,
還請夢佳期。
Hoàn thỉnh mộng giai kỳ.

CHÚ THÍCH. - *Giai kỳ* là cuộc gặp nhau được vui vẻ đẹp tốt.

Tiền giải nói thấy trăng thì nhớ người yêu, hậu giải nói đêm trăng lạnh lẽo mong được gặp nhau.

ĐƯỜNG THI

THẤY TRĂNG NHỚ NGƯỜI Ở XA

Vầng trăng mọc ở bể khơi,
Cùng trong một lúc, góc trời soi chung.
Đêm xa ai đó sầu mong,
Suốt đêm gọi mãi tấm lòng tương tư.
Tắt đèn tiếc sáng ngấn gối,
Khoác bào mới biết sương sa đã nhiều.
Tặng ai tay bốc được nào,
Giai kỳ, xin để chiêm bao mơ màng.

王灣

VƯƠNG LOAN

11. 次北固山下

THỬ BẮC CỐ SƠN HẠ

客路青山外，
Khách lộ thanh sơn ngoại,
行舟綠水前。
Hành chu lục thủy tiền.
潮平兩岸闊，
Triều bình lưỡng ngạn khoan,
風正一帆懸。
Phong chính nhất phàm huyền.

海日生殘夜，
Hải nhật sinh tàn dạ,
江春入舊年。
Giang xuân nhập cựu niên.
鄉書何處達，
Hương thư hà xứ đạt,
歸雁洛陽邊。
Qui nhạn Lạc dương biên. *

CHÚ THÍCH. – Bắc cố sơn ở Trấn giang phủ, trên bờ sông Trường giang. Tác giả người ở Lạc dương, mà bấy giờ vào quang tháng chạp đã lập xuân, cho nên mới nói: xuân nhập cựu niên. Hai câu cuối nói muốn đem tin về nhà, nhưng không nhớ ai được, chim nhạn đã bay về bắc. Nhạn là loài chim mỏng kết, thường bay từng đàn, đến mùa thu thì bay về nam, đến mùa xuân thì bay lên bắc.

Tiền giải tả chỗ thuyền đậu ở Bắc cố sơn; hậu giải nói sự nhớ nhà ở Lạc dương.

THUYỀN ĐẬU DƯỚI NÚI BẮC CỐ SƠN

*Đường đi cạnh mé thanh sơn,
Thuyền theo dòng nước xanh rờn xa xa,
Triều lên thấy rộng hai bờ,
Cánh buồm thuận gió phất phơ giữa dòng,
Canh tàn, bể mọc vàng đồng.
Xuân về năm cũ, trên sông thân thờ.
Gửi dân được bức thơ nhà,
Lạc dương trở lại nhạn đà bay qua.*

孟浩然

MẠNH HẠO NHIÊN

12. 臨洞庭

LÂM ĐỘNG ĐÌNH

八月湖水平，

Bát nguyệt hồ thủy bình,

涵虛混太清。

Hàm hư hỗn thái thanh.

氣蒸雲夢澤，

Khí chưng Vân mộng trạch,

波撼岳陽城。

Ba hám Nhạc dương thành.

欲濟無舟楫，

Dục tế vô chu tiếp,

端居恥聖明。

Đoan cư sỉ thánh minh.

坐觀垂釣者，

Tọa quan thủy diều giả,

徒有羨魚情。

Đồ hữu tiền ngư tình.

CHÚ THÍCH.- *Động đình hồ* ở Nhạc châu phủ cùng với hồ Thanh thảo ở gần vùng ấy có đầm Vân mộng.- *Thái thanh* là trời.- *Đoan cư* là ở dưng ở nhà.- *Sỉ thanh minh* theo nghĩa trong sách Luận ngữ nói rằng: “*Bang hữu*

đạo bản thả tiên yên, sĩ dã. Nghĩa là có vua thánh minh trị nước mà mình bản và tiện là đáng thẹn. – *Thủy diều* nghĩa đen là buông câu, nghĩa bóng là ra làm quan.

Tiền giải tả cảnh hồ Động đình; hậu giải nói cái tình của mình.

ĐẾN ĐỘNG ĐÌNH HỒ

*Mặt hồ phẳng tám phảng bằng,
Nước trời hỗn hợp một vùng trong xanh.
Khí đầm Vân mộng bao quanh,
Tròng trành sóng lượn lay thành Nhạc dương.
Muốn qua thuyền vắng nghen đường.
Ở dưng đời trị, thẹn thường mây râu.
Ngồi nhìn những kẻ buông câu,
Luống công mong cá, có màu gì dẫu.*

13. 與諸子登現山

DỮ CHƯ TỬ DĂNG HIỆN SƠN

人 事 有 代 謝 ,
Nhân sự hữu đại tạ,
往 來 成 古 今 .
Vãng lai thành cổ kim.
江 山 留 勝 蹟 ,
Giang sơn lưu thắng tích,
我 輩 復 登 臨 .
Ngà bối phục dưng 'ám.
水 落 魚 梁 淺 ,
Thủy lạc ngư lương thển,
天 寒 夢 澤 深 .
Thiên hàn Mộng trạch thâm.

DUƠNG THI

羊公碑尚在，
Dương công bi thượng tại,
讀罷淚沾襟。
Độc bài lệ triêm khâm.

CHÚ THÍCH.— Trên núi *Hiên sơn* có cái bia của Dương Hồ đời Tấn. Khi ông trấn ở đất Tương dương, nhân dân rất yêu mến, đến khi ông mất, người ta làm bia ở trên núi *Hiên sơn* là nơi ông hay lên xem phong cảnh, để ghi công đức của ông. Về sau ai lên xem bia ấy cũng nhớ ông mà khóc, cho nên người kế chân ông là Đỗ Dự đặt tên *Trụy lệ bi*. Nhân thấy bia ấy, tác giả nghĩ người ta rồi ai cũng như Dương công chỉ còn lại một cái bia mà thôi, nên cảm thấy mà thương tình.

Tiền giải nói sự đi xem chỗ thắng tích; hậu giải nói cái cảm tình của mình

CÙNG MẤY NGƯỜI LÊN NÚI HIỆN SƠN

*Việc đời thấm thoát đổi thay,
Tới lui qua lại, xưa nay là nền.
Núi sông, thắng tích, giữ nguyên,
Chúng ta nay được đi lên xem tường.
Nước lui bờ cả ngổn ngang,
Lạnh trời, dầm Mộng coi dường như sâu.
Dương công bia nọ bấy lâu,
Độc xong, nước mắt chảy dào thấm khăn.*

14. 題義公禪房

ĐỀ NGHĨA CÔNG THIÊN PHÒNG

義公習禪寂，
Nghĩa công tập thiền tịch,

結 宇 依 空 林 ,
Kết vũ y không lâm,
戶 外 一 峰 秀 ,
Hộ ngoại nhất phong tú,
階 前 眾 壑 深 .
Giai tiền chúng hác thâm.
夕 陽 連 雨 足 ,
Tịch dương liên vũ túc,
空 翠 落 庭 陰 .
Không thủy lạc đình âm.
看 取 蓮 花 淨 ,
Khán thủ liên hoa tịnh,
方 知 不 染 心 .
Phương tri bất nhiễm tâm.

CÚC THÍCH - Vũ tức là khi trời mưa xong, ở đằng xa còn thấy chỗ có bóng mưa như buồng chân xuống đất.

Tiền giải khen cái phòng thiền học của Nghĩa công; hậu giải khen cái thiền tâm của Nghĩa công.

ĐỀ THIÊN PHÒNG CỦA NGHĨA CÔNG

*Nghĩa công thiền học chuyên cần,
Làm nhà ở tận mé gần rừng sâu,
Cửa ngoài ngọn núi xanh cao,
Trước thềm thấy những hang sâu mật mờ.
Bóng chiều chen lẫn chân mưa,
Trên sân dâm bóng, chiều mờ màu không.
Xem hoa sen, thấy sạch trong.
Mới hay tâm ấy sạch bong lâu lâu.*

15. 歸終南山

QUI CHUNG NAM SƠN

北 闕 休 上 書 ,

Bắc khuyết hưu thướng thư,

南 山 歸 敝 廬 .

Nam sơn qui tệ lư.

不 才 明 主 棄 ,

Bất tài minh chủ khí,

多 病 故 人 疏 .

Đa bệnh cố nhân sơ.

白 髮 催 年 老 ,

Bạch phát thôi niên lão,

青 陽 逼 歲 除 .

Thanh dương bức tuế trit,

永 懷 愁 不 寐 .

Vĩnh hoài sầu bất寐.

松 月 夜 窗 虛 .

Tùng nguyệt dạ song hư.

CHÚ THÍCH.- Mạnh Hạo Nhiên thi tiến sĩ không đỗ sắp về ở núi Nam sơn và làm bài thơ này tả cái tinh tú của mình.

VỀ NÚI CHUNG NAM

Dền rồng thôi chớ dâng thư,

Nam sơn miễn ấy, thảo lư trở về,

Bất tài mình chửa dưng chi,

Bệnh nhiều bạn cũ ai hề tới lui.

*Tuổi già, đầu bạc dốc thời,
Xuân xanh mấy chốc, năm dài hết đi.
Nỗi sầu trần trọc đêm khuya,
Cành thông bóng nguyệt lẻ kẻ trước song.*

16. 留別王維

LƯU BIỆT VƯƠNG DUY

寂寂竟何待 .
Tịch tịch canh hà đãi,
朝朝空自歸 .
Triêu triêu không tự qui.
欲尋芳草去 ,
Dục tầm phương thảo khứ,
惜與故人違 .
Tích dĩ cù nhân vi.
當路誰相假 ,
Đương lộ thùy tương giả,
知音世所稀 .
Tri âm thế sở hy.
祇應守寂寞 .
Chỉ ứng thủ tịch mịch,
還掩故園扉 .
Hoàn yêm cù viên phi.

CHÚ THÍCH.— Tiền giải nói muốn đi tu tiên; hậu giải nói về nhà ẩn cư

ĐƯỜNG THI

ĐỀ THƠ TỪ BIỆT VƯƠNG DUY

Quanh hìn thời có đợi gì,
Nhưng lữ sớm sớm đi về lướng công.
Muốn đi tìm có thêm nông,
Tiếc vì vạn cũ lại không đồng lòng.
Những người đương lộ ai dung,
Tri âm mấy kẻ ở trong đời này.
Chỉ nên im lẳng qua ngày,
Trở về vườn cũ, cửa cũ ở yên.

17. 宴梅道士山房

YẾN MẠI ĐẠO SĨ SƠN PHÒNG

林臥愁春盡，
Lâm ngoạ sầu xuân tận.
舉帷覽物華，
Khởi duy lãm vật hoa.
忽逢青鳥使，
Hốt phùng thanh điểu sứ.
邀入赤松家，
Yêu nhập Xích tùng gia.
金灶初開火，
Kim táo sơ khai hỏa.
仙桃正發花，
Tiên đào chính phát hoa.
童顏若可駐，
Đồng nhan nhược khả trụ.

何惜醉流霞。

Hà tích túy lưu hà.

CHÚ THÍCH – *Xích tung túc* là *Xích tung tử* tên một vị tiên đời xưa – *Thanh điều* theo chuyện cũ đời vua Vũ đế nhà Hán ngày mồng bảy tháng bảy có những thanh điều bay đến đậu ở trước điện Đông phương Sóc nói đó là Tây vương mẫu. Quả nhiên một lát sau Tây vương mẫu đến thật và có ba con thanh điều đứng bên cạnh. Người đời sau gọi người sử giả là thanh điều. *Lưu hà* là tên một thứ rượu tiên.

Tiên giải nói sự chơi ở sơn phòng của đạo sĩ nẫu giải nói việc tu tiên

UỐNG RƯỢU Ở SƠN PHÒNG CỦA MAI ĐẠO SĨ

Lâm cư buồn nổi xuân qua,

Vén màn ngắm cảnh đậm đà trịch hiên.

Chim xanh chợt thấy đem tin,

Mời vào nhà ở của tiên Xích tung.

Luyện vàng lò nhóm lửa nồng.

Đào tiên đang nở cánh hồng thắm tươi

Vì mà giữ được trẻ hoài.

Tiệc gì chẳng uống cho say rượu thần.

18. 過故人莊

QUÁ CỔ NHÂN TRANG

故人具雞黍。

Cổ nhân cụ kê thử,

邀我至田家。

Yêu ngã chí điền gia.

綠樹村邊合。

Lục thụ thôn biên hợp.

ĐƯỜNG THI

青山郭外斜。
Thanh sơn quách ngoại tà.
開軒面場圃，
Khai hiên diện trường phố,
把酒話桑麻。
Bả tửu thoại tang ma.
待到重陽日，
Đãi đáo trùng dương nhật,
還來就菊花。
Hoàn lai tựu cúc hoa.

CHÚ THÍCH.- Tiền giải tả cái quang cảnh chỗ ở, hậu giải tả hoa cây trong vườn.

QUA TRẠI CỦA BẠN CŨ

Cố nhân sẵn có lúa gà,
Mời ta đến chỗ điền gia tự tình,
Ven làng cây cối tốt xanh,
Bóng thanh sơn mé ngoài thành chiếu xiên.
Ruộng vườn trông rõ trước hiên,
Rượu kéo trò chuyện lần phiên dẫu dày.
Trùng dương chờ đợi đến ngày,
Bấy giờ đến lượt trưng bày cúc hoa.

王維

VƯƠNG DUY

19. 山居秋暝

SƠN CÚ THU MÍNH

空山新雨後，

Không sơn tân vũ hậu,

天氣晚來秋。

Thiên khí vãn lai thu,

明月松間照，

Minh nguyệt tùng gian chiếu.

清泉石上流。

Thanh tuyền thạch thượng lưu,

竹喧歸浣女，

Trúc huyền qui cán nữ,

蓮動下魚舟。

Liên động hạ ngư chu.

隨意春芳歇，

Tùy ý xuân phương yết,

王孫自可留。

Vương tôn tự khả lưu.

CHÚ THÍCH. - Vương tôn là công tử, con nhà quý phái đời xưa.

Tiền giải tả cảnh chiều mùa thu, hậu giải nói cái tình thú của các cảnh vật.

ĐƯỜNG THI

CẢNH Ở NÚI ĐÊM MÙA THU

Núi không sau trận mưa dào,
Khí trời hiu hắt về chiều ra thu.
Bóng trắng tỏ ngọn thông gò,
Suối trong trên đá ồ ồ chảy đi.
Trong tre tiếng gái giặt về,
Dưới sông động dậy chiếc ghe anh chài
Cỏ xuân dù đã dục rồi,
Vương tôn còn vẫn đeo đai chút tình.

20. 歸嵩山作

QUI TUNG SƠN TÁC

清 川 帶 長 薄 ,
Thanh xuyên dài trường bạc,
車 馬 去 閒 閒 .
Xa mã khứ nhàn nhàn.
流 水 如 有 意 ,
Lưu thủy như hữu ý,
暮 禽 相 與 還 .
Mộ cầm tương dữ hoàn.
荒 城 臨 古 渡 ,
Hoang thành lâm cổ độ,
落 日 滿 秋 山 .
Lạc nhật mãn thu sơn.
迢 遞 嵩 高 下 ,
Thieu đệ Tung cao hạ,

歸來且閉關

Qui lai thả bế quan.

CHÚ THÍCH.- *Tung sơn* hay là *Tung cao sơn* là một núi trong ngũ nhạc bên Tàu.- *Trường bạc* là rừng có lẫn cỏ chỗ cây.

Tiền giải tả cái cảnh thú ở dọc đường; hậu giải nói cái ý định khi về đến núi Tung sơn.

THƠ LÀM KHI ĐI VỀ TUNG SƠN

*Suối trong quanh giữa rừng thưa,
Ngựa xe đi dó từ từ thẩn thơ.
Nước trôi có ý đón chờ,
Chim hôm dường muốn đợi ta cùng về.
Thành hoang cạnh bến dò kia,
Bóng chiều đã gọi khắp rìa núi thu.
Non Tung thăm thẳm nhấp nhô,
Về đây đóng cửa để tu mới mầu.*

21. 過香積寺

QUÁ HƯƠNG TÍCH TỰ

不知香積寺，

Bất tri Hương tích tự,

數里入雲峰。

Số lý nhập vân phong.

古木無人遷，

Cổ mộc vô nhân kính,

深山何處鐘。

Thâm sơn hà xứ chung.

ĐƯỜNG THI

泉聲咽危石，
Tuyền thanh yết nguy thạch.
日色冷青松。
Nhật sắc lãnh thanh tùng.
薄暮空潭曲，
Bạc mộ không đàm khúc,
安禪制毒龍。
An thiền chế độc long.

CHÚ THÍCH.— *Hương tích* đây là nói chùa ở phía bắc Ti ngo cốc thuộc tỉnh Thiểm tây.— *Độc long* là nói do điển lấy ở Ấn Độ có cái hồ, trong hồ ấy có con độc long hay hại người. Sau có người Bà la môn dùng phù chú bắt con độc long ấy phải hàng phục.

Tiền giải tả con đường đi lên chùa; hậu giải tả cái cảnh ở chùa

QUA CHÙA HƯƠNG TÍCH

*Chẳng hay Hương tích chùa đâu,
Trèo lên mấy dặm, núi cao mây hồng.
Một đường cây cổ vắng không.
Chuông đâu nghe vắng chỗ cùng non xa.
Tiếng khe bên đá tuôn ra.
Vẻ trời lạnh lẽo bơ phờ cây thông.
Chiều hôm đầm vắng uốn vòng.
Phép thiền màu nhiệm, độc long nếp mình.*

22. 輞川閒居

VÔNG XUYÊN NHÀN CƯ

一從歸白社，
Nhất tông qui Bạch xã,

不復到青門。
 Bất phục đáo thanh môn.
 時倚簷前樹，
 Thời ỷ thiềm tiền thụ，
 遠看原上村。
 Viễn khan nguyên thượng thôn.
 青菰臨水映，
 Thanh cô lâm thủy ánh，
 白鳥向山翻。
 Bạch điểu hướng sơn phiên.
 寂寞於陵子
 Tịch mịch Ư lãng tử，
 桔槔方灌園。
 Kết cao phương quán viên.

CHÚ THÍCH. - Ngày xưa *Viễn công*, tức là Tuệ Viễn pháp sư đời Tấn lập ra Bạch liên xã để tu đạo Phật, cho nên Vương Ma cật gọi chỗ ở của ông ở Vọng xuyên là *Bạch xã*. - *Thanh môn* là cửa đồng thành Trường an - *Ư lãng* ở nước Sở đời Chiến quốc có Trần Trọng tử, người nước Tề đến ẩn cư ở đây, sau vì vua nước Sở muốn dùng, ông trốn đi ở với người ta, coi việc tưới vườn.

Cả bài suốt được cái ý hai chữ 'nhàn cư', tuy tiền và hậu giải dùng trùng chữ thanh và chữ bạch, nhưng thơ làm hay, đọc lên không thấy có tì.

NHÀN CƯ Ở VÔNG XUYỀN

Từ khi Bạch xã trở về,
 Thanh môn cửa ấy, chẳng hề vắng lại.
 Trước thêm có lúc dựa cây,
 Xa trông làng xóm ở ngay trên đồi.
 Cỏ có xanh, ánh nước trời,

ĐƯỜNG THI

*Non cao, chim trắng loi thoi bay về,
U lừng hiu quanh khác chi,
Loay hoay lấy nước giếng kia tưới vườn.*

23. 輞川閑居贈裴秀才迪 .

VÔNG XUYÊN NHÂN CƯ
TẶNG BÙI TÚ TÀI ĐỊCH

寒山轉蒼翠 ,

Hàn sơn chuyển thương thúy,

秋水日潺湲 .

Thu thủy nhật sần viên

倚杖柴門外 ,

Ỡ trượng sài môn ngoại.

臨風聽暮蟬 .

Lâm phong thính mộ thiên.

渡頭餘落日 ,

Độ đầu dư lạc nhật,

墟里上孤煙 .

Khu lý thượng cô yên.

復值接輿醉 ,

Phục trị Tiếp dư túy,

狂歌五柳前 .

Cuồng ca ngũ liễu tiền.

CHÚ THÍCH. – *Sần viên* là nói dáng nước chảy nhiều. – *Tiếp dư* là tên tự của Lục Thông, người nước Sở, đời Xuân thu, thấy chính trị trong nước hư

hồng, xòa tóc giả dài để không ra làm quan. Người đời bấy giờ gọi là Sở cuồng.

NHÂN CƯ Ở VÔNG XUYÊN
TẶNG TÚ TÀI BÙI ĐỊCH

*Màu xanh núi lạnh đổi thay,
Nước thu cuộn cuộn ngày ngày chảy xuôi.
Cửa sài chống gậy đứng ngoài,
Buổi chiều hứng gió nghe hoài tiếng ve.
Mặt trời sắp lặn bên kia,
Hương thôn ngọn khói khác gì mây bay.
Gặp Tiếp dư lúc rượu say,
Hát ngông trước đám năm cây liễu già.*

24. 終南別業
CHUNG NAM BIỆT NGHIỆP

中 歲 頗 好 道 ,
Trung tuế phả hiếu đạo,
晚 家 南 山 陞 .
Vãn gia Nam sơn thù.
興 來 每 獨 往 ,
Hứng lai mỗi độc vân,
勝 事 空 自 知 .
Thắng sự không tự tri.
行 到 水 窮 處 ,
Hành đáo thủy cùng xứ,

ĐƯỜNG THI

坐看雲起時 .

Tọa khan vân khởi thì.

偶然值林叟 ,

Ngẫu nhiên trị lâm tẩu,

談笑無還期 .

Đàm tiếu vô hoàn kỳ.

CHÚ THÍCH.- Vương Ma Cật vào khoảng đúng tuổi mới học đạo Phật, làm nhà ở Lam sơn để dưỡng tính. Bài này suốt từ đầu đến cuối rất là thanh triệt.

BIỆT NGHIỆP Ở NAM SƠN

Mùi thiền đứng tuổi mới ham,

Về già ở cạnh núi Nam tu hành.

Hứng đi lủi thủi vắng tình.

Thú vui chỉ có một mình mình hay.

Ngồi nhìn những lúc mây bay,

Đi theo suối nước tới ngay chỗ cùng.

Đường rừng chợt gặp lão ông,

Vui cười trò chuyện quên không trở về.

25. 酬長少府

THÙ TRƯỞNG THIẾU PHỦ

晚年惟好靜 ,

Văn niên duy hiếu tĩnh,

萬事不關心 .

Vạn sự bất quan tâm.

自 顧 無 長 策 ,
Tự cố vô trường sách,
空 知 返 舊 林 .
Không tri phản cựu lâm.
松 風 吹 解 帶 ,
Tùng phong xuy giải đới,
山 月 照 彈 琴 .
Sơn nguyệt chiếu đàn cầm.
君 問 窮 通 理 ,
Quân vấn cùng thông lý,
漁 歌 入 浦 深 .
Ngư ca nhập phố thâm.

CHÚ THÍCH. – Tiền giải nói sự đi tu; hậu giải nói cái cảnh thú chỗ mình ở. Hai câu kết theo lối: dâng xuất viễn thần, rất hay.

ĐÁP LẠI TRƯỞNG THIẾU PHỦ

Về già hiểu lĩnh một lòng,
Cuộc đời muôn việc bỏ không đoái hoài.
Nhìn quanh chẳng thấy chước hay,
Luống mong về nghỉ ở ngay rừng nhà.
Gió từng dai cổ phát phơ,
Tiếng cầm dưới nguyệt, mập mờ non cao.
Lý cùng thông, hỏi chi đâu,
Giọng ca ngư phủ lọt vào bến xa.

26. 秋夜獨坐

THU ĐẠ ĐỘC TỌA

獨坐悲雙鬢，

Độc tọa bi song mấn,

空堂欲二更

Không đường dục nhị canh.

雨中山果落，

Vũ trung sơn quả lạc,

燈不草蟲鳴。

Đăng hạ thảo trùng minh.

白髮終難變，

Bạch phát chung nan biến,

黃金不可成。

Hoàng kim bất khả thành.

欲知除老病，

Dục tri trừ lão bệnh,

惟有學無生。

Duy hữu học vô sinh.

CHÚ THÍCH. – Tiền giải lấy hai chữ độc tọa làm cốt, than canh đêm thu; hậu giải nói lấy sự học đạo Phật làm mất sự đau buồn.

ĐÊM THU NGỒI MỘT MÌNH

Ngồi thương mở tóc mai,

Nhà không vắng vẻ, canh hai đã chùng.

Trong mưa trái rụng khắp rừng,

Tiếng hay sâu cỏ lẳng xẵng dưới đèn.

Làm sao tóc bạc hóa đen,
Hoàng kim muốn luyện, thuốc tiên không thành.
Muốn không già yếu lụy mình,
Chỉ là học đạo vô sinh mới mầu.

李白

LÝ BẠCH

27. 送友人入蜀

TỔNG HỮU NHÂN NHẬP THỰC

見說蠶叢路，
Kiến thuyết Tằm Tùng lộ,
崎嶇不易行，
Khi khu bất dị hành.
山從人面起，
Sơn tòng nhân diện khởi,
雲傍馬頭生。
Vân bàng mã đầu sinh.
芳樹籠秦棧，
Phương thụ lung Tần sạn,
春流遶蜀城。
Xuân lưu nhiễu Thục thành.
升沈應已定，
Thăng trầm ứng dĩ định，

ĐƯỜNG THI

不 必 問 君 平

Bất tất vấn Quân bình.

CHÚ THÍCH.- *Tân Tùng* là tên vua đầu tiên nước Thục.- *Tân sạn* là đường ván của người Tân làm để đi vào đất Thục.- *Xuân lưu* là chỉ sông Cẩm giang chảy qua Thục thành, tức là thành Thành đô.- *Quân bình* là tên tự của Nghiêm Tuấn, một bậc cao sĩ, lấy nghề bói mà ẩn ở Thành đô.

TIỀN BẠN VÀO ĐẤT THỤC

Mẳng nghe bên nước Tân Tùng,

Đường đi khắp khểnh khó hồng buông chân.

Núi theo trước mặt nổi lên,

Mây quanh đầu ngựa dần dần mọc ra.

Đường Tân lát ván rừng xa,

Nước sông ngoắt ngoéo diễn qua Thục thành,

Việc đời chìm bồng đã dành,

Chẳng cần phải hỏi Quân bình làm chi.

28. 贈錢徵君少陽

TẶNG TIỀN TRUNG QUÂN THIẾU DƯƠNG

白 玉 一 杯 酒 ,

Bạch ngọc nhất bôi tửu,

綠 楊 三 月 時 .

Lục dương tam nguyệt thì.

春 風 餘 幾 日 ,

Xuân phong dư kỷ nhật,

兩 鬢 各 成 絲 ,

Lưỡng mấn các thành ti,

秉燭唯須飲，
Bính chúc duy tu ẩm,
投竿也未遲。
Đầu can dã vị trì,
如逢渭川獵，
Như phùng Vị xuyên liệp,
猶可帝王師。
Do khả đế vương sư.

CHÚ THÍCH. – *Vị xuyên liệp* là nói vua Văn vương đi săn gặp Khương Tử nha ở trên bờ sông Vị.

Tiền giải nói Tiền trung quân đã có tuổi; hậu giải nói nếu có sự gấp gáp, thì thi thố được cái tài của mình.

TẶNG TIỀN TRUNG QUÂN THIẾU DƯƠNG

*Rượu kéo chén ngọc lưng lưng,
Cành dương xanh biếc khoảng chừng tháng ba,
Xuân còn mấy buổi thì qua,
Đầu xanh hai mái tóc đã thành tơ.
Châm đèn hãy uống say sưa,
Ruồng câu có lúc cũng chưa chậm chày,
Người sẵn bên Vị có ngày,
Gặp nhau thì cũng đáng thầy đế vương.*

29. 送友人

TỔNG HỮU NHÂN

青山橫北郭，
Thanh sơn hoành bắc quách,

ĐƯỜNG THI

白水遶東城。
Bạch thủy nhiều đông thành.
此地一為別，
Thử địa nhất vì biệt,
孤蓬萬里征。
Có bông vạn lý chinh.
浮雲遊子意，
Phù vân du tử ý,
落日故人情。
Lạc nhật cố nhân tình.
揮手自茲去，
Huy thủ tự tư khứ,
蕭蕭班馬鳴。
Tiêu tiêu ban mã minh.

CHÚ THÍCH. – Ban mã là đem ngựa đi, ngựa bỏ đàn mà đi thì kêu. Đây nói bạn đi thì nhớ.

Tiền giải nói chỗ tổng biệt; hậu giải nói cái tình biệt ly, thương nhớ

TIỀN NGƯỜI BẠN

Chấn ngang bắc quách non xanh,
Dòng sông trắng xóa, đông thành chảy quanh.
Bụi ngùi chốn ấy đưa anh,
Mái bằng muôn dặm lênh đênh bến bờ.
Người đi theo áng mây xa,
Bản khoắn tình bạn bóng tà khôn lưu.
Vẫy tay từ đấy xa nhau,
Tiếng kêu ban mã rầu rầu bên tai.

30. 尋雍尊師隱居
TÌM UNG TÔN SƯ ẨN CƯ.

群峭碧摩天，
Quần tiếu bích ma thiên,
逍遙不計年。
Tiêu dao bất kế niên.
撥雲尋古道，
Bát vân tầm cổ đạo,
倚樹聽流泉。
Ỡ thụ thính lưu tuyên.
花暖青牛臥，
Hoa noãn thanh ngưu ngoạ,
松高白鶴眠。
Tùng cao bạch hạc miên.
語來江色暮，
Ngữ lai giang sắc mộ,
獨自下寒煙。
Độc tự hạ hàn yên.

CHÚ THÍCH— Tiền giải tả chỗ ẩn cư, hậu giải nói sự gặp nhau chuyện trò rồi về.

TÌM CHỖ ẨN CƯ CỦA UNG TÔN SƯ.

*Non xanh cao ngất chọc trời,
Bấy lâu ở đấy thành thơ tháng ngày.
Lần tìm đường cũ vén mây,
Lắng nghe suối chảy, bên cây dựa mình.*

ĐƯỜNG THI

*Dưới hoa nằm khẽnh trâu xanh,
Ngủ yên hạc trắng, trên cành thông cao.
Bóng sông đã ngã về chiều,
Chuyện rồi, xong xuống khói đèo một ta.*

31. 訪戴天山道士，不遇
PHỎNG ĐÁI THIÊN SƠN ĐẠO SĨ
BẤT NGỘ.

犬吠水聲中，
Khuyển phệ thủy thanh trung,
桃花帶雨濃。
Đào hoa đới vũ nùng.
樹深時見鹿，
Thụ thâm thời kiến lộc,
溪午不聞鐘。
Khê ngọ bất văn chung.
野竹分青霽，
Dã trúc phân thanh ái,
飛泉掛碧峰。
Phi tuyến quải bích phong.
無人知所往，
Vô nhân tri sở vãng,
愁倚兩三松。
Sầu ỷ lưỡng tam tùng.

CHÚ THÍCH- Tiền giải tả chỗ ở của đạo sĩ; hậu giải tả sự không gặp.

ĐI THĂM ĐÁI THIÊN SƠN ĐẠO SĨ KHÔNG GẶP.

Nước reo chớ sữa, ồn ào,
Hạt mưa còn dính hoa đào dầm tưới.
Rừng sâu hươu ló ra chơi,
Ban trưa khe vắng, bật hơi chày kinh.
Trúc đồng tách đám mây xanh,
Suối bay ngọn núi, treo màn phất phơ.
Người đi ai biết đâu giờ,
Ngậm ngùi đứng dựa hai ba cây tùng.

32. 聽蜀僧濬彈琴

THÍNH THỤC TĂNG TUẤN ĐÀN CẦM.

蜀僧抱綠綺，
Thục tăng bảo Lục y,
西下峨嵋峰。
Tây hạ Nga my phong.
為我一揮手，
Vị ngã nhất huy thủ,
如聽萬壑松。
Như thính vạn hác tùng.
客心洗流水，
Khách tâm tẩy lưu thủy,
餘響入霜鐘。
Dư hưởng nhập sương chung.
不覺碧山暮，
Bất giác bích sơn mộ,

ĐƯỜNG THI

秋 雲 暗 幾 重 .

Thu vân ám kỷ trùng.

CHÚ THÍCH.- *Lục ý* là lụa xanh, đây là tên cái đàn cầm của Thái Ung là một nhà học giả cuối đời Đông Hán. *Nga my* là núi lớn có tiếng ở Tây Thục.

Tiền giải nói Thục tăng ở núi Nga my xuống đánh đàn cầm; hậu giải nói sự cảm giác sau khi nghe tiếng đàn.

NGHE THỤC TĂNG TUẤN ĐÁNH ĐÀN CẦM.

Ôm cầm Lục ý, Thục tăng,

Phía Tây lần xuống, qua rừng Nga my,

Vì ta, tăng gảy bài nghe,

Áo ào như tiếng muôn khe cây tùng.

Nước trôi rửa sạch cõi lòng,

Tiếng chuông nghe vắng ở trong sương mờ.

Núi xanh, chiều tối không ngờ,

Trời thu mây ám bao la mấy tầng.

33. 贈孟浩然

TẶNG MẠNH HẠO NHIÊN

吾 愛 孟 夫 子 ,

Ngô ái Mạnh phu tử,

風 流 天 不 聞 .

Phong lưu thiên hạ vấn,

紅 顏 棄 軒 冕 ,

Hồng nhan khí hiên miện,

白 首 臥 松 雲 .

Bạch thủ ngọa tùng vân.

醉月頻中聖，
Túy nguyệt tần trung thánh,
迷花不事君。
Mê hoa bất sự quân.
高山安可仰，
Cao sơn an khả ngưỡng,
徒此挹清芬。
Đồ thử áp thanh phân.

CHÚ THÍCH. – *Hồng nhan* là nhan sắc của người đẹp. Lại có nghĩa là tuổi trẻ – *Hiên miện*, đời xưa từ quan đại phu trở lên được đi xe hiên và đội mũ miện. Người ta dùng hiên miện để nói quan vị tước lộc.

Tiền giải nói Mạnh Hạo Nhiên thích đi ẩn, không thích làm quan, hậu giải nói sự an nhàn của ẩn giả.

TẶNG MẠNH HẠO NHIÊN.

*Mạnh phu tử đáng yêu thay,
Phong lưu nổi tiếng dấy dây tương truyền.
Trẻ trung chẳng thiết quý quyền,
Già nua vui chốn lâm tuyền tung mây.
Dưới trăng là thánh khi say,
Mê hoa đâu có đoài hoài thờ vua.
Ngẩng trông chót vót núi gò,
Bấy nhiêu cũng đủ thơm tho nhẹ nhàng.*

34. 夜泊牛渚懷古
ĐẠ BẠC NGƯU CHỮ HOÀI CỔ.

牛渚西江夜，

Ngưu chữ tây giang dạ,

青天無片雲。

Thanh thiên vô phiến vân.

登舟望秋月，

Đăng chu vọng thu nguyệt,

空憶謝將軍。

Không ức Tạ tướng quân.

余亦能高詠，

Dư diệc năng cao vịnh,

斯人不可聞。

Tư nhân bất khả văn.

明朝掛帆去，

Minh triều quải phàm khứ,

楓葉落紛紛。

Phong diệp lạc phán phán.

CHÚ THÍCH.— *Ngưu chữ* là một bến ở trên Trường giang, thuộc tỉnh An huy, gần đó có Ngưu chữ sơn.— *Tây giang* đây là nói sông Trường giang ở mé Tây chảy xuống.— *Tạ tướng quân* là Tạ Thượng đời Tấn theo điển nói rằng Tạ Thượng trấn ở Ngưu chữ, một đêm đi chơi thuyền ở trên sông, nghe người vịnh thơ sủ, cho hỏi, biết là Viên Hoảng; bèn mời sang thuyền, nói chuyện suốt đêm, rồi kết làm bạn.

Tiên giải nhắc đến chuyện Tạ Thượng gặp Viên Hoảng hậu giải nói mình không gặp ai như Tạ Thượng.

ĐÊM ĐẬU THUYỀN Ở BẾN NGŨ CHỮ
NHỚ CHUYỆN XƯA

*Đêm Ngũ chữ, bến sông tây,
Trời xanh chẳng có đám mây xa gần.
Lên thuyền đứng ngắm bóng ngân,
Vẫn nhớ Tạ tướng quân ngày nào.
Ngâm thơ ta cũng nghèo ngao.
Người kia nay ở chỗ nào mà nghe.
Sáng mai buồm kéo, thuyền đi,
Lá phong rụng xuống bộn bề khắp nơi.*

杜甫
ĐỖ PHỦ

35. 春日懷李白
XUÂN NHẬT HOÀI LÝ BẠCH

白者詩無敵，
Bạch giả thi vô địch,
飄然思不群。
Phiêu nhiên tứ bất quần.
清新度開府。
Thanh tân Dữu Khai phủ,
俊逸鮑參軍。
Tuấn dật Bào Tham quân.

ĐƯỜNG THI

渭北春天樹，
Vị bắc xuân thiên thụ,
江東日暮雲。
Giang đông nhật mộ vân.
何時一樽酒，
Hà thời nhất tôn tửu,
重與細論文。
Trùng dữ tế luận văn.

CHỦ THÍCH - *Dữu Tín* đời Nam Bắc triều, học rộng văn hay, làm quan nhà Lương, vua sai đi sứ bên Tây Ngụy, bị giữ ở bên ấy. Đến đời vua Minh đế và Võ đế nhà Bắc chu trọng tài văn chương của ông, cho làm chức Phiêu kỵ tướng quân mô phủ như Tam tì, lúc ấy người ta gọi là *Dữu khai phủ*. - *Bảo Chiêu* đời Tống Nam triều, giỏi nghề thơ, làm quan đến chức tham quân cho Lâm hải vương, người ta gọi là *Bảo Tham quân*.

Bài thơ này làm khi *Đỗ Tử Mỹ* còn ở Trường an mà *Lý Bạch* thì đi chơi ở Giang đông. Tiền giải nói cái tài văn thơ của họ *Lý*, hậu giải nói nhớ bạn, mong được gặp mà bàn văn thơ.

NGÀY XUÂN NHỚ LÝ BẠCH

Thơ như Lý Bạch ai đương,
Phiêu nhiên tài tử hiên ngang hơn người.
Dữu Khai phủ kém xinh tươi.
Tài Tham quân Bảo khôn đời phần hơn.
Cây xuân Vị bắc xanh rờn,
Giang đông chiều tối mây ngàn thênh thênh.
Bao giờ rượu ngọt một bình,
Cùng nhau ta uống, hàn rãnh văn thơ.

36. 天末懷李白
THIÊN MẠT HOÀI LÝ BẠCH

涼風起天末，

Lương phong khởi thiên mạt,

君子意如何，

Quân tử ý như hà.

鴻雁幾時到，

Hồng nhạn kỷ thời đáo,

江湖秋水多，

Giang hồ thu thủy đa.

文章憎命達，

Văn chương tăng mệnh đạt,

魑魅喜人過，

Li vị hỉ nhân qua.

應共冤魂語，

Ứng cộng oan hồn ngữ,

投詩贈汨羅，

Đầu thi tặng Mịch la.

CHÚ THÍCH. – *Mệnh đạt* là nói người có phận mệnh hiển đạt – *Li vị* là giống quỷ, thích gặp người để được ăn.

Tiền giải nói bao giờ được tin bạn; hậu giải người có tài không có mệnh, nên thương Khuất Nguyên ở dưới sông Mịch la.

CUỐI NĂM NHỚ LÝ BẠCH

Cuối năm gió lạnh nổi lên,

Ý người quân tử nghĩ nên thế nào.

ĐƯỜNG THI

*Bao giờ hồng nhạn bay vào,
Nước thu cuốn cuộn chảy vào hồ sông.
Vấn chương ghét mệnh dạt thông,
Quả ma yêu quái chỉ mong trên người.
Nên cùng kẻ khác trao lời,
Giao thơ sông Mịch, tặng ai một bài.*

37. 野望

DÃ VỌNG

清 秋 望 北 極 ,
Thanh thu vọng bắc cực,
迢 遞 起 層 陰 .
Thiêu đệ khởi tầng âm,
遠 水 兼 天 淨 .
Viễn thủy kiêm thiên tịnh,
孤 城 隱 霧 深 .
Cô thành ẩn vụ thâm,
葉 稀 風 更 落 ,
Diệp hĩ phong cánh lạc,
山 迴 日 初 沈 .
Sơn quỳnh nhật sơ trảm,
獨 鶴 歸 何 晚 ,
Độc hạc qui hà vãn,
昏 鴉 已 滿 林 .
Hôn nha dĩ mãn lâm.

CHÚ THÍCH. — *Thiều đề* nói dáng xa thăm thẳm. Ý hai câu kết nói người quân tử cần lao như chim hạc thì ít, những người thâu an như dân qua thì nhiều.

TRÔNG CẢNH ĐỒNG

*Trời thu trông tít khôn cùng,
Bóng dâm lấp lờ mây lồng cõi khôn
Lặng trong dưới nước trên trời,
Thành hoang lấp lờ, nửa vùi trong sóng.
Gió lay rụng hết lá vàng,
Non tây đắm đắm ngậm gương ác tà.
Muôn về chim hạc bay xa,
Từng đàn chim quạ đậu dầy kín cây.*

38. 登岳陽樓

ĐĂNG NHẠC DƯƠNG LÂU

昔聞洞庭水 .
Tích văn Động đình thủy.
今上岳陽樓 .
Kim thượng Nhạc dương lâu.
吳楚東南坼 .
Ngo Sở đông nam sách.
乾坤日夜浮 .
Càn khôn nhật dạ phù.
親朋無一字 .
Thân bằng vô nhất tự.

DUƠNG THI

老 病 有 孤 舟 。

Lão bệnh hữu cô chu.

戎 馬 關 山 北 。

Nhung mã quan sơn bắc.

憑 軒 涕 泗 流 。

Bằng hiên thế tử lưu.

CHÚ THÍCH – Tiên giải tả địa thế Động đình hồ; hậu giải nnoi cái tình
nặng của tác giả

LÊN LẦU NHẠC DUƠNG

Xưa nghe nước ở Động đình,

Nay lên lầu Nhạc trên thành mới hay,

Dông nam Ngô Sở chưa hai,

Đêm ngày trời đất nổi hoài ở trên,

Thân bằng chẳng có một tin,

Fuổi già bệnh tật ở bên chiếc thuyền,

Bắc phương giặc già nổi lên,

Dầm dề nước mắt, dựa hiên sự sù.

39. 春望

XUÂN VỌNG

國 破 山 河 在 。

Quốc phá sơn hà tại,

城 春 草 木 深 。

Thành xuân thảo mộc thâm,

感 時 花 濺 淚 。

Cảm thời hoa tiễn lệ,

恨別鳥驚心。
Hận biệt diều kinh tâm.
烽火連三月。
Phong hỏa liên tam nguyệt.
家書抵萬金。
Gia thư抵 vạn kim.
白頭搔更短。
Bạch đầu tao cánh đoản.
渾欲不勝簪。
Hồn dục bất thắng trâm.

CHÚ THÍCH – Tiền giải nói nước tan, trông cánh gì cũng buồn; hậu giải nói trong cánh loạn lạc nhớ nhà, tóc đầu bạc phơi rụng hết.

TRÔNG XUÂN

*Nước phá tan, núi sông còn đó,
Dây thành xuân cây cỏ rậm sâu.
Cầm thời hoa đỏ đồng châu
Biệt ly tửu giận, chầm đàu nổi lòng
Ba tháng khói lửa rờn không ngớt,
Bức thư nhà, già dẫu bạc muốn.
Gãi đầu tóc bạc ngắn ngủn,
Đường như hết thấy, e khôn búi tròn.*

40. 春夜喜雨

XUÂN DẠ HỈ VŨ

好雨知時節
Hào vũ tri thời tiết,

ĐƯỜNG THI

當春乃發生。
Đương xuân nãi phát sinh.
隨風潛入夜，
Tùy phong tiềm nhập dạ,
潤物細無聲。
Nhuận vật tế vô thanh.
野徑雲俱黑，
Dã kinh vân câu hắc,
江船火獨明。
Giang thuyền hỏa độc minh.
曉看紅濕處，
Hiếu khan hồng thấp xứ,
花重錦官城。
Hoa trọng Cẩm quan thành.

CHÚ THÍCH - Tiền giải nói cái sự xuất hiện của mưa xuân: hậu giải nói cái cảnh trông thấy sau khi có mưa xuân.

ĐÊM XUÂN MỪNG MƯA

Mưa kia thời tiết đã thay.
Xuân về, liền phát ra ngay lúc này.
Đương đêm theo gió lẫn vào,
Đậm nhuận cây cỏ, thảo thảo như không.
Đường đông mờ mịt mây lồng,
Ngon đèn lấp ló, chiếc bóng trên sông.
Sáng trông chỗ ướt, màu hồng,
Cẩm quan thành nọ, khắp cùng đầy hoa.

41. 薄暮

BẠC MỘ

江水長流地 ,
Giang thủy trường lưu địa,
山雲薄暮時 .
Sơn vân bạc mộ thì.
寒花隱亂草 ,
Hàn hoa ẩn loạn thảo.
宿鳥擇深枝 .
Túc diều trạch thâm chi.
舊國見何日 ,
Cựu quốc kiến hà nhật,
高秋心苦悲 .
Cao thu tâm khổ bi.
人生不再好 ,
Nhân sinh bất tái hảo,
鬢髮自成絲
Mấn phát tự thành ti.

CHÚ THÍCH - Tiền giải nói sông hoa chìm buổi chiều, hậu giải nói sự lo buồn về cảnh nước nhà.

CHIỀU HỒM

*Nước sông chảy mãi chỗ này
Buổi chiều trên núi, đám mây giữa trời.
Lạnh lùng hoa nấp cỏ đồi,
Chim hôm về chỗ, chọn nơi lá dày.*

ĐƯỜNG THI

*Ngày nào lại thấy nước đây,
Trời thu lồng lộng, lòng này đắng cay,
Ở đời dễ mấy dịp may,
Tóc đầu thay đổi, bạc đây như tơ.*

42. 江漢

GIANG HÁN

江 漢 思 歸 客 ,
Giang Hán tư qui khách,
乾 坤 一 腐 儒 .
Càn khôn nhất hủ nho.
片 雲 天 共 遠 ,
Phiến vân thiên cộng viễn,
永 夜 月 同 孤 .
Vĩnh dạ nguyệt đồng cô.
落 日 心 猶 壯 ,
Lạc nhật tâm do tráng,
秋 風 病 欲 蘇 .
Thu phong bệnh dục tồ.
古 來 存 老 馬 ,
Cổ lai tồn lão mã,
不 必 取 長 途 .
Bất tất thủ trường đồ.

CHÚ THÍCH. – Tiền giải nói một mình ở vùng sông Giang sông Hán; hậu giải nói thân già mà tâm trí vẫn hăng hái, nhưng vì bệnh tật, nên mong được nghỉ ngơi.

GIANG HÁN

Mong về, Giang Hán khách xa,
Trên trời dưới đất, một nhà hủ nho,
Đám mây xa thăm tít mù,
Đêm dài trắng giọt thân cô mơ màng.
Bóng tà, chí vẫn nghênh ngang,
Gió thu phe phẩy, bệnh đường sinh ra.
Xưa nay còn có ngựa già,
Chẳng cần phải chạy đường xa làm gì.

43. 落日

LẠC NHẬT

落 日 在 簾 鉤
Lạc nhật tại liềm câu,
溪 邊 春 事 幽 .
Khê biên xuân sự u.
芳 菲 緣 岸 圉 ,
Phương phi duyên ngạn phó,
樵 爨 倚 灘 舟 .
Tiêu thoán ỷ than chu.
啁 雀 爭 枝 墜 ,
Trác tước tranh chi truy,
飛 蟲 滿 院 遊 .
Phi trùng mãn viện du.
濁 醪 誰 造 汝 ,
Trọc giao thùỵ tạo nhữ,

ĐUỜNG THI

一 酌 散 千 憂 .

Nhất chúc tán thiên ưu.

CHÚ THÍCH. - Tiền giải tả sự xuân ư, hậu giải tả những vật khi mặt trời lặn.

MẶT TRỜI LẶN

Bóng chiều đã ngã ngang màn,

Bên khe vắng vẻ, xuân tình lãng không.

Thơm tho vườn cỏ ven sông.

Chiếc thuyền dựa bến, tiêu đông nấu ếch.

Tranh cảnh cần lộn chim lặn,

Còn trùng bay nhón giữa sân từng bày.

Rượu kia ai chế ra mây,

Uống xong một cuộc tan ngay nghìn sầu.

44. 范二員外邈, 吳十侍御郁, 特

枉駕, 闕展待, 聊寄此作

PHẠM NHỊ VIÊN NGOẠI MẠC, NGÔ THẬP

THỊ NGŨ ÚC, ĐẶC UỐNG GIÁ, KHUYẾT

TRIỂN ĐÀI, LIÊU KÝ THỦ TÁC

暫 往 比 鄰 去 ,

Tạm vãng tỉ lân khứ,

空 聞 二 妙 歸 .

Không vãn nhị diệu qui.

幽 栖 成 簡 略 ,

U thê thành giản lược.

衰白已光輝 .
Suy bạch dĩ quang huy.
埜外貧家遠 ,
Dã ngoại bần gia viễn,
村中好客稀 .
Thôn trung hảo khách hi.
論文或不媿 ,
Luận văn hoặc bất quí,
重肯款柴扉 .
Trùng khăng khoản sài phi.

CHÚ THÍCH. – Tiền giải nói sự họ Phạm và họ Ngô đến chơi; hậu giải nói sự nhà nghèo không tiếp đãi được vừa ý. Bài thơ này trước sau nghe như hai bên ngồi nói chuyện và kết thúc cũng khéo.

PHẠM NHỊ VIÊN NGOẠI MẠC VÀ NGÔ THẬP THỊ
NGỰ ÚC ĐẾN CHƠI, KHÔNG THIẾT ĐÃI ĐƯỢC
NHƯ Ý, BÈN GỬI BÀI NÀY

*Bên nhà hàng xóm vừa sang,
Chẳng hay quý khách xa đường về chơi.
Cửa nhà vắng vẻ sơ sài,
Già nua tuổi tác được rày vinh quang.
Nhà nghèo ở quăng đồng hoang,
Trong thôn ít có khách sang đón chào.
Luận văn nếu thuận đối trao,
Thì xin lại đến gõ vào cửa tranh.*

45. 旅夜書懷

LỮ DẠ THỨ HOÀI

細 草 微 風 岸 ,

Tế thảo vi phong ngạn,

危 檣 獨 夜 舟 .

Nguy tương độc dạ chu.

星 垂 平 野 闊 ,

Tinh thùy bình dã khoáng,

月 湧 大 江 流 .

Nguyệt dưng đại giang lưu.

名 豈 文 章 著 ,

Danh khởi văn chương trứ,

官 應 老 病 休 .

Quan ứng lão bệnh hưu.

飄 飄 何 所 似 ,

Phiêu phiêu hà sở tự,

天 地 一 沙 鷗 .

Thiên địa nhất sa âu.

CHÚ THÍCH - Tiền giải nói chỗ lữ dạ, hậu giải kể sự hoải tướng của mình.

ĐÊM Ở CHỖ LỮ THỨ VIẾT NHỮNG ĐIỀU HOÀI
TƯỚNG CỦA MÌNH

Gió hơi bờ cỏ xanh xanh,

Chiếc thuyền đêm vắng, lênh khênh cột buồm.

Sao trên bãi rộng rủ chùm,
Vàng trắng giọt nước nhảy chồm giữa sông.
Danh chi vẫn tự mà mong,
Quan thì già yếu, không hòng ở lâu.
Lênh dênh thân thế về đâu.
Một con âu nhỏ giữa bầu càn khôn.

46 巫山晴
VU SƠN BÌNH

久雨巫山暗，
Cửu vũ Vu sơn ám,
新晴錦繡文。
Tân tình cẩm tú văn.
碧知湖外草，
Bích tri hồ ngoại thảo,
紅見海東雲。
Hồng kiến hải đông vân.
竟日鶯相和，
Cánh nhật oanh tương hòa,
摩天鶴數群。
Ma thiên hạc số quần.
野花乾更落，
Dã hoa khan cánh lạc,
風處急紛紛。
Phong xứ cấp phân phân.

ĐUỜNG THI

CHÚ THÍCH - Bài thơ này lấy chữ tình làm huyết mạch suốt cả bài, cho nên trong câu nào cũng nói ý là sáng tạnh.

Cả bài tả cảnh, nhưng tiền giải tả cái cảnh, to rộng ở ngoài xa; hậu giải tả cái cảnh nhỏ hẹp ở gần.

NÚI VU SƠN KHI TRỜI TẠNH

*Mưa mãi núi Vu ár,
Tạnh rồi gấm vóc đây.
Ven hồ xanh biếc cỏ,
Mặt biển đỏ bằng mây.
Suốt buổi oanh đua hót,
Sát trời hạc ruổi bay.
Hoa đồng khô lại rụng,
Gió thổi khắp lung lay.*

47. 月夜憶舍弟

NGUYỆT DẠ ỨC XÁ ĐỆ

戍 鼓 斷 人 行 ,
Thú cổ đoạn nhân hành,
邊 秋 一 雁 聲 .
Biên thu nhất nhạn thanh.
露 從 今 夜 白 ,
Lộ tòng kim dạ bạch,
月 是 故 鄉 明 .
Nguyệt thị cố hương minh.
有 弟 皆 分 散 ,
Hữu đệ giai phân tán,

無 家 問 死 生 .

Vô gia vấn tử sinh.

寄 書 長 不 達 ,

Ký thư trường bất đạt,

況 乃 未 休 兵 .

Huống nãi vị hưu binh.

CHÚ THÍCH. – Tiền giải nói cái tình cảnh buồn rầu; hậu giải nói sự ly tán.

ĐÊM TRĂNG NHỚ EM HỌ

Trống đồn, khách phải dừng chân,

Ngoài biên thu tới tiếng gòn nhận bay.

Sương sa trắng xóa đêm nay,

Trăng kia vàng vạc soi ngay quê nhà.

Có em, li tán cách xa,

Không nhà, sống thác biết là hỏi dâu.

Gửi thư chẳng đến đã lâu,

Huống chi bình lửa lúc nào mới yên.

48. 得舍弟觀書，自中都已達江陵。
今茲暮春月末，合行到夔州。悲喜相
兼，團圞可待。賦詩即事，情見乎詞。

ĐẮC XÁ ĐỆ QUAN THU, TỰ TRUNG ĐÔ
DĨ ĐẠT GIANG LĂNG. KIM TỬ MỘ XUÂN
NGUYỆT MẠT, HỢP HÀNH ĐÁO QUÌ CHÂU.
BI HỈ TƯƠNG KIÊM, ĐOÀN LOAN KHẢ ĐÀI.
PHÚ THI TỨC SỰ, TÌNH HIỆN HỒ TỬ.

爾 到 江 陵 府，

Nhĩ đáo Giang lăng phủ,

何 時 到 峽 州。

Hà thời đáo Giáp châu?

亂 離 生 有 別，

Loạn ly sinh hữu biệt,

聚 集 病 應 瘳。

Tụ tập bệnh ưng sầu.

颯 颯 開 啼 眼，

Táp táp khai đề nhãn,

朝 朝 上 水 樓。

Triêu triêu thượng thủy lầu.

老 身 須 寄 托，

Lão thân tu ký thác,

白 骨 更 無 憂。

Bạch cốt cánh vô ưu.

CHÚ THÍCH.— Bài thơ này làm khi tác giả ở Quì châu được tin người em họ sắp đón về.

ĐƯỢC THƯ EM TỪ TRUNG ĐỒ ĐÃ ĐẾN GIANG
LĂNG. NAY ĐẾN CUỐI THÁNG XUÂN, SẼ ĐI ĐẾN
QUÌ CHÂU. VỪA MỪNG VỪA TỬ, SỰ SUM HỌP
CÓ THỂ CHỜ ĐỢI. LÀM THƠ TẢ VIỆC ẤY, TÌNH
HIỆN RA LỜI.

*Biết em đã đến Giang lăng,
Bao giờ cất bước bằng chừng Giáp châu?
Loạn li sống phải xa nhau,
Được khi tụ tập, dù đau cũng lành.
Giọt châu chớp chớp dàn quanh,
Trông ai, sáng sáng thủy đình bước lên.
Thân già kỷ thác đã yên,
Khởi cho xương trắng bỏ miền tha hương.*

49. 日暮

NHẬT MỘ

牛羊下來久，
Ngưu dương há lai cữu,
各已閉柴門。
Các dĩ bế sài môn.
風月自清夜，
Phong nguyệt tự thanh dạ,
江山非故園。
Giang sơn phi cố viên.

ĐƯỜNG THI

石 泉 流 暗 壁 ,
Thạch tuyến lưu ám bích,
草 露 滴 秋 根 .
Thảo lộ trích thu căn.
頭 白 燈 明 裏 ,
Đầu bạch đăng minh lý,
何 須 花 燼 繁 .
Hà tu hoa tấn phần.

CHÚ THÍCH.— Tiên giải nói buổi chiều nhớ nhà; hậu giải nói đêm buồn về nỗi mình.

CHIỀU HÔM

*Trâu dê về cả chuồng rồi,
Nhà nào nhà nấy cửa sài đóng lâu.
Đêm thanh trắng gió một bầu,
Nước non cảnh lạ phải đau quê nhà.
Suối trong vách đá chảy ra,
Cỏ thu rể thấm sương sa ướt đầm.
Trước đèn dầu bạc thương thâm,
Hoa đèn đỏ chói có nhằm nỗi chi.*

50. 鹿

KỶ

永 與 清 谿 別 ,
Vĩnh dữ thanh khe biệt,
蒙 將 玉 饌 俱 .
Mông tương ngọc soạn câu.

無才逐仙隱，
Vô tài trục tiên ẩn,
不敢恨庖廚。
Bất cảm hận bào trù.
亂世輕全物，
Loạn thế khinh toàn vật,
微聲及禍樞。
Vì thanh cập họa xu,
衣冠兼盜賊，
Y quan kiêm đạo tặc.
饕餮用斯須。
Thao thiết dụng tư tu,

CHÚ THÍCH.- Kỳ là loài hươu không có sừng, tức là con hoẵng.- *Thao thiết* nói cái đáng tham ăn.- *Tư tu* là chốc lát.

Tiền giải nói con hoẵng tự than mình bị bắt, người ta sắp đem làm cỗ, hậu giải có ý thỏa mà những kẻ tham tàn.

CON HOẰNG

Dã dành vĩnh biệt khe trong,
Món ngon sắp được dự cùng dọn lên.
Phận hèn không được theo tiên,
Giận chi bếp núc giữ gìn nghề riêng.
Vật toàn đời loạn ai kiêng,
Tiếng kêu thổ thổ mà khiêng vạ này.
Áo xiêm trộm cướp một bày,
Nhôm nhôm chan húp hết ngay còn gì.

岑參

SẨM THAM

51. 寄左省杜拾遺

KÝ TẢ TỈNH ĐỖ THẬP DI

聯步趨丹陛，

Liên bộ xu đan bệ,

分曹限紫微。

Phân tào hạn Tử vi.

曉隨天仗入，

Hiếu tùy thiên trượng nhập,

暮惹御香歸。

Mộ nhạ ngự hương qui.

白髮悲花落，

Bạch phát bi hoa lạc.

青雲羨鳥飛。

Thanh vân tiệp diều phi.

聖朝無闕事，

Thánh triều vô khuyết sự,

自覺諫書稀。

Tự giác gián thư hi.

CHÚ THÍCH - *Tả tỉnh*: theo sự tổ chức triều chính đời xưa, có Trung thư tỉnh và Môn hạ tỉnh. *Trung thư tỉnh* coi việc chính trị, tức là việc của chức Tế tướng, ở bên hữu điện, cho nên gọi là Hữu tỉnh. *Môn hạ tỉnh* coi việc trong cung và sát hạch mọi việc, ở bên tả điện, cho nên gọi là Tả tỉnh. Mỗi

tỉnh có những chức Thập di, Bồ khuyết v.v. để coi việc can ngăn vua. ~ Tử vi: đời Đường đời Trung thu tỉnh làm Tử vi tỉnh, lấy ý cung Tử vi trong thiên văn. — *Phân tào*: Khi Đỗ Phủ trốn giặc trở về, vua Túc tôn cho làm chức Thập di ở Tả tỉnh, mà Sầm Tham lúc ấy đang làm chức Bồ khuyết ở Tử vi tỉnh.

Tiền giải nói bạn làm chức Tả Thập di mà mình thì ở Tử vi tỉnh; hậu giải khuyên bạn chớ nên can gián lắm.

GỬ CHO ĐỖ THẬP DI Ở TẢ TỈNH

*Liên chân bước tới hệ rồng,
Tử vi hạn giới ở trong phân tào.
Sớm theo nghi trượng bước vào,
Chiều về mang lấy ngạt ngào ngự hương.
Hoa rơi, tóc bạc càng thương.
Mây xanh chìm lượn dịu dàng đẹp thay.
Thánh triều dẫu có lầm sai,
Dâng thư tự biết ít lời khuyên can.*

常建

THƯỜNG KIẾN

52. 破山寺後禪院

PHÁ SƠN TỰ HẬU THIÊN VIỆN

清晨入古寺，

Thanh thần nhập cổ tự，

初日照高林，

Sơ nhật chiếu cao lâm.

曲徑通幽處，

Khúc kính thông u xứ，

ĐƯỜNG THI

禪 房 花 木 深 .
Thiền phòng hoa mộc thâm.
山 光 悅 鳥 性 ,
Sơn quang duyệt diều tính,
潭 影 空 人 心 .
Đàm ảnh không nhân tâm.
萬 籟 此 俱 寂 ,
Vạn lại thử câu tịch,
惟 聞 鐘 磬 音 .
Duy văn chung khánh âm.

CHÚ THÍCH – *Lại* là phẩm vật gì có lỗ hổng, có thể phát ra tiếng đều là lại.

Bài thơ này câu ba và bốn không đổi, tức là thuộc vào lối thơ bản cổ bản luật.

NHÀ THIỀN VIÊN Ở SAU CHÙA PHÁ SƠN

*Sáng ngày chùa cổ bước vào,
Mặt trời mới mọc ánh vào cây cao.
Đường quanh đi tới phía sau,
Buồng thiền hoa lá, một bầu xanh tươi.
Tĩnh chìm ưa sáng trên đồi,
Mặt đầm bóng lộn, lòng người thanh thơi.
Chốn này muôn tiếng im hơi,
Chỉ nghe chuông khánh tiếng giời xa xa.*

張均

TRƯƠNG QUÂN

53. 岳陽晚景

NHẠC DƯƠNG VÂN CẢNH

晚 景 寒 鴉 集 ,

Vân cảnh hàn nha tập,

秋 風 旅 雁 歸 .

Thu phong lữ nhạn qui.

水 光 浮 日 出 ,

Thủy quang phù nhật xuất,

霞 彩 映 江 飛 .

Hà thái ánh giang phi.

洲 白 蘆 花 吐 ,

Châu bạch lô hoa thổ,

園 紅 柿 葉 稀 .

Viên hồng thị diệp hi.

長 沙 卑 濕 地 ,

Trường sa ti thấp địa,

九 月 未 成 衣 .

Cửu nguyệt vị thành y.

CHÚ THÍCH.- Bài thơ này làm khi tác giả bị trích ra làm quan ở ngoài.
Tiền giải tả cảnh buổi chiều, hậu giải lấy văn cảnh mùa thu mà biểu lộ
cái tình tứ của mình.

ĐƯỜNG THI

CẢNH BUỔI CHIỀU Ở NHẠC DƯƠNG

*Cảnh hôm qua đậu đầy cây,
Về nam chim nhận, gió may lạnh lòng.
Bóng sông hiện nổi vàng hồng.
Long lanh lớp ráng giữa dòng nước bay.
Bông lau trắng xóa bãi này,
Vườn kia đỏ ối, lá cây rụng đều.
Tràng sa đất ẩm lạnh nhiều,
Nay đà tháng chín, áo bào chưa may.*

劉長卿

LƯU TRƯỜNG KHANH

54. 過前安宜張明府郊居

QUÁ TIỀN AN NGHI TRƯỞNG MINH PHỦ

GIAO CƯ

寂寥東郭外，
Tịch liêu Đông quách ngoại,
白首一先生。
Bạch thủ nhất tiên sinh.
解印孤琴在，
Giải ấn cô cầm tại,
移家五柳成。
Di gia ngũ liễu thành.

夕陽臨水釣，
Tịch dương lâm thủy điếu,
春雨向田耕。
Xuân vũ hướng điền canh.
終日空林下，
Chung nhật không lâm hạ,
何人識此情。
Hà nhân thức thử tình.

CHÚ THÍCH - Tiền giải nói chỗ giao cư của Trương minh phủ; hậu giải khen cái chí cao thượng của họ Trương.

QUA TRẠI NGOÀI ĐỒNG CỦA QUAN TIỀN TRI
PHỦ AN NGHI HỌ TRƯƠNG

*Quạnh hiu Đông quách xóm ngoài,
Bạc đầu một lão khác người thường xa.
Ôm cầm trả ấn quan nha,
Sẵn nắm gốc liễu đời nhà ở lâu.
Buổi chiều ra bến ngồi câu,
Mùa xuân làm ruộng, giắt trâu đi cày,
Suốt ngày thơ thẩn dưới cây,
Mấy ai đã biết lòng này thành thơ.*

55. 尋南溪常道士
TÂM NAM KHÊ THƯỜNG ĐẠO SĨ

一路經行處，
Nhất lộ kinh hành xứ,

ĐUƠNG THI

莓苔見屐痕 .

Môi đài kiến kịch ngân.

白雲依靜渚 ,

Bạch vân y tĩnh chử.

芳草閉閒門 .

Phương thảo bế nhàn môn.

過雨看松色 ,

Quá vũ khan tùng sắc.

隨山到水源 .

Tùy sơn đáo thủy nguyên.

溪花與禪意 ,

Khe hoa dữ thiền ý,

相對亦忘言 .

Tương đối diệt vong ngôn.

CHÚ THÍCH. – Tả cái cảnh tịch mịch chỗ ở của đạo sĩ

TÌM THƯỜNG ĐẠO SĨ Ở NAM KHÊ

Con đường đi lại đã quen,

Trên rêu dấu gót thấy in rành rành.

Bãi êm mây trắng bao quanh,

Cửa vào che kín, cỏ xanh mịt mùng.

Mưa xong ngấm về cây tùng.

Theo đường núi đến chỗ cùng thủy nguyên.

Hoa khe, thiền ý, đôi bên,

Trông nhau đứng sững cũng quên ngỏ lời.

56. 餞別王十一南遊

TIỄN BIỆT VƯƠNG THẬP NHẤT NAM DU.

望君煙水闊，

Vọng quân yên thủy khoáng,

揮手淚沾巾。

Huy thủ lệ triêm cân.

飛鳥沒何處，

Phi diều một hà xứ,

青山空向人。

Thanh sơn không hướng nhân.

長江一帆遠，

Trường giang nhất phàm viễn,

落日五湖春。

Lạc nhật ngũ hồ xuân.

誰見汀洲上，

Thùy kiến đình châu thượng,

相思愁白蘋。

Tương tư sầu bạch tần.

CHÚ THÍCH. - Ngũ hồ, có hai nghĩa: Một là nói năm hồ ở nước Sở ngày xưa là: Bà dương hồ, Động đình hồ, Sào hồ, Thái hồ và Chung hồ. Hai là tên thường gọi Thái hồ ở khoảng tỉnh Giang tô và Chiết giang, vì hồ ấy có năm ngã như năm hồ hợp lại làm một.

TIỄN BIỆT VƯƠNG THẬP NHẤT
ĐI CHƠI PHÍA NAM.

Trông anh khởi nước mênh mông,

Vẫy tay nước mắt tuôn dòng thấm khăn.

ĐƯỜNG THI

*Chim bay tuyệt tích xa gần,
Chỉ còn núi biếc bắn khoăn với người.
Cánh bướm phất phới ngoài khơi,
Vẻ xuân bóng xế, rong chơi năm hồ.
Ai trông trên mặt bãi gò,
Cỏ lăn trắng xóa tha hồ tương tư.*

韋應物

VI ỨNG VẬT

57. 淮上喜會梁川故人

HOÀI THƯỢNG HỈ HỘI LƯƠNG XUYỀN
CỐ NHÂN.

江 漢 曾 為 客 ,
Giang Hán từng vi khách,
相 逢 每 醉 還 .
Tương phùng mỗi túy hoàn.
浮 雲 一 別 後 .
Phù vân nhất biệt hậu,
流 水 十 年 間 .
Lưu thủy thập niên gian.
歡 笑 情 如 舊 ,
Hoan tiếu tình như cựu,
蕭 疏 髮 已 班 .
Tiêu sơ phát dĩ ban.

何 因 不 歸 去 ,
Hà nhân bất qui khứ,
淮 上 對 秋 山 .
Hoài thượng đối thu sơn.

CHÚ THÍCH.— Hoài là con sông chảy ở vùng An huy và Giang tô vào hồ Hồng trạch.— Ban là sắc lốm đốm, chỗ trắng chỗ đen.

Tiền giải nhắc lại sự cùng nhau mười năm trước ở vùng Giang Hán; hậu giải nói gặp nhau vui vẻ như xưa và rủ nhau về nghỉ.

TRÊN SÔNG HOÀI MỪNG GẶP BẠN CŨ Ở LƯƠNG
XUYÊN.

Cùng nhau Giang Hán khách xưa,
Mỗi khi gặp mặt say sưa mới về.
Mây bay phút chốc biệt ly,
Nước trôi thấm thoát chẳng dè mười năm.
Vui cười tình cũ khôn cầm,
Lơ thơ đầu bạc hoa dâm còn gì.
Cớ sao chẳng bỏ về đi,
Sông Hoài cảnh thú gần kề non thu.

58. 賦得：暮雨送李曹
PHÚ ĐẮC: MỘ VŨ TỔNG LÝ TÀO.

楚 江 微 雨 裏 ,
Sở giang vi vũ lý,
建 業 暮 鐘 時 .
Kiến nghiệp mộ chung thì.

ĐƯỜNG THI

漠 漠 帆 來 重 ,
Mạc mạc phàm lai trọng.
冥 冥 鳥 去 遲 .
Minh minh điểu khứ trì,
海 門 深 不 見 ,
Hải môn thâm bất kiến,
溆 樹 遠 含 滋 .
Phổ thụ viễn hàm tư.
相 送 情 無 限 ,
Tương tống tình vô hạn,
沾 襟 比 散 絲 .
Triêm khâm tỉ tán ti.

CHÚ THÍCH.— Tiền giải tả chỗ Tống biệt lúc chiều tối trời mưa; hậu giải nói cảnh tình quyến luyến đau buồn.

PHÚ ĐẮC: CHIỀU MƯA TIỀN LÝ TÀO.

Sở giang trong lúc mưa dầm,
Chuông thành Kiến nghiệp tiếng gấm chiều hôm.
Quanh hiu nặng trĩu lá buồn,
Chim bay thoi thót xa nom mặt mờ.
Trông vời cửa bể nẻo xa,
Cây xanh quanh bến biết là bao nhiêu.
Tiễn nhau tình ý xiết bao,
Dòng tơ giọt lệ thấm bào ướt khăn.

錢起
TIỀN KHỞI

59. 谷口書齊寄楊補闕
CỐC KHẨU THƯ TRẠI KÝ DƯƠNG BỔ
KHUYẾT.

泉壑帶茅茨，

Tuyền hác đai mao tỳ,

雲霞生薜帷。

Vân hà sinh bệ duy.

竹憐新雨後，

Trúc liên tân vũ hậu,

山愛夕陽時。

Sơn ái tịch dương thì.

閒鷺栖常早，

Nhàn lộ thê thường táo,

秋花落更遲。

Thu hoa lạc cánh trì.

家僮掃蘿徑，

Gia đồng táo la kinh,

昨與故人期。

Tạc dữ cố nhân kỳ.

CHÚ THÍCH.- Cốc khẩu là tên đất, ở tây bắc huyện Kinh dương, tỉnh

ĐƯỜNG THI

Thiểm tây bảy giờ.

Tiền giải nói phong cảnh chỗ ở; hậu giải nói mời bạn về chơi

Ở THƯ TRAI CHỖ CỐC KHẨU GỬI CHO QUAN BỔ KHUYẾT DƯƠNG

*Chỗ hang hốc bên khe cỏ mọc,
Mành ráng mây treo dọc bờ rào.
Trúc thương, sau trận mưa dào,
Núi yêu, vào lúc buổi chiều thanh thoi.
Cò nhàn hạ tìm nơi đậu sớm,
Cánh hoa thu muộn chớm màu tươi.
Đường rêu quét dọn hẵn hoi,
Cố nhân hôm nọ, về chơi hẹn hò.*

司空曙

TƯ KHÔNG THỰ

80. 賊平後送人北歸 .

TẠC BÌNH HẬU TỔNG NHÂN BẮC QUI

世亂同南去 ,
Thế loạn đồng nam khứ,
時清獨北還 .
Thời thanh độc bắc hoàn.
他鄉生白髮 ,
Tha hương sinh bạch phát,
舊國見青山 .
Cựu quốc kiến thanh sơn.

曉月過殘壘，
Hiếu nguyệt quá tàn lũy,
繁星宿故關。
Phồn tinh túc cố quan.
寒禽與衰草，
Hàn cầm dữ suy thảo,
處處伴愁顏。
Xử xử bạn sầu nhan.

CHÚ THÍCH - *Hàn cầm* là chim mùa lạnh bị rét.

Tiền giải tả cái cảnh người chạy loạn ở chỗ tha hương; hậu giải tả cái cảnh buồn rầu khi trở về.

GIÃC YÊN, TIỀN NGƯỜI VỀ BẮC

Về nam, đời loạn, cùng đi,
Một mình về bắc, đến khi trị bình.
Tha hương tóc bạc mới sinh,
Nước nhà lại thấy núi xanh như thường.
Trăng soi tàn lũy dọc đường,
Chùm sao đứng lặng trên tường ải xưa.
Hàn cầm với lại cỏ thưa,
Đến đâu làm bạn đón đưa mặt sầu.

戴叔倫
ĐÁI THÚC LUÂN

61. 除夜宿石頭驛
TRỪ DẠ TÚC THẠCH ĐẦU DỊCH

旅館誰相問，

Lữ quán thùy tương vấn,

寒燈獨可親。

Hàn đăng độc khả thân.

一年將盡夜，

Nhất niên tương tận dạ,

萬里未歸人。

Vạn lý vị qui nhân.

寥落悲前事，

Liêu lạc bi tiền sự.

支離笑此身。

Chi li tiếu thử thân.

愁顏與衰鬢

Sầu nhan dữ suy mấn,

明日又逢春。

Minh nhật hựu phùng xuân.

CHÚ THÍCH. – Tiền giải tả cảnh người ở lữ thứ đêm trừ tịch; hậu giải nói cái tình tứ của mình.

ĐÊM TRỪ TỊCH NGỦ Ở TRẠM
THẠCH ĐẦU

*Quê người quán khách ui dâu,
Ngọn đèn chiếc bóng cùng nhau ngấn dài.
Một năm sắp hết đêm này,
Người còn muôn dặm đeo đai chưa về.
Quạnh hiu buồn nổi trước kia,
Vấn vợ chuyện vật, cười khi tẩm thân.
Tóc dâm với bộ mặt dần,
Ngày mai đi lại gặp xuân đó mà.*

梁 鎰

LƯƠNG HOÀNG

62. 艷女詞

DIÊM NỮ TỪ

露 井 桃 花 發 ,
Lộ tỉnh đào hoa phát,
雙 雙 燕 並 飛 .
Song song yến tịnh phi.
美 人 姿 態 裡 ,
Mỹ nhân tư thái lý,
春 色 上 羅 衣 .
Xuân sắc thượng la y.

ĐƯỜNG THI

自愛頻窺鏡，
Tự ái tần khuy kính,
時羞欲掩扉。
Thời tu dục yếm phi.
不知行路客，
Bất tri hành lộ khách,
遙惹五香歸。
Dao nhạ ngũ hương qui.

CHÚ THÍCH.- *Ngũ hương*, một tên gọi là thanh mộc hương, một thứ hương đàn bà hay dùng để trang sức.

Tiền giải nói cái dáng đẹp như hoa đào mới nở, như chim yến đang bay; hậu giải nói cách cử chỉ của người đẹp.

LỜI CA NGƯỜI ĐẸP

Hoa đào lộ tỉnh mới khai,
Song song chim yến thành thoi lượn vòng.
Ấy là người đẹp tư dung,
Vẻ xuân mơn mớn ở trong áo là.
Soi luôn nét mặt dặm dề,
Ngượng ngùng có lúc cửa hoa muốn cài.
Hay đâu có khách dạo ngoài,
Xa xa hưởng lấy những mùi hương thơm.

劉禹錫

LƯU VŨ TÍCH

63. 歲夜詠懷

TUẾ DẠ VỊNH HOÀI

彌年不得意，

Di niên bất đắc ý,

新歲又如何。

Tân tuế hựu như hà.

念昔同遊者，

Niệm tích đồng du giả,

而今有幾多。

Nhi kim hữu kỷ đa.

以閒為自在，

Di nhàn vi tự tại,

將壽補蹉跎。

Tương thọ bổ tha đà.

春色無新故，

Xuân sắc vô tân cố,

幽居亦見過。

U cư diệc kiến qua.

CHÚ THÍCH.— Tiền giải nói năm đã qua; hậu giải nói xuân năm mới

LỜI TỎ TÌNH ĐÊM TRỪ TỊCH

Suối năm không chút vừa lòng,
Bước sang năm mới lại mong được gì?
Nghĩ xưa bầu bạn tương tri.
Mà người còn lại nay thì có bao.
Lấy nhân làm thú tiêu dao,
Hãy đem tuổi thọ trừ hao nỗi cùng.
Xuân nay xuân trước cũng đồng,
Không quên, qua tới tận cùng u cù.

64. 蜀先主廟

THỰC TIÊN CHỦ MIẾU

天 地 英 雄 氣 ,
Thiên địa anh hùng khí.
千 秋 尚 凜 然 .
Thiên thu thượng lâm nhiên.
勢 分 三 足 鼎 ,
Thế phân tam túc đỉnh,
業 復 五 銖 錢 .
Nghệp phục ngũ thù tiền.
得 相 能 開 國 ,
Đắc tướng năng khai quốc,
生 兒 不 象 賢 .
Sinh nhi bất tượng hiền.
淒 涼 蜀 故 妓 ,
Thê lương Thục cố kỹ.

來 舞 魏 宮 前 .

Lai vũ Ngụy cung tiền.

CHÚ THÍCH - *Lẩm nhẩm* là nói cái vẻ đáng kính sợ. - *Ngũ thủ tiên* là tiên nhà Hán đúc ra, mỗi đồng nặng năm thủ. Đây mượn ý nói cơ nghiệp nhà Hán.

Tiên giải nói đời Tam quốc, vua Tiên chủ nhà Thục mong khôi phục lại cơ đồ nhà Hán; hậu giải nói thành lập nước là nhờ tài của tướng hiền, sự nghiệp hồng là vì con đại.

MIẾU THỜ THỰC TIÊN CHỦ

Trong trời đất khí anh hùng,

Ngàn thu lẫm liệt trong cung phụng thờ.

Thế thành chân vạc chia ba,

Việc lo khôi phục Hán gia cơ đồ.

Tướng hiền mở nước công to,

Sinh con đường tựa hèn ngu thiết thòi.

Cung nhân nước Thục ngậm ngùi,

Phải về nhảy múa ở nơi Ngụy triều.

白居易

BẠCH CƯ DỊ

65. 草

THẢO

離 離 原 上 草 .

Lí lí nguyên thượng thảo,

DUƠNG THI

一歲一枯榮 .
Nhất tuế nhất khô vinh.
野火燒不盡 ,
Dã hỏa thiêu bất tận,
春風吹又生 .
Xuân phong xuy hựu sinh.
遠芳侵古道 ,
Viễn phương xâm cổ đạo.
晴翠接荒城 .
Tình thúy tiếp hoang thành.
又送王孫去 ,
Hựu tống vương tôn khứ,
萋萋滿別情 .
Thê thê mãn biệt tình.

CHÚ THÍCH. - *Li li* là nói cái dáng tua tủa, chẳng chít - *Thê thê* là nói cái dáng cỏ tốt tươi. Hai câu kết lấy điển ở Sở từ câu Vương tôn du hề bất qui, Phương thảo sinh hề thê thê.

Bạch Lạc thiên có ý lấy cây cỏ mà ví kẻ tiểu nhân. Tiên giải nói cây cỏ trừ thế nào cũng không hết, được thời, lại mọc lên man mác hầu giải nói cỏ dễ làm cho người ta yêu, nhân thế mà gây ra bao nhiêu sự đau buồn

CỎ

Cỏ kia chẳng chít trên gò,
Một năm thay đổi vinh khô một lần.
Lửa đồng đối chẳng trừ căn,
Lại lên mơn mẩn khi xuân trở về.
Thơm xa ngào ngạt lối đi,
Màu xanh lấp lánh tiếp kề thành hoang.

*Lại đưa du khách lên đường,
Tối tưng, xiết nỗi đoạn trường phân li.*

66. 秋思

THU TỬ

夕 照 紅 于 燒 ,
Tịch chiếu hồng vu thiêu,
晴 空 碧 勝 藍 .
Tinh không bích thắng lam.
獸 形 雲 不 一 ,
Thù hình vân bất nhất,
弓 勢 月 初 三 .
Cung thế nguyệt sơ tam.
雁 思 來 天 北 ,
Nhạn tử lai thiên bắc.
砧 愁 滿 水 南 .
Châm sầu mãn thủy nam.
蕭 條 秋 氣 味 ,
Tiêu điều thu khí vị.
未 老 已 深 諳 .
Vị lão dĩ thâm am.

CHÚ THÍCH. – Tiên giải nói quang cảnh mùa thu, hậu giải nói khí vị mùa
thu

THU TỬ

*Trời hôm đỏ tựa lửa đồng,
Bầu không quang tạnh, xanh trông khác thường.*

ĐƯỜNG THI

Mây đồn từng đám hình muông.
Mông ba, bóng nguyệt coi đường vòng cung.
Nhận từ trời bắc đợi mong,
Tiếng chày đập vải khắp vùng xuôi nam.
Tiêu điều thu khí đầy nồm,
Chưa già chi mấy đã am hiểu nhiều.

元稹

NGUYỄN CHẨN

67. 詠武侯

VINH VŨ HẦU

撥亂扶危主，
Bát loạn phù nguy chủ,
慇懃受托孤，
Ấn cần thụ thác cô.
英才過管樂，
Anh tài quá Quản, Nhạc.
妙策勝孫吳，
Diệu sách thắng Tôn, Ngô.
凜凜出師表，
Lâm lâm xuất sư biểu,
堂堂八陣圖，
Đường đường bát trận đồ.

如 公 存 盛 德 ,
Như công tồn thịnh đức,
應 嘆 古 人 無 .
Ưng thán cổ nhân vô

CHÚ THÍCH - *Quản, Nhạc* là *Quản Trọng* và *Nhạc Nghị*, hai người hiền có tiếng giỏi về chính trị và quân sự ở đời Xuân thu và Chiến quốc bên Tàu. - *Tôn, Ngô* là *Tôn Võ* và *Ngô Khởi*, hai người có tiếng giỏi về phép dùng binh ở đời Xuân thu và Chiến quốc. - *Thác cổ* là chịu mệnh giúp ấu chủ.

VỊNH VÕ HẦU

*Đẹp loạn phò nguy chủ,
Ân cần chịu thác cô.
Anh tài vượt Quản, Nhạc,
Mạo giỏi hơn Tôn, Ngô.
Lầm lằm xuất sư biểu,
Đường đường bát trận đồ.
Như ông, còn đức lớn,
Khả tiếc, cổ nhân vô.*

杜 牧

ĐỖ MỤC

68. 旅 宿

LỮ TỨC

旅 宿 無 良 伴 ,
Lữ quán vô lương bạn,

ĐƯỜNG THI

凝情自悄然。
Ngưng tình tự tiêu nhiên.
寒燈思舊事，
Hàn đăng tư cựu sự,
斷雁警愁眠。
Đoạn nhạn cảnh sầu miên.
遠夢歸侵曉，
Viễn mộng qui xâm hiếu,
家書到隔年。
Gia thư đáo cách niên.
滄江好煙月，
Thương giang hảo yên nguyệt.
門繫釣魚船。
Môn hệ diều ngư thuyền.

CHÚ THÍCH.- Tiền giải nói cái cảnh một mình ở lữ quán; hậu giải nói tình nhớ nhà.

NGỦ Ở LỮ QUÁN

Bạn bè lữ quán có đâu,
Nỗi lòng tự biết, nỗi sầu ngẩn ngơ.
Ngọn đèn lạnh, nhớ việc xưa,
Lo đêm không ngủ, nhận thư đó mà.
Cách năm mới được thư nhà,
Sáng ngày thấy mộng đi xa trở về.
Sông xanh trắng khói mọi bề,
Mé ngoài trước cửa buộc kẻ thuyền câu.

李商隱
LÝ THƯƠNG ẨN

69. 蟬

THIÊN

本 以 高 難 飽 ,

Bản dĩ cao nan bão,

徒 勞 恨 費 聲 .

Đồ lao hận phí thanh.

五 更 初 欲 斷 ,

Ngũ canh sơ dục đoạn,

一 樹 碧 無 情 .

Nhất thụ bích vô tình.

薄 宦 梗 猶 汎 ,

Bạc hoạn ngạnh do phiếm,

故 園 蕪 已 平 .

Cố viên vu dĩ bình.

煩 君 最 相 警 ,

Phiền quân tối tương cảnh,

我 亦 舉 家 清 .

Ngã diệc cử gia thanh.

CHÚ THÍCH - Tiền giải nói tiếng ve kêu trên cây; hậu giải nói cái tình tứ của con ve.

ĐƯỜNG THI

CON VE

Chỗ cao vốn khó kiếm ăn,
Lương công mỗi miệng, nhọc nhằn phí hơi.
Năm canh thừa tiếng muốn thôi,
Một cây xanh biếc là nơi vô tình.
Phận hèn nhiều nỗi bấp bề, n.
Vườn xưa cỏ rậm đã thành đất không.
Nhờ ai răn bảo đến cùng,
Suốt nhà ta giữ tấm lòng sạch trong.

70. 北青蘿

BẮC THANH LA

殘陽西入壩 ,
Tàn dương tây nhập yêm.
茅屋訪孤僧 .
Mao ốc phỏng cô tăng.
落葉人何在 ,
Lạc diệp nhân hà tại.
寒雲路幾層 .
Hàn vân lộ kỷ tầng.
獨敲初夜磬 ,
Độc sao sơ dạ khách.
閒倚一枝藤 .
Nhàn y nhất chi đằng.
世界微塵裏 ,
Thế giới vi trần lý.

吾甯愛與憎

Ngô ninh ái dư tăng.

CHÚ THÍCH. – Tiền giải nói sự đi thăm một tăng nhân; hậu giải nói cái cảm tình của mình.

BẮC THANH LA

*Bóng chiều lặn xuống núi tây,
Nhà tranh, đến hỏi thăm thầy cô tăng.
Người dâu, lá rụng khắp rừng,
Mây che lạnh lẽo, mấy tầng đường đi.
Một mình đập khánh đêm khuya.
Thần thơ đứng tựa gần kê dây leo.
Ở trong trần thế bực bèo.
Ta đành cứ cội ghét yêu cho rồi.*

于良史

VU LƯƠNG SỬ

71. 春山月夜

XUÂN SƠN NGUYỆT DẠ

春山多勝事，
Xuân sơn đa thắng sự,
賞翫夜忘歸。
Thưởng ngoạn dạ vong qui.

掬水月在手 ,
Cúc thủy nguyệt tại thủ,
弄花香滿衣 .
Lộng hoa hương mãn y.
興來無遠近 ,
Hưng lai vô viễn cận,
欲去惜芳菲 .
Dục khứ tích phương phi.
南望鐘鳴處 ,
Nam vọng chung minh xứ,
樓臺深翠微 .
Lâu đài thâm thủy vi

CHÚ THÍCH. – *Thủy vi*, xem chú thích ngũ ngôn cổ số 20 của Lý Bạch.
Tiền giải cốt ở hai câu khởi, sáu câu sau đều theo đó mà phát mạch.

ĐÊM TRĂNG TRÊN NÚI XUÂN

*Non xuân thật lắm cảnh màu,
Ham vui thường ngoạn đường thâu đêm chầy,
Trăng theo nước vốc vào tay,
Chơi hoa thoang thoang áo đầy những hương.
Thích chơi chi kể xa đường,
Muốn về tiếc thú, lại càng lưu liên.
Trời nam trông phía chuông rền,
Lâu đài lấp ló giữa miền non xanh.*

崔塗
THÔI ĐỒ

72. 除夜有懷

TRỪ ĐẠ HỮU HOÀI

迢遞三巴路，

Thiêu đệ Tam Ba lộ

羈危萬里身。

Kỳ nguy vạn lý thân.

亂山殘雪夜，

Loạn sơn tàn tuyết dạ,

孤燭異鄉人。

Cô chúc dị hương nhân.

漸與骨肉遠，

Tiệm dữ cốt nhục viễn,

轉於僮僕親。

Chuyển ư đồng bộc thân.

那堪正飄泊，

Na kham chính phiêu bạc,

明日歲華新。

Minh nhật tuế hoa tân.

CHÚ THÍCH. - Tam Ba ở Tứ xuyên. Về cuối đời Đông Hán, Lưu Chương
đặt ra Ba quân, Ba đông và Ba tây, gọi là Tam Ba.

ĐƯỜNG THI

SỰ TƯỚNG NGHĨ TỐI NGÀY BA MƯƠI TẾT

Tam Ba đường sá xa xôi,
Thân ngoài muôn dặm mắc hoài nỗi lo.
Suốt đêm tuyết xuống núi gò,
Ngọn đèn hiu hắt thân cô quẽ người.
Lên lửa cốt nhục tạm nguôi,
Lại cùng tôi tớ bụi ngài làm thân.
Chịu dàu trời dặt gian truân,
Ngày mai năm mới thấy xuân đỏ mào.

馬戴

MÃ ĐÁI

73. 過野叟居

QUÁ DÃ TÁU CƯ

野人聞種樹 ,
Dã nhân nhàn chủng thụ,
樹老野人前 .
Thụ lão dã nhân tiền.
居止白雲內 ,
Cư chỉ bạch vân nội,
漁樵滄海邊 .
Ngư tiều thương hải biên.
呼兒採山藥 ,
Hô nhi thái sơn dược,

放 憤 飲 溪 泉 .
Phóng độc ẩm Khê tuyền.
自 著 養 生 論 ,
Tự trước dưỡng sinh luận,
無 煩 憂 暮 年
Vô phiền ưu mộ niên.

CHÚ THÍCH - Tả cái cảnh thu nhàn hạ của ông lão ở chỗ thôn quê.

QUA CHỖ Ở CỦA ÔNG LÃO NHÀ QUÊ

*Người quê rồi rãi giồng cây,
Người giồng cây thấy cây nay đã già.
Nghỉ ngơi trong thú yên hà,
Dọc theo bờ bể, nhặt chà buống câu.
Gọi con hái thuốc rừng sâu,
Thả trâu uống nước suối đầu khe xanh.
Tự làm ra luận trường sinh,
Tuổi già quên bẵng, thênh thênh nhẹ lòng.*

74. 楚江懷古

SỞ GIANG HOÀI CỔ

露 氣 寒 光 集 ,
Lộ khí hàn quang tập,
微 陽 下 楚 邱 .
Vì dương hạ Sở khâu.
猿 啼 洞 庭 樹 ,
Viên đề Động đình thụ.

ĐƯỜNG THI

人 在 木 蘭 舟 .
Nhân tại mộc lan chu.
廣 澤 生 明 月 ,
Quảng trạch sinh minh nguyệt.
蒼 山 夾 亂 流 .
Thương sơn giáp loạn lưu.
雲 中 君 不 見 ,
Vân trung quân bất kiến,
竟 夕 自 悲 秋 .
Cánh tịch tự bi thu.

CHÚ THÍCH. – *Vân trung* theo điển cũ là nói thần mây. Ý câu thơ này là nói: Thần mây đi lại nhanh chóng không ai thấy được.

THƠ HOÀI CỔ LÀM TRÊN SÔNG NƯỚC SỞ

*Khí sương sáng lạnh một bầu,
Bóng dương mờ chiếu Sở khâu sớm ngày.
Động đình vượn hót trên cây,
Thuyền lan chờ khách, người ngậy nổi lòng.
Trăng soi đầm rộng sáng trong,
Núi xanh bao khắp mấy dòng nước giao.
Chúa mây lui tới rất mau,
Suốt đêm chỉ những rầu rầu cảnh thu.*

韋莊
VI TRANG

75. 章臺夜思

CHƯƠNG ĐÀI DẠ TỬ

清 瑟 怨 遙 夜 ,

Thanh sắt oán dao dạ,

嬌 絃 風 雨 哀 .

Nhiều huyền phong vũ ai.

孤 燈 聞 楚 角 ,

Cô đăng văn sở giác,

殘 月 下 章 臺 .

Tàn nguyệt há Chương đài.

芳 草 已 云 暮 ,

Phương thảo dĩ vân mộ,

故 人 殊 未 來 .

Cố nhân thù vị lai.

鄉 書 不 可 寄 ,

Hương thư bất khả ký,

秋 雁 又 南 迴 .

Thu nhạn hựu nam hồi.

CHÚ THÍCH. — Chương đài là tên con đường trong châu thành Trường an đời Hán. Đến đời Đường con đường ấy hãy còn. Nhân có chuyện Hàn Hủ đời Đường lấy một người vợ tên là Liễu thị, khi đi làm quan xa, để Liễu thị ở lại

ĐƯỜNG THI

đường Chương đài, rồi mỗi khi viết thư về, thì gọi vợ là Chương đài Liễu. Sau Liễu thi bị người tướng phiên bắt đi mất, nhờ tướng Hứa Tuấn dùng mưu cướp về được. Vua cho trả lại cho Hàn Hú. Bởi vậy về sau nhà làm văn hay dùng chữ Chương đài Liễu mà nói cây liễu ở Chương đài, ngụ ý người vợ ở xa.

SỰ ĐÊM TƯỚNG NHỚ CHỖ CHƯƠNG ĐÀI

*Đêm xa vắng, nhất thủa thanh sắt,
Nấn đường tơ, rẻo rất gió mưa.
Tiếng còi Sở, ngọn đèn mờ,
Đường Chương đài dưới bóng nga tối mù.
Cỏ thơm sắp hết mùa tươi tốt,
Bạc cổ tri trông hút thấy dàu.
Thư nhà dễ gửi được nào,
Gió thu đưa nhện ào ào về nam.*

僧皎然

TĂNG HẠO NHIÊN

76. 尋陸鴻漸不遇

TÂM LỤC HỒNG TIỆM BẤT NGỘ

*移家雖帶郭，
Di gia tuy đới quách,
野徑入桑麻。
Dã kính nhập tang ma.
近種籬邊菊，
Cận chủng li biên cúc，*

秋來未著花。
Thu lai vị trước hoa.
扣門無犬吠，
Khấu môn vô khuyển phệ,
欲去問西家。
Dục khứ vấn tây gia.
報道山中去，
Báo đạo sơn trung khứ,
歸來每日斜。
Qui lai mỗi nhật tà.

CHÚ THÍCH.- Tiền giải tả chỗ ở của ẩn giả; hậu giải nói người đi vắng không gặp.

TÌM LỤC HỒNG TIỆM KHÔNG GẶP

*Dời nhà ở mé thành ngoài,
Đường vào quau đám dâu dày chạy dài.
Cúc giồng dọc giậu xanh tươi,
Thu về hoa vẫn chưa khai trên cành.
Gõ cửa ngoài, chó lặng thinh.
Sắp đi, ghé hỏi sự tình nhà bên.
Nói rằng vào núi thường quen,
Mỗi ngày bóng xế tây hiên mới về.*

B- THẤT NGÔN LUẬT

張說

TRƯỜNG THUYẾT

1. 滬湖山寺

UNG HỒ SƠN TỰ

空山寂寞道心生，

Không sơn tịch mịch đạo tâm sinh.

虛谷超遙野鳥聲。

Hư cốc siêu dao dã diều thanh.

禪室從來雲外賞，

Thiền thất tông lai vân ngoại thưởng,

香臺豈是世中情。

Hương đài khởi thị thế trung tình.

雲間東嶺千重出，

Vân gian Đông lĩnh thiên trùng xuất,

樹裏南湖一片明。

Thụ lý Nam hồ nhất phiến minh.

若使巢由同此意，

Nhược sử Sào, Do đồng thử ý,

不將蘿薜易簪纓。

Bất tương la bệ dịch trâm anh.

CHÚ THÍCH. – Ung hồ là cái hồ ở phía nam huyện Nhạc dương, tỉnh Hồ nam. – Hương đài là chùa thờ Phật. – La bộ là hai thứ cỏ, nghĩa bóng là đồ mặc của người ẩn sĩ.

Tiền giải nói cái tình cảm đối với chùa Phật; hậu giải tả cái cảnh ở chung quanh chùa Ung hồ. Trước sau theo cái nghĩa sắc và không mà rút vào mấy chữ đạo tâm sinh.

CHÙA TRÊN NÚI Ở UNG HỒ

Núi thanh tịch nảy sinh lòng đạo,

Tiếng chim kêu vang nẻo hang cùng.

Nhà thiền phẳng phất ngoài không,

Hương đài há phải cảnh trong tục trần.

Rặng Đông linh xuyên vân tuyết đỉnh,

Mảnh Nam hồ lấp lánh trong cây.

Sào, Do cùng một ý này,

Không đem cỏ lá đổi thay trăm bào.

徐安貞

TUẦN TRINH

2. 聞鄰家理箏

* VĂN LÂN GIA LÝ TRANH

北斗橫天夜欲闌，

Bắc đẩu hoành thiên dạ dục lan,

愁人倚月思無端。

Sầu nhân ỷ nguyệt tứ vô đoan.

ĐUỜNG THI

忽聞畫閣秦箏逸，
Hốt vãn họa các Tần tranh dật,
知是鄰家趙女彈。
Tri thị lân gia Triệu nữ đàn.
曲成虛憶青蛾歛，
Khúc thành hư ức thanh nga liễm,
調急遙憐玉指寒。
Điệu cấp dao liên ngọc chỉ hàn.
銀鑰重關聽未聞，
Ngân thực trùng quan thính vị tịc,
不如眠去夢中看。
Bất như miên khứ mộng trung khan.

CHÚ THÍCH.— *Tranh* là thú đàn như đàn sắt, trước có 5 dây, sau đổi ra 13 dây.— *Triệu nữ* do cổ thi có câu: Yên Triệu đa giai nhân, mỹ giả nhan như ngọc, cho nên khi nói người đẹp, người ta hay dùng chữ Triệu nữ.

Tiền giải tả khi nghe tiếng đàn; hậu giải tả cái si tưởng do sự nhân sinh ra.

NGHE NHÀ LĂNG GIỀNG ĐÁNH ĐÀN TRANH

Đêm khuya bắc đẩu ngang trời,
Ngồi buồn dựa bóng trăng soi thần thờ.
Tiếng tranh nghe vắng đầu xa,
Biết là cô gái lân la dạo bài.
Khúc xong dường phải chau mày,
Điệu mau, cảm biết ngón tay lạnh lùng.
Buồng the khóa kín ngại ngừng,
Thà đi yên giấc vui cùng chiêm bao.

王昌齡

VƯƠNG XUÔNG LINH

3. 萬歲樓

VẠN TUẾ LÂU

江上巍巍萬歲樓，

Giang thượng nguy nguy Vạn tuế lâu,

不知經歷幾千秋。

Bất tri kinh lịch kỷ thiên thu.

年年喜見山長在，

Niên niên hỉ kiến sơn trường tại,

日日悲看水獨流。

Nhật nhật bi khan thủy độc lưu.

猿猴何曾離暮嶺，

Viên dừ hà tăng ly mộ lĩnh,

鷓鴣空自汎寒洲。

Lô tư không tự phiếm hàn châu.

誰堪登望雲煙裏，

Thùy kham đăng vọng vân yên lý,

向晚茫茫發旅愁。

Hướng vãn mang mang phát lữ sầu.

CHÚ THÍCH.- Vạn tuế lâu ở phía nam thành Trấn giang, thuộc tỉnh Giang tô, trên sông Trường giang.

Tiền giải nói những cảnh đứng trên lầu trông thấy; hậu giải tả những vật trông thấy.

ĐƯỜNG THI

VẠN TUẾ LÂU

Trên Trường giang, Vạn tuế lâu,
Chẳng hay trải mấy ngàn thâu đó rồi.
Năm năm thấy núi lâu dài,
Ngày ngày đứng ngắm nước trôi, ngậm ngùi.
Núi chiều vượn khỉ yên vui,
Bãi kia chim cốc tới lui từng bầy.
Ai lên trông đám khói mây,
Chiều hôm man mác lại gây mối sầu.

王維

VƯƠNG DUY

4. 酌酒與裴迪

* CHƯỚC TỬU DỮ BÙI DỊCH

酌酒與君君自寬，
Chước tửu dữ quân quân tự khoan,
人情翻覆似波瀾。
Nhân tình phiên phúc tự ba lan.
白首相知猶按劍，
Bạch thủ tương tri do án kiếm,
朱門先達笑彈冠。
Chu môn tiên đạt tiếu đàn quan.
草色全經細雨濕，
Thảo sắc toàn kinh tế vũ thấp,
花枝欲動春風寒。

Hoa chi dục động xuân phong hàn.

世 事 浮 雲 何 足 問 ,

Thế sự phù vân hà túc vấn,

不 如 高 臥 且 加 餐 .

Bất như cao卧 thả gia san.

CHÚ THÍCH - Đản quan là phải giữ cái mũ cho sạch để chờ ra làm quan. Do điển nói đời Hán có hai người hiền là Vương Cát và Cống Vũ kết bạn với nhau. Vương Cát tự là Tử dương, ra làm quan trước, thì Cống Vũ phải đợi mũ sạch để sắp ra xuất sĩ, cho nên người ta nói rằng: Vương Dương tại vị, Cống công đản quan. Nghĩa chữ đản quan đây là chưa hiền đạt.

Tiền giải nói tình người tráo trở không có tín nghĩa; hậu giải nói kẻ tiểu nhân thì được yêu dùng mà người quân tử thì bị ngăn đón. Hai câu ngũ và lục lấy cỏ ví tiểu nhân và lấy hoa ví quân tử

RÓT RƯỢU MỜI BÙI ĐỊCH

Mời anh cạn chén cho nguôi,

Tình người tráo trở, sóng gởi khác đâu.

Tuốt gươm nhắm bạn bạc đầu,

Hẹn mình sớm đạt, khinh nhau muộn thành.

Mưa dầm ướt dầm cỏ xanh,

Gió xuân lạnh lẽo đón cành hoa rung.

Việc đời mây bồng, chờ mong,

Sao bằng nằm khểnh với cùng ăn no.

5. 早秋山中作

TẢO THU SƠN TRUNG TÁC

無 才 不 敢 累 明 時 ,

Vô tài bất cảm lũy minh thì,

DUƠNG THI

思 向 東 溪 守 故 籬 。
Tư hướng đông Khê thủ cố li.
豈 厭 尚 平 婚 嫁 早 ，
Khởi yếm Thượng Bình hôn giá tảo,
卻 嫌 陶 令 去 官 遲 。
Khước hiềm Đào lệnh khứ quan trì.
草 間 蛩 響 臨 秋 急 ，
Thảo gian cùng hưởng lâm thu cấp,
山 裏 蟬 聲 薄 暮 悲 。
Sơn lý thiên thanh bạc mộ bi.
寂 寞 柴 門 人 不 到 ，
Tịch mịch sài môn nhân bất đáo,
空 林 獨 與 白 雲 期 。
Không lâm độc dữ bạch vân kỳ.

CHÚ THÍCH. – *Thượng Bình* là Thượng Tử trường đời xưa, đọc kinh Dịch, đến quê Tốn, rồi than rằng: Ta đã biết giàu không bằng nghèo, sang không bằng hèn, chỉ không rõ sống chết ra thế nào. Từ đó ông lấy vợ gả chồng cho con trai con gái rồi đi chơi những nơi thắng cảnh trong ngũ nhạc, về sau không biết mất ở đâu. – *Đào Lệnh* tức là Đào Tiềm đời Tấn làm huyện lệnh ở huyện Bành trạch, một khi có viên đốc bưu đến, nhà tại bảo ông mặc áo mũ chỉnh tề ra đón. Ông nói rằng: "Ta há vì năm đấu gạo mà luồn cúi trước lũ tiểu nhân hay sao". Ông bèn treo ấn bỏ về.

Tiền giải nói sự chán bỏ việc đời, hậu giải nói cái cảnh ư nhân trong rừng.

THƠ LÀM BUỔI SÁNG MÙA THU Ở TRONG NÚI

Vô tài không dám phiền đời,
Đông Khê mong tới, yên nơi cảnh già.
Thượng Bình sớm liệu việc nhà,
Đào Tiềm khi bỏ quan nha đã chầy.

*Dế kêu đám cỏ, hơi may,
Tiếng ve trong núi, tối ngày buồn sao.
Cửa sài tịch mịch, ai đâu,
Một mình, rừng vắng, đón chào mây bay.*

崔顥

THÔI HẠO

6. 黃鶴樓

* HOÀNG HẠC LÂU

昔人已乘黃鶴去 ,
Tích nhân dĩ thừa hoàng hạc khứ.
此地空餘黃鶴樓 .
Thử địa không dư Hoàng hạc lâu,
黃鶴一去不復返 ,
Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản,
白雲千載空悠悠 .
Bạch vân thiên tải không du du.
晴川歷歷漢陽樹 ,
Tình xuyên lịch lịch Hán dương thụ,
芳草萋萋鸚鵡洲 .
Phương thảo thê thê Anh vũ châu.
日暮鄉關何處是 ,
Nhật mộ hương quan hà xứ thị,
煙波江上使人愁 .
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH. – *Hoàng hạc lâu* ở phía tây bắc thành Vũ xương, tỉnh Hồ bắc. – *Anh vũ châu* ở bắc ngạn sông Trường giang, gần thành Hán dương. Lý Bạch đi qua Vũ xương đọc bài thơ này rồi viết ở bên cạnh rằng. Trước mặt có cảnh, nói không được, vì thơ của Thôi Hạo ở trên đầu.

HOÀNG HẠC LÂU

*Người đi cõi hạc từ xưa,
Đất này Hoàng hạc còn lưu một lâu,
Hạc vàng đi mất đã lâu,
Ngàn năm mây trắng một màu mênh mông.
Hán dương cây bóng lòng sông,
Bãi kia Anh vũ, cỏ trông xanh rì,
Chiều hôm lại lóng lòng quê,
Khói bay sóng vỗ, ủ ê nổi sầu.*

李白

LÝ BẠCH

7. 登金陵鳳凰臺

* ĐĂNG KIM LĂNG PHƯỢNG HOÀNG ĐÀI

鳳凰臺上鳳凰遊，
Phượng hoàng đài thượng phượng hoàng du,
鳳去臺空江自流。
Phượng khứ đài không giang tự lưu.

吳宮花草埋幽徑，

Ngô cung hoa thảo mai u kính,

晉代衣冠成古丘。

Tấn đại y quan thành cổ khâu.

三山半落青天外，

Tam sơn bán lạc thanh thiên ngoại,

二水中分白鷺洲。

Nhị thủy trung phân Bạch lộ châu.

總為浮雲能蔽日，

Tổng vì phù vân năng tế nhật,

長安不見使人愁。

Trường an bất kiến sử nhân sầu.

CHÚ THÍCH. - *Phượng hoàng đài*. Tương truyền rằng trong đời Nam Bắc triều vào khoảng năm Nguyên gia (424-452) đời Tống, nhân khi người ta trông thấy một thú chim ngũ sắc đến tụ ở núi gần Kim lăng, người ta gọi chim ấy là chim phượng hoàng và ngay chỗ ấy người ta dựng cái đài gọi là Phượng hoàng đài. Nay chỗ đài ấy ở trong thành Nam kinh, cách độ 57 dặm - *Bạch lộ châu* ở vào khoảng có nhánh sông Tân hoài, nay thành ra chỗ có phố xá buôn bán đông đúc trong thành Nam kinh.

Tiền giải nói Phượng hoàng đài và vết tích các tiền triều; hậu giải tả cái cảnh sông núi trông thấy ở ngoài.

LÊN PHƯỢNG HOÀNG ĐÀI Ở KIM LĂNG

Phượng hoàng đến Phượng hoàng đài,

Phượng đi, đài bỏ, nước trời lạnh lùng.

Cỏ hoa lấp lối Ngô cung,

Y quan đời Tấn nay trông thấy đời.

Một mù ba núi màu trời,

Bãi kia Bạch lộ nước trời hai dòng.

ĐƯỜNG THI

Đám mây che khuất vầng hồng,
Trường an không thấy, nỗi lòng bồn khoăn.

8. 送賀監歸四明應制

TỔNG HẠ GIÁM QUI TỬ MINH ỨNG CHẾ

久辭榮祿遂初衣，

Cửu từ vinh lộc toại sơ y,

曾向長生說息機。

Tằng hướng trường sinh thuyết tức ky.

真訣自從茅氏得，

Chân quyết tự tông Mao thị đắc,

恩波應許洞庭歸。

Ân ba ứng hứa Động đình qui.

瑤臺含霧星辰滿，

Dao đài hàm vụ tinh thần mãn,

仙嶠浮空島嶼微。

Tiên kiệu phù không đảo dụ vi.

借問欲棲珠樹鶴，

Tá vấn dục thê châu thụ hạc,

何年卻向帝城飛。

Hà niên khuốc hướng đế thành phi.

CHÚ THÍCH.- *Hạ Tri Chương* làm chúc bi thư giám, năm Thiên bảo đời vua Huyền tôn xin về đi tu tiên. Vua xuống chiếu ưng cho, và sai bách quan làm thơ tiễn.- *Tức ky*, xem chú thích chữ vong ky, bài ngũ ngôn cổ số 20 của Lý Bạch.- *Châu thụ*, xem chú thích bài thơ ngũ ngôn cổ số 2 của Trương Cửu Linh.

Tiền giải nói họ Hạ xin từ chúc về tu tiên; hậu giải nói mong chóng

thành tiên lại về thăm vua.

ỨNG CHẾ NHÀ VUA, LÀM BÀI TIỀN HẠ
GIÁM VÊ TỬ MINH

*Muốn từ vinh lộc đã lâu,
Trường sinh đã học phép mầu tức kỳ.
Họ Mao chân quyết tăng nghe,
Ơn vua ban xuống cho đi Động đình.
Đền dao sao khói bao quanh,
Núi tiên trông nhỏ lênh đênh giữa trời.
Cây châu, hỏi hạc thử coi,
Năm nào hạc lại về nơi để thành.*

9. 題東溪公幽居

❖ ĐỀ ĐÔNG KHÊ CÔNG U CƯ

杜陵賢人清且廉，
Đỗ lăng hiền nhân thanh thả liêm,
東溪卜築歲時淹。
Đông Khê bốc trúc tuế thời yêm.
宅近青山同謝朓，
Trạch cận thanh sơn đồng Tạ Diếu,
門垂碧柳似陶潛。
Môn thủy bích liễu tự Đào Tiềm.
好鳥迎春歌後院，
Hảo điểu nghinh xuân ca hậu viện,

ĐƯỜNG THI

飛花送酒舞前簷 .

Phi hoa tống tửu vũ tiền thiềm.

客到但知留一醉 ,

Khách đáo đân tri lưu nhất túy.

盤中祇有水精鹽 .

Bàn trung chỉ hữu thủy tinh diêm.

CHÚ THÍCH. – *Yêm* là lau, là ở suốt đời. – *Thủy tinh diêm* là lấy điển vua Ngụy Thái vô đời Nam Bắc triều cho Thôi Hạo muối học rượu và một lượng muối mà nói rằng: "Vị khanh chỉ ngon, nhược thử diêm tửu"

Tiền giải tả cái chí của Đông Khê công tìm chỗ ẩn; hậu giải nói cái vui của ông và khen sự thanh liêm của ông.

ĐỀ CHỖ U CÚ CỦA ĐÔNG KHÊ CÔNG

Đỗ lãng có một người hiền,

Đông Khê kiếm chốn ở yên dương nhàn

Ấy nhà Tạ cạnh thanh sơn,

Cửa Đào tơ liễu buông màn thướt tha.

Đón xuân chim hót sau nhà,

Hoa bay đưa rượu múa qua trước hè.

Khách chơi giữ ở chén lì,

Trong mâm chỉ có muối thì trắng tinh.

杜甫
ĐỖ PHỦ

10. 曲江
KHÚC GIANG

一片花飛減卻春，
Nhất phiến hoa phi giảm khước xuân,
風飄萬點正愁人。
Phong phiêu vạn điểm chính sầu nhân.
且看欲盡花經眼，
Thả khan dục tận hoa kinh nhãn,
莫厭傷多酒入脣。
Mạc yếm thương đa tửu nhập thân.
江上小堂巢翡翠，
Giang thượng tiểu đường sào phỉ thúy,
苑邊高塚臥麒麟。
Uyển biên cao trủng臥 kỳ lân.
細推物理須行樂，
Tế suy vật lý tu hành lạc,
何用浮名絆此身。
Hà dụng phù danh bận thử thân.

CHÚ THÍCH.- *Khúc giang* là tên cái hồ ở gần thành Trường an, một nơi thắng cảnh, chỗ ăn chơi rất phồn thịnh đời Đường.

Khúc giang có hai bài, đây là bài đầu. Tiên giải tả cái cảnh xuân sắp hết, hậu giải nói sự cảm hoài của mình.

ĐƯỜNG THI

KHÚC GIANG

Cánh hoa bay thấy màu xuân kém,
Trạnh sâu riêng, muôn điểm gió tung.
Hoa còn, mắt hãy còn trông
Rượu ngon cứ uống, say không ngại gì.
Chim làm tổ, nhà kẻ bến nước,
Lân đồ lẫn, mả trước vườn kia.
Cứ trong vật lý mà suy,
Hãy chơi cho thích, bận gì hư danh.

11. 城西陂泛舟

THÀNH TÂY PHA PHIÊM CHU

青蛾皓齒在樓船，
Thanh nga hạo xỉ tại lâu thuyền.
橫笛短簫悲遠天。
Hoành địch đoản tiêu bi viễn thiên.
春風自信牙樯動，
Xuân phong tự tín nha tường động.
遲日徐看錦纜牽。
Trì nhật từ khan cẩm lâm khiên.
魚吹細浪搖歌扇，
Ngư xuy tế lãng dao ca phiến.
燕蹴飛花落舞筵。
Yến xúc phi hoa lạc vũ diên.
不有小舟能盪漿，
Bất hữu tiểu chu năng dăng tương，

百 壺 那 送 酒 如 泉

Bách hồ na tống tửu như tuyền.

CHÚ THÍCH – *Đãng tương* là quẩy mái chèo nhỏ.

Tiền giải tả sự xa xỉ trên thuyền; hậu giải tả sự hát múa (câu ngũ câu lục) trong tiệc vui và sự phục dịch của những người dưới. Bài thơ này nói sự chơi thuyền của một quý nhân, có lẽ ám chỉ vua Minh hoàng.

CHƠI THUYỀN Ở BẾN MÉ TÂY THÀNH

*Mây xanh, rừng trắng, lầu thuyền,
Sáo dài, tiêu ngắn, giọng phèo nghe xa.
Gió xuân lay động cột ngà,
Mặt trời sắp lặn, ngắm qua dây là.
Cá phun, sóng gợn, quạt ca,
Cánh hoa, yến dầm, bay sa tiệc bài.
Nếu không thuyền nhỏ bơi ngoài,
Thì đâu trăm lọ rượu mời như tuôn.*

12. 宿府

TÚC PHỦ

清 秋 暮 府 井 梧 寒 ,
Thanh thu mộ phủ tĩnh ngô hàn,
獨 足 江 城 蠟 炬 殘 .
Độc túc giang thành lập cự tàn.
永 夜 角 聲 悲 自 語 ,
Vĩnh dạ giác thanh bi tự ngữ,
中 天 月 色 好 誰 看 .
Trung thiên nguyệt sắc hảo thù khan.

ĐƯỜNG THI

風塵荏苒音書絕，
Phong trần nhảm nhiệm âm thư tuyệt,
關塞蕭條行路難。
Quan tái tiêu điều hành lộ nan.
已忍伶俜十年事，
Dĩ nhẫn linh phình thập niên sự,
強移栖息一枝安。
Cường di thê tức nhất chi an.

CHÚ THÍCH.— *Mac phủ* là chỗ ông tướng đóng để coi việc binh nhung. Đây là nói *mac phủ* của Nghiêm Vũ đóng ở Tây Xuyên. Đỗ Tử mỹ khi ấy sang giúp việc cho họ Nghiêm, làm chức viên ngoại lang ở bộ Công.— *Ngó* đây là cây ngô đồng.— *Nhảm nhiệm* là lần lữa, thối thoát.— *Linh phình* là côi quạnh, lẻ loi một mình.

Tiền giải nói cảnh đêm ở đất Thục; hậu giải nói nỗi long đong của mình.

NGŨ Ở PHỦ

Giếng ngô mạc phủ khí thu,
Ngon đèn tàn với thân cô giang thành.
Đêm dài, côi rúc, buồn tênh,
Giữa trời, ai ngắm rõ vành bóng cuyện.
Phong trần lần lữa, vắng tin,
Tiêu điều quan tái, đường len gập ghềnh
Việc mười năm, chịu lệnh dênh,
Nén mình hãy đậu một cành cho yên.

13. 詠懷古蹟
VỊNH HOÀI CỔ TÍCH

I

群 山 萬 壑 赴 荆 門 ,
Quần sơn vạn hác phó Kinh môn,
生 長 明 妃 尚 有 村 .
Sinh trưởng Minh phi thượng hữu thôn.
一 去 紫 臺 連 朔 漠 ,
Nhất khứ tử đài liên sóc mạc,
獨 流 青 塚 向 黃 昏 .
Độc lưu thanh trủng hướng hoàng hôn.
畫 圖 省 識 春 風 面 ,
Họa đồ tỉnh thức xuân phong diện,
環 珮 空 歸 月 夜 魂 .
Hoàn bội không qui nguyệt dạ hồn.
千 載 琵 琶 作 胡 語 ,
Thiên tải tì bà tác hồ ngữ,
分 明 怨 恨 曲 中 論 .
Phân minh oán hận khúc trung luận.

CHÚ THÍCH. - Vịnh hoài cổ tích của tác giả có năm bài, đây dịch hai bài. - *Chiêu quân* họ Vương tên Tường, đến đời Tấn, vì kiêng tên Chiêu mới đổi là Minh phi. Làng của nàng ở huyện Qui châu, thuộc tỉnh Hồ bắc bây giờ. - *Kinh môn* là tên dãy núi lớn ở đất Kinh châu. Các núi ở vùng ấy đều thuộc về núi lớn ấy. Ý nó tú khí các núi đổ về chỗ ấy mà sinh ra người đẹp. - *Tử đại* là đền nhà vua. - *Sóc mạc* là bãi sa mạc ở phía bắc, tức là đất Hung

ĐƯỜNG THI

nô. – *Thanh trủng* là mã xanh. Tương truyền rằng ở đất Hồ, sắc cỏ thường trắng, duy ở mã Chiêu quân sắc cỏ xanh. – *Họa đồ* là nói bức vẽ của Mao Diên Thọ. Khi vua Nguyên đế nhà Tây Hán trông thấy Chiêu quân vào từ biệt mới biết là đẹp và biết bức vẽ không đúng, nhưng muộn quá, không giữ lại được. – *Hoàn bội* là nói làm vợ vua Hồ, đeo vòng xuyên bằng ngọc đầy người mà muốn về nước không được, chỉ mơ tưởng trong giấc chiêm bao. – *Ti bà* là thứ đàn ngồi trên ngựa mà đánh ra tiếng như tiếng nói. Khi Chiêu quân đi sang Hồ, cô phổ vào đàn ấy những lời oán giận, truyền mãi về sau.

Tiền giải nhắc lại chuyện Minh phi; hậu giải nói sự li biệt và lời oán giận trong khúc ca.

VỊNH LÒNG NHỚ CỔ TÍCH

I

*Kinh môn hang núi đổ về,
Thôn kia sinh trưởng Minh phi hãy còn.
Tử dài, sóc mạc, đi luôn,
Còn lưu thanh trủng, hoàng hôn thần thờ,
Tranh biết rõ, mặt thoảng qua,
Lung linh vòng xuyên, hồn mơ trắng tà.
Giọng Hồ, nghìn thừa ti bà,
Rõ ràng oán giận, nghe qua khúc này.*

14. 詠懷古蹟

VỊNH HOÀI CỔ TÍCH

II

諸葛大名垂宇宙，
Gia cát đại danh thùy vũ trụ,

宗臣遺像肅清高。

Tông thần di tượng túc thanh cao.

三分割據紆籌策，

Tam phân cát cứ vu trù sách,

萬古雲霄一羽毛。

Vạn cổ vân tiêu nhất vũ mao.

伯仲之間見伊呂，

Bá trọng chi gian kiến Y, Lữ,

指揮若定失蕭曹。

Chỉ huy nhược định thất Tiêu, Tào.

運移漢祚終難復，

Vận di Hán tộ chung nan phục.

志決身殲軍務勞。

Chí quyết thân tiêm quân vụ lao.

CHÚ THÍCH -- Tiền giải nói miếu thờ và sự nghiệp của Khổng minh, hậu giải nói cái tài của Khổng minh có thể sánh ngang với Y Doãn và Lữ Vọng, nhưng vì giận nhà Hán đã hết, nên ông phải tận tụy với nghĩa vụ mà không thành công.

VĨNH LÒNG NHỚ CỔ TÍCH

II

Dại danh Gia cát dài lâu,

Hãy còn di tượng thanh cao tôn sùng,

Chia ba cắt giữ chức dùng,

Trời mây muôn thừa, mảnh lông thấm gì.

ĐƯỜNG THI

*Anh em Y, Lữ so bì,
Chỉ huy định được, kể chi Tiều, l'ào.
Vận dời ngôi Hán, biết sao,
Liều thân đến chết, bình đao nhọc nhằn.*

15. 武侯祠 VŨ HẦU TỬ

丞相祠堂何處尋 ,
Thừa tướng từ đường hà xứ tìm.
錦官城外柏森森 .
Cẩm quan thành ngoại bách sâm sâm.
映階碧草自春色 ,
Ánh giai bích thảo tự xuân sắc.
隔葉黃鸝空好音 .
Cách diệp hoàng li không hảo âm.
三顧頻繁天不計 ,
Tam cố tần phồn thiên hạ kế.
兩潮開濟老臣心 .
Lưỡng triều khai tế lão thần tâm.
出師未捷身先死 ,
Xuất sư vị tiếp thân tiên tử.
長使英雄淚滿襟 .
Trường sử anh hùng lệ mãn khâm.

CHÚ THÍCH.- Tiền giải tả cảnh đền thờ Khổng minh ở gần Cẩm quan thành, tức là ở Thành đô, có những cây bách rất lớn; hậu giải kể sự nghiệp của Khổng minh và lòng thương tiếc của người đời sau

ĐỀN THỜ VŨ HẦU

*Đền Thờ tướng ở đầu dây,
Mé ngoài thành Cẩm, mấy cây bách già.
Cỏ xuân ánh mặt thêm hoa,
Oanh vàng trong lá hững hờ véo von.
Vi dân, ba lượt tim luôn,
Hai triều giúp rập, tấc son lão thần.
Quân chưa thắng, đã từ trần,
Anh hùng nhớ đến, lệ tràn thấm khăn.*

16. 蜀先主廟

THỰC TIÊN CHỦ MIẾU

蜀主窺吳向三峽，
Thục chủ khuy Ngô hướng Tam Giáp,
崩年亦在永安宮。
Băng niên diệt tại Vĩnh an cung.
翠華想像空山外，
Thúy hoa tưởng tượng không sơn ngoại.
玉面虛無野寺中。
Ngọc diện hư vô dã tự trung.
古廟杉松巢水鶴，
Cổ miếu sam tùng sào thủy hạc,
歲時伏臘走村翁。
Tuế thời phục lập tẩu thôn ông.
武侯祠屋長鄰近，
Vũ hầu từ ốc trường lân cận,

ĐƯỜNG THI

一體君臣祭祀同

Nhất thể quân thần tế tự đồng.

CHÚ THÍCH. – *Thủy hoa* là cờ có lông chim thủy, tức là cờ niêng của nhà vua. – *Băng niên* là năm vua mất.

Bài thơ này nói cái miếu thờ Thục Tiên chủ ở Bạch đế thành. Tiên giải, hai câu đầu rất có thanh thế, câu thứ hai thật là thể lương, hai câu đối, ba và bốn, tả cái linh và cảnh có có không không. Hậu giải, hai câu đối, năm và sáu, tả cái thực cảnh ở trước mắt, hai câu kết nói bên cạnh đền thờ Tiên chủ có đền thờ Vũ hầu, vua tôi được hậu thế tôn sùng như nhau.

MIẾU THỜ THỤC TIÊN CHỦ

Vua Thục dóm Ngô đến Tam Giáp.

Băng niên cũng ở Vĩnh an cung.

Cờ hoa tưởng tượng ngoài non vắng,

Đền ngọc quanh hiu giữa nội không.

Quanh điện từng sam, cờ mấy ổ.

Hàng năm giỗ chạp, lão vài ông.

Vũ hầu miếu mao kề bên cạnh,

Một loại vua tôi cùng tế chung.

17. 星墜五丈原

TINH TRỤY NGŨ TRƯƠNG NGUYÊN

長星昨夜墜前營，

Trường tinh tạc dạ trụ tiền dinh,

計報先生此日傾，

Phó báo tiên sinh thử nhật khuynh.

虎帳不聞施號令，
 Hổ trướng bất văn thi hiệu lệnh,
 麟臺誰復著勳名。
 Lân đài thùy phục trứ huân danh.
 空餘門下三千客，
 Không dư môn hạ tam thiên khách,
 辜負胸中十萬兵。
 Cô phụ hùng trung thập vạn binh.
 好看綠陰清晝裏，
 Hảo khán lục âm thanh trú lý,
 於今無復遶歌聲。
 Ư kim vô phục nhạ ca thanh

CHÚ THÍCH. – Lân đài là tên gọi Bí thư tỉnh trong năm Thiên thu (690) đời Vũ hầu, rồi đến năm Thần long (705) đời vua Trung tôn lại đổi lại tên cũ. – Khuynh là nghiêng đổ. Đây có nghĩa là chết. – Cô phụ cũng như nói bội phụ, bỏ uống mất.

Tiền giải nói Vũ hầu mất ở Ngũ trượng nguyên; hậu giải nói cái tình thương tiếc một người tài giỏi.

SAO RƠI Ở NGŨ TRƯỞNG NGUYÊN

Đêm qua sao lớn rơi tiền dinh,
 Tin báo tiên sinh ngày ấy khuynh,
 Hổ trướng không nghe truyền hiệu lệnh,
 Lân đài ai lại ghi công danh.
 Ngấn ngà trước cửa ba nghìn khách,
 Bỏ uống trong lòng mười vạn binh.
 Ngắm nghĩa bóng xanh ngày nắng tạnh,
 Từ đây thôi chẳng đón ca thanh.

18. 客至

KHÁCH CHÍ

舍南舍北皆春水，

Xá nam xá bắc giai xuân thủy.

但見群鷗日日來。

Đàn kiến quần âu nhật nhật lai.

花徑不曾緣客掃，

Hoa kính bất tăng duyên khách tảo,

蓬門今始為君開。

Bồng môn kim thỉ vị quân khai.

盤飧市遠無兼味，

Bàn sơn thị viễn vô kiêm vị,

尊酒家貧只舊醅。

Tôn tửu gia bần chỉ cựu phối.

肯與鄰翁相對飲，

Khổng dữ lân ông tương đối ẩm,

隔籬呼取盡餘杯。

Cách li hô thủ tận dư bôi.

CHÚ THÍCH.- Bài thơ này có sách ở dưới hai chữ Khách chí có chưa thêm mấy chữ: "Hĩ Thôi minh phủ kiến quá". Vậy khách đây là họ Thôi.

Tiền giải tả cái nghĩa hai chữ khách chí; hậu giải tả cái cảnh an bần của tác giả.

KHÁCH ĐẾN

Quanh nhà nam bắc lụt to,

Hôm hôm chỉ thấy đàn cò lại chơi.

Lối hoa chẳng quét vì ai,
Cửa bỗng nay mới đón ngài mở ra.
Xuềnh xoàng mâm chén, chạn xa,
Cổ vò rượu cũ của nhà nấu thổi.
Nếu cho tiếp rượu cùng vui,
Gọi ông hàng xóm sang ngồi chén luôn.

19. 秋興

THU HỨNG

玉露凋傷楓樹林 ,
Ngọc lộ điêu thương phong thụ lâm,
巫山巫峽氣蕭森 .
Vu sơn Vu giáp khí tiêu sâm.
江間波浪兼天湧 ,
Giang gian ba lãng kiêm thiên dũng,
塞上風雲接地陰 .
Tái thượng phong vân tiếp địa âm.
叢菊兩開他日淚 ,
Tùng cúc lưỡng khai tha nhật lệ,
孤舟一繫故園心 ,
Cô chu nhất hệ cố viên tâm.
寒衣處處催刀尺 ,
Hàn y xứ xứ thôi dao xích,
白帝城高急暮砧 .
Bạch đế thành cao cấp mộ châm.

CHÚ THÍCH - Tác giả làm tám bài Thu hứng, bài này là bài đầu tiên

ĐƯỜNG THI

giải nói nhân khi thu khí lạnh lòng mà sinh lòng cảm; hậu giải tả cái khổ tâm của người lữ thứ trong cảnh thu

THU HỨNG

Rừng phong xơ xác sương bay,
Vu sơn Vu giáp hơi may lạnh lòng.
Ngất trời sóng giội lòng sông,
Mịt mù mặt đất, mây lồng ải xa.
Con thuyền buộc mối tình nhà,
Hai lần cúc nở, lệ sa hai hàng.
Áo đông may cất rộn ràng,
Tiếng chày đập vải, hôm vang Bạch thành.

20. 登高

ĐĂNG CAO

風 急 天 高 猿 嘯 哀 ,
Phong cấp thiên cao viên khiêu ai,
渚 清 沙 白 鳥 飛 回 .
Chử thanh sa bạch diều phi hồi.
無 邊 落 木 蕭 蕭 下 ,
Vô biên lạc mộc tiêu tiêu há,
不 盡 長 江 滾 滾 來 .
Bất tận trường giang cổn cổn lai.
萬 里 悲 秋 常 作 客 ,
Vạn lý bi thu thường tác khách,
百 年 多 病 獨 登 臺 .
Bách niên đa bệnh độc đăng đài.

艱難苦恨繁霜鬢，
Gian nan khổ hận phồn sương mấn,
潦倒新停濁酒盃。
Lạo đảo tân đình trọc tửu bôi.

CHÚ THÍCH.- Tả cái cảnh một người buồn lên cao trông thấy nói cái
tình của mình.

LÊN CAO

Trời cao, gió mạnh, vượt kêu,
Bãi quang, cát trắng, chìm chiều bay quanh.
Miền man lá rụng điêu linh,
Nước sông cuộn cuộn, mông mênh chảy dào,
Khách xa, thu tới thêm sầu,
Tuổi già lẩm bệnh, lên cao một mình.
Gian nan tóc bạc khôn đành,
Nỗi mình vất vả, hãy đành chén vui.

21. 見螢火

KIẾN HUỲNH HỎA

巫山秋夜螢火飛，
Vu sơn thu dạ huỳnh hỏa phi,
疏簾巧入坐人衣。
Sơ liêm xảo nhập tọa nhân y.
忽驚屋裏琴書冷，
Hốt kinh ốc lý cầm thư lãnh,
復亂簷前星宿稀。
Phục loạn thiềm tiền tinh tú hy.

ĐƯỜNG THI

卻繞井欄添箇箇，
Khước nhiều tỉnh lan thêm cá cá,
偶經花蕊弄輝輝。
Ngẫu kinh hoa nhị lộng huy huy.
滄江白髮愁看汝，
Thương giang bạch phát sầu khan nhữ,
來歲如今歸未歸。
Lai tuế như kim qui vị qui.

CHÚ THÍCH. – *Tỉnh lan* là lan can ở chỗ lộ tỉnh.

Tiền giải tả sự trông thấy đom đóm mùa thu; hậu giải nói sự nhớ quê hương. Trước sau nói rõ cái quang cảnh mùa thu.

THẤY ĐOM ĐÓM

Đêm thu đom đóm núi Vu,
Rèm thưa khéo lọt, đậu vô ác người.
Sách đàn, chợt thấy lạnh rồi,
Trước thêm bay loạn, trên trời sao thưa.
Lại quanh lộ tỉnh vấn vơ,
Lượn qua những chỗ nhị hoa, lệp lèo.
Thấy mây đầu bạc buồn ghê,
Sang năm như rửa, đã về hay chưa.

岑參

SÀM THAM

22. 使君席夜送嚴河南赴長水。

得時字

* SỬ QUÂN TỊCH DẠ TỔNG NGHIÊM HÀ
NAM PHÓ TRƯỜNG THỦY. ĐẮC THÌ TỰ

嬌歌急管雜青絲，

Kiểu ca cấp quản tạp thanh ti,

銀燭金杯映翠眉。

Ngân chúc kim bôi ánh thủy mi.

使君地主能相送，

Sử quân địa chủ năng tương tống,

河尹天明莫坐辭。

Hà doãn thiên minh mạc tọa từ.

春城月出人皆醉，

Xuân thành nguyệt xuất nhân giai túy,

野戍花深馬去遲。

Dã thú hoa thâm mã khứ trì.

寄聲報爾山翁道，

Ký thanh báo nhĩ sơn ông đạo,

今日河南勝昔時。

Kim nhật Hà nam thắng tích thì.

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH.— Họ Nghiêm làm quan đoãn ở Hà nam được dân yêu mến. Ở thành thị thì mọi người được yên vui, ở chỗ đồn trại nơi thôn dã thì được nhân hạ, không có trộm cướp. Tuy vậy mà bị giáng xuống đi coi một huyện Trường thủy. Khi sắp đi quan thứ sử bản hạt, đặt tiệc tiễn, họ Nghiêm cũng vui lòng đến dự tiệc. Triều đình làm điều bất công mà không biết, chỉ có nói với người ẩn cư trong núi cho biết rằng đất Hà nam được yên trị hơn xưa.

SỨ QUÂN ĐẶT TIỆC TIỄN HỌ NGHIÊM, LÀM QUAN ĐOÃN HÀ NAM, PHẢI ĐI HUYỆN TRƯỜNG THỦY. HẠN VẬN THÌ.

*Giọng ca, tiếng sáo, đường tơ,
Chén vàng, đuốc bạc, ánh xa mặt người.
Sứ quân tiễn biệt, tiệc mời,
Suốt đêm, Hà đoãn ngồi chơi chẳng nài.
Thành xuân trăng gió tỉnh say,
Đồn quê hoa lá, đêm ngày thong dong.
Gửi lời nhắn bảo sơn ông,
Hà nam nay đã hanh thông hơn nhiều.*

高適

CAO THÍCH

23. 送李少府貶峽中，王少府貶長沙 TỔNG LÝ THIẾU PHỦ BIỆM GIÁP TRUNG, VƯƠNG THIẾU PHỦ BIỆM TRƯỜNG SA

嗟君此別憶何如，

Ta quân thử biệt ức hà như,

駐馬銜盃問謫居。

Trú mã hàm bôi vấn trích cư.

巫峽啼猿數行淚，

Vu giáp đề viên số hàng lệ.

衡陽歸雁幾封書。

Hành dương qui nhạn kỷ phong thư.

青風江上秋帆遠，

Thanh phong giang thượng thu phàm viễn,

白帝城邊古木疏。

Bạch đế thành biên cổ mộc sơ.

聖代即今多雨露，

Thánh đại tức kim đa vũ lộ,

暫時分手莫躊躇。

Tạm thời phân thủ mạc trù trù.

CHÚ THÍCH. – Thanh phong giang là một con sông ở Trường sa.

Tiền giải nói hai người bị trích, một người đi Giáp trung ở đất Thục, một người đi Trường sa ở đất Sở; hậu giải an ủi hai người, rồi vua sẽ cho về.

TIỀN LÝ THIẾU PHỦ ĐI GIÁP TRUNG VÀ VƯƠNG
THIẾU PHỦ ĐI TRƯỜNG SA

Than anh ly biệt nghĩ sao,

Dừng yên, ngừng chén, hỏi đâu đổi đời.

Kẽm Vu tiếng vượt lệ rơi,

Hành dương chim nhạn đem vài phong thư.

Thanh phong bướm gió phất phơ,

Bên thành Bạch đế bỏ phờ cây thưa.

ĐƯỜNG THI

*Trong đời thánh đế móc mưa,
Chia tay tạm bỏ, trừ trừ làm chi.*

李頎

LÝ KỲ

24. 宿瑩公禪房聞梵
TÚC OÁNH CÔNG THIÊN PHÒNG VÂN
PHẠM

花宮仙梵遠微微，

Hoa cung tiên phạm viễn vi vi,

月隱高城鐘漏稀。

Nguyệt ẩn cao thành chung lậu hi.

夜動霜林驚落葉，

Đạ động sương lâm kinh lạc diệp,

曉聞天籟發清機。

Hiểu văn thiên lại phát thanh kỳ.

蕭條已入寒空靜，

Tiểu điều dĩ nhập hàn không tĩnh,

颼沓仍隨秋雨飛。

Táp đập nhùng tùy thu vũ phi.

始覺浮生無住著，

Thỉ giác phù sinh vô trụ trước,

頓令心地欲皈依。

Đốn linh tâm địa dục qui y.

CHÚ THÍCH.— *Hoa cung* là chùa thờ Phật.— *Tiên phạm* là tiếng nhà Phật, tức kinh Phật.— *Thiên lại* là chỗ hổng tự nhiên (xem chú thích bài ngũ ngôn luật số 52).

Hai câu đầu tả chỗ thiền phòng, những câu sau miêu tả cái tinh thần khi nghe cầu kinh.

NGỦ Ở THIỀN PHÒNG CỦA OÁNH CÔNG NGHE
TIẾNG KINH

*Tiếng kinh chùa bụt vắng xa,
Thưa thưa giọt lậu, tà tà bóng trắng.
Đêm ghê sương rụng lá rừng,
Sáng nghe thiên lại lằng lằng cõi lòng.
Thoạt im phảng phất ngoài không,
Lại ào ào tới bay cùng mưa thâu.
Ngắm thân phù thế về đâu,
Khiến người tỉnh ngộ đem đầu qui y.*

祖詠
TỔ VỊNH

25. 望薊門
VỌNG KẾ MÔN

燕臺一去客心驚，
Yên đài nhất khứ khách tâm kinh.
笳鼓喧喧漢將營。
Già cổ huyền huyền Hán tướng dinh.

ĐUỜNG THI

萬里寒光生積雪，
Vạn lý hàn quang sinh tích tuyết,
三邊曙色動危旌。
Tam biên thý sắc động nguy tinh.
沙場風火侵胡月，
Sa trường phong hỏa xâm hồ nguyệt,
海畔雲山擁薊城。
Hải bần vân sơn ủng kế thành
少小雖非投筆吏，
Thiếu tiểu tuy phi đầu bút lại,
論功還欲請長纓。
Luận công hoàn dục thỉnh trường anh.

CHÚ THÍCH.— Kế môn, tức là kế môn quan ở Kế huyện thuộc tỉnh Bắc bình bây giờ. Chỗ ấy là cái cửa ải quan trọng ngày xưa.

Tiền giải tả chỗ quân đóng, hậu giải nói người di lính ở chỗ ấy muốn lập công để được về làm quan.

TRÔNG ẢI KẾ MÔN

*Yên dài xa bước lòng khách sợ,
Trống kèn huyền não ở Hán dinh,
Hàn quang muôn dặm tuyết sinh,
Sáng ngày ba mặt lênh khênh ngọn cờ.
Sa trường khói lửa mờ trắng rợ,
Mây núi bờ bể, giữ Kế thành.
Trẻ không bỏ bút tông chinh,
Luận công lại muốn trâm anh giữ phần.*

劉長卿

LƯU TRƯỜNG KHANH

26. 過賈誼宅

QUÁ GIẢ NGHỊ TRẠCH

三年謫宦此樓遲，

Tam niên trích hoạn thử lâu trì,

萬古惟留楚客悲。

Vạn cổ duy lưu Sở khách bi.

秋草獨尋人去後，

Thu thảo độc tầm nhân khứ hậu,

寒林空見日斜時。

Hàn lâm không kiến nhật tà thì.

漢文有道恩猶薄，

Hán Văn hữu đạo ân do bạc,

湘水無情弔豈知。

Tương thủy vô tình điếu khởi tri.

寂寂江山搖落處，

Tịch tịch giang sơn dao lạc xứ,

憐君何事到天涯。

Liên quân hà sự đáo thiên nhai.

CHÚ THÍCH.- Nhà của Giả Nghị xưa ở phường Trạc cấm trong thành Trường sa. Giả Nghị là một học giả đời vua Văn đế nhà Hán, phải trích ra làm chức thái phó ở quận Trường sa, có làm bài điếu Khuất Nguyên để tự ví mình.

QUA NHÀ Ở CỦA GIẢ NGHỊ

*Ba năm bị trích lâu này,
Nghìn thu khách Sở đeo đai mối sầu.
Cổ thu một đám, người dẫu,
Rừng cây lạnh lẽo, bóng dẫu xế doài.
Hán Văn ơn mỏng đạo dày,
Nước Tương, lời điệu dẫu bày, dẫu hay.
Nước non lặng lẽ chốn này,
Thương ai đến chỗ chân mây làm gì.*

27. 登松江驛樓北望故園
ĐĂNG TÙNG GIANG DỊCH LÂU BẮC
VỌNG CỔ VIÊN

淚盡江樓望北歸，
Lệ tận giang lâu vọng bắc qui,
田園已陷百重圍。
Điền viên dĩ hãm bách trùng vi.
平蕪萬里何人去，
Bình vu vạn lý hà nhân khứ,
落日千山空鳥飛。
Lạc nhật thiên sơn không điểu phi.
孤舟漾漾寒潮小，
Có chu dạng dạng hàn triều tiểu,
極浦蒼蒼遠樹微。
Cực phổ thương thương viễn thụ vi.

白鷗漁父徒相待，
Bạch âu ngư phủ đồ tương đãi,
未掃撓搶懶息機。
Vị tảo sam thương lãn tức kỳ.

CHÚ THÍCH.- *Sam thương* là sao chổi, đây nói nghĩa bóng là sự biến loạn.

Tiền giải nói quê hương bị tàn phá; hậu giải nói tình tứ của mình.

LÊN LẦU Ở TRẠM TÙNG GIANG TRÔNG VỀ QUÊ
QUÁN Ở PHÍA BẮC

*Lên lầu gác lệ trông về bắc,
Ruộng vườn trăm lớp mắc vòng vây.
Đồng hoang muôn dặm không ai,
Ngàn non, ác lặn, chim bay hững hờ.
Thuyền sóng sánh cạnh bờ sông nọ,
Cây xanh xanh trông nhỏ bến xa.
Bạch âu ngư phủ luống chờ,
Quét chưa sạch loạn, hãy lờ phép tu.*

韋應物
VI ÚNG VẬT

28. 寄李儋元錫
KÝ LÝ ĐAM NGUYỄN TÍCH
去年花裏逢君別，
Khứ niên hoa lý phùng quân biệt,

ĐƯỜNG THI

今日花間又一年。
Kim nhật hoa gian hựu nhất niên.
世事茫茫難自料，
Thế sự mang mang nan tự liệu,
春愁黯黯獨成眠。
Xuân sầu âm âm độc thành miên.
身多疾病思田里，
Thân đa tật bệnh tư điền lý,
邑有流亡愧俸錢。
Áp hữu lưu vong quý bổng tiền.
聞道欲來相問訊，
Văn đạo dục lai tương vấn vấn,
西樓望月幾回圓。
Tây lầu vọng nguyệt kỷ hồi viên.

CHÚ THÍCH.— Tiền giải nói sự xa cách nhau; hậu giải nói bạn hẹn về chơi mà mong mãi chưa thấy.

GỬ CHO LÝ ĐAM NGUYÊN TÍCH

Năm ngoái trông hoa vừa từ biệt,
Năm ngoái trông hoa vừa từ biệt,
Hôm nay hoa nở hết một năm.
Hôm nay hoa nở hết một năm.
Việc đời man mác đã cảm,
Việc đời man mác đã cảm,
Xuân sâu ủ rũ lại nằm ngủ thối.
Xuân sâu ủ rũ lại nằm ngủ thối.
Nhiều tật bệnh mong nơi điền lý,
Nhiều tật bệnh mong nơi điền lý,
Người lưu vong, then kẻ bổng tiền.
Người lưu vong, then kẻ bổng tiền.
Nghe ai muốn đến hàn huyên,
Nghe ai muốn đến hàn huyên,
Lầu tây trông ngóng mấy phen trăng tròn.
Lầu tây trông ngóng mấy phen trăng tròn.

錢起
TIỀN KHÔI

29. 半日村

* BÁN NHẬT THÔN

半日吳村帶晚霞，

Bán nhật Ngô thôn đới vân hà,

閒門高柳亂飛鴉。

Nhàn môn cao liễu loạn phi nha.

橫雲嶺外千重樹，

Hoành vân lĩnh ngoại thiên trùng thụ,

流水聲中一兩家。

Lưu thủy thanh trung nhất lưỡng gia.

愁人昨夜相思苦，

Sầu nhân tạc dạ tương tư khổ,

閏月今年春意賒。

Nhuận nguyệt kim niên xuân ý xa.

自歎枚生頭自雪，

Tự thán Mai Sinh đầu tự tuyết,

卻憐潘令縣如花。

Khước liên Phan lệnh huyện như hoa.

CHÚ THÍCH. - *Mai sinh* là Mai Thừa đời Tây Hán, khi ở nước Lương, người ta thích đọc những từ phú của ông. Vua Vũ đế nhà Hán lên ngôi, cho xe đi đón. Khi ấy ông đã già, đi đến giữa đường thì chết. - *Phan lệnh* là Phan

ĐƯỜNG THI

Nhạc đời Tấn, khi ông làm huyện lệnh ở Hà dương, ông giồng hoa đầy huyện,

Tiền giải tả cảnh chỗ thôn Bán nhật (theo luật trắc); hậu giải nói cái tình đối với cảnh ấy (theo luật bằng).

THÔN BÁN NHẬT

*Ngô thôn Bán nhật, ráng chiều,
Cửa nhân ngọn liễu, có nhiều quạ bay.
Núi xa mây vẫn muôn cây,
Ào ào nước chảy, đó đây mấy nhà.
Người buồn đêm nọ ngấn ngơ,
Năm nay tháng nhuận, xuân chờ còn xa.
Đã than Mai tử tuổi già,
Lại thương Phan lệnh huyện nha hoa nhiều.*

30. 贈闕下裴舍人

TẶNG KHUYẾT HẠ BÙI XÁ NHÂN

*二月黃鸝飛上林,
Nhị nguyệt hoàng li phi thượng lâm,
春城紫禁曉陰陰.
Xuân thành tử cấm hiếu âm âm.
長樂鐘聲花外盡,
Trường lạc chung thanh hoa ngoại tận,
龍池柳色雨中深.
Long trì liễu sắc vũ trung thâm.
陽和不散窮途恨,
Dương hòa bất tán cùng đồ hận,*

霄漢常懸捧日心。
Tiêu Hán thường huyền bồng nhật tâm.
獻賦十年猶未遇。
Hiển phú thập niên do vị ngộ,
羞將白髮對花簪。
Tu tương bạch phát đối hoa trâm.

CHÚ THÍCH.- Khuyết hạ là nơi cung điện của vua ở.- Xá nhân là một chức quan coi trong nội điện đời xưa.- Âm âm là mờ tối.- Trường lạc là một cung trong thành Trường an.- Tiêu Hán tức là sông Ngân hà trên trời.- Hoa trâm là đồ quan dùng, nghĩa bóng quan sang.

TẶNG BÙI XÁ NHÂN Ở TRONG CUNG

Về rừng hoàng diếu tháng hai,
Thành xuân cung cấm sáng hơi mờ.
Chuông Trường lạc, đã hết hoa,
Long trì cây liễu, mật mờ mưa rơi.
Khi dương dậu, vẫn ngậm ngùi,
Ngân hà thường đỡ mặt trời trên không.
Mười năm dâng phú mất công,
Thẹn đem tóc bạc đối cùng hoa trâm.

戴叔倫

ĐÁI THÚC LUẬN

31. 暮春懷感

MỘ XUÂN HOÀI CẢM

杜宇聲聲喚客愁，

Đỗ vũ thanh thanh hoán khách sầu,

故園何處此登樓。

Cố viên hà xứ thử đăng lầu.

落花飛絮成春夢，

Lạc hoa phi nhũ thành xuân mộng,

剩水殘山異昔遊。

Thặng thủy tàn sơn dị tích du.

歌扇多情明月在，

Cà phiến đa tình minh nguyệt tại,

舞衣無意綵雲收。

Vũ y vô ý thái vân thu.

東皇去後韶華盡，

Đông hoàng khứ hậu thiếu hoa tận,

老圃寒香別有秋。

Lão phổ hàn hương biệt hữu thu.

CHÚ THÍCH.— *Đỗ vũ*, hiệu là Vọng đế là vua nước Thục đời Chu mất, chết hóa ra con đỗ quỳ, ta quen gọi là con cóc.— *Đông hoàng* cũng nghĩa như Đông quân, một vị thần chủ mùa xuân.— *Thiếu hoa* cũng nghĩa như thiếu quang, sự sáng đẹp trong mùa xuân.

SỰ CẢM HOÀI TRONG BUỔI TỐI MÙA XUÂN

Tiếng kêu con cuốc gọi sầu,
Cố viên dâu đỏ, lên lầu thử coi.
Hết xuân hoa rụng cánh rời,
Núi sông tiêu tụy, khác hồi ngày xưa.
Quạt ca, trăng sáng còn lưa,
Thơ mây, áo mưa, vẫn vơ đến giờ.
Vắng Đông quân, hết thiều hoa,
Mùi hương lạnh lẽo, vườn nhà có thu.

劉禹錫

LƯU VŨ TÍCH

32. 西塞山懷古

TÂY TÁI SƠN HOÀI CỔ

王 濬 樓 船 下 益 州 ,
Vương Tuấn lầu thuyền hạ Ích châu,
金 陵 王 氣 黯 然 收 .
Kim lăng vương khí âm thiên thu.
千 尋 鐵 鎖 沈 江 底 ,
Thiên tầm thiết tỏa trầm giang đế,
一 片 降 幡 出 石 頭 .
Nhất phiến hàng phan xuất thạch đầu.
人 世 幾 回 傷 往 事 ,
Nhân thế kỷ hồi thương vãng sự.

ĐƯỜNG THI

山 形 衣 舊 枕 寒 流 .

Sơn hình y cựu chẩm hàn lưu.

從 今 四 海 為 家 日 ,

Tòng kim tứ hải vi gia nhật,

古 壘 蕭 蕭 蘆 荻 秋 .

Cổ lũy tiêu tiêu lô dịch thu.

CHÚ THÍCH. – Tây Tái sơn là dãy núi ở huyện Đại dã, phủ Vũ xương, chỗ Vương Tuấn phá quân Ngô. Vương Tuấn là tướng nhà Tấn, trấn ở đất Thục, đóng những thuyền lâu to để đánh Ngô. Ngô làm giây sắt chắn ngang sông ở Tây tái sơn. Vương Tuấn đóng những bè rất lớn đốt đứt dây sắt rồi tiến quân đến Thạch đầu thành, tức là thành Nam kinh bấy giờ. Vua Ngô phải ra hàng.

Bạch Lạc thiên cùng với Lưu Mộng đặc và mấy thi nhân khác nữa họp nhau để đọc những bài thơ làm theo cái đề đã ra. Lưu Mộng đặc đọc xong bài này, Bạch Lạc thiên nói: "Chúng ta đi tìm rồng, Mộng đặc đã được ngọc rồi, người khác chỉ còn vẩy và móng mà thôi. Đoạn không đọc những bài khác nữa".

LỜI HOÀI CỔ Ở TÂY TÁI SƠN

Ich châu Vương Tuấn, thuyền lâu,

Kim lăng vương khí một bầu mồn hao.

Đáy sông dây sắt chìm sâu,

Cờ hàng một lá, Thạch đầu kéo lên,

Người đời nhớ chuyện đau phiền,

Núi sông như cũ, kẻ liền không xa,

Từ ngày bốn bể một nhà,

Lũy xưa hiu quạnh, lau già gió thu.

33.春日書懷寄東洛白二十二，
楊八，二庶子

XUÂN NHẬT THƯ HOÀI KÝ ĐÔNG LẠC
BẠCH NHỊ THẬP NHỊ, DƯƠNG BÁT, NHỊ
THỨ TỬ

曾向空門學坐禪，
Tằng hướng không môn học tọa thiền,
如今萬事盡忘筌。
Như kim vạn sự tận vong thuyên.
眼前名利同春夢，
Nhan tiền danh lợi đồng xuân mộng,
醉裡風情敵少年。
Túy lý phong tình địch thiếu niên.
野草芳菲紅錦地，
Dã thảo phương phi hồng cẩm địa,
遊絲撩擾碧羅天。
Du ti liêu nhiễu bạch la thiên.
心知洛卜閑才子，
Tâm tri Lạc bốc nhàn tài tử,
不作詩魔即酒仙。
Bất tác thi ma tức tửu tiên.

CHÚ THÍCH.— *Thứ tử* là một chức quan ở cung Thái tử đời xưa.
Tiền giải nói cái tình chán sự đời; hậu giải tả cái cảnh an nhàn.

NGÀY XUÂN VIẾT SỰ CẢM HOÀI GỬ
CHO BẠCH HAI MƯƠI HAI VÀ DƯƠNG TÁM.
HAI QUAN THỨ TỬ Ở ĐÔNG LẠC

*Cửa không thường đến tham thiền,
Như nay muốn sự bỏ quên mọi bề.
Nhân tiền danh lợi giấc mê,
Phong tình cuộc rượu, kém gì thiếu niên.
Cỏ đồng đất gấm thêu nên,
Tơ hồng chẳng rối, liên miên giữa trời,
Lạc thành tài tử bạn chơi,
Chẳng làm tiên rượu thì loài ma thơ.*

34. 漢壽城春望
HÁN THỌ THÀNH XUÂN VỌNG
漢壽城邊野草春 ,
Hán thọ thành biên dã thảo xuân,
荒祠古墓對荆榛 .
Hoang từ cổ mộ đối kinh trần.
田中牧豎燒芻狗 ,
Điền trung mục thụ thiêu sô cẩu,
陌上行人看石麟 .
Mạch thượng hành nhân khán thạch lân.
華表半空經霹靂 ,
Hoa biểu bán không kinh tích lịch,
碑文纔見滿埃塵 .
Bì văn tài kiến mãn ai trần.

不知何日東瀛變，
Bất tri hà nhật đông doanh biến,
此地還成要路津。
Thử địa hoàn thành yếu lộ tân.

CHÚ THÍCH.- Hán thọ thành là tên một huyện ở đông bắc huyện Thường đức, tỉnh Hồ nam bây giờ. Xưa quan Thứ sử Kinh châu đóng châu lỵ ở đó. Chỗ ấy có đền thờ Ngũ Tử Tư và lăng Sở vương.- *Kinh trấn* là bụi rậm gai góc.- *Số cầu* nghĩa đen là con chó kết bằng rơm, nghĩa rộng là rơm rác.- *Ai trần* là bụi trần.- *Yếu lộ tân* là đường và bến trọng yếu trong sự giao thông buôn bán.

Tiền giải tả cái cảnh ở thành Hán thọ; hậu giải nói sự biến thiên của cảnh vật.

TRÔNG CẢNH XUÂN Ở THÀNH HÁN THỌ

Hán thọ ngoài thành rất cỏ xuân,
Đền hoang mộ cũ bụi gai cần.
Mục đồng trong ruộng đốt sô cầu,
Hành khách bên đường ngấm thạch lân.
Giữa cõi ngoài hoa vang sấm sét,
Trên bia trước mặt bám ai trần.
Ngày nào chẳng biết bể đông biển,
Đất ấy lại thành chỗ lộ tân.

白居易
BẠCH CƯ DỊ

35. 春題湖上

XUÂN ĐỀ HỒ THUỜNG

湖上春來似畫圖，
Hồ thượng xuân lai tợ họa đồ,
亂峰圍繞水平鋪。
Loạn phong vi nhiễu thủy bình phồ.
松排山面千重翠，
Tùng bài sơn diện thiên trùng thúy,
月點波心一顆珠。
Nguyệt điểm ba tâm nhất khóa châu.
碧毯線頭抽早稻，
Bích thảm tuyến đầu trưu tảo đạo,
青羅裙帶展新蒲。
Thanh la quần đới triển tân bồ.
未能拋得杭州去，
Vị năng phao đắc Hàng châu khứ,
一半勾留是此湖。
Nhất bán câu lưu thị thử hồ,

CHÚ THÍCH.- Hồ đây là Tây hồ ở Hàng châu, tỉnh Chiết giang.- Bồ là một thứ cỏ mọc ở nước, lá dài có thể lấy dệt chiếu được

Tiền giải tả cảnh sắc mùa xuân ở Tây hồ; hậu giải tả cây cỏ ở hồ ấy và lòng quyến luyến của tác giả.

MÙA XUÂN TRÊN HỒ

*Trên hồ xuân đẹp như tranh,
Bốn bề núi bọc một vành nước gương.
Dặng thông trên núi mờ sương,
Mặt trắng đáy nước trông dường hạt châu.
Lúa non đêm biếc phơi màu,
Thấm tươi giải lụa, những tàu bờ xanh.
Hàng châu chưa bỏ đi đành,
Nửa vì còn vương mối tình nơi đây.*

36. 遊小洞庭

DU TIỂU ĐỘNG ĐÌNH

湖 上 山 頭 別 有 湖 ,
Hồ thượng sơn đầu biệt hữu hồ,
芰 荷 香 氣 占 仙 都 .
Kỳ hà hương khí chiếm tiên đô.
夜 含 星 斗 分 乾 象 ,
Dạ hàm tinh đầu phân càn tượng,
曉 映 雲 雷 作 畫 圖 .
Hiếu ánh vân lôi tác họa đồ.
風 動 綠 蘋 天 上 浪 ,
Phong động lục tán thiên thượng lãng,
鳥 棲 寒 照 月 中 烏 .
Điểu thê hàn chiếu nguyệt trung ô.
若 非 靈 物 多 靈 跡 ,
Nhược phi linh vật đa linh tích,

ĐƯỜNG THI

爭得長年冬不枯。

Tranh đắc trường niên đông bất khô.

CHÚ THÍCH.— Kỳ là thú cừ ấu có bốn cạnh.— Nguyệt trung ố là con quạ trong bóng mặt trăng.

Cả bài thơ tả cái cảnh ở hồ Tiểu Động đình.

CHƠI TIỂU ĐỘNG ĐÌNH

Đình non riêng có một hồ,

Hơi thơm sen ấu, tiên đô khác nào.

Trời đêm tinh đầu một bầu,

Chớp mây buổi sáng, ngó hầu bức tranh.

Trời rung, gió động cỏ xanh,

Chim cành, trắng giọt, trông thành nguyệt ô.

Linh vật đâu, vết dầy gò,

Lâu năm, mùa lạnh không khô như thường.

37. 和楊尚書罷相後，夏遊永安水亭，

兼招本曹楊侍郎同行

HỌA DƯƠNG THƯỢNG THƯ BÃI TƯỚNG
HẬU, HẠ DU VINH YÊN THỦY ĐÌNH, KIÊM
CHIẾU BẢN TÀO DƯƠNG THỊ LANG ĐỒNG
HÀNH

道行無喜退無憂，

Đạo hành vô hỉ thoái vô ưu,

舒卷如雲得自由。

Thư quyển như vân đắc tự do.

良 冶 動 時 為 哲 匠 ,
Lương dã động thời vi triết tượng,
 巨 川 濟 了 作 虛 舟 .
Cự xuyên tế liễu tác hư chu.
 竹 亭 陰 合 偏 宜 夏 ,
Trúc đình âm hợp thiên nghi hạ,
 水 檻 風 涼 不 待 秋 .
Thủy hạm phong lương bất đãi thu.
 遙 愛 翩 翩 雙 紫 鳳 ,
Dao ái phiên phiên song tử phượng,
 入 同 官 署 出 同 遊 .
Nhập đồng quan thự xuất đồng du.

CHÚ THÍCH. – Tiền giải nói hai họ Dương thời quan về nghĩ; hậu giải nói hai họ Dương đi chơi mát.

HỌA THƠ CỦA DƯƠNG THƯỢNG THƯ SAU KHI
 THÔI LÀM TƯỚNG; MÙA HẠ, RỦ BẠN TÀO
 DƯƠNG THỊ LANG CÙNG ĐI CHƠI
 THỦY ĐÌNH Ở VĨNH YÊN

*Đạo hành chẳng mừng, lui cũng mặc,
 Cuốn mở như mây dắc tự do.
 Ra tay thợ khéo vào lò,
 Sống to qua khỏi, chiếc đồ bỏ không.
 Trúc đình bóng dợp, hồng quên hạ,
 Gió nước bên hiên, ngỡ là thu.
 Yêu thay đôi phượng ngao du,
 Vào cùng quan thự, hẹn hò vui chơi.*

38. 詠武侯

VĨNH VŨ HẦU

先生晦跡臥山林，

Tiên sinh hối tích ngoạ sơn lâm,

三顧那逢賢主尋。

Tam cố na phùng hiền chủ tìm.

魚到南陽方得水，

Ngư đáo Nam dương phương đắc thủy,

龍飛天外便為霖。

Long phi thiên ngoạ tiện vi lâm.

託孤既盡慇懃禮，

Thác cố ký tận ân cần lễ,

報國還傾忠義心。

Báo quốc hoàn khuynh trung nghĩa tâm.

前後出師遺表在，

Tiên hậu xuất sư di biểu tại,

令人一覽淚沾襟。

Linh nhân nhất lãm lệ triêm khâm.

CHÚ THÍCH. — *Vi lâm* là làm mưa. — *Hối* là nói ở ẩn một nơi không cần cho người ta biết mình như: hối dương, thao hối.

Tiên giải nói Tiên chủ gặp được Vũ hầu mới gây được cơ đồ; hậu giải nói Vũ hầu chịu thác cò đem lòng trung nghĩa giúp nước còn rõ trong tờ biểu xuất sư, ai đọc đến cũng thương tiếc.

VĨNH VŨ HẦU

Tiên sinh nấu tiếng chốn non cây,

Hiền chủ ba lần tìm gặp thấy.

Cá đến Nam dương vừa được nước,
Rồng bay thiên giới dễ làm mây.
Thác cô đã hết niềm nản nỉ,
Báo nước đành nghiêng lòng thẳng ngay.
Sau trước xuất sư còn biểu đó,
Khiến người đọc đến lệ rơi đầy.

杜牧
ĐỖ MỤC

39. 九日齊山登高
CỬU NHẬT TÊ SƠN ĐẰNG CAO

江涵秋影雁初飛，
Giang hàm thu ảnh nhạn sơ phi,
與客攜壺上翠微。
Dữ khách huê hồ thượng thủy vi.
塵世難逢開口笑，
Trần thế nan phùng khai khẩu tiếu,
菊花須插滿頭歸。
Cúc hoa tu sấp mãn đầu qui.
但將酩酊酬佳節，
Đàn tương minh đỉnh thù giai tiết,

ĐƯỜNG THI

不用登臨恨落暉。

Bất dục-đăng lâm hận lạc huy.

古往今來只如此。

Cổ vãng kim lai chỉ như thử.

牛山何必獨霑衣。

Ngưu sơn hà tất độc triêm y.

CHÚ THÍCH.— *Cửu nhật* là ngày mùng chín tháng chín, tức là ngày trùng dương.— *Ngưu sơn* là núi có tiếng ở nước Tề, nay ở vào huyện Lâm trung, tỉnh Sơn đông. Do chuyện Tề Cảnh công dời Xuân thu lên núi trông về quốc thành ở phía bắc mà khóc.

NGÀY MÙNG CHÍN LÊN NÚI TỀ SƠN

Dòng thu bóng lộn nhận bay.

Deo bầu cùng bạn lên ngay núi đồi.

Cõi trần dễ hé miệng cười.

Đầu cài hoa cúc, thanh thời trở về.

Cảnh vui rượu ngọt thỏa thuê.

Cần chi lên núi, khát khe bóng chiều.

Xưa nay chỉ có bấy nhiêu.

Việc gì phải đứng núi Ngưu mà buồn.

李商隱
LÝ THƯƠNG ẨN

40. 馬嵬
MÃ NGÔI

海外徒聞更九州，
Hải ngoại đồ văn cánh cửu châu,
他生未卜此生休。
Tha sinh vị bốc thử sinh hưu.
空聞虎旅傳宵柝，
Không văn hổ lữ truyền tiêu thác,
無復難人報曉籌。
Vô phục kê nhân báo hiệu trù.
此日六軍同駐馬，
Thử nhật lục quân đồng trú mã,
當時七夕笑牽牛。
Đương thời thất tịch tiếu khiên ngưu.
如何四紀為天子，
Như hà tứ kỷ vi thiên tử,
不及盧家有莫愁。
Bất cập Lư gia hữu Mạc sầu

CHÚ THÍCH.— Mã ngôi là tên một trạm ở huyện Hưng bình, tỉnh Thiểm tây cách thành Trường an độ 100 lý. Vua Đường Minh hoàng bị An lộc sơn phản, phải chạy sang đất Thục, đi đến trạm Mã ngôi, quân lính dừng lại đòi giết người quyền thần là Dương Quốc Trung và Dương Quý Phi mới chịu

ĐƯỜNG THI

đi. Minh hoàng phải để Quý phi chết. – *Cửu châu* là cõi nước Tàu. Đây là lời người phương sĩ đánh đồng thiếp về nói: Ở ngoài nước Tàu còn có cõi khác nữa, tức là đi tìm ở cõi ngoài nước Tàu. – *Hồ lữ* là quần túc vệ của nhà vua. – *Tiêu thác* là mồ hay chiêu của quần túc vệ canh ban đêm. – *Kê nhân* là một chức quan đời xưa coi việc sáng ngày phải báo truyền và đánh thức các quan chấp sự. – *Thất tịch tiểu Khiên ngưu* là theo bài Trường hận ca của Bạch Cư Dị nói về người đánh đồng thiếp đi tìm Quý phi, về nói rằng một ngày mong bảy tháng bảy, Minh hoàng và Quý phi đứng trong cung xem sao Khiên ngưu và thê với nhau cứ đời đời làm vợ chồng như chim liền cánh, như hoa liền cành. Đến năm khi Quý phi ngộ nạn là vào quãng ngày 14 tháng bảy, không xa ngày thất tịch là mấy. – *Mạc sầu* là tên người con gái đẹp có tiếng ở đất Lạc dương, làm vợ một người họ Lư vào khoảng đời Nam Bắc triều.

Bài thơ này nói vua Minh hoàng nhớ Dương Quý phi, sai phương sĩ đánh đồng thiếp đi tìm và nhắc lại chuyện Quý phi bị hại ở Mã ngôi và đêm thất tịch lúc trước. Kết bằng lời vua hoang dã, gây ra mối loạn, đến nỗi không bằng một người thường giữ được vợ con chu toàn.

MÃ NGÔI

*Cõi ngoài vắng có Cửu châu,
Kiếp này đã vậy, kiếp sau chưa rành.
Luống nghe hổ lữ cầm canh,
Sáng ngày không thấy báo trình kê nhân,
Sáu quân hôm ấy dừng chân,
Ngày nào thất tịch cười thần sao Ngâu.
Làm vua bốn kỷ đã lâu,
Không bằng kẻ có Mạc sầu họ Lư.*

41. 籌筆驛

TRÙ BÚT DỊCH

猿鳥猶疑畏簡書

Viên điểu do nghi úy giản thư,

風雲長為護儲胥。
Phong vân trường vị hộ trữ tu.
 徒令上將揮神筆，
Đồ linh thượng tướng huy thần bút,
 終見降王走傳車。
Chung kiến hàng vương tẩu truyền xa
 管樂有才真不忝，
Quản, Nhạc hữu tài chân bất thiểm,
 關張無命欲何如。
Quan, Trương vô mệnh dục hà như.
 他年錦里經祠廟，
Tha niên Cẩm lý kinh từ miếu,
 梁父吟成恨有餘。
Lương phụ ngâm thành hận hữu dư.

CHÚ THÍCH.- Trữ bút dịch ở huyện Cẩm cốc cách Thành đô 99 lí. Vũ hầu thường đóng quân ở đó để trữ lính việc đánh Ngụy.- *Gián thư* là thư viết vào mảnh tre. Đây nói thư viết những quân lệnh của ông tướng.- Trữ tu là phiên từ để che chở chung quanh.

Tiền giải nói Vũ hầu lo việc đánh Ngụy, hậu giải nói có tài mà không có mệnh.

TRAM TRÙ BÚT

Vượn chim còn sợ lệnh nghiêm,
 Gió mây vẫn cứ ngày đêm hộ trì.
 Luống công thượng tướng bút phê,
 Chung qui lại thấy chuyển xe chúa hàng.
 Thực tài Quản, Nhạc sánh ngang,
 Quan, Trương mệnh bạc, nhờ nhàng biết sao.

ĐƯỜNG THI

Về sau thành Cẩm miếu cao,
Ngâm bài Lương phủ, nao nao nỗi buồn,

42. 錦瑟

CẨM SẮT

錦瑟無端五十絃，
Cẩm sắt vô đoan ngũ thập huyền,
一絃一柱思花年。
Nhất huyền nhất trụ tư hoa niên.
莊生曉夢迷胡蝶，
Trang sinh hiếu mộng mê hồ điệp,
蜀帝春心託杜鵑。
Thục đế xuân tâm thác đồ quyên.
滄海月明珠有淚，
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ,
藍田日暖玉生煙。
Lam điền nhật noãn ngọc sinh yên.
此情可待成追憶，
Thử tình khả đãi thành truy ức,
只是當時已惘然。
Chỉ thị đương thời dĩ vạng nhiên.

CHÚ THÍCH.- *Trang sinh*, tức là Trang tử, nằm mê thấy hóa ra con bướm bướm.- *Thục đế*, tức là Đỗ Vũ, bỏ nước rồi chết hóa ra con đồ quyên (Xem chú thích bài thất ngôn luật số 31).

Bài này tả cái cảm tình của người nghe tiếng đàn hay. Nguyễn Tố như tiên sinh, tác giả truyện Thúy Kiều, lấy ý bốn câu tam tứ ngũ lục mà dịch

ra sáu câu lục bát như sau này:

Khúc đầu đầm ấm dương hòa,
Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh.
Khúc đầu êm ái xuân tình,
Ấy hẳn Thục đế hay mình đồ quyền.
Trong sao châu đỏ duềnh quyền,
Ấm sao hạt ngọc Lam điền mới đông.

ĐÀN CẨM SẮT

Đàn cẩm sắt, mấy chục dây,
Một dây, một trục, nhớ ngày thanh niên.
Trang sinh hồ điệp mộng quên,
Lòng xuân Thục đế, đồ quyền gửi mình.
Trăng soi châu đỏ duềnh xanh,
Lam điền trời ấm, ngọc lành khói bay,
Tình kia còn nhớ có ngày,
Hiện nay chỉ thấy gắt gay nổi lòng.

43. 無題

VÔ ĐỀ

相見時難別亦難，
Tương kiến thời nan biệt diệc nan,
東風無力百花殘。
Đông phong vô lực bách hoa tàn.
春蠶到死絲方盡，
Xuân tằm đáo tử tì phương tận,

DUỜNG THI

蠟 炬 成 灰 淚 始 乾 .

Lạp cụ thành hôi lệ thì can

曉 鏡 但 愁 雲 鬢 改 ,

Hiếu kính dãn sầu vân mấn cải,

夜 吟 應 覺 月 光 寒 .

Dạ ngâm ứng giác nguyệt quang hàn.

蓬 萊 此 去 無 多 路 ,

Bồng lai thử khứ vô đa lộ,

青 鳥 殷 勤 為 探 看 .

Thanh điều ân cần vị thám khan.

CHÚ THÍCH.— Tiền giải nói cái tình lo buồn; hậu giải tả cái cảnh tuổi già mong được an nhàn.

KHÔNG CÓ ĐỀ

Khó thay khi hợp khi tan,

Gió đông yếu ớt dễ tàn trăm hoa.

Con tằm đến chết hết tơ,

Sáp cây cháy cạn, lệ đã ráo ngay.

Sáng soi mái tóc đổi thay,

Đêm ngâm dưới nguyệt, mới hay lạnh lùng.

Một đường lên tới non Bồng,

Chim xanh đưa đón cây lòng dò thăm.

溫庭筠
ÔN ĐÌNH QUÂN

44. 過五丈原

QUÁ NGŨ TRƯỞNG NGUYÊN

鐵馬雲騶久絕塵，

Thiết mã vân xô cừu tuyệt trần,

柳陰高壓漢營春。

Liêu âm cao áp Hán dinh xuân.

天晴殺氣屯關右，

Thiên tình sát khí đồn Quan hữu,

夜半妖星照渭濱。

Đạ bán yêu tinh chiếu Vĩ tân.

下國臥龍空寤主，

Hạ quốc ngọa long không ngộ chủ,

中原逐鹿不由人。

Trung nguyên trục lộc bất do nhân.

象床錦帳無言語，

Tượng sàng cẩm trướng vô ngôn ngữ,

從此譙周是老臣。

Tòng thử Tiêu Chu thị lão thần.

CHÚ THÍCH.- Ngũ tướng nguyên là chỗ Vũ hầu đóng đồn lần cuối cùng khi đem quân đi đánh Ngụy, rồi mất ở đấy.- Quan hữu là đất phía hữu Quan trung.- Tiêu Chu là một người biết thiên văn học, làm quan ở nước Thục. Khi Đặng Ngái đánh vào Thành đô, Tiêu Chu xui Hậu chủ ra hàng.

ĐƯỜNG THI

Câu kết bài thơ này nói mĩa Tiêu Chu là người tầm thường mà làm bậc lão thần giúp nước, thì làm gì nước không mất.

QUA NGŨ TRƯỢNG NGUYÊN

*Xe mây, ngựa sắt, vắng tanh,
Mùa xuân bóng liễu, Hán dinh áp gần.
Ban ngày sát khí đồn quân,
Nửa đêm sao lạ, Vị tân sáng loè.
Ngọa long giúp chúa quân gì,
Trung nguyên tranh giữ, phải chi việc người.
Giường ngà trướng gấm, im hơi,
Tiêu Chu từ đấy đóng vai lão thần.*

45. 南湖

NAM HỒ

*湖上微風入檻涼 ,
Hồ thượng vi phong nhập hạm lương,
翻翻菱荷滿迴塘 .
Phiên phiên lăng hà mãn hồi đường.
野船著岸俛春草 ,
Dã thuyền trước ngạn ỏi xuân thảo,
水鳥帶波飛夕陽 .
Thủy diều dải ba phi tịch dương.
蘆葉有聲疑露雨 ,
Lô diệp hữu thanh nghi lộ vũ,
浪花無際似瀟湘 .
Lăng hoa vô tế tự Tiêu Tương.*

飄然篷艇東遊客，
Phiêu nhiên bồng đĩnh đông du khách,
盡日相看憶楚鄉
Tận nhật tương khan ức Sở hương.

CHÚ THÍCH. - *Lãng hành*: xem chú thích bài ngũ ngôn cổ số 13. Cả bài tả cảnh ở Nam hồ và tình nhớ quê hương.

NAM HỒ

*Trên hồ gió mát vào hè,
Cỏ rau phát phời khắp rìa đường quanh.
Thuyền què đậu bến cỏ xanh,
Thủy cầm vỗ sóng, rung rinh bóng tà.
Lá lau, ngổ tiếng mưa sa,
Sóng hoa man mác, như là Tiêu Tương.
Đông du thuyền lá chơi sông,
Suốt ngày dật Sở quê hương mơ màng.*

46. 春日偶作

XUÂN NHẬT NGẪU TÁC

西園一曲豔陽歌，
Tây viên nhất khúc diễm dương ca,
擾擾車塵負薜蘿。
Nhiều nhiều xa trần phụ bệ la.
自欲放懷猶未得，
Tự dục phóng hoài do vị đắc,
不知經世竟如何。
Bất tri kinh thế cánh như hà.

ĐƯỜNG THI

夜聞猛雨拌花盡，
Đạ văn mãnh vũ phan hoa tận,
寒戀重衾覺夢多。
Hàn luyến trùng khâm giác mộng đa.
釣渚別來應更好，
Điếu chử biệt lai ưng cánh hảo,
春風還為起微波。
Xuân phong hoàn vị khởi vi ba.

CHÚ THÍCH.— *Điểm hương ca* là lời hát mùa xuân.— *Phóng hoài* là
nhiệm tình tung ý, không có hạn chế sự hứng thú của mình.

Tiền giải nói cái cảm tình của mình, hậu giải nói cảnh mùa xuân.

NGÀY XUÂN NGẪU TÁC

Vườn tây hát khúc điểm dương,
Bụi lằm cỏ lá dọc đường xe di.
Muốn nhàn chưa được thỏa thuê,
Suối đời chẳng biết mọi bề ra sao.
Đêm nghe hoa rụng mưa dào,
Lạnh lùng, mền ấm, ngủ nhiều chiêm bao.
Bến cầu, này lúc ném phao,
Gió xuân gọi sóng dẫn deo mặt duềnh.

47. 贈知音

TẶNG TRI ÂM

翠羽花冠碧樹難
Thúy vũ hoa quan bích thụ kê.

未 明 先 向 短 牆 啼 。
Vị minh tiên hướng đoản tường đề.
窗 間 謝 女 青 蛾 斂 ，
Song gian Tạ nữ thanh nga liễm,
門 外 蕭 郎 白 馬 嘶 。
Môn ngoại Tiêu lang bạch mã tê.
殘 曙 微 星 當 戶 沒 ，
Tàn曙 vi tinh đương hộ một.
澹 煙 斜 月 照 樓 低 。
Đạm yên tà nguyệt chiếu lầu đề.
上 陽 宮 裡 鐘 初 動 ，
Thượng dương cung lý chung sơ động.
不 語 垂 鞭 過 柳 隄 。
Bất ngữ thùy tiên quá liễu đề.

CHÚ THÍCH. - *Thượng dương cung* là cung của vua Đường Cao tôn xây ở Lạc dương

TẶNG TRI ÂM

Mào hoa, lông biếc, gà kia.
Cạnh tường lên tiếng trước khi sáng ngày.
Cửa song ở Tạ châu mày,
Chàng Tiêu ngựa trắng cửa ngoài hí rân.
Rạng đông sao nhỏ lặn dần,
Khói êm trăng xế, bóng ngân dưới lầu,
Thượng dương chuông nổi hồi đầu,
Đọc đề dưới liễu rầu rầu buồn roi.

許渾
HỨA HỒN

48. 早發天台中巖寺，度關嶺，

次天姥岑

TẢO PHÁT THIÊN THAI TRUNG NHAM
TỰ, ĐỘ QUAN LĨNH, THỬ THIÊN MỔ SÂM

來 往 天 台 天 姥 間 ，

Lai vãng Thiên thai Thiên mỗ gian,

欲 求 真 訣 駐 衰 顏 。

Dục cầu chân quyết trú suy nhan.

星 河 半 落 巖 前 寺 ，

Tinh hà bán lạc nham tiền tự,

雲 霧 初 開 嶺 上 關 。

Vân vụ sơ khai lĩnh thượng quan.

丹 壑 樹 多 風 浩 浩 ，

Đan hác thụ đa phong hạo hạo,

碧 溪 苔 淺 水 潺潺 。

Bích khe dài thiển thủy sần sần.

可 知 劉 阮 逢 人 處 ，

Khả tri Lưu阮 gặp nhân xứ,

行 盡 深 山 又 是 山 。

Hành tận thâm sơn hựu thị sơn.

CHÚ THÍCH.- Núi Thiên thai ở Thái châu, tỉnh Chiết giang có nhiều thắng cảnh như Đồng bách quán, Vạn niên tự, Đảo nguyên v.v Núi Thiên mỗ ở Tây bắc huyện Thiên thai.

Cả bài thơ tả cảnh đẹp hai núi và nhắc lại chuyện Lưu Thần. Nguyễn Triệu đã gặp tiên ở đây

BUỔI SÁNG ĐI TỪ TRUNG NHAM TỰ Ở THIÊN
THAI QUA QUAN LĨNH ĐẾN NGHỈ Ở
NÚI THIÊN MỠ

*Thiên thai, Thiên mỗ vắng lai,
Muốn tìm chân quyết đổi thay mặt già.
Ngân hà nửa ngả chùa xa,
Khói mây mới mở cửa mờ trên non.
Gió cây man mác hang son,
Khe xanh rêu mọc, nước tuôn rì rì.
Gặp tiên, Lưu, Nguyễn chỗ nì,
Đi qua núi nọ, núi kia liên liền.*

司空圖

TƯ KHÔNG ĐỒ

49. 歸王官次年作

QUI VƯƠNG QUAN THỨ NIÊN TÁC

亂後燒殘滿架書，
Loạn hậu thiêu tàn mãn giá thư,
峰前猶自戀吾廬。
Phong tiền do tự luyến ngô lư.

ĐƯỜNG THI

忘機漸喜逢人少，
Vong ky tiệm hỉ phùng nhân thiếu,
缺粒空憐待鶴疏。
Khuyết lạp không liềm đãi hạc sơ.
孤嶼池痕春漲滿，
Cô dự trì ngân xuân trướng mãn,
小欄花韻午情初。
Tiểu lan hoa vận ngọ tình sơ.
酣歌自適逃名久，
Hàm ca tự thích đào danh cửu,
不必門多長者車。
Bất tất môn đa trường giả xư

CHÚ THÍCH. – Vương quan tức là Vương quan cốc, tên đất ở huyện Văn hĩ tỉnh Sơn tây. – *Vong ki* xem chú thích bài thơ ngũ ngôn cổ số 20.

Tiền giải tả cái cảnh hưởng khi loạn lạc; hậu giải tả cái cảnh thú trong một chỗ ở.

THƠ LÀM SAU MỘT NĂM VỀ Ở VƯƠNG QUAN

*Sau cuộc loạn, cháy tàn sách vở,
Trước non cao, thích ở nhà ta.
Gặp người ít, thỏa vong cơ,
Thiếu cơm, luống tiếc hiếng chờ hạc mây.
Chỗ ao núi, xuân đầy đàn dựa,
Trên bao lơn, hoa tắm giữa ngày.
Trốn danh, rượu hát khỏa khuây,
Cần chi trước cửa có dây ngựa xe.*

鄭谷
TRINH CỐC

50. 江際
GIANG TẾ

沓 沓 漁 舟 破 暝 煙 ,
Đạp đạp ngư chu phá minh yên,
疏 疏 蘆 葦 舊 江 天 .
Sơ sơ lô vĩ cựu giang thiên.
那 堪 流 落 逢 搖 落 ,
Nà kham lưu lạc phùng dao lạc,
可 得 潛 然 是 偶 然 .
Khả đắc san nhiên thị ngẫu nhiên.
萬 頃 白 波 迷 宿 鷺 ,
Vạn khoảnh bạch ba mê túc lộ,
一 林 黃 葉 送 寒 蟬 .
Nhất lâm hoàng diệp tống hàn thiên.
兵 車 未 息 年 花 促 ,
Binh xa vị tức niên hoa xúc,
早 晚 閒 吟 向 滄 川 .
Tảo vãn nhàn ngâm hướng Sãn xuyên.

CHÚ THÍCH. - *San nhiên* là buồn rầu muốn khóc. - *Sãn xuyên* là con sông con ở gần thành Trường an.

Cả bài tả cái cảnh ở bên sông, kết nói thời loạn, tuổi già, mong về quê nhà

ĐƯỜNG THI

BÊN SÔNG

Mau mau, thuyền cá rẽ mây,
Thưa thưa, trời nước, mấy cây lau già.
Người lưu lạc, cảnh xơ rơ,
Mới hay buồn bã, cũng là ngẫu nhiên.
Cò kia, sóng bạc, đứng yên,
Là vàng trên núi, giọng phien tiếng ve.
Lửa bình, tuổi tác khát khe,
Sớm chiều ngâm vịnh, mong về Sản xuyên

李頻

LÝ TẦN

51. 題張司馬別墅

ĐỀ TRƯỞNG TỬ MÃ BIỆT THỰ

庭前樹盡手中栽，

Đình tiền thụ tận thủ trung tài,

先後花分幾番開。

Tiên hậu hoa phân kỷ phiên khai.

巢鳥戀離鶯不起，

Sào diều luyến só kinh bất khởi.

野人思酒去還來。

Dã nhân tư tửu khứ hoàn lai.

自拋官與青山近，

Tự phao quan dữ thanh sơn cận.

誰料身為白髮催，
Thùy liệu thân vi bạch phát thôi.
門外尋常行樂處，
Môn ngoai tầm thường hành lạc xứ,
重重履跡在莓苔。
Trùng trùng lý tích tại mồi dãi.

CHÚ THÍCH. – Tiền giải tả cái chỗ ở của Trương tư mã; hậu giải tả cái cảnh yên vui của kẻ ẩn sĩ.

ĐỀ BIỆT THỤ CỦA TRƯƠNG TƯ MÃ

Tay giồng cây ở trước sân,
Trước sau hoa nở mấy lần tươi xinh.
Mến con, chim ổ nép mình,
Người quê nhớ rượu đập đình đến luôn.
Từ khi treo ấn về non,
Ai dè tóc bạc thúc dõn tâm thân.
Cửa ngoài vui thú tằm màn,
Dấu giày lộp lộp còn hằn trên rêu.

52. 湘中送友人

TƯƠNG TRUNG TỐNG HỮU NHÂN

中流欲暮見湘煙，
Trung lưu dục mộ kiến Tương yên,
岸葦無窮接楚天。
Ngạn vĩ vô cùng tiếp Sở thiên.
去雁遠衝雲夢雪，
Khứ nhạn viễn xung Vân mộng tuyết,

ĐƯỜNG THI

離人獨上洞庭船
Ly nhân độc thượng Động đình thuyền.
風波盡日依山轉
Phong ba tận nhật y sơn chuyển,
星漢通宵向水懸
Tinh hán thông tiêu hướng thủy huyền.
零落梅花過殘臘
Linh lạc mai hoa quá tàn lập,
故園歸去又新年
Cố viên qui khứ hựu tân niên.

CHÚ THÍCH. – Nói sự tiễn biệt bạn ở đất Sở về tiết cuối năm

TIỄN BẠN Ở SÔNG TƯƠNG

Dòng Tương sắp tối khói mờ,
Bãi lau trời Sở cõi bờ bao la.
Nhạn bay đêm Mộng tuyết sa,
Thuyền ai lơ lửng đi qua Động đình.
Suốt ngày sóng gió bên ghềnh,
Trời sao trên nước long lanh mặt diềm.
Hoa mai tháng chạp điều linh,
Quê nhà trở lại để dành năm sau.

項斯

HANG TU

53. 送宮人入道

TỔNG CUNG NHÂN NHẬP ĐẠO

願隨仙女董雙成，

Nguyện tùy tiên nữ Đồng Song Thành,

王母前頭作伴行。

Vương mẫu tiền đầu tác bạn hành.

初戴玉冠多誤拜，

Sơ đới ngọc quan đa ngộ bái,

欲辭金殿別稱名。

Dục từ kim điện biệt xưng danh.

將敲碧落新齋磬，

Tương sao bích lạc tân trai khánh,

卻進昭陽舊賜簪。

Khước tiến Chiêu dương cựu tử trâm.

旦暮焚香繞壇上，

Đan mộ phán hương nhiễu đàn thượng,

步虛猶作按歌聲。

Bộ hư do tác án ca thanh.

CHÚ THÍCH - Đồng Song Thành người đời nhà Chu tu thành tiên, làm thị nữ hầu Tây vương mẫu - Tiên đầu do chữ tiên đầu nhân đời Đường gọi những người kỹ nữ vào vườn Nghi xuân làm nội nhân, là tiên đầu nhân. - Tân trai là cái phòng, cái nhà mới. - Bích lạc là thiên giới, cõi trời. - Chiêu

ĐUỜNG THI

duơng là tên điện của nhà vua, ở hậu cung, để các phi tần ở – *Bổ hự* là do chữ *bổ hự* thanh là tiếng tụng kinh.

Tiền giả nói người ở trong cung muốn đi tu tiên; hậu giả nói việc làm khi đã đi tu.

TIỆN CUNG NỮ ĐI TU TIÊN

*Theo tiên nữ Đồng Song Thành,
Trước thềm Vương mẫu bạn lành làm duyên.
Ngọc quan đội, lạy lăm quen,
Muốn từ kim điện, đổi tên cho rồi.
Cỡi trời, gổ khánh tân trai,
Dâng đàn tranh cũ, khi ngày Chiêu dương.
Điều đàn, hôm sớm đốt hương,
Tụng kinh vẫn giữ giọng thường khi ca.*

李咸用

LÝ HÀM DỤNG

54. 題王處士山居

ĐỀ VƯƠNG XỬ SĨ SƠN CƯ

雲木沈沈夏亦寒，
Vân mộc trầm trầm hạ diệc hàn,
此中幽隱幾經年。
Thử trung u ẩn kỷ kinh niên.
無多別業供王稅，
Vô đa biệt nghiệp cung vương thuế,

大半生涯在釣船，

Đại bán sinh nhai tại điếu thuyền.

蜀魄叫迴芳草色，

Thục phách khiếu hồi phương thảo sắc,

鷺鷥飛破夕陽煙。

Lộ tư phi phá tịch dương yên.

干戈蜩起能高臥，

Can qua vi khởi năng cao ngọa,

真箇逍遙是謫仙。

Chân cá tiêu dao thị trích tiên.

CHÚ THÍCH. – *Lộ tư* là thứ cò có lông như tơ ở lưng và bụng. – *Trích tiên* là bậc thanh siêu bạt tực như bậc tiên trên trời trích xuống trần. – *Vị khởi* là nói lông dím đứng lên lồm chồm.

Tiền giải tả chỗ ẩn cư của xử sĩ, hậu giải nói trong lúc loạn lạc mà vẫn được yên ổn, như là tiên.

ĐỀ CHỖ SƠN CƯ CỦA VƯƠNG XỬ SĨ

Mây cây rậm, mùa hè cũng lạnh,

Ở ẩn cư, đã tính mấy năm.

Nghề riêng đóng thuế bao lăm,

Sinh nhai quá nửa chỉ nhằm thuyền câu,

Tiếng cuốc gọi, nổi màu phương thảo,

Con cò bay, làm náo bóng chiều.

Nằm yên giữa lúc bình đao,

Trích tiên ấy thật tiêu dao cõi trần.

周朴

CHU PHÁC

55. 桐柏觀

ĐỒNG BÁCH QUÁN

東南一境清心目，

Đông nam nhất cảnh thanh tâm mục,

有此千峰插翠微。

Hữu thử thiên phong sáp thùy vi.

人在下方銜月上，

Nhân tại hạ phương xung nguyệt thượng.

鶴從高處破煙飛。

Hạc tông cao xử phá yên phi.

巖深水落寒侵骨，

Nham thâm thủy lạc hàn xâm cốt,

門靜花開色照衣。

Môn tĩnh hoa khai sắc chiếu y.

欲識蓬萊今便是，

Dục thức Bồng lai kim tiện thị,

更於何處學忘機。

Cánh ư hà xử học vong kỳ.

CHÚ THÍCH. – Đồng bách quán là một cảnh đẹp ở trong núi Thiên thai. Tiền giải tả cảnh ở ngoài; hậu giải tả cảnh ở trong quán.

ĐỒNG BÁCH QUÁN

*Thanh thanh cảnh lạ tuyệt đời,
Núi xanh ngàn chỏm chọc trời dăng dăng.
Người lên bước sấn trong trắng,
Nơi cao hạc phá mây tầng mây bay.
Hang sâu suối lạnh buốt tay,
Màu tươi soi áo, cửa đầy những hoa.
Bồng lai nào phải dẫu xa,
Vong ki muốn học âu đà sẵn đây.*

曹唐

TÀO ĐƯỜNG

56. 劉晨, 阮肇遊天台
LƯU THÂN, NGUYỄN TRIỆU DU
THIÊN THAI

樹入天台石路新,
Thụ nhập Thiên thai thạch lộ tân,
雲和草靜迥無塵.
Vân hòa thảo tĩnh quỳnh vô trần.
煙霞不省生前事,
Yên hà bất tỉnh sinh tiền sự,
水木空疑夢後身.
Thủy mộc không nghi mộng hậu thân.

ĐƯỜNG THI

往 往 雞 鳴 巖 下 月 ,
Vãng vãng kê minh nhâm hạ nguyệt,
時 時 犬 吠 洞 中 春 .
Thời thời khuyển phệ động trung xuân.
不 知 此 地 歸 何 處 ,
Bất tri thử địa qui hà xứ,
須 就 桃 源 問 主 人 .
Tu tựu Đào nguyên vấn chủ nhân.

CHÚ THÍCH – Tác giả là một người đã tu đạo sĩ, lấy chuyện Lưu Thần và Nguyễn Triệu trong sách Thần tiên truyện mà làm 5 bài thơ này. Trong truyện nói rằng: Đời nhà Hán có Lưu Thần và Nguyễn Triệu, nhân ngày đoàn ngộ đi hái thuốc vào suối Đào nguyên ở trong núi Thiên thai, gặp hai nàng tiên, ở với nhau được nửa năm rồi về. Nhưng khi về đến nhà thì cháu bảy đời đã chết hết cả rồi. Hai người lại trở lên núi Thiên thai, thấy mịt mù không có gì nữa.

Tiền giải tả lối vào động Đào nguyên; hậu giải tả cảnh trong động

LƯU THẦN, NGUYỄN TRIỆU VÀO CHƠI THIÊN THAI

*Thiên thai đường đá chen cây,
Mây êm cỏ lặng chẳng dây chút trần.
Khói mây quên bằng phàm cần,
Tưởng sau giấc mộng ra thân suối rừng.
Tiếng gà khe đá gáy trắng,
Trong hang chó sủa như mừng bóng xuân.
Về đâu chốn ấy xa gần,
Tới đây ta hỏi chủ nhân nguồn Đào.*

57. 劉阮洞中遇仙子
LƯU NGUYỄN ĐÔNG TRUNG
NGỘ TIÊN TỬ

天和樹色靄蒼蒼，
Thiên hòa thụ sắc ái thương thương,
霞重嵐深路渺茫。
Hà trọng lam thâm lộ diêu mang.
雲竇滿山無鳥雀，
Vân dậu mãn sơn vô diểu tước,
水聲沿澗有笙簧。
Thủy thanh duyên gián hữu sinh hoàng.
碧沙洞裏乾坤別，
Bích sa động lý càn khôn biệt,
紅樹枝邊日月長。
Hồng thụ chi biên nhật nguyệt trường.
願得花間有人出，
Nguyện đắc hoa gian hữu nhân xuất.
免令仙犬吠劉郎。
Miễn linh tiên khuyển phệ Lưu lang.

CHÚ THÍCH.— Suốt cả bài tả chỗ tiên ở.

LƯU, NGUYỄN GẶP TIÊN TRONG ĐỘNG

*Một màu xanh biếc trời cây,
Đường đi mờ昧, rắng dày khói sâu.*

ĐƯỜNG THI

*Hang mây đầy núi, chim dâu,
Ven khe tiếng nước nổi châu sinh ca,
Cần khôn riêng động bích sa,
Bên cảnh hồng thụ đôi da tháng ngày.
Trong hoa mong có người hay,
Khởi cho tiên khuyến sửa rầy chàng Lưu.*

58. 仙子送劉阮出洞

TIÊN TỬ TỔNG LƯU NGUYÊN XUẤT ĐỘNG

殷勤相送出天台，
Ân cần tương tống xuất Thiên thai.
仙境那能卻再來。
Tiên cảnh na năng khước tái lai.
雲液既歸須強飲，
Vân dịch ký qui tu cường ẩm,
玉書無事莫頻開。
Ngọc thư vô sự mạc tần khai.
花留洞口應長在，
Hoa lưu động khẩu ưng trường tại,
水到人間定不回。
Thủy đáo nhân gian định bất hồi.
惆悵溪頭從此別，
Trù trướng khe đầu tòng thử biệt,
碧山明月照蒼苔。
Bích sơn minh nguyệt chiếu thương đài.

CHÚ THÍCH. – *Vân dịch* là rượu. – *Ngọc thư* là sách nói về việc tu luyện của Đạo gia.

Tiền giải tả lòng ăn cần khi từ biệt; hậu giải nói đã trở về cõi trần là không được gặp nhau nữa.

CÁC NÀNG TIÊN ĐƯA
LƯU, NGUYỄN RA KHỎI ĐỘNG

*Đưa nhau ra khỏi Thiên thai,
Cảnh tiên dễ có tái lai được nào.
Đã về gương uống rượu đào,
Ngọc thư xin chớ ra vào xem luôn.
Hoa thơm ở động vẫn còn,
Nước đi đi mãi xuống luôn cõi trần.
Từ đây cách biệt tình quân,
Bóng trăng, rêu núi, tần ngần nỗi thương.*

59. 仙子洞中有懷劉阮

TIÊN TỬ ĐỘNG TRUNG
HỮU HOÀI LƯU, NGUYỄN

不將清瑟理霓裳 ,
Bất tương thanh sắt lý Nghê thường,
塵夢那知鶴夢長 .
Trần mộng na tri hạc mộng trường.
洞裏有天春寂寂 ,
Động lý hữu thiên xuân tịch tịch,
人間無路月茫茫 .
Nhân gian vô lộ nguyệt mang mang.

ĐƯỜNG THI

玉沙瑤草沿溪碧，
Ngọc sa đào thảo duyên khe Bích,
流水桃花滿澗香。
Lưu thủy đào hoa mãn gián hương.
曉露風燈易零落，
Hiếu lộ phong đăng dị linh lạc,
此生無處問劉郎。
Thử sinh vô xứ vấn Lưu lang.

CHÚ THÍCH. – Tiền giải tả sự thương nhớ; hậu giải nói không sao gặp nhau nữa.

CÁC NÀNG TIÊN Ở TRONG ĐỘNG NHỚ LƯU, NGUYỄN

Đàn cầm bật khúc Nghê thường,
Mộng trần đâu có dài bằng mộng tiên.
Trong hang lặng lẽ xuân thiên.
Nhân gian mờ昧, một miền trăng soi.
Cỏ dao cát ngọc ven ngòi,
Dày khe nước chảy hoa trôi ngai ngòi.
Sương mai, đèn gió bao lâu,
Kiếp này khôn biết hồi đâu thấy chàng.

60. 劉阮再到天台不復見仙子
LƯU, NGUYỄN TÁI ĐÁO THIÊN THAI
BẤT PHỤC KIẾN TIÊN TỬ
再到天台訪玉真
Tái đáo Thiên thai phỏng ngọc chân,

蒼苔白石已成塵。
Thương dài bạch thạch dĩ thành trần.
 笙歌寂寞聞深洞，
Sinh ca tịch mịch nhàn thâm động,
 雲鶴蕭條絕舊鄰。
Vân hạc tiêu điều tuyệt cựu lân.
 草樹總非前度色，
Thảo thụ tổng phi tiền độ sắc,
 煙霞不似往年春。
Yên hà bất tự vãng niên xuân.
 桃花流水依然在，
Đào hoa lưu thủy y nhiên tại,
 不見當時勸酒人。
Bất kiến đương thời khuyến tửu nhân.

CHÚ THÍCH.— Tiên giải tả cái cảnh ở động vắng vẻ, không như trước; hậu giải nói không gặp tiên nữa.

LƯU, NGUYỄN LẠI LÊN NÚI THIÊN THAI
 KHÔNG GẶP CÁC NÀNG TIÊN

Tìm tiên trở lại Thiên thai,
Rêu xanh đá trắng tươi bởi bụi tan.
Hang sâu im lặng tiếng đàn,
Một vùng học nội mây ngàn ngăn ngại.
Cỏ cây khác vẻ ngày xưa,
Khói mây xuân trước bây giờ khác xa.
Vẫn nguyên lưu thủy đào hoa,
Mà người chèo chén nay đã ở đâu.

崔塗
THÔI ĐỒ

61. 赤壁懷古

XÍCH BÍCH HOÀI CỔ

漢室河山鼎勢分，

Hán thất hà sơn đỉnh thế phân,

勤王誰肯顧元勳。

Cần vương thùy khảng cố nguyên huân.

不知征伐由天子，

Bất tri chinh phạt do thiên tử,

唯許英雄共使君。

Duy hứa anh hùng cộng sử quân.

江上戰餘陵是谷，

Giang thượng chiến dư lăng thị cốc,

渡頭春在草連雲。

Độ đầu xuân tại thảo liên vân.

分明勝敗無尋處，

Phân minh thắng bại vô tầm xứ,

空聽漁歌到夕曛。

Không thính ngư ca đáo tịch huân.

CHÚ THÍCH.- Xích bích là chỗ Chu Du phá quân Tào Tháo mà lập ra thế ba chân vạc. Về sau người ta không biết chỗ ấy ở đâu. Nay xét ta có bốn chỗ gọi là Xích bích và người ta cho chỗ chiến trường cũ ở vào huyện Gia ngư, phía nam sông Trường giang. Đời nhà Tống, Tô Đông pha làm bài

phủ Xích Bích là chỗ ở Hoàng châu phía dưới Hán khẩu và Vũ xương, thì không phải là chỗ chiến trường cũ. – Lãng là gò cao, cốc là chỗ hai bên có núi, giữa chúng thấp, thường có giòng nước chảy.

Tiền giải nói Tào Tháo mượn tiếng thiên tử mà đè nén chư hầu, và nhắc lại chuyện Tào Tháo nói với Lưu Bị: Thiên hạ anh hùng chỉ có sử quân với ta; hậu giải nói chỗ chiến trường Xích Bích ngày xưa, nay không biết đích ở chỗ nào, vì chỗ ấy không có di tích gì cả, thường là quãng sông hoang vắng hôm sớm chỉ nghe tiếng hát của người chài lưới.

NHỚ CHUYỆN XƯA Ở XÍCH BÍCH

*Giang sơn nhà Hán phân ly,
Cần vương ai có đuổi gì nguyên huân.
Quyền vua chinh phạt nào cần,
Anh hùng chỉ có sử quân với mình.
Hang gò sau cuộc chiến tranh,
Bến xuân mây cỏ xanh xanh một màu.
Rõ ràng thắng bại chỗ nào,
Luống nghe tiếng hát sớm chiều ngư ông.*

62. 春夕旅懷

XUÂN TỊCH LỮ HOÀI

水流花謝兩無情，
Thủy lưu hoa tạ lưỡng vô tình,
送盡東風過楚城。
Tống tận đông phong quá Sở thành.
蝴蝶夢中家萬里，
Hố điệp mộng trung gia vạn lý,
杜鵑枝上月三更。
Đỗ quyên chi thượng nguyệt tam canh.

ĐUỜNG THI

故園書動經年絕，
Cố viên thư động kinh niên tuyệt,
華髮春催兩鬢生。
Hoa phát xuân thôi lưỡng mấn sinh.
自是不歸歸便得，
Tự thị bất qui qui tiện đắc,
五湖煙景有誰爭。
Ngũ hồ yên cảnh hữu thùi tranh.

CHÚ THÍCH. – Ngũ hồ, xem chú thích bài ngũ ngôn luật số 56.
Tiền giải tả cảnh tàn mùa xuân; hậu giải tả tình riêng đối với nhà.

LỜI TỎ TÌNH ĐÊM XUÂN Ở NƠI LỮ THỮ

Nước trôi hoa rụng vô tình,
Gió đông về cả Sở thành bay qua.
Chiêm bao hồ điệp, nhà xa,
Trên cành chim cuốc, canh ba trăng tà
Suốt năm vắng bật tin nhà,
Ngày xuân dục đã tóc hoa bạc đây,
Muốn về là được về ngay,
Năm hồ phong cảnh còn ai tranh dành.

秦韜玉
TẦN THAO NGỌC

63. 貧女

BẢN NỮ

蓬門未識綺羅香，

Bồng môn vị thức y la hương,

擬託良媒亦自傷。

Nghĩ thác lương môi diệc tự thương.

誰愛風流高格調，

Thùy ái phong lưu cao cách điệu,

共憐時世儉初妝。

Cộng liên thời thế kiệm sơ trang.

敢將十指誇鍼巧，

Cảm tương thập chỉ khoa châm xảo,

不把雙眉門畫長。

Bất bả song mi môn họa trường.

每恨年年壓金線，

Mỗi hận niên niên áp kim tuyến,

為他人作嫁衣裳。

Vị tha nhân tác giá y thường.

CHÚ THÍCH.— *Vị tha nhân tác* là một thành ngữ, nghĩa là làm thay cho người ta.

Bài thơ này mỗi câu tả rõ cái cảnh nghèo khổ một người bản nữ; lại có

ĐƯỜNG THI

ý ám chỉ một người hàn sĩ.

NGƯỜI CON GÁI NGHÈO

Mùi là lượt, cửa bỗng chưa biết,
Cây mới manh, cũng thiệt mọi điều.
Ai yêu cách điệu phong lưu,
Đều thương lúc phải kém chiều điểm trang.
Tay mười ngón khoe khoang tài nghệ.
Đôi lông mày không kẻ nét dài.
Mỗi năm kim tuyến đính cài,
May thuê xiêm áo cho người tử thay.

吳融

NGÔ DUNG

64. 憶山泉

ỨC SƠN TUYẾN

穿雲絡石細湔湔，
Xuyên vân lạc thạch tế tiên tiên，
沓沓疑聞美管絃。
Đạp đạp nghi văn mỹ quản huyền。
千仞洒來寒碎玉，
Thiên nhận xái lai hàn tủy ngọc，
一泓深去碧涵天。
Nhất hoàng thâm khứ bích hàm thiên。

煙迷葉亂尋難見，
Yên mê diệp loạn tầm nan kiến,
月好風清聽不眠。
Nguyệt hảo phong thanh thính bất miên.
春雨正多歸未得，
Xuân vũ chính đa qui vị đắc,
只應流恨更潺潺。
Chỉ ứng lưu hận cánh siên siên.

CHÚ THÍCH. - *Tiên tiên* là nói dáng nước chảy mau. *Hàn ngọc* là nước.
Tiên giải tả cái thác chảy từ trên đỉnh núi xuống; *hậu* giải nói cái tình
của tác giả đối với cảnh ấy.

NHỚ THÁC CHẢY TRÊN NÚI

Ngất trời quanh đá một dòng,
Ỗ ầm nghe vắng như cung sáo đàn.
Ngàn tầm nước xối sạch trơn,
Một vùng sâu thẳm, xanh đồn trời mây.
Khói mờ, lá rậm, khôn hay,
Trăng thanh, gió mát, khó say giấc hòe.
Mưa xuân lằm tã, chưa về,
Nỗi phiền đành để dầm dề dòng tuôn.

韋莊

VI TRANG

65. 思歸

TÚ QUI

暖絲無力自悠揚，
Noãn ti vô lực tự du dương,
牽引春風斷客腸。
Khiên dẫn xuân phong đoạn khách trường.
外地見花終寂寞，
Ngoại địa kiến hoa chung tịch mịch,
異鄉聞樂更淒涼。
Dị hương văn nhạc cánh thê lương.
紅垂野岸櫻還熟，
Hồng thùy dã ngạn anh hoàn thục,
綠染汀草又芳。
Lục nhiễm hồi đình thảo hựu phương.
舊里若為歸去好，
Cựu lý nhược vi qui khứ hảo,
子期凋謝呂安亡。
Tử kỳ điều tạ Lữ An vong.

CHÚ THÍCH.- *Du dương*, đây là cao thấp tự xa đến. *Tử kỳ* là tên tự của Tú Hưởng đời nhà Tấn, bạn thân với Kê Khang và Lữ An. Hai người này bị giết, *Tử kỳ* về quê ở Sơn dương, nghe người láng giềng thổi sáo, mới làm bài: *Tư cựu phú*.

Tiền giải nói cảnh buồn chỗ xa nhà; hậu giải sự nhớ nhà.

MONG VỀ

Tơ màn yếu ớt du dương,
Gió xuân đem lại đoạn trường riêng ai.
Thấy hoa dất khách buồn thay,
Quê người nghe nhạc lại gay nỗi lòng.
Anh đào ven ruộng, màu hồng,
Xanh om bãi nọ, cỏ nồng mùi hương
Về làng nếu được dễ dàng,
Lư An khuất núi, nỗi thương Tử kỳ.

杜光庭

ĐỖ QUANG ĐÌNH

66. 題鴻都觀

ĐỀ HỒNG ĐÔ QUÁN

亡吳霸越已功全，
Vong Ngô bá Việt dĩ công tuyền,
深隱雲林始學仙。
Thân ẩn vân lâm thỉ học tiên.
鸞鶴自飄三蜀駕，
Loan hạc tự phiêu tam Thục giá,
波濤猶憶五湖船。
Ba đào do ức Ngũ hồ thuyền.

DUƠNG THI

雙溪夜月鳴寒玉，
Song Khê dạ nguyệt minh hàn ngọc,
眾嶺秋空斂翠煙。
Chung lĩnh thu không liễm thủy yên.
也有扁舟歸去興，
Dã hữu thiên chu qui khứ hứng,
故鄉東望思綿綿。
Cố hương đông vọng tứ miên miên.

CHÚ THÍCH.- Hồng đô quán là quán thờ Phạm Lãi, người nước Sở làm quan đại phu nước Việt, giúp vua Câu Tiễn đánh Ngô. Khi thành công rồi, ông biết Câu Tiễn chỉ thân được lúc còn cực khổ, chứ lúc đã đắc chí, thì không nên gần, ông bèn giấu tên đi ẩn. Người đời sau nói ông tu thành tiên.

Tiền giải nói Phạm Lãi đi ẩn, ngao du ở đất Thục hay ở Ngũ hồ ở đất Sở, hậu giải nói đi chơi các nơi, nhưng vẫn nhớ quê hương.

ĐỀ QUÁN HỒNG ĐÔ

*Phá Ngô bá Việt, công thành,
Rừng mây ẩn nấu, tập tành phép tiên,
Xe loan Tam Thục khắp nơi,
Năm hồ sóng gió, chiếc thuyền lừng lờ.
Hai khe róc rách, bóng nga,
Núi non thu khí, xanh mờ khói mây.
Con thuyền hứng thú đó đây,
Mê đông quê quán, vẫn ngầy mối tình.*

僧靈一

TẶNG LINH NHẤT

67. 項王廟

HẠNG VƯƠNG MIẾU

緬想咸陽事可嗟，

Miền tường Hàm dương sự khả ta,

楚歌哀怨思無涯。

Sở ca ai oán tứ vô nha.

八千弟子歸何處，

Bát thiên đệ tử qui hà xứ,

萬里鴻溝屬漢家。

Vạn lý Hồng cầu thuộc Hán gia.

弓斷陣前爭日月，

Cung đoạn trận tiền tranh nhật nguyệt,

血流垓下定龍蛇。

Huyết lưu Cai hạ định long xà.

拔山力盡烏江水，

Bạt sơn lực tận Ô giang thủy,

今古悠悠空浪花。

Kim cổ du du không lãng hoa.

CHÚ THÍCH - Hàm dương sự là nhắc lại việc Hạng Vũ vào Quan trung đốt thành Hàm dương cháy ba tháng trời, rồi bỏ Hàm dương quay về đông, thế là bỏ mất nhân hòa và địa lợi. - Hồng cầu là con sông nhỏ ở vào tỉnh Hà nam bây giờ, chỗ phân địa giới giữa Hán và Sở, định từ Hồng cầu về

ĐƯỜNG THI

tây thuộc đất Hán và tù Hồng cầu về đông thuộc đất Sở - *Cai hạ* là chỗ Hạng Vũ bị vây, nay ở đông nam huyện Linh bích tỉnh An huy. - *Ô giang* là cái bến ở đông bắc Hòa huyện, thuộc tỉnh An huy, chỗ Hạng Vũ tu tử.

Tiền giải nói sự bại vong của Hạng vương, hậu giải nói Hạng vương thua ở *Cai hạ*.

MIẾU THỜ HẠNG VƯƠNG

Khả than việc ở Hàm dương,

Giọng ca nước Sở, thấm thương đường nào,

Tám nghìn đệ tử về đâu,

Hồng cầu muôn dặm thuộc vào Hán gia,

Trận tiền thua được mới là,

*Máu trôi *Cai hạ*, long xà định vong,*

Ô giang sức hết thế cùng,

Xưa nay man mác một vùng sóng hoa.

III

THƠ TUYỆT CÚ

Thơ tuyệt cú là lối thơ làm bốn câu hai hay ba vắn. Nguyên theo lối thơ cổ, thì cứ bốn câu là một giải, ghép giải nọ với giải kia thành ra bài thơ cổ trường thiên; ngắt ra một giải, hai hay ba vắn bằng hay trắc, là bài thơ tuyệt cú, thể cổ. Sau lại theo lối thơ luật tám câu mà ngắt ra bốn câu hai hay ba vắn bằng, là bài thơ tuyệt cú, thể luật. Vậy thơ tuyệt cú có thứ theo thơ cổ, có thứ theo thể luật, và chữ tuyệt có nghĩa là ngắt, ngắt ra bốn câu, cho nên còn gọi là tứ tuyệt.

Sự ngắt bốn câu thơ luật ra làm bài tuyệt cú, có nhiều cách. Ngắt bốn câu đầu bài thơ luật, thì ba vắn và hai câu dưới có đối; ngắt hai câu đầu và hai câu năm sáu, thì ba vắn và hai câu dưới có đối; ngắt hai câu đầu và hai câu cuối thì ba vắn và không có đối. Ngắt bốn câu cuối bài thơ luật, thì hai vắn và hai câu trên có đối. Ngắt bốn câu giữa, thì hai vắn và cả bốn câu đều có đối.

Thơ tuyệt cú lấy lời nói gần mà tình xa, hàm súc, không lộ, làm quý. Thường uyển chuyển, biến hóa, công phu ở câu thứ ba. Nếu câu ấy mà chuyển biến khéo, thì câu thứ tư tự trôi đi như thuyền thuận nước.

Tuyệt cú có thực tiếp và hư tiếp. Thực tiếp như bài

ĐƯỜNG THI

Phong kiều dạ bạc (xem bài thất ngôn tuyệt cú số 35).
Hư tiếp như bài **Giang thôn tức sự** (xem bài thất ngôn tuyệt cú số 41).

Sau này, những bài ngũ ngôn hay thất ngôn tuyệt cú có bài nào làm vần trắc hay làm không đúng niêm luật, tức là theo thể cổ, thì có cái dấu hoa thị, để độc giả dễ nhận biết. Còn những bài khác là thuộc thể luật.

A-NGŨ NGÔN TUYỆT CÚ

王績

VƯƠNG TÍCH

1. 過酒家

QUÁ TỬU GIA.

此 日 長 昏 飲 ,

Thử nhật trường hôn ẩm,

非 關 養 性 靈 .

Phi quan dưỡng tính linh.

眼 看 人 盡 醉 ,

Nhân khan nhân tận túy.

何 忍 獨 為 醒 .

Hà nhân độc vì tình.

CHÚ THÍCH – *Vương Tích* là em *Vương Thông* ở vào lúc Tùy diệt thiên hạ loạn lạc. Ông thường lấy chén rượu câu thơ để quên tình.

Khuất Nguyên đời Chiến quốc nói " *Chúng nhân giai túy, duy ngã độc tỉnh* " *Vương Thông* nói " *Nhơn khan nhân tận túy, Hà nhân độc vì tình* ".

QUA HÀNG RƯỢU.

Hôm nay uống rượu say li,

Dành là không có ích gì đường sinh,

Thấy người say cả xót tình,

Nỡ nào để có một mình tỉnh riêng.

駱賓王

LẠC TÂN VƯƠNG

2. 易水送別

DỊCH THỦY TỔNG BIỆT.

此地別燕丹，

Thử địa biệt Yên Đan,

壯士髮衝冠，

Tráng sĩ phát xung quan.

昔時人已沒，

Tích thời nhân dĩ diệt,

今日水猶寒，

Kim nhật thủy do hàn.

ĐUÔNG THI

CHÚ THÍCH. – *Dịch thủy* là con sông ở phía bắc thành Bảo định, thuộc tỉnh Bắc bình bây giờ. Đời Chiến quốc, khi Thái tử nước Yên là Đan tiễn Kinh Kha đến sông Dịch để đi giết vua nước Tần. Kinh Kha hát rằng *Phong tiêu tiêu hề. Dịch thủy hàn. Tráng sĩ nhất khứ hề, bất phục hoàn*. Hát xong nỏ khí xung lên, tóc đứng thẳng ở trên đầu. Tác giả nhớ chuyện ấy mà làm bài thơ này.

TIỄN BIỆT Ở SÔNG DỊCH

Đất này từ biệt Yên Đan,

Tóc đầu đứng ngựng, máu hờn nóng sôi.

Người xưa khuất bóng đi rồi,

Ngày nay còn thấy nước trôi lạnh lùng.

韋承慶

VI THỪA KHÁNH

3. 南行別弟

NAM HÀNH BIỆT ĐỆ

澹澹長江水，

Đạm đạm trường giang thủy,

悠悠遠客情。

Du du viễn khách tình.

落花相與恨，

Lạc hoa tương dĩ hận,

到地一無聲。

Đáo địa nhất vô thanh.

CHÚ THÍCH. – Vì Thừa Khánh bị truất đổi đi Giang nam. Vì có điều uất ức không nói ra được cho nên nói hoa rơi xuống cũng giận thay cho mình – *Du du* là nói cái dáng lo buồn.

TỪ BIỆT EM ĐỂ ĐI XUỐNG PHÍA NAM

*Êm đêm mặt nước Trường giang,
Khách xa luống những ngồn ngang mối tình.
Hoa rơi đường cũng bất bình,
Tả tơi xuống dải lạng thình bùi ngùi.*

薛稷

TIẾT TẮC

4. 秋朝覽鏡

THU TRIỀU LÂM KÍNH

客 心 驚 落 木 ,
Khách tâm kinh lạc mộc,
夜 坐 聽 秋 風 .
Dạ tọa thính thu phong.
朝 日 看 容 鬢 ,
Triều nhật khan dung mấn,
生 涯 在 鏡 中 .
Sinh nhai tại kính trung.

CHÚ THÍCH. – Thấy cảnh thu, ngấm thân mình buồn thêm.

ĐƯỜNG THI

SÁNG MÙA THU SOI GƯƠNG

*Trạnh sâu đất khách cây khô,
Đêm ngồi nghe tiếng gió thu ào ào,
Sáng ngày soi thấy tóc đầu,
Dời người vẫn vói bóng vào trong gương.*

張九齡

TRƯƠNG CỬU LINH

5. 自君之出矣

TỰ QUÂN CHI XUẤT HỖ

自君之出矣，
Tự quân chi xuất hỹ,
不復理殘機。
Bất phục lý tàn ky.
思君如滿月，
Tư quân như mãn nguyệt,
夜夜減清輝。
Dạ dạ giảm thanh huy.

CHÚ THÍCH - Lấy đầu đề làm câu khởi, nói người vợ ở nhà nhớ chồng như mặt trăng đang đầy, rồi mỗi ngày một kém phần tươi trong, ý nói nhan sắc mỗi ngày một kém.

TỪ NGÀY ANH Ở NHÀ ĐI

*Từ ngày anh ở nhà đi,
Cái khung cửi cũ, chẳng hề mó tay.*

*Nhớ anh như thể trắng đầy,
Mỗi đêm mỗi thấy sụt gầy vé thanh.*

王昌齡
VƯƠNG XƯƠNG LINH

6. 望長用

* VỌNG TRƯỜNG DỤNG

開門望長用，
Khai môn vọng Trường dụng.
薄暮見漁者。
Bạc mộ kiến ngư giả.
借問白頭翁，
Tá vấn bạch đầu ông,
垂綸幾世也。
Thùy luân kỷ thế dà.

CHÚ THÍCH. – Bài thơ này có vẻ lạ là vì tác giả dùng chữ giả và chữ đã làm văn.

TRÔNG TRƯỜNG DỤNG

*Mở cửa trông Trường dụng.
Chiều hôm thấy chài cá.
Hỏi thử ông bạc đầu,
Buông câu mấy đời tá?*

孟浩然

MẠNH HẠO NHIÊN

7. 春曉

❖ XUÂN HIẾU

春 眠 不 覺 曉 ,
Xuân miên bất giác hiếu,
處 處 聞 啼 鳥 .
Xử xử văn đề điếu.
夜 來 風 雨 聲 ,
Đạ lai phong vũ thanh.
花 落 知 多 少 .
Hoa lạc tri đa thiếu.

CHÚ THÍCH. – Suốt cả bài lấy chữ *hiếu* làm huyết mạch.

SÁNG NGÀY MÙA XUÂN

*Giấc xuân trời sáng không hay,
Chim kêu riu rít từng bầy khắp nơi,
Đêm qua mưa gió tới bời,
Biết rằng hoa cũng có rơi ít nhiều.*

8. 宿建德江

TÚC KIẾN ĐỨC GIANG

移舟泊煙渚，

Di chu bạc yên chử,

日暮客愁新。

Nhật mộ khách sầu tân.

野曠天低樹，

Dã khoáng thiên đề thụ,

江清月近人。

Giang thanh nguyệt cận nhân.

CHÚ THÍCH. - Kiến đức giang ở Nghiêm châu phủ, tỉnh Chiết giang -
Yên chử là bãi cỏ sương mù.

Tả cảnh đêm trăng ở chỗ thuyền đậu.

ĐÊM NGỦ Ở KIẾN ĐỨC GIANG

Dời thuyền đậu bến khói mây,

Chiều hôm xúc cảnh, khách gây mối tình,

Đồng không, trời thấp ngọn cành,

Nước sông trong vắt, trăng quanh cạnh người.

王維

VƯƠNG DUY

9. 孟城坳

* MẠNH THÀNH AO

新家孟城口，

Tân gia Mạnh thành khẩu,

古木餘衰柳。

Cổ mộc dư suy liễu.

來者復為誰，

Lai giả phục vi thùy,

空悲昔人有。

Không bi tích nhân hữu.

CHÚ THÍCH. – Vương Ma cật có nhiều chỗ ở: Mạnh thành, Lộc trại v. v.
Bài thơ này làm khi dọn về Mạnh thành. – Ao là một chỗ đất trũng ở miền
núi.

MẠNH THÀNH AO

Mạnh thành nhà mới ở đây,

Vườn xưa còn lại mấy cây liễu già.

Rời ra ai đến làm nhà.

Luống thương khi trước người ta có rồi.

10. 留別崔興宗

* LƯU BIỆT THÔI HÙNG TÔN

駐馬欲分襟，

Trú mã dục phân khâm,

清寒御溝上。

Thanh hàn Ngự câu thượng.

前山景氣佳，

Tiền sơn cảnh khí giai,

獨往還惆悵。

Độc vãng hoàn trừ trường.

CHÚ THÍCH. – Tác giả đến chơi với họ Thôi, đề bài thơ này để từ biệt.
– Ngự câu là con sông nhỏ chảy từ núi Nam sơn qua thành Trường an.

ĐỂ LẠI THÔI HÙNG TÔN

Dừng yên những muốn chia bào,

Ngự câu khí lạnh, một bầu trong xanh.

Phong quang trước núi tươi xinh,

Đi về lẻ thui một mình bấn khẩn.

11. 鹿柴

* LỘC TRẠI

空山不見人，

Không sơn bất kiến nhân,

ĐƯỜNG THI

但聞人語響。
Đãn văn nhân ngữ hưởng.
返影入深林，
Phản ảnh nhập thâm lâm，
復照青苔上。
Phục chiếu thanh đài thượng.

CHÚ THÍCH. - Chữ sai đọc là trại, cũng như chữ 碧. Bài này tả cái cảnh tịch mịch ở chỗ không làm.

LỘC TRẠI

*Núi cao vắng, chẳng thấy người,
Chỉ nghe tiếng nói vang trời ở đâu.
Bóng tà vào lọt rừng sâu,
Lập lờ lại giọt, ánh màu rêu xanh.*

12. 竹里館

*TRÚC LÝ QUÁN

獨坐幽篁裏，
Độc tọa u hoàng lý，
彈琴復長嘯，
Đàn cầm phục trường khiêu.
深林人不知，
Thâm lâm nhân bất tri.
明月來相照。
Minh nguyệt lai tương chiếu.

CHÚ THÍCH. - Bài thơ này lấy hai chữ độc tọa làm nhãn tự.

QUÁN TRÚC LÝ

*Một mình giữa đám rừng tre,
Đánh đàn cao hứng hát nghe một bài.
Rừng sâu nào có ai hay,
Bóng trăng đâu đến chiếu ngay vào mình.*

13. 雜詩

* TẬP THI

君自故鄉來，
Quân tự cố hương lai,
應知故鄉事。
Ứng tri cố hương sự.
來日綺窗前，
Lai nhật ý song tiền,
寒梅著花未。
Hàn mai trước hoa vị.

CHÚ THÍCH - Tả cái tâm tình một nhà đạo học, không vương vịu về việc đời.

TẬP THI

*Ở quê anh mới tới đây,
Việc quê anh biết đổi thay thế nào.
Hôm đi, trước cửa buồng thêu,
Cây mai mùa lạnh nở nhiều hoa chưa?*

14. 鳥鳴澗

ĐIỆU MINH GIẢN

人 閒 桂 花 落 ,

Nhân nhàn quế hoa lạc,

夜 靜 春 山 空 .

Dạ tĩnh xuân sơn không.

月 出 驚 山 鳥 ,

Nguyệt xuất kinh sơn điểu,

時 鳴 春 澗 中 .

Thời minh xuân giản trung.

CHÚ THÍCH. – Tả cái cảnh tự nhiên ở trong chỗ rừng không, đêm vắng.

CHIM KÊU TRONG KHE

Người nhàn hoa quế lặng rơi,

Núi xuân quanh quẽ, đêm dài vắng tanh.

Thấy trăng chim núi giật mình,

Tiếng kêu nghe rộn thình lình trong khe.

15. 班婕妤

BAN TIỆP THƯ

怪 來 粧 閣 閉 ,

Quái lai trang các bế,

朝 下 不 相 迎 .

Triều hạ bất tương nghinh.

總 向 春 園 裏 ,

Tổng hướng xuân viên lý,

花 間 笑 語 聲 .

Hoa gian tiếu ngữ thanh.

CHÚ THÍCH. – Khen Ban Tiệp thư cung nhân đời Hán, là người minh triết.

NÀNG BAN TIỆP THƯ

La sao cử khép cửa lầu,

Tan châu không tới đón chào trước sân.

Nghĩ cùng ai đến vườn xuân,

Trong hoa cười nói ganh phần làm chi.

16. 送春詞

TỔNG XUÂN TỪ

日 日 人 空 老 ,

Nhật nhật nhân không lão,

年 年 春 更 歸 .

Niên niên xuân cánh qui.

相 歡 有 尊 酒 ,

Tương hoan hữu tôn tửu,

不 用 惜 花 飛 .

Bất dụng tích hoa phi.

CHÚ THÍCH. – Ý nói ngày xuân thấm thoát, tiếc xuân làm gì.

ĐUỜNG THI

LỜI TIỄN MÙA XUÂN

Mỗi ngày người mỗi già thêm,
Năm qua năm tới lại đem xuân về.
Vui say vô rượi sẵn kia,
Công đâu mà tiếc làm gì hoa hay.

崔顥

THÔI HẠO

17. 長干行

✽ TRƯỜNG CAN HÀNH

I

君家住何處，
Quân gia trụ hà xứ,
妾住在橫塘。
Thiếp trụ tại Hoành đường.
停船暫借問，
Đình thuyền tạm tá vấn,
或恐是同鄉。
Hoặc khùng thị đồng hương.

II

家臨九江水，
Gia lâm Cửu giang thủy.

來 去 九 江 側 .
Lai khứ Cửu giang trắc.
同 是 長 干 人 ,
Đồng thị Trường can nhân,
生 小 不 相 識 .
Sinh tiểu bất tương thức.

CHÚ THÍCH. – *Trường can* là một xóm ở phía nam trong thành Kim lăng. Các thi nhân đời xưa đặt ra những bài hát nói về tình ái của nhi nữ, gọi là *Trường can hành* hay là *Trường can khúc*.

BÀI HÁT TRƯỜNG CAN

I

*Anh ơi, nhà ở nơi nao?
Em đây, nhà ở lối vào Đường ngang.
Dừng thuyền tạm hỏi rõ ràng,
Họa may có phải cùng làng đó chăng.*

II

*Nhà anh ở cạnh Cửu giang,
Lối đi về vẫn theo đường sông kia.
Trường can ấy thực cùng quê,
Vắng quê từ nhỏ chưa hề biết nhau.*

李白

LÝ BẠCH

18. 靜夜思

* TĨNH DẠ TƯ

床 前 看 月 光 ,
Sàng tiền khán nguyệt quang,
疑 是 地 上 霜 .
Nghi thị địa thượng sương.
舉 頭 望 明 月 ,
Cử đầu vọng minh nguyệt,
低 頭 思 故 鄉 .
Đề đầu tư cố hương.

CHÚ THÍCH. – Nằm trông trăng mà nhớ nhà.

SỰ TƯỢNG NGHĨ KHI ĐÊM IM LẶNG

*Đầu giường chợt thấy bóng trăng,
Mập mờ trên đất, ngỡ rằng sương sa.
Ngẩng đầu trông vẻ gương nga,
Cúi đầu luống những nhớ nhà bấn khoăn.*

19. 玉階怨

✽ NGỌC GIAI OÁN

玉階生白露，

Ngọc giai sinh bạch lộ,

夜久侵羅襪。

Dạ cửu xâm la miệt.

卻下水晶簾，

Khước há thủy tinh liêm,

玲瓏望秋月。

Linh lung vọng thu nguyệt.

CHÚ THÍCH – Lời oán của một cung nhân, đêm đứng ở thềm ngọc trông vua triệu, sương lạnh thấm ướt, tức mình bỏ rèm xuống đi ngủ, nhưng còn vợ vẫn đứng trông trong rèm. Trong bài thơ không có chữ oán nhưng xem cảnh thì thấy câu nào cũng có ý oán.

LỜI OÁN Ở THỀM NGỌC

Đêm khuya thềm ngọc đầy sương,

Tất là thấm lạnh, thêm thương nỗi lòng.

Buông màn yên giấc cho xong,

Hãy còn lấp ló đứng trông trăng già.

20. 自遣

✽ TỰ KHIỂN

對酒不覺暝，

Đối tiếu bất giác minh,

ĐƯỜNG THI

落花盈我衣 .
Lạc hoa dính ngã y.
醉起步溪月 ,
Túy khởi bộ khê nguyệt,
鳥還人亦稀 .
Điểu hoàn nhân diệc hy.

CHÚ THÍCH. – Đối tửu vong hoài, thật là tự khiển.

TỰ KHIỂN

*Rượu say chẳng biết tối ngày,
Tả tơi hoa rụng rắc đầy áo ta.
Theo trăng lần suối bước ra,
Chim thì về tổ, người dà vắng tanh.*

21. 淶水曲

LỤC THỦY KHÚC

淶水明秋月 ,
Lục thủy minh thu nguyệt,
南湖采白蘋 .
Nam hồ thái bạch tân.
荷花嬌欲語 ,
Hà hoa kiều dục ngữ,
愁殺蕩舟人 .
Sầu sát dăng chu nhân.

CHÚ THÍCH. – Nước trong, trắng sáng, đi chơi thuyền hái rau tần thấy

hoa sen đẹp thành ra buồn.

KHÚC HÁT NƯỚC TRONG

*Nước trong giọt bóng trắng thu,
Bạch lẫn hoa nọ, Nam hồ hái chơi.
Hoa sen dường muốn nói cười,
Chơi thuyền khách lại ngậm ngùi tình riêng.*

22. 憶東山

ỨC ĐÔNG SƠN

不 向 東 山 久 ,
Bất hướng Đông sơn cửu,
薔 薇 幾 度 花 .
Tường vi kỷ độ hoa.
白 雲 還 自 散 ,
Bạch vân hoàn tự tán,
明 月 落 誰 家 .
Minh nguyệt lạc thùi gia.

CHÚ THÍCH. – Đông sơn là chỗ Lý Bạch ở, phía đông nam thành Nam kinh bây giờ

NHỚ ĐÔNG SƠN

*Đông sơn xa cách bao xuân,
Tường vi đã trải mấy lần nở hoa.
Mây kia bạc xóa tan ra,
Vầng trăng khuất sáng, bóng sa nhà nào.*

23. 獨坐敬亭山

ĐỘC TỌA KÍNH ĐÌNH SƠN

眾鳥高飛盡，

Chúng diều cao phi tận,

孤雲獨去閒。

Có vân độc khứ nhàn.

相看兩不厭，

Tương khan lưỡng bất yếm,

只有敬亭山。

Chỉ hữu Kính đình sơn.

CHÚ THÍCH. — *Kính đình sơn* ở Tuyên thành, tức là Ninh quốc phủ. Bài này tả rõ cái thần ở hai chữ: độc tọa.

NGỒI MỘT MÌNH Ở KÍNH ĐÌNH SƠN

Bầy chim một loạt cao bay,

Lưng trời thơ thẩn đám mây một mình.

Trông nhau có vẻ hữu tình,

Họa chăng có núi Kính đình với ta.

24. 怨情

OÁN TÌNH

美人捲珠簾，

Mỹ nhân quyển châu liêm,

深坐顰蛾眉。

Thâm tọa tảo nga my.

但見淚痕濕，
Đàn kiến lệ ngấn thấp,
不知心恨誰。
Bất tri tâm hận thùy

CHÚ THÍCH. – Tả cái dáng điệu một người đẹp lúc có sự uất ức về mối tình.

OÁN TÌNH

*Rèm châu cuốn, một mỹ nhân,
Búi ngùi ngồi lặng dương nhẩn mày ngài.
Chưa khô giọt lệ vừa rơi,
Chẳng hay tủi giận vì ai hận lòng.*

杜甫
ĐỖ PHỦ

25. 武侯廟

VŨ HẦU MIẾU

遺廟丹青落，
Di miếu đan thanh lạc,
空山草木長。
Không sơn thảo mộc trường.
猶聞辭後主，
Do văn từ Hậu chủ,
不復臥南陽。
Bất phục ngọa Nam dương

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH. – Miếu này ở Miển dương, đất Hán trung – Do văn tử Hậu chủ là nói nghe lời biểu xuất sư của Khổng minh – *Bất phục ngoa Nam dương* là nói ý tiếc cho Khổng minh không giúp được cho nhà Hán thành công rồi lại về ẩn ở Nam dương như chí đã định. Nam dương là một quận. Nhưng chỗ Khổng minh ở gọi là Long trung, trước thuộc quận Nam dương, nay thuộc Tương dương, cách thành ấy có 20 dặm về phía tây.

MIẾU THỜ VŨ HẦU

*Ngôi đền cũ nhạt màu xanh đỏ,
Núi quanh hiu còn đó cỏ cây,
Biểu từ lời vắng bên tai,
Không còn trở lại năm dài Nam dương.*

26. 八陣圖

BÁT TRẬN ĐỒ

功蓋三分國，
Công cái tam phân quốc,
名成八陣圖。
Danh thành bát trận đồ.
江流石不轉，
Giang lưu thạch bất chuyển,
遺恨失吞吳。
Di hận thất thôn Ngô.

CHÚ THÍCH. – *Di hận thất thôn Ngô* là ý nói Khổng minh cứ ẩn nấp vì nổi Tiên chủ không nghe lời mình mà hòa với Ngô để đánh Ngụy, lại đi đánh Ngô, làm hỏng cả sự nghiệp.

BÁT TRÂN ĐỒ

*Tam phân quốc công cao tột bậc,
Bát trân đồ danh nước muôn đời.
Nước trôi đá vẫn không dời,
Ngậm ngùi nổi chẳng nghe lời, đánh Ngô.*

27. 復愁

PHỤC SÂU

萬國尚戎馬，
Vạn quốc thượng nhung mã,
故園今若何。
Cố viên kim nhược hà.
昔歸相識少，
Tích qui tương thức thiểu,
早以戰場多。
Tảo dĩ chiến trường đa.

CHÚ THÍCH. – Đỗ Tử Mỹ ở đất Đỗ lăng, thuộc phủ Tương dương, bị loạn An lộc sơn phải lánh sang ở đất Thục. Khi ông được tin quân nhà vua đã lấy lại được thành Lạc dương, ông mừng, nhưng lại buồn vì quê hương bị tàn phá, nên mới đề là: phục sâu.

LẠI BUỒN

*Bình nhung muôn nước nôn nao,
Quê hương biết đã ra sao đó rồi.
Xưa về quen biết mấy ai,
Hay đâu sớm đã hóa nơi chiến trường.*

28. 絕句

TUYỆT CÚ

江 碧 鳥 逾 白 ,

Giang bích diều du bạch,

山 清 花 欲 然 .

Sơn thanh hoa dục nhiên.

今 春 看 又 過 ,

Kim xuân khan hựu quá.

何 日 是 歸 年 .

Hà nhật thị qui niên.

CHÚ THÍCH. – *Niên* là lửa cháy sắc đỏ.

TUYỆT CÚ

Nước trong chim trắng rõ ràng,

Nón xanh hoa nở lại càng đỏ tươi.

Xuân này thấy cảnh đã rồi,

Năm về chưa biết đến hồi nào đây.

岑參
SÂM THAM

29. 題平陽郡汾橋邊柳樹

ĐỀ BÌNH DƯƠNG QUẬN
PHẦN KIỀU BIÊN LIỄU THỤ

此地曾居住，

Thử địa từng cư trú.

今年宛自歸。

Kim niên uyển tự qui

可憐汾上柳，

Khả liên Phần thượng liễu,

相見也依依。

Tương kiến dã y y.

CHÚ THÍCH. – Sâm Tham trước đã ở quận Bình dương đến tám chín năm, sau lại về đây, nên mới có bài thơ này.

題 cây liễu ở bên phần kiều
QUẬN BÌNH DƯƠNG

Đất này trước đã ở lâu,

Năm nay trở lại khác đâu về nhà.

Khá thương cây liễu trên bờ,

Thấy nhau vẫn cứ nhờn như thường.

30. 見渭水思秦川

KIẾN VỊ THỦY TƯ TÂN XUYÊN

渭水東流去，

Vị thủy đông lưu khứ,

何時到雍州。

Hà thời đáo Ung châu.

憑添兩行淚，

Bằng thêm lưỡng hàng lệ,

寄向故園流。

Ký hướng cố viên lưu.

CHÚ THÍCH. – Ung châu ở Quan trung, nay thuộc tỉnh Thiểm tây

THẤY VỊ THỦY NHỚ TÂN XUYÊN

Nước sông Vị chảy về đông,

Bao giờ mới đến gần vùng châu Ung?

Nhờ thêm nước mắt đôi dòng,

Gửi về quê quán, theo cùng chảy xuôi.

崔國輔
THÔI QUỐC PHỤ

31. 怨辭

* OÁN TỪ

樓頭桃李疏，

Lầu đầu đào lý sơ,

池上芙蓉落。

Trì thượng phù dung lạc.

織錦猶未成，

Chức cảm do vị thành,

蟲聲入羅幕。

Trùng thanh nhập la mạc.

CHÚ THÍCH – Lời oán của người trong khuê các. – *Phù dung* là hoa sen đã nở. Đừng lẫn với cây phù dung. Hoa sen đã rụng là sắp hết mùa thu. cảm cái cảnh thu mà nhớ. – *Chức cảm* là dệt gấm, do chuyện đời xưa. Người vợ dệt gấm để may áo cho chồng, gấm dệt chưa xong, sâu và dế đã kêu, biết là thu hết và đông đã đến, lại càng oán giận thêm.

LỜI OÁN GIẬN

Góc lầu đào lý lơ thơ,

Trên hồ sen nở, bơ phờ rụng rơi.

Đưa thoi dệt gấm chưa rồi,

Tiếng trùng đầu đã vào nơi màn là.

32. 少年行

THIẾU NIÊN HÀNH

遺卻珊瑚鞭，

Di khuớc san hô tiên,

白馬驕不行。

Bạch mã kiêu bất hành.

章臺折楊柳，

Chương đài chiết dương liễu,

春日路旁情。

Xuân nhật lộ bàng tình.

CHÚ THÍCH. – *Chương đài* là tên con đường, xem chú thích bài ngũ ngôn luật số 75.

BÀI HÁT THIẾU NIÊN

Roi san hô đã bỏ rơi,

Xoay quanh ngựa trắng, giục hoài không đi.

Chương đài cành liễu đấy kia,

Ngày xuân mong được chút chi dọc đường.

儲光義

TRÙ QUANG HY

33. 長安道

TRƯỜNG AN ĐẠO

鳴鞭過酒肆，

Minh tiên quá tửu tứ,

袪服遊倡門。

Khử phục du xướng môn.

百萬一時盡，

Bách vạn nhất thời tận,

含情無片言。

Hàm tình vô phiến ngôn.

CHÚ THÍCH. – Trường an là đất Kinh đô, những kẻ du hiệp sinh trưởng ở nơi phú quý, ăn chơi hoang phí, say mê tửu sắc, hết sạch của cải. Nhưng vẫn giữ thói quen, thường cứ dạo qua những chỗ hàng rượu và xóm ca.

DẠC ĐƯỜNG TRONG THÀNH TRƯỜNG AN

Trước hàng rượu, quất ngựa qua,

Ngóng nghênh vén áo, xóm ca dạo ngoài.

Trăm muôn một lúc hết rồi,

Ngậm ngùi thôi chẳng nửa lời thở than.

祖詠
TỔ VỊNH

34. 終南望餘雪
CHUNG NAM VỌNG DƯ TUYẾT

終南陰嶺秀，
Chung nam âm lĩnh tú,
積雪浮雲端。
Tích tuyết phù vân đoan.
林表明霽色，
Lâm biểu minh tễ sắc,
城中增暮寒。
Thành trung tăng mộ hàn.

CHÚ THÍCH. – *Chung nam* là dãy núi cao ở phía nam thành Trường an. Khi Tổ Vịnh ra ứng thí, trưởng quan ra đề này, hạn làm ngũ ngôn luật. Tổ Vịnh làm bốn câu ấy, rồi đem nộp. Hỏi thì nói Tôi đã nói hết trong bốn câu ấy rồi, muốn thêm một lời nào nữa cũng không được – *Tứ* đây có nghĩa là đầu không có tóc, cũng như chữ thốc nghĩa là trên đỉnh núi trụi không có cây. – *Âm*, đối với sông núi theo nghĩa chữ nho là phía bắc núi, phía nam sông. – *Tễ* là trời tạnh

TRÔNG TUYẾT CÒN LẠI
TRÊN NÚI CHUNG NAM

*Chung nam đỉnh bắc trụi trơn,
Mây bay tuyết đọng miền man chỗ này,
Mé ngoài rừng ánh vẽ ngày,
Trong thành khí lạnh hôm mai bội phần.*

劉長卿

LƯU TRƯỜNG KHANH

35. 送靈澈

* TÔNG LINH TRIỆT

蒼蒼竹林寺，

Thương thương Trúc lâm tự,

杳杳鐘聲晚。

Diêu diêu chung thanh vãn.

荷笠帶斜陽，

Hà lạp đới tà dương.

青山獨歸遠。

Thanh sơn độc qui viễn.

CHÚ THÍCH - Tả một tăng nhân đi một mình về núi.

TIỀN TĂNG LINH TRIỆT

Trúc lâm chùa ấy xanh xanh,

Xa xa chiều vắng tiếng kinh nện chuông.

Nón sen nhuộm về tà dương.

Một mình xa bước trên đường thanh sơn.

36. 逢雪宿芙蓉山

PHÙNG TUYẾT TÚC PHÙ DUNG SƠN

日暮蒼山遠，

Nhật mộ thương sơn viễn,

天寒白屋貧。

Thiên hàn bạch ốc bần.

柴門聞犬吠，

Sài môn văn khuyển phệ,

風雪夜歸人。

Phong tuyết dạ qui nhân.

CHÚ THÍCH. – Đi đường rừng bị trời tuyết, tìm nhà ngủ trọ. vào trọ một nhà nghèo, thấy chó sủa và thấy đang đêm gió tuyết, người ta đi làm về

GẶP TUYẾT NGỦ TRỌ Ở NÚI PHÙ DUNG

Chiều hôm thăm thẳm non xanh,

Một bầu trời lạnh, nhà tranh dối nghèo.

Cửa sài chó sủa nhè nhều.

Đương đêm gió tuyết quạnh hiu người về.

37. 彈琴

ĐÀN CẨM

冷冷七絃上，

Linh linh thất huyền thượng,

靜聽松風寒。

Tĩnh thính tùng phong hàn.

古調雖自愛，
Cổ điệu tuy tự ái,
今人多不彈。
Kim nhân đa bất đàn.

CHÚ THÍCH – Đàn cầm có thứ 5 dây, có thứ 7 dây có thứ 16 hay là 36 dây.

ĐÁNH ĐÀN CẦM

*Véo von trên bảy đường tơ,
Lặng nghe gió lạnh thổi qua rừng tùng.
Ta ưa cổ điệu ung dung.
Đời nay ít kẻ đánh cung đàn này.*

韋應物

VI ỨNG VẬT

38. 秋夜寄丘二十二員外

* THU DẠ KÝ KHÂU NHỊ THẬP NHỊ
VIÊN NGOẠI

懷君屬秋夜，
Hoài quân thuộc thu dạ,
散步詠涼天。
Tán bộ vịnh lương thiên.
空山松子落，
Không sơn tùng tử lạc,

ĐƯỜNG THI

幽人應未眠

U nhân ứng vị miên.

CHÚ THÍCH. -- Đêm thu tịch mịch, nhớ bạn ngâm thơ. tưởng lúc ấy bạn cũng chưa ngủ.

ĐÊM THU GỬ CHO VIÊN NGOẠI
KHÂU HAI MƯƠI HAI

Đêm thu vắng vẻ nhớ anh,

Ngâm nga, trời lạnh, một mình dạo chơi.

Núi hiu quạnh, trái tùng rơi,

U nhân chưa dễ đã ngủ giấc lành.

錢起

TIỀN KHỞI

39. 題崔逸人山亭
ĐỀ THÔI DẬT NHÂN SƠN ĐÌNH

藥徑深紅蘚，

Dược kính thâm hồng tiển,

山窗滿翠微。

Sơn song mãn thủy vi.

羨君花下醉，

Tiên quân hoa hạ túy,

蝴蝶夢中飛。

Hồ điệp mộng trung phi.

CHÚ THÍCH. - Dưới con đường thực được, lối đi rêu cỏ mọc đầy. Trong nhà cửa sổ dòm ra núi, chủ nhân uống rượu dưới hoa rồi ngủ, chiêm bao hóa ra con bướm bướm như Trang Chu đời xưa. Cả bài nói cảnh thú của dật nhân và dật sự.

ĐỀ Ở SƠN ĐÌNH CỦA THÔI DẬT NHÂN

Con đường thực được rêu đầy,

Cửa song dòm núi khói mây xanh mờ.

Dưới hoa uống rượu say dư,

Chiêm bao hồ điệp thần thơ lượn vòng.

王建

VƯƠNG KIẾN

40. 新嫁娘

TÂN GIÁ NƯỞNG

三日入廚下，

Tam nhật nhập trù hạ,

洗手作羹湯。

Tẩy thủ tác canh thang.

未諳姑食性，

Vị am cô thực tính,

ĐƯỜNG THI

先遣小姑娘
Tiên khiển tiểu cô thường.

CHÚ THÍCH. – Ý thơ giản dị, lời thơ nhẹ nhàng.

CÔ DÂU MỚI CƯỚI
*Ba ngày xuống bếp làm cơm,
Rửa tay nấu bát canh thơm đã rồi.
Chưa hay tính mẹ thường xơi,
Nhờ em nếm trước, xem mùi được không.*

李端
LÝ ĐOAN

41. 拜新月
BÁI TÂN NGUYỆT
開簾見新月，
Khai liêm kiến tân nguyệt.
即便下階拜。
Tức tiện há giai bái.
細語人不聞，
Tế ngữ nhân bất văn,
北風吹裙帶。
Bắc phong xuy quần đới.

CHÚ THÍCH. – Tục người Tàu hay lạy mặt trăng. Nhân vì trong lòng có tưởng nghĩ điều gì, cho nên thấy trăng lên, thì lạy mà bày tỏ với trăng.

LẠY MẶT TRĂNG MỚI MỌC

Mở rèm trông thấy trăng lên,
Vội vàng sụp xuống dưới hiên khẩn bầy.
Nói gì lắm bữa ai hay,
Bắc phong đâu đã thổi bay giải quần.

42. 鳴箏

MINH TRANH

鳴箏金粟柱，
Minh tranh kim túc trụ，
素手玉房前。
Tố thủ ngọc phòng tiền。
欲得周郎顧，
Dục đắc Chu lang cố，
時時誤拂絃。
Thời thời ngộ phát huyền。

CHÚ THÍCH. – Tranh là thử đàn như đàn sắt, xem chú thích bài thơ thất ngôn luật số 2. – Kim túc và ngọc phòng là những phần tử trên đàn tranh. – Tố thủ là bàn tay trắng đẹp. – Chu Lang là Chu Du đời Tam quốc, khi mới 24 tuổi đã nổi tiếng là người sành nghe đàn. Ý bài thơ này nói người đàn bà, khéo giả cách, thỉnh thoảng đánh đàn sai cung điệu để người biết nghe đàn để ý đến mình.

ĐÁNH ĐÀN TRANH

*Đàn tranh, kim tức phím này
Ngọc phòng, tay trắng lựa dây ngắn dài,
Chàng Chu dù chẳng dỗi hoài.
Hùng hờ, thỉnh thoảng dạo sai cung đàn.*

43. 溪行遇雨與柳中庸

KHÊ HÀNH NGỘ VŨ DŨ

LIỄU TRUNG DUNG

日 落 眾 山 昏 ,

Nhật lạc chúng sơn hôn,

蕭 蕭 暮 雨 繁 .

Tiểu tiểu mộ vũ phần.

那 堪 兩 處 宿 ,

Na kham lưỡng xứ túc,

共 聽 一 聲 猿 .

Cộng thính nhất thanh viên.

CHÚ THÍCH. - Trời tối đi trong rừng, gặp mưa, rủ nhau cùng tìm một nhà trọ mà ngủ. Lời nói uyển chuyển mà ý tha thiết.

CÙNG VỚI LIỄU TRUNG DUNG

ĐI TRONG KHI GẶP MƯA

Mặt trời lặn, núi tối mờ,

Rầu rầu chiều tối, mịt mù mưa sa.

Sao đành đôi chốn ngủ xa,

Chỉ bằng tiếng vượn một nhà cùng nghe.

司空曙

TƯ KHÔNG THỰ

44. 玩花與衛象同醉

NGOẠN HOA DỮ VỆ TƯỢNG ĐỒNG TÚY

哀 鬢 千 莖 雪 ,

Suy mấn thiên hành tuyết,

他 鄉 一 樹 花 .

Tha hương nhất thụ hoa.

今 朝 與 君 醉 , ‘

Kim triều dũ quân túy,

忘 卻 在 長 沙 .

Vong khước tại Trường sa.

CHÚ THÍCH. – Trường sa là tỉnh lý tỉnh Hà nam bây giờ. Xưa là nơi ẩm thấp, các quan bị trích thường phải đây ra đó.

CHƠI HOA VÀ CÙNG SAY VỚI VỆ TƯỢNG

Tóc già ngàn sợi tuyết pha,

Tha hương, cùng với cây hoa khuây tỉnh.

Bây giờ say rượu cùng anh,

Trường sa ẩm thấp, quên mình ở đây.

戴叔倫

ĐÁI THÚC LUÂN

45. 春閨

XUÂN KHUÊ

裊裊城邊柳，

Niêu niêu thành biên liễu,

青青陌上桑。

Thanh thanh mạch thượng tang.

提籠忘採葉，

Đề lung vong thái diệp,

昨夜夢漁陽。

Tạc dạ mộng Ngư dương.

CHÚ THÍCH. - *Ngư dương* là một thành ở đất Yên, gần Bắc bình bảy giờ, xưa là nơi có nhiều giặc.

Bài thơ này có người cho là của Trương Trọng Tố 張仲素. Ý nói người khuê phòng mùa xuân đi hái dâu, không thấy cây liễu và cây dâu mới biểu xuân ý, rồi tưởng đến giấc mộng hôm trước thấy mình đi đến Ngư dương chỗ chồng đi thú.

MÙA XUÂN CỦA KÊ KHUÊ PHÒNG

Bên thành cây liễu phất phơ,

Cây dâu xanh mượt, trên bờ thướt tha.

Giỏ đeo, quên hái lá tơ,

Ngư dương, nằm mộng đêm qua thần thờ.

柳宗元
LIỄU TÔNG NGUYÊN

46. 江雪

GIANG TUYẾT

千山鳥飛絕，
Thiên sơn điểu phi tuyệt.
萬徑人蹤滅。
Vạn kính nhân tung diệt
孤舟蓑笠翁，
Cô chu toa lạp ông.
獨釣寒江雪。
Độc điếu hàn giang tuyết.

CHÚ THÍCH. – Liễu Tử hậu làm bài thơ này để tự ví mình, khi bị trích ra làm quan ở ngoài.

SÔNG ĐẦY TUYẾT

*Nghìn non chìm hết vầy vùng.
Vắng tanh muôn nẻo tuyết không dấu người.
Áo tơi, nón lá, ông chài,
Con thuyền giữa tuyết ngồi hoài buông câu.*

孟郊

MẠNH GIAO

47. 古別離

* CỔ BIỆT LY

欲別牽郎衣，

Dục biệt khiên lang y,

郎今到何處。

Lang kim đáo hà xứ.

不恨歸來遲，

Bất hận qui lai trì,

莫向臨邛去。

Mạc hướng Lâm ngang khứ.

CHÚ THÍCH. – Khi người chồng sắp đi xa, người vợ chỉ ân cần dặn rằng đi bao lâu cũng được, chỉ đừng đến chỗ Lâm ngang. – *Lâm ngang*: nơi Trác Văn quân theo Tư mã Tương Như dời Tây Hán. Sau người ta dùng tiếng ấy mà gọi nơi trai gái hẹn hò nhau.

CÁCH TỪ BIỆT NGÀY XƯA

Sắp đi nắm áo lang quân,

Chàng nay đi đó, tới gần nơi nao.

Kể chi về chậm hay mau,

Lâm ngang chốn ấy chớ vào làm chi.

劉禹錫
LƯU VŨ TÍCH

48. 飲酒看牡丹
ẨM TỬU KHÁN MẪU ĐƠN

今日花前飲，
Kim nhật hoa tiền ẩm,
甘心醉數杯。
Cam tâm túy số bôi.
但愁花有語，
Đãn sầu hoa hữu ngữ,
不為老人開。
Bất vị lão nhân khai.

CHÚ THÍCH. – Uống rượu trước hoa mà buồn về nỗi tuổi già.

UỐNG RƯỢU XEM MẪU ĐƠN
*Hôm nay uống rượu trước hoa,
Uống chơi vài chén để mà gượng vui.
Chỉ e hoa biết nói cười,
Nỡ ra, đâu có vì người già nua.*

49. 秋風引
THU PHONG DẪN
何處秋風至，
Hà xứ thu phong chí,

ĐƯỜNG THƠ

蕭蕭送雁群。
Tieu tieu tống nhạn quần.
朝來入庭樹，
Triều lai nhập đình thụ.
孤客最先聞。
Cô khách tối tiên văn.

CHÚ THÍCH. – Lòng người khách xa, dễ cảm nỗi buồn.

BÀI HÁT GIÓ MÙA THU

*Gió thu đến tự nơi nào,
Hắt hiu đưa nhạn ào ào bay qua.
Sớm vô cây trước sân nhà,
Lắng tai trước nhất, khách xa một người.*

50. 視刀鑲歌

THỊ ĐAO HOÀN CA

常恨言語淺，
Thường hận ngôn ngữ thiển,
不如人意深。
Bất như nhân ý thâm.
今朝兩相視，
Kim triều lưỡng tương thị,
脈脈萬重心。
Mạch mạch vạn trùng tâm.

CHÚ THÍCH. – Lưu Mộng đặc thường hay châm chích những người đương

lộ, cho nên cứ phải trích ra làm quan ở ngoài. Nay lấy con dao và cái vòng mà làm bài thơ này, ý nói dao thì cắt đứt, không bằng cái vòng giữ chặt các vật.

BÀI HÁT TRÔNG CON DAO VÀ CÁI VÒNG

*Tiếc thay lời nói thoáng qua,
Sao bằng ý tứ người ta thâm trầm.
Nay nhìn hai vật, hiểu ngầm,
Nỗi lòng tấm tức âm thầm biết bao.*

李益

LÝ ÍCH

50. 江南曲

GIANG NAM KHÚC

嫁得瞿唐贾，
Già đắc Cù đường cổ,
朝朝误妾期。
Triều triều ngộ thiếp kỳ.
早知潮有信，
Tảo tri triều hữu tín,
嫁与弄潮儿。
Già dữ lộng triều nhi.

CHÚ THÍCH. – Cù đường là một eo sông rất hiểm ở Vu sơn, đi qua lại chỗ ấy không ai định trước được, thành ra hay sai hẹn. – Cổ là người đi

DUƠNG THI

buồn. – Triều là nước thủy triều, lên xuống đúng kỳ nhất định, nên gọi là triều tin. – Bài thơ này lấy chữ tin làm nhãn tự.

KHÚC HÁT GIANG NAM

*Lấy chồng anh lái Cù dương,
Hẹn sai, sáng sáng thiếp mang nổi phiền.
Vì mà sớm biết triều tin,
Thà rằng lấy quách anh quen chơi triều.*

令狐楚

LỆNH HỒ SỞ

52. 從軍行

TÒNG QUÂN HÀNH

朔風千里驚，
Sóc phong thiên lý kinh,
漢月五更清。
Hán nguyệt ngũ canh thanh.
縱有還家夢，
Túng hữu hoàn gia mộng,
猶聞出塞聲。
Do văn xuất tái thanh.

CHÚ THÍCH. – Lĩnh đi thú ở biên thủy phía bắc, nghe tiếng gió tây bắc lạnh lùng đã sợ, lại thấy trăng ở phía đông mọc lên qua đất Hán là xứ sở của mình, thì nhớ nhà. Nhưng đã làm lính thì đâu nằm mộng về nhà mà lĩnh quan truyền đi đánh giặc, lại sầu khổ biết bao.

BÀI HÁT TÔNG QUÂN

*Gió may ngàn dặm dăng kinh,
Trắng thanh đất Hán, năm canh thần thờ.
Vĩ dù nằm mộng về nhà,
Còn nghe lệnh xuống truyền ra cõi ngoài.*

白居易

BẠCH CƯ DỊ

53. 池畔

* TRÌ BÀN

結構池西廊，
Kết cấu trì tây lang,
疏理池東樹。
Sơ lý trì đông thụ.
此意人不知，
Thử ý nhân bất tri,
欲為待月處。
Dục vi đãi nguyệt xứ.

CHÚ THÍCH. – Bài thơ này lập ý ở hai chữ: đãi nguyệt.

BỜ AO

*Ao này tây dựng nhà ngang,
Đông thì cây lá gọn gàng để thưa.*

ĐƯỜNG THI

*Ai ơi, biết ý này chưa,
Sẵn sàng dọn chỗ để chờ trăng lên.*

54. 池上

TRÌ THUẬN

小 娃 撐 小 艇 ,
Tiểu oa sanh tiểu đĩnh,
偷 採 白 蓮 回 .
Thâu thái bạch liên hồi.
不 解 藏 蹤 跡 ,
Bất giải tàng tung tích,
浮 萍 一 道 開 .
Phù bình nhất đạo khai.

CHÚ THÍCH. – Tả cái ngây thơ của một đứa con gái nhỏ đi hái trộm sen.

TRÊN AO

*Một cô chống chiếc thuyền con,
Hoa sen hái trộm, lon xon chạy về.
Ngây thơ, dấu tích chẳng dè,
Bèo non mở sẵn lối đi rành rành.*

55. 問劉十九

VẤN LƯU THẬP CỬU

綠 蟬 新 醅 酒 ,
Lục nhĩ tân phối tửu,

紅 泥 小 火 爐 .
Hồng nê tiểu hỏa lô.
晚 來 天 欲 雪 ,
Vãn lai thiên dục tuyết,
能 飲 一 杯 無 .
Năng ẩm nhất bôi vô.

CHÚ THÍCH. - *Lục nghị* là rượu. Tả cái cảnh thanh bạch của ẩn sĩ

HỎI LƯU MƯỜI CHÍN
*Rượu ngon mới cất một vò,
Đất nung màu đỏ hỏa lò sẵn kia.
Tối ngày tuyết xuống bất kỳ,
Uống chơi đã vậy, chén thì có đâu.*

元稹
NGUYỄN CHẨN

56. 故行宮
CỐ HÀNH CUNG
寥 落 故 行 宮 ,
Liêu lạc cố hành cung,
宮 花 寂 寞 紅 .
Cung hoa tịch mịch hồng.

DUƠNG THI

白頭宮女在，
Bạch đầu cung nữ tại,
閒坐說玄宗。
Nhàn tọa thuyết Huyền tông.

CHÚ THÍCH. - Tả cái cảnh tiêu điều một hành cung cũ của vua Huyền tôn.

HÀNH CUNG CŨ
Hành cung cũ, cảnh tiêu điều,
Hoa kia vẫn nở đìu hiu cạnh lầu,
Cung nhân một mụ bạc đầu,
Ngồi rồi, kể chuyện khi hầu Huyền tôn.

張籍

TRƯƠNG TỊCH

57. 寄西峰僧

KÝ TÂY PHONG TĂNG

松暗水涓涓，
Tùng ám thủy quyên quyên,
夜涼人未眠。
Dạ lương nhân vị miên.
西峰月猶在，
Tây phong nguyệt do tại,
遙憶草堂前。
Dao ức thảo đường tiền.

CHÚ THÍCH. – Ban đêm trăng xế bóng tà, bóng tùng tối om, nước suối chảy róc rách, người không ngủ được, nghĩ đến thảo đường của tăng nhân ở Tây phong.

GỬ CHO TÂY PHONG TĂNG

*Tùng mờ nước chảy rì rì,
Đêm khuya lạnh lẽo, giấc hòe chưa yên.
Tây phong trăng đã xế bên,
Xa xa tưởng đến mái hiên thảo đường.*

裴 度

BÙI ĐỘ

58. 溪居

KHÊ CƯ

門 徑 俯 清 溪 ,
Môn kính phủ thanh Khê,
茆 簷 古 木 齊 .
Mao thiềm cổ mộc tề.
紅 塵 飛 不 到 ,
Hồng trần phi bất đáo,
時 有 水 禽 啼 .
Thời hữu thủy cầm đề.

CHÚ THÍCH. – Tả chỗ ở trên núi, sau khi thôi làm tể tướng.

CHỖ Ở GẦN KHE

*Cửa vào trông xuống khe trong,
Thềm tranh vắt vẻo ngang cùng cây cao.
Bụi hồng bay chẳng đến nào,
Đôi khi nghe có tiếng kêu thủy cầm,*

賈島

GIẢ ĐẢO

59. 尋隱者不遇

* TÂM ẨN GIẢ BẤT NGỘ

松下問童子，

Tùng hạ vấn đồng tử,

言師採藥去。

Ngôn sư thái dược khứ.

只在此山中，

Chỉ tại thử sơn trung,

雲深不知處。

Vân thâm bất tri xứ.

CHÚ THÍCH. – Lời thơ rất giản dị mà tả rõ cảnh chỗ người đi ẩn.

TÌM ẨN GIẢ KHÔNG GẶP

*Dưới tùng đến hỏi tiểu đồng,
Thưa rằng: hái thuốc thầy không ở nhà.*

*Chỉ trong núi ấy dấu xa.
Vì mây phủ kín, biết là nơi nao.*

薛瑩
TIẾT OÁNH

60. 秋日湖上
THU NHẬT HỒ THƯỢNG
落 日 五 湖 遊 ,
Lạc nhật ngũ hồ du,
煙 波 處 處 愁 .
Yên ba xử xử sầu.
浮 沈 千 古 事 ,
Phù trầm thiên cổ sự,
誰 與 問 東 流 .
Thùy dữ vấn đông lưu.

CHÚ THÍCH. - Ngũ hồ là tên gọi Thái hồ, xem chú thích bài ngũ ngôn luật số 56 của Lưu Trường Khanh. Cũng có khi nhà văn dùng chữ ngũ hồ chỉ để nói cái ý chung về hồ mà thôi.

NGÀY THU CHƠI TRÊN HỒ
*Ngũ hồ chiều tối tiêu dao,
Khói mây sóng nước, đâu đâu cũng buồn.
Nghìn xưa chìm nổi dòng tuôn,
Hỏi ai biết được nước nguồn ra đông.*

杜牧
ĐỖ MỤC

61. 歸家

QUI GIA

稚子牽衣問，
Trī tử khiên y vấn,
歸家何太遲。
Qui gia hà thái trì.
共誰爭歲月，
Cộng thùi tranh tuế nguyệt,
贏得鬢如絲。
Dinh đắc mấn như ti.

CHÚ THÍCH. – Tác giả mượn lời đứa trẻ mà tả sự khổ sở trong cuộc bôn ba.

VỀ NHÀ

*Trẻ con nắm áo hỏi han,
Đi đâu vắng mãi lan man bấy chầy.
Cùng ai tranh tháng tranh ngày,
Chỉ lùa mái tóc như mây trắng ngần.*

李商隱
LÝ THƯƠNG ẨN

62. 早起

TẢO KHỞI

風 露 澹 清 晨 ,
Phong lộ đạm thanh thần,
簾 開 獨 起 人 .
Liêm khai độc khởi nhân.
鶯 花 啼 又 笑 ,
Oanh hoa đề hựu tiếu,
畢 竟 是 誰 春 .
Tất cánh thị thùy xuân.

CHÚ THÍCH. - Oanh hát hoa cười, chỉ có người dậy sớm mới biết.

DẬY SỚM

Sáng ngày gió mát sương thanh,
Ấy ai dậy sớm mở màn trông chơi.
Thú vui chim hát hoa cười,
Phải đâu xuân của riêng ai thế này.

63. 登樂遊原

DẰNG LẠC DU NGUYÊN

向晚意不適，

Hướng vãn ý bất thích,

驅車登古原。

Khu xe dâng cổ nguyên.

夕陽無限好，

Tịch dương vô hạn hảo,

只是近黃昏。

Chỉ thị cận hoàng hôn.

CHÚ THÍCH. – Lạc du nguyên ở đông nam Đỗ huyện, tỉnh Thiểm tây.

LÊN LẠC DU NGUYÊN

Gần tối ý không thích,

Ruổi xe lên ngọn đồi.

Bóng chiều vô hạn đẹp,

Chỉ phải tối mờ rồi.

李頻

LÝ TẦN

64. 渡漢江

ĐỘ HÁN GIANG

嶺外音書絕，

Linh ngoai âm thư tuyệt,

經東復立春。
Kinh đông phục lập xuân.
近鄉情更怯，
Cận hương tình cánh khiếp,
不敢問來人。
Bát cảm vấn lai nhân.

CHÚ THÍCH. – *Lĩnh ngoại* là nói đất ở ngoài Ngũ lĩnh, như đất Quảng tây, Quảng đông v. v. . .

Tả cái tâm tình người ở phương xa, âm tín không có, khi về gần tới nhà, trong lòng hồi hộp, gặp người quen không dám hỏi tin nhà.

QUA SÔNG HÁN GIANG
Lĩnh ngoại thư từ vắng,
Qua đông lai lập xuân.
Gần làng lòng sợ hãi,
Không dám hỏi lai nhân.

儲嗣宗
TRÙ TỰ TÔN

65. 垓下

CAI HẠ

百戰未言非，
Bách chiến vị ngôn phi,

孤軍驚夜圍 .
Cô quân kinh dạ vi.
山河意氣盡 ,
Sơn hà ý khí tận,
淚灑美人衣 .
Lệ tiễn mỹ nhân y.

CHÚ THÍCH. – Nói trận đánh ở Cai hạ, Hạng Vũ thua khóc với vợ là Ngưu cơ.

TRẬN CAI HẠ

*Trăm trận, chưa nói là không phải,
Đám cô quân đêm hãi vòng vây.
Núi sông ý khí hết ngay,
Lệ rơi ướt áo của ai đầm đìa.*

蓋嘉運

CÁP GIA VẬN

66. 伊州歌

Y CHÂU CA

打起黃鶯兒 ,
Đả khởi hoàng oanh nhi,
不教枝上啼 .
Mạc giao chi thượng đề.
啼時驚妾夢 ,
Đề thời kinh thiếp mộng,

不 得 到 遼 西 。

Bất đắc đáo Liêu tây.

CHÚ THÍCH. – Nói sự đau buồn của người vợ mà chồng phải đi thú ở xa.
Bài thơ này có sách chép là của Kim Xương Tự.

BÀI HÁT Y CHÂU

Nhờ ai đuổi hộ con oanh,

Dừng cho nó réo trên cành lao xao.

Làm cho thiếp tỉnh chiêm bao,

Liêu tây đi tới làm sao được chờ.

唐 彥 謙

ĐƯỜNG NGẠN KHIÊM

67. 小 院

TIỂU VIỆN

小 院 無 人 夜 。

Tiểu viện vô nhân dạ,

煙 斜 月 轉 明 。

Yên tà nguyệt chuyển minh.

清 宵 易 惆 悵 。

Thanh tiêu dị trừ tương,

不 必 有 離 情 。

Bất tất hữu ly tình.

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH. – Đêm vắng trời thanh, trăng khỏi, cũng đủ buồn, cần chi phải có li tình mới buồn.

NHÀ NHỎ

*Ban đêm nhà nhỏ vắng người,
Mây tan trăng lại giữa trời sáng luôn
Đêm thanh dễ gợi mối buồn,
Nỗi buồn há chỉ một nguồn sinh lý.*



B-THẤT NGÔN TUYỆT CÚ

沈佺期

THẨM THUYỀN KỲ

1. 邙山

MANG SƠN

北邙山下列墳塋，
Bắc mang sơn hạ liệt phồn doanh,
萬古千秋對洛城。
Vạn cổ thiên thu đối Lạc thành.

城中日夕歌鐘起，
Thành trung nhật tịch ca chung khởi,
此山惟聞松柏聲。
Thử sơn duy văn tùng bách thanh.

CHÚ THÍCH. - Bắc mang sơn là núi cách thành Lạc dương 11 lý, các làng tắm đời Đông Hán và mờ mờ các danh thần đời Đường ở đấy nhiều lắm. Thành Lạc Dương lại là Đông Kinh nhà Đường là nơi rất phồn thịnh. Tác giả có ý đem sự mộng ảo phù vân mà đối với sự tiêu ma tịch diệt muôn đời.

MANG SƠN

*Mang sơn phần mộ ngổn ngang.
Ngàn thu muôn thửa trồng sang Lạc thành.
Trong thành trống hát dập dềnh,
Trên non nghe tiếng những cành thông reo.*

張說

TRƯƠNG THUYẾT

2. 送梁六

TỔNG LƯƠNG LỤC

巴陵一望洞庭秋，
Ba lăng nhất vọng Động đình thu,
日見孤峰水上浮。
Nhật kiến cô phong thủy thượng phù.

ĐƯỜNG THI

聞道神仙不可接，
Văn đạo thần tiên bất khả tiếp,
心隨湖水共悠悠。
Tâm tùy hồ thủy cộng du du.

CHÚ THÍCH: *Ba lǎng quân* nay là Nhạc châu phủ, tức là thành Nhạc dương. – *Cố phong* là núi núi Quân sơn ở giữa hồ Động đình.

TIỀN LƯƠNG LỤC

*Ba lǎng trông xuống Động đình,
Nước thu lại lǎng, núi xanh thập thò.
Thần tiên dễ gặp được mô,
Tấm lòng theo với nước hồ xa xa.*

賀知章

HẠ TRI CHƯƠNG

3. 回鄉偶書

HỒI HƯƠNG NGẪU THƯ

少小離家老大回，
Thiếu tiểu ly gia lão đại hồi,
鄉音無改鬢毛摧。
Hương âm vô cải mấn mao thôi.
兒童相見不相識，
Nhi đồng tương kiến bất tương thức,

笑問客從何處來。

Tiểu vấn khách tòng hà xứ lai.

CHÚ THÍCH. - Cả bài, lời nói tự nhiên, không có điều trác.

VỀ NHÀ NGẪU VIẾT

Bé đi, già mới về nhà,

Tiếng quê vẫn thế, tóc đã rụng thưa.

Trẻ con trông thấy hững hờ,

Cười ờ, hỏi khách lại từ phương nao.

張旭

TRƯƠNG HÚC

4. 桃花溪

ĐÀO HOA KHÊ

隱隱飛橋隔野煙，

Ẩn ẩn phi kiều cách dã yên,

石磯西畔問漁船。

Thạch cơ tây bần vấn ngư thuyền.

桃花盡日隨流水，

Đào hoa tận nhật tùy lưu thủy,

洞在清溪何處邊。

Động tại thanh Khê hà xứ biên.

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH. — Đi tìm động tiên ở khe Đào hoa. Theo điển nói đời Tấn có người ở Vũ lăng, thuộc tỉnh Hồ nam bây giờ, đi đánh cá vào mồi trong suối xa, thấy hoa đào dạt vào bờ, đi vào trong núi thấy động Đào hoa là chỗ tiên ở.

KHE ĐÀO HOA

*Câu bay cách khói mờ mờ,
Hỏi thăm thuyền cá đậu bờ đá kia.
Suốt ngày nước chảy hoa đi,
Chẳng hay trong suối, động kẻ mê nao?*

王翰

VƯƠNG HÀN

5. 涼州詞

LƯƠNG CHÂU TỪ

葡萄美酒夜光杯，
Bồ đào mỹ tửu dạ quang bôi,
欲飲琵琶馬上催。
Dục ẩm, tì bà mã thượng thôi.
醉臥沙場君莫笑，
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu,
古來征戰幾人回。
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.

CHÚ THÍCH. — Tả cái tâm tình kẻ chiến sĩ. Bài thơ này có cái âm điệu rất hay.

BÀI HÁT LƯƠNG CHÂU

*Rượu nho kéo chén lưu li,
Uống thì trên ngựa tiếng tù dục sôi.
Say nằm bãi cát chớ cười,
Xưa nay chinh chiến mấy ai đã về.*

王昌齡

VƯƠNG XƯƠNG LINH

6. 採蓮曲

THÁI LIÊN KHÚC

I

荷葉羅裙弓色裁，
Hà diệp la quần nhất sắc tài,
芙蓉向臉兩邊開。
Phù dung hướng kiếm lưỡng biên khai.
亂入池中看不見，
Loạn nhập trì trung khan bất kiến,
聞歌始覺有人來。
Văn ca thì giác hữu nhân lai.

II

吳姬越艷楚王妃，
Ngô cơ, Việt diễm, Sở vương phi,

ĐƯỜNG THI

爭 弄 蓮 花 水 濕 衣 .

Tranh lộng liên hoa thủy thấp y.

來 時 浦 口 花 迎 入 ,

Lai thời phổ khẩu hoa nghinh nhập,

採 罷 江 頭 月 送 歸 .

Thái bãi giang đầu nguyệt tống qui.

CHÚ THÍCH. – *Kiểm* là má, nghĩa rộng là vẻ mặt.

Bài đầu khen người với hoa đẹp như nhau. Bài sau nói Ngô cơ, Việt diễm và Sở vương phi là nói hết thấy những người đàn bà đẹp trong ba nước ấy đều thích đi xem hoa sen; đi thì hoa đón, về thì trăng đưa, thật là một cảnh chơi phong nhã.

BÀI CA HÁI SEN

I

Lá sen quần lụa một màu,

Mặt tươi hoa thắm như nhau dậm nồng,

Dưới ao trà trộn khôn trông,

Nghe ca mới biết là trong có người.

II

Mỹ nhân Ngô, Sở đâu đâu,

Xem hoa ướt áo, tranh nhau ồn ào.

Đến thì hoa đứng đón vào,

Hái xong, đến bến trăng chào đưa ra.

7. 閨怨

KHUÊ OÁN

閨 中 少 婦 不 知 愁 ,

Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu,

春日凝粧上翠樓。
Xuân nhật ngưng trang thượng thúy lâu.
忽見陌頭楊柳色，
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc,
悔教夫婿覓封侯。
Hối giao phu tế mệnh phong hầu.

CHÚ THÍCH. - Người đàn bà trẻ tuổi ở khuê các, ngày đại không biết gì, khi thấy cảnh xuân mới biết nhớ chồng.

LỜI OÁN CỦA NGƯỜI KHUÊ CÁC

*Ngẩn ngơ thiếu phụ quên sầu,
Ngày xuân trang điểm, lên lầu dạo chơi.
Chợt nhìn bờ liễu xanh tươi,
Hối cho phu tế kiếm nơi phong hầu.*

8. 芙蓉樓送辛漸

PHÙ DUNG LÂU TỔNG TÂN TIÊM

寒雨連江夜入吳，
Hàn vũ liên giang dạ nhập Ngô,
平明送客楚山孤。
Bình minh tống khách Sở sơn cô.
洛陽親友如相問，
Lạc dương thân hữu như tương vấn,
一片冰心在玉壺。
Nhất phiến băng tâm tại ngọc hồ.

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH. – Tác giả phải dời ra làm quan ở đất Ngô, ban đêm sông nước mưa lạnh thì đến nơi, sáng ngày lại đưa Tân Tiêm về Lạc dương làm lễ tiễn biệt ở núi Cô đất Sở. – *Bằng tâm ý nói tấm lòng lạnh lẽo đối với danh lợi.*

TIỄN TÂN TIÊM Ở LẦU PHÙ DUNG

*Đang đêm mưa lạnh vào Ngô,
Sáng ngày đưa khách núi Cô trập trùng.
Lạc dương bầu bạn hỏi cùng:
Bằng tâm một mảnh ở trong ngọc hồ.*

王維

VƯƠNG DUY

9. 送元二使西安

TỔNG NGUYÊN NHỊ SỬ TÂY AN

渭城朝雨浥輕塵，
Vị thành triều vũ ếp khinh trần,
客舍青青柳色新。
Khách xá thanh thanh liễu sắc tân.
勸君更盡一杯酒，
Khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu,
西出陽關無故人。
Tây xuất Dương quan vô cố nhân.

CHÚ THÍCH. – Bài thơ này tình tứ rất mật thiết, người đời sau lấy làm câu hát tiễn biệt nhau, gọi là *Dương quan tam điệp khúc*.

TIỀN NGUYỄN NHỊ ĐI SỨ TÂY AN

*Mưa buổi sớm, Vội thành bụi ướt,
Dặng liễu non muộn mọc màu xanh.
Khuyên anh hãy cạy chén quỳnh,
Dương quan ra khỏi, biết mình quen ai.*

10. 春宮曲

XUÂN CUNG KHÚC

昨夜風開露井桃 ,
Tạc dạ phong khai lộ tỉnh đào,
未央前殿月輪高 .
Vị ương tiền điện nguyệt luân cao.
平陽歌舞鄙承寵 ,
Bình dương ca vũ tân thừa sủng,
簾外春寒賜錦袍 .
Liêm ngoai xuân hàn tứ cẩm bào.

CHÚ THÍCH. - *Lộ tỉnh đào* là cây đào giếng ở sân trong nhà. - *Bình dương* thường là tên đất. Đây có lẽ là tên một điện ở trong cung.

XUÂN CUNG KHÚC

*Lộ tỉnh đêm qua gió thổi đào,
Vị ương trước điện bóng trăng cao.
Bình dương hát múa, thừa ơn chúa,
Xuân lạnh ngoài rèm, ban cẩm bào.*

11. 秋夜曲

THU DẠ KHÚC

桂魄初生秋露微，
Quế phách sơ sinh thu lộ vi.
輕羅已薄未更衣。
Khinh la dĩ bạc vị canh .
銀箏夜久殷情弄，
Ngân tranh dạ cửu ân tình lộng,
心怯空房不忍歸。
Tâm khiếp không phòng bất nhẫn qui.

CHÚ THÍCH. - Bài nhạc phủ này có người nói là tác phẩm của Vương Nhai người đời Trung Đường. Ý nói đêm thu trời lạnh, nghe đàn tranh, không muốn về buồng vắng của mình.

KHÚC HÁT ĐÊM THU

Văng trăng mọc, khí thu hiu hắt,
Mạnh áo là lạnh ngắt chưa thay.
Đàn tranh đêm vắng nghe hay,
Buồng không ngao ngán về ngay khôn đành.

12. 與盧員外象過崔處士興宗林亭
DỮ LÔ VIÊN NGOẠI TƯỢNG QUÁ THÔI
XỬ SĨ HÙNG TÔN LÂM ĐÌNH

綠樹重陰蓋四鄰，
Lục thụ trùng âm cái tứ lân,

青苔日厚自無塵。

Thanh đài nhật hậu tự vô trần.

科頭箕踞長松下，

Khoa đầu cơ cử trường tùng hạ,

白眼看他世上人。

Bạch nhãn khán tha thế thượng nhân.

CHÚ THÍCH. – Khoa đầu là đầu trần, không khăn, không mũ. – Cơ cử là ngồi duỗi hai chân. – Bạch nhãn khán tha nhân xem chú thích bài thất ngôn cổ số 15 nói về thanh nhân. Nghĩa câu này nói kẻ xử sĩ kia thường trông người ta bằng con mắt trắng, nghĩa là một cách khinh bỉ.

CÙNG ĐI VỚI VIÊN NGOẠI LÔ TƯỢNG QUA NHÀ
Ở TRONG RỪNG CỦA XỬ SĨ THÔI HÙNG TÔN

Cây cao lớp lớp bóng lồng,

Rêu xanh mặt đất, sạch không bụi trần.

Dưới tùng, ngồi duỗi, đầu trần,

Trông ai mắt trắng, tàn nhẫn như không.

13. 戲題盤石

HÍ ĐỀ BÀN THẠCH

可憐盤石臨泉水，

Khả liên bàn thạch lâm tuyến thủy,

復有垂楊拂酒盃。

Phục hữu thủy dương phát tửu bôi.

若道春風不解意，

Nhược đạo xuân phong bất giải ý,

ĐƯỜNG THI

何 因 吹 送 落 花 來 .
Hà nhân xuy tống lạc hoa lai.

CHÚ THÍCH. – Tả chỗ có đá, có hoa, có rượu. Cây với hoa dường cũng có tình.

ĐỀ CHƠI Ở BÀN THẠCH
*Xinh thay bàn thạch bên khe,
Cành dương rủ xuống vuốt ve chén quỳnh.
Gió xuân nếu bảo vô tình,
Vì đâu hoa thổi trên cành lại đây.*

14. 九月九日憶山東兄弟 CỬU NGUYỆT CỬU NHẬT ỨC SƠN ĐÔNG HUYNH ĐỆ

獨 在 異 鄉 為 異 客 ,
Độc tại dị hương vi dị khách,
每 逢 佳 節 倍 思 親 .
Mỗi phùng giai tiết bội tư thân.
遙 知 兄 弟 登 高 處 ,
Dao tri huynh đệ đăng cao xứ,
遍 插 茱 萸 少 一 人 .
Biến sấp thù du thiếu nhất nhân.

CHÚ THÍCH. – *Thù du* là thứ cây có hoa đẹp, có thứ dùng làm thuốc, có thứ dùng để ăn. Tục người Tàu đến ngày trùng dương hay đeo hoa ấy và lên núi uống rượu, gọi là *đăng cao*.

Tác giả tả cái cảnh người ở xa nhớ anh em thân thích ở nhà.

MỒNG CHÍN THẮNG CHÍN NHỚ ANH EM
Ở SƠN ĐÔNG

*Một mình khách lạ quê người,
Mỗi khi gặp tiết mừng vui, nhớ nhà.
Anh em lên núi ở xa,
Thù du cài tóc, vẫn là thiếu ai.*

15. 六言絕句

* LỤC NGÔN TUYỆT CÚ

桃紅復含宿雨，
Đào hồng phục hàm túc vũ,
柳綠更帶朝煙。
Liễu lục cánh đới triều yên.
花落家童未掃，
Hoa lạc gia đồng vị tảo,
鳥啼山客猶眠。
Điểu đề sơn khách do miên.

CHÚ THÍCH. - Bài thơ lục ngôn này hai câu đầu làm không đúng niêm

LỤC NGÔN TUYỆT CÚ

*Đào hồng còn dầm mưa tối,
Liễu lục lại dầm sương mai.
Hoa rụng, gia đồng chưa quét,
Chim kêu sơn khách còn ngủ.*

李白

LÝ BẠCH

16. 清平調
THANH BÌNH ĐIỀU

I

雲想衣裳花想容 ,
Vân tưởng y thường hoa tưởng dung,
春風拂檻露華濃 .
Xuân phong phất hạm lộ hoa nồng.
若非群玉山頭見 ,
Nhược phi Quần ngọc sơn đầu kiến,
會向瑤臺月下逢 .
Hội hướng dao đài nguyệt hạ phùng.

II

一枝紅艷露凝香 ,
Nhất chi hồng diễm lộ ngưng hương,
雲雨巫山枉斷腸 .
Vân vũ Vũ sơn uổng đoạn trường.
借問漢宮誰得似 ,
Tá vấn Hán cung thùy đắc tự,
可憐飛燕倚新妝 .
Khả liên Phi Yến ỷ tân trang.

III

名花傾國兩相歡，
 Danh hoa khuynh quốc lưỡng tương hoan,
 常得君王帶笑看。
 Thường đắc quân vương đới tiểu khan.
 解識春風無限恨，
 Giải thức xuân phong vô hạn hận,
 沈香亭北倚闌干。
 Trầm hương đình bắc ỷ lan can.

CHÚ THÍCH. — Thanh bình điệu là một điệu hát đời xưa. Năm Khai nguyên đời Đường, trong cung mở hội hoa thược được, vua Minh hoàng và Dương Quý phi ra xem hoa. Vua bảo rằng: Đối với phi tử thường danh hoa, sao lại dùng những bài hát cũ. Bên sai nhạc công là Lý Quý Niên cầm kim hoa bài di triệu Lý Bạch. Lúc ấy Lý Bạch đang say rượu chưa tỉnh, được chỉ vua đòi, dậy cầm bút viết ngay ba bài, 12 câu này, gọi là Thanh bình tam chương đem dâng. — *Quần ngọc sơn* là núi Tây vương mẫu ở. Tương truyền rằng vua Mục vương nhà Chu đã đến đây gặp Tây vương mẫu. — *Dao đài* là đền ngọc dao, chỗ thần tiên ở. — *Vu sơn* là núi thuộc dãy núi Ba sơn ở tỉnh Tứ xuyên trên bờ sông Trường giang. Trong bài phú Cao đường của Tống Ngọc đời Chiến quốc nói rằng: Vua Tương vương nước Sở cùng với Tống Ngọc đi chơi ở đầm Vân mộng, trông thấy ở trên đền Cao đường có vân vân. Vua hỏi Tống Ngọc rằng vân khí ấy là gì. Tống Ngọc nói đó là triều vân. Thế nào là triều vân? — Đời xưa tiên vương lên chơi ở Cao đường, rồi mệt đi ngủ sớm, nằm mộng thấy một người thiếu nữ đến nói rằng: Thiếp là con gái ở Vu sơn làm người khách ở Cao đường, nghe ngài về chơi ở đây, xin dâng gối và chiếu. Vua cùng bên với người ấy giao hoan. Đến lúc đi, người ấy nói với vua rằng: Thiếp ở phía nam Vu sơn, trên đá Cao khâu, buổi sớm làm mây, buổi chiều làm mưa. Sớm chiều ở dưới Dương đài. Do chuyện ấy mà người đời sau gọi chỗ trai gái hoan hợp với nhau là Cao đường, là Vu sơn, là Dương đài và gọi sự hoan hợp là mây mưa.

ĐƯỜNG THI

THANH BÌNH ĐIỀU

I

Mây tưởng áo xiêm, hoa tưởng mặt,
Được gió xuân, khí chất tốt bồng.
Trên Quần ngọc đã thấy chẳng,
Hoặc dao dài gập dưới trăng ngày nào.

II

Một cảnh đỏ tốt hương một khối,
Buồn mây mưa trên núi Vu sơn.
Hỏi Hán cung đã ai hơn,
Họa chẳng Phi yến mới toan sánh cùng.

III

Khuynh quốc với danh hoa vừa thích,
Đấng quân vương khúc khích vui cười.
Gió xuân xiết nổi bụi ngùi,
Trầm hương đình bắc dựa ngoài lan can.

17. 少年行

THIỆU NIÊN HÀNH

五陵年少金市東 ,
Ngũ lăng niên thiếu Kim thị đông,
銀鞍白馬度春風 .
Ngân yên bạch mã độ xuân phong.
落花踏盡遊何處 ,
Lạc hoa đạp tận du hà xứ,
笑入圍姬酒肆中 .
Tiếu nhập vi cơ tũu tử trung.

CHÚ THÍCH. – *Ngũ lãng* là năm lãng của nhà Hán. Sau những người giàu sang đến làm nhà ở đây (xem chú thích bài Tì bà hành). Đây nói những thiếu niên hào hiệp ăn chơi. – *Kim thị* là cái chợ lớn hơn cả ba chợ trong thành Lạc dương. Đây nói chỗ đông đúc, nhiều người chơi bời.

BÀI HÁT THIẾU NIÊN

*Ngũ lãng những gã thiếu niên,
Phía đông Kim thị bước liền vó câu.
Đạp hoa vội vã chơi dẫu,
Cười mừng vào xóm ả đào, tiệm chơi.*

18. 橫江詞

HOÀNH GIANG TỪ

橫江館前津吏迎，
Hoành giang quán tiền tân lại nghinh,
向余東指海雲生。
Hướng dư đông chỉ hải vân sinh.
郎今欲度緣何事。
Lang kim dục độ duyên hà sự,
如此風波不可行。
Như thử phong ba bất khả hành.

CHÚ THÍCH. – Trong nhạc phủ cũ có câu: “*Lang kim dục độ ury phong ba*” Thái bạch nhân câu ấy mà làm bài thơ này. – *Hoành giang* ở bờ sông Trường giang, phía bắc ngạn, nay thuộc về Hòa huyện, tỉnh An huy. Chỗ ấy có rất nhiều sóng gió, đi lại rất nguy hiểm.

ĐƯỜNG THI

BÀI HÁT HOÀNH GIANG

Lính coi bến Hoành giang ra đón,
Trở mây lên bốn nhện bể đông.
Việc gì ông muốn sang sông,
Đường kia sóng gió chớ hòng đi qua.

19. 陌上贈美人

MẠCH THƯỢNG TẶNG MỸ NHÂN

駿馬驕行踏落花，
Tuấn mã kiêu hành đạp lạc hoa,
垂鞭直拂五雲車。
Thùy tiên trực phất ngũ vân xa.
美人一笑褰珠箔，
Mỹ nhân nhất tiếu khiên châu bạc,
遙指紅樓是妾家。
Dao chỉ hồng lâu thị thiếp gia.

CHÚ THÍCH. – Tả cái thái độ người làng chơi với gái giang hồ.

TẶNG MỸ NHÂN ĐI GIỮA ĐƯỜNG

Nghênh ngang ngồi ngựa du xuân,
Ngon roi phe phẩy lướt gần xe hoa.
Mỹ nhân vén sáo cười xòa,
Hồng lâu kia đó là nhà thiếp đây.

20. 黃鶴樓送孟浩然之廣陵
HOÀNG HẠC LÂU TỔNG
MẠNH HẠO NHIÊN CHI QUẢNG LĂNG

故人西辭黃鶴樓，
Cố nhân tây từ Hoàng hạc lâu,
煙花三月下陽州。
Yên hoa tam nguyệt há Dương châu.
孤帆遠影碧空盡，
Có phàm viễn ảnh bích không tận,
惟見長江天際流。
Duy kiến Trường giang thiên tế lưu.

CHÚ THÍCH. – Quảng lăng và Dương châu là một, tức là thành Giang đô, tỉnh Giang tô bây giờ.

TIỀN MẠNH HẠO NHIÊN
Ở HOÀNG HẠC LÂU ĐI QUẢNG LĂNG

*Phía tây bạn biệt Hạc lâu,
Tháng ba thấy xuống Dương châu thuận dòng.
Cánh buồm bóng hút màu không,
Trông xa trắng xóa nước sông bên trời.*

21. 山中問答
* SƠN TRUNG VẤN ĐÁP
問余何事棲碧山，
Vấn dư hà sự thê bích sơn,

ĐƯỜNG THI

笑而不答心自閒 .

Tiểu như bất đáp tâm tự nhàn.

桃花流水杳然去 ,

Đào hoa lưu thủy diêu nhiên khứ,

別有天地非人間 .

Biệt hữu thiên địa phi nhân gian.

CHÚ THÍCH. – Lời thơ có tiến cách, cùng một khẩu khí như bài ngũ ngôn cổ số 10 của Vương Ma cật.

LỜI VẤN ĐÁP Ở TRONG NÚI

Hỏi ta sao ở non xanh,

Cười mà không đáp, bụng mình dửng dưng.

Hoa đào nước chảy bằng bằng,

Còn khôn riêng đó, phải chăng cõi trần,

22. 早發白帝

TẢO PHÁT BẠCH ĐẾ

朝辭白帝彩雲間 ,

Triều từ Bạch đế thái vân gian,

千里江陵一日還 .

Thiên lý Giang lăng nhất nhật hoàn.

兩岸猿聲啼不住 ,

Lưỡng ngạn viên thanh đề bất trụ,

輕舟已過萬重山 .

Khinh chu dĩ quá vạn trùng sơn.

CHÚ THÍCH. – *Bạch đế thành* là thành của Công tôn Thuật xây khi xưng đế ở đất Thục, trong thời Vương Mãng cướp ngôi nhà Hán. Đến đời Tam quốc Thục Tiên chủ mất ở đây. Thành này ở trên núi cao. Quảng sông từ Bạch đế đến Giang lăng đi qua hai dãy núi cao và nghe tiếng vượn kêu luôn.

BUỔI SỚM Ở BẠCH ĐẾ THÀNH ĐI

*Sớm từ Bạch đế giữa mây,
Giang lăng nghìn dặm một ngày đến nơi.
Hai bờ tiếng vượn kêu hoài,
Thuyền mau đã khỏi dãy dài núi non.*

23. 越中懷古

VIỆT TRUNG HOÀI CỔ

越王勾踐破吳歸，
Việt vương Câu Tiễn phá Ngô qui,
戰士還家盡錦衣。
Chiến sĩ hoàn gia tận cẩm y.
宮女如花滿春殿，
Cung nữ như hoa mãn xuân điện,
祇今惟有鷓鴣飛。
Chỉ kim duy hữu chá cô phi.

CHÚ THÍCH. – *Chá cô* là chim đa đa, có nơi gọi là gà gô. Chỗ chim ấy ở chỉ có cỏ rậm mà thôi. Bài tuyệt cú này có ba câu nói sự thịnh một câu nói sự suy.

LỜI HOÀI CỔ Ở ĐẤT VIỆT

*Việt Câu Tiễn đánh Ngô về,
Quan quân khắp mặt cẩm y lại nhà.*

ĐƯỜNG THI

*Dền xuân cung nữ như hoa,
Đến nay chỉ thấy đa đa bay cùng.*

杜甫 ĐỖ PHỦ

24. 贈李白

TẶNG LÝ BẠCH

秋來相顧尚飄蓬，
Thu lai tương cố thượng phiêu bồng,
未就丹砂愧葛洪。
Vị tựu đan sa quý Cát Hồng.
痛飲狂歌空度日，
Thống ẩm cuồng ca không độ nhật,
飛揚跋扈為誰雄。
Phi dương bạt hộ vị thùi hùng.

CHÚ THÍCH. – *Phi dương* là hằng hái. – *Bạt hộ* là buông bình, không phục tùng mệnh lệnh người trên. – *Cát Hồng*, tự là Bạo phác tử, người đời Tấn, chuyên học phép tiên.

Lý Bạch là một thi nhân có thiên tài và lại có tính hào hiệp, có khi đã đắm chìm người. Bài thơ này tả rõ thân thế của Lý Bạch.

TẶNG LÝ BẠCH

*Thu về, ngắm đám cỏ bồng,
Đan sa chưa luyện, then cùng Cát ông,
Qua ngày uống rượu, hát ngông.
Nghe ngang táo lộn, tranh hùng với ai.*

25. 絕句

TUYỆT CÚ

兩箇黃鸝鳴翠柳，
Lưỡng cá hoàng ly minh thúy liễu,
一行白鷺上青天。
Nhất hàng bạch lộ thượng thanh thiên.
窗含西嶺千秋雪，
Song hàm tây lĩnh thiên thu tuyết,
門泊東吳萬里船。
Môn bạc Đông Ngô vạn lý thuyền.

CHÚ THÍCH. - Bài tuyệt cú này có bốn câu đối cả. *Tây lĩnh* đây là núi Nga my ở đất Thục.

TUYỆT CÚ

Cảnh thúy liễu hoàng oanh hót gió,
Một đàn cò bay trở lên không.
Mê tây núi tuyết dòm song,
Thuyền Ngô muôn dặm cửa đông đậu đầy.

26. 江南逢李龜年

GIANG NAM PHÙNG LÝ QUI NIÊN

岐王宅裏尋常見，
Kỳ vương trạch lý tầm thường kiến,
崔九堂前幾度聞。
Thôi cửu đường tiền kỷ độ văn.
正是江南好風景，
Chính thị Giang nam hảo phong cảnh,

ĐƯỜNG THI

落花時節又逢君

Lạc hoa thời tiết hựu phùng quân.

CHÚ THÍCH. – Lý Qui Niên là một nhà nhạc công rất tinh âm luật về đời Đường. Sau cuộc loạn An lộc sơn, ông lưu lạc ở Giang nam, thường gặp khi trăng thanh gió mát, hát cho người ta nghe, ai cũng bùng mắt mà khóc. – Kỳ vương là một vị vương tước rất chuộng văn học. – Thôi cử tức là Thôi Trử, cận thần của vua Minh hoàng.

GẶP LÝ QUI NIÊN Ở GIANG NAM

Trong nhà Kỳ vương thường vẫn thấy,

Trước thềm Thôi cử mấy lần nghe.

Giang nam phong cảnh thanh kỳ,

Đến mùa hoa rụng không dè gặp anh.

高適

CAO THÍCH

27. 別董大

BIỆT ĐỒNG ĐẠI

十里黃雲白日曛，

Thập lý hoàng vân bạch nhật huân,

北風吹雁雪紛紛。

Bắc phong xuy nhạn tuyết phân phân.

莫愁前路無知己，

Mạc sầu tiền lộ vô tri kỷ,

天下誰人不識君。

Thiên hạ thùi nhân bất thức quân.

CHÚ THÍCH. - Lời tiễn biệt trong khi mây tuyết buồn bã.

TIỄN BIỆT ĐỒNG ĐẠI

Mây vàng mười dặm bóng tà,

Gió heo thổi nhạt, tuyết sa bời bời.

Chờ buồn tri kỷ không ai,

Đi đâu lại chẳng có người biết anh.

岑參

SÀM THAM

28. 春夢

*XUÂN MỘNG

洞房昨夜春風起，

Động phòng tạc dạ xuân phong khởi,

遙憶美人湘江水。

Dao ức mỹ nhân Tương giang thủy.

枕上片時春夢中，

Chẩm thượng phiến thời xuân mộng trung,

行盡江南數千里。

Hành tận Giang nam số thiên lý.

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH. – Bài tuyệt cú này làm điệu thơ luật mà vần trắc, thành ra thơ thể cổ.

GIẤC MỘNG XUÂN

*Gió xuân đêm trước vào phòng,
Mỹ nhân xa nhớ trên đèn Tương giang.
Mộng xuân một giấc mơ màng,
Giang nam muôn dặm một đường ruối mau.*

29. 逢入京使

PHÙNG NHẬP KINH SỬ

故園東望路漫漫，
Cố viên đông vọng lộ man man,
雙袖龍鐘淚不乾。
Song tụ long chung lệ bất can.
馬上相逢無紙筆，
Mã thượng tương phùng vô chi bút,
憑君傳語報平安。
Bằng quân truyền ngữ báo bình an.

CHÚ THÍCH. – Bài thơ này lấy sự chân thực đến chỗ tình cảm. Ở xa nhớ nhà, gặp người về quê nhà, nhắn tin về rằng vẫn được bình an.

GẶP NGƯỜI ĐI SỬ VỀ KINH

*Trời đông cách trở quê nhà,
Đầm đìa tay áo, mắt già lệ hoen.
Sẵn đầu bút giấy trên yên,
Gặp đây nhờ bác nhắn tin yên lành.*

30. 山房春事

SƠN PHÒNG XUÂN SỰ

梁園日暮亂飛鴉，

Lương viên nhật mộ loạn phi nha,

極目蕭條三兩家，

Cực mục tiêu điều tam lương gia.

庭樹不知人去盡，

Đình thụ bất tri nhân khứ tận,

春來還發舊時花，

Xuân lai hoàn phát cựu thời hoa.

CHÚ THÍCH. - *Lương viên* là vườn của Lương Hiếu vương đời Hán, trước là nơi sầm uất lắm mà bây giờ thì tiêu tụy.

CẢNH XUÂN Ở CHỖ SƠN PHÒNG

Vườn Lương chiều tối quạ bay,

Nẻo xa trông thấy một vài nhà hoang.

Cây sân nào biết tang thương.

Xuân về lại nở như thường hồi xưa.

李頎

LÝ KỲ

31. 寄韓鵬

KÝ HÀN BẰNG

為正心閒物自閒，

Vì chính tâm nhàn vật tự nhàn,

朝看飛鳥暮飛還。

Triều khan phi diều mộ phi hoàn.

寄書河上神明宰，

Ký thư Hà thượng thần minh tể.

羨爾城頭姑射山。

Tiên nhĩ thành đầu Cô dịch sơn.

CHÚ THÍCH. – Khen Hàn Bằng làm quan tể đất Hà thượng, ung dung không sinh sự nhiều dân. Núi sông cũng nhờ cái nhân chính ấy mà tốt tươi.

GỬ CHO HÀN BẰNG

Việc quan tâm vật đều nhàn,

Sớm chiều ngồi ngắm những đàn chim bay.

Gửi thư Hà thượng tể hay,

Đẹp thay Cô dịch núi này xanh tươi

賈至
GIÁ CHÍ

32. 春思

XUÂN TƯ

草色青青柳色黃，
Thảo sắc thanh thanh liễu sắc hoàng,
柳花歷亂李花香。
Liêu hoa lịch loạn lý hoa hương.
東風不為吹愁去，
Đông phong bất vị xuy sầu khứ,
春日偏能惹恨長。
Xuân nhật thiên năng nhạ hận trường.

CHÚ THÍCH - Cảnh xuân tuy đẹp, nhưng lòng buồn cũng vì cảnh ấy mà sinh ra

XUÂN TƯ

Cỏ xanh xanh, liễu vàng vàng,
Đào đã tới tả, lý đang ngọt ngào
Gió đông chẳng thổi hết sầu,
Ngày xuân kêu mỗi buồn rầu thêm ra.

張謂

TRƯƠNG VỊ

33. 題長安主人壁

ĐỀ TRƯỜNG AN CHỦ NHÂN BÍCH

世人結交須黃金，

Thế nhân kết giao tu hoàng cảm,

黃金不多交不深。

Hoàng cảm bất đa giao bất thâm.

縱令然諾暫相許，

Túng linh nhiên nặc tạm tương hứa,

終是悠悠行路心。

Chung thị du du hành lộ tâm.

CHÚ THÍCH. – Chê lòng khinh bạc của người đời.

題在長安主人壁

Người đời giao kết vì tiền,

Ít tiền, tình nghĩa có bền được đâu.

Dù khi hứa hẹn cùng nhau,

Chung qui cũng chỉ mấy câu dọc đường.

劉長卿

LƯU TRƯỜNG KHANH

34. 過鄭山人所居

QUÁ TRINH SƠN NHÂN SỞ CƯ

寂寂孤鶯啼杏園，

Tịch tịch cô oanh đề hạnh viên,

寥寥一犬吠桃源。

Liêu liêu nhất khuyển phệ đào nguyên

落花芳草無尋處，

Lạc hoa phương thảo vô tìm xứ,

萬壑千峰獨閉門。

Vạn hác thiên phong độc bế môn.

CHÚ THÍCH. - Tả chỗ ở của họ Trinh, có vẻ tĩnh mịch.

QUA CHỖ Ở CỦA SƠN NHÂN HỌ TRINH

Vắng tanh vườn hạnh oanh kêu,

Tiếng muông vắng vắng, quạnh hiu nguồn đào.

Cỏ thơm, hoa rụng, tìm đâu,

Khóa mây một cửa, biết bao suối dào.

張繼

TRƯƠNG KẾ

35. 楓橋夜泊

PHONG KIỀU DẠ BẠC

月落烏啼霜滿天，

Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên,

江楓漁火對愁眠。

Giang phong ngư hỏa đối sầu miên.

姑蘇城外寒山寺，

Cố tô thành ngoai Hàn sơn tự,

夜半鐘聲到客船。

Dạ bán chung thanh đáo khách thuyền.

CHÚ THÍCH. – Cố tô thành là thành Tô châu thuộc tỉnh Giang tô, gần Thượng hải, có một con sông chảy từ đó ra Trường giang. Trên bờ con sông ấy có cái chùa gọi là Hàn sơn tự, cách Tô châu độ 10 dặm Tàu, tức là độ 6, 7 cây số. Chùa ấy thấp nhỏ, chẳng có gì đặc biệt. Ở vườn sau chùa có cái gác chuông và cái chuông. Có lẽ thi nhân đời Đường nghe tiếng chuông đánh ở chỗ ấy. Cảnh vật biến thiên, nay người du lịch đến đây không thấy cây phong đâu cả, vào chùa thì thấy bài thơ này do Khang Hữu Vi đời Thanh mặt viết ra, chữ to ba bốn tấc, khắc ở trên bia.

Bài thơ này hay ở âm điệu, ít khi làm được như thế. Tả tâm tình một người khách xa, đêm nằm một mình trên chiếc thuyền, nghe tiếng chuông chùa xa xa.

ĐÊM KHUYA THUYỀN ĐẬU Ở BẾN PHONG KIỀU

Qua kieu, trăng lặn, sương rơi,

Lửa chài, cây bãi, đối người nằm co.

*Con thuyền đậu bến Cô tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn sơn.*

劉方平

LƯU PHƯƠNG BÌNH

36. 春怨

XUÂN OÁN

紗窗日落漸黃昏，
Sa song nhật lạc tiệm hoàng hôn,
金屋無人見淚痕。
Kim ốc vô nhân kiến lệ ngân.
寂寞空庭春欲晚，
Tịch mịch không đình xuân dục vãn,
梨花滿地不開門。
Lê hoa mãn địa bất khai môn.

CHÚ THÍCH. - Lòng sầu oán khi xuân sắp đến. •

LÒNG OÁN MÙA XUÂN

*Song sa lân xế bóng dẫu,
Nhà vàng ai thấy giọt sầu thấm khăn.
Sân không vắng vẻ tàn xuân,
Hoa lê đầy đất, mấy lần cửa sần.*

37. 月夜

NGUYỆT ĐẠ

更深月色半人家，
Canh thâm nguyệt sắc bán nhân gia.
北斗闌干南斗斜。
Bắc đẩu lan can nam đẩu tà.
今夜偏知春氣暖，
Kim dạ thiên tri xuân khí noãn.
蟲聲新遶綠窗紗。
Trùng thanh tân dậu lục song sa.

CHÚ THÍCH. – Cảnh đêm trăng mùa xuân. Người Tàu đời xưa quen xem thiên văn, cho nên biết rõ sự chuyển vận các tinh tú trên trời

ĐÊM TRĂNG

*Đêm khuya bóng nguyệt chiếu ngang nhà,
Bắc đẩu trên hiên, nam đẩu tà.
Mới biết đêm nay xuân khí ấm,
Tiếng trùng mới dậu chỗ song sa.*

韋應物
VI ỨNG VẬT

38. 滁州西澗

TRỪ CHÂU TÂY GIẢN

獨憐幽草澗邊生，
Độc liên u thảo giản biên sinh.
上有黃鸝深樹鳴。
Thượng hữu hoàng li thâm thụ minh.
春潮帶雨晚來急，
Xuân triều dài vũ vãn lai cấp.
野渡無人舟自橫。
Dã độ vô nhân chu tự hoành.

CHÚ THÍCH. – Tả cảnh ở bến Tây giản gần thành Trừ châu. là chỗ tác giả làm thứ sử.

BẾN TÂY GIẢN Ở TRỪ CHÂU

*Chỉ thương cỏ mọc bên khe,
Trên cây oanh hót, tiếng nghe ngọt ngào.
Bến quê dỏ vắng cảm sào,
Mùa xuân gần tối, thủy triều lên mau.*

錢起

TIỀN KHỞI

39. 暮春歸故山草堂

MỘ XUÂN QUI CỔ SƠN THẢO ĐƯỜNG

谷口春殘黃鳥稀。

Cốc khẩu xuân tàn hoàng diều hi.

辛夷花盡杏花飛。

Tân di hoa tận, hạnh hoa phi.

始憐幽竹山窗下。

Thỉ liên u trúc sơn song hạ,

不改青陰待我歸。

Bất cải thanh âm đãi ngã qui.

CHÚ THÍCH. – Tân di là thứ cây lớn có hoa. Các hoa đều thay đổi chỉ có cây trúc bao giờ cũng giữ một tiết trung thành để đợi ta về.

CUỐI XUÂN VỀ NHÀ Ở NÚI CŨ

Oanh thưa, xuân đã hầu qua.

Tân di hoa hết, hạnh hoa cũng già.

Chỉ ưa khóm trúc cạnh nhà,

Bóng xanh vẫn thế đợi ta khi về.

王建

VƯƠNG KIẾN

40. 十五夜望月

THẬP NGŨ DẠ VỌNG NGUYỆT

中庭地白樹棲鴉，

Trung đình địa bạch thụ thê nha,

冷露無聲濕桂花。

Lãnh lộ vô thanh ướt quế hoa.

今夜月明人盡望，

Kim dạ nguyệt minh nhân tận vọng,

不知秋思在誰家。

Bất tri thu tứ tại thù gia.

CHÚ THÍCH - Ngày rằm trăng sáng người trông trăng thì nhiều mà người biết thưởng trăng đã dễ mấy ai.

ĐÊM RÀM TRÔNG TRĂNG

Cây dầy quạ, giữa sân đất trắng,

Hoa quế đầm, lẳng lặng sương rơi.

Đêm nay thưởng nguyệt bao người,

Chẳng hay thu của riêng ai một nhà.

司空曙

TƯ KHÔNG THỰ

41. 江村即事

GIANG THÔN TỨC SỰ

罷釣歸來不繫船，

Bãi釣 qui lai bát hệ thuyền.

江村日落正堪眠，

Giang thôn nhật lạc chính kham miên.

縱然一夜風吹去，

Túng nhiên nhất dạ phong xuy khứ.

只在蘆花淺水邊，

Chỉ tại lô hoa thiển thủy biên.

CHÚ THÍCH. – Lời văn nhẹ nhàng và ý sâu. Người làm việc ngay thẳng và giản dị, thì dù có gặp sự hiểm nghèo khó khăn cũng không việc gì.

NÓI CHUYỆN Ở XÓM SÔNG

*Thôi câu, về chẳng buộc thuyền,
Xóm sông ắt lặn, ngủ yên giấc hoe.*

*Dù đêm gió thổi thuyền đi,
Hoa lau, nước cạn, cũng kể đó thôi.*

戎昱

NHUNG DỤC

42. 別湖上亭

BIỆT HỒ THƯỢNG ĐÌNH

好是春風湖上亭，

Hảo thị xuân phong hồ thượng đình,

柳條藤蔓繫離情。

Liêu diêu dăng mạn hệ ly tình.

黃鶯住久渾相識，

Hoàng oanh trụ cửu hôn tương thức,

欲別頻啼四五聲。

Dục biệt tần đề tứ ngũ thanh.

CHÚ THÍCH. – Tác giả ở nhà ca kỹ ra lấy hồ thượng đình mà làm bài thơ này, để nói người trong y mình

TỪ BIỆT CÁI ĐÌNH TRÊN HỒ

Gió xuân thổi mát thủy đình,

Lôi thời tơ liễu buộc tình chia phôi.

Hoàng oanh quen với người rồi,

Muốn đi, từ già một vài tiếng kêu.

柳宗元

LIÊU TÔNG NGUYÊN

43. 浩初上人見貽絕句，欲
登仙人山，因以謝之

HẠO SƠ THUƠNG NHÂN KIẾN DI TUYỆT
CÚ, DỤC ĐĂNG TIÊN NHÂN SƠN, NHÂN DI
TẠ CHI

珠樹玲瓏隔翠微，
Châu thụ linh lung cách thủy vi.
病來方外事多違。
Bệnh lai phương ngoại sự đa vi.
仙山不屬分符客，
Tiên sơn bất thuộc phân phù khách.
一任凌空錫杖飛。
Nhất nhiệm lang không tích trượng phi.

CHÚ THÍCH. – *Châu thụ* là cây ngọc, tức là nói cõi tiên. – *Phân phù* là theo lệ cổ đời Hán, người ra làm quan ở các châu quận, thì dùng đồng hồ phủ hay là trục sử phủ chia hai ra: một nửa lưu tại kinh, một nửa giao cho quân thủ. Người ta thường dùng chữ phân phù chỉ người làm quan. – *Tịch trượng phi* là do điển nói: Đời vua Lương Vũ đế ở Nam triều có một tăng nhân tên là Chi công và một đạo sĩ tên là Bạch hạc đạo nhân, đều muốn xin vua cho đến ở núi Lạc sơn, ở châu Thụ. Hai người tranh nhau, vua bực. Hai người đều có pháp thuật cao cường, vậy cứ cho một vật gì đến nhận chỗ ở, ai đến trước thì cho người ấy. Đạo sĩ nói: Tôi cho con hạc bay đi, nó đến chỗ nào trước chỗ ấy là của tôi. Tăng nhân nói: Tôi cho cái tích trượng của tôi bay đi, nó đến chỗ nào là chỗ ấy của tôi. Vua ưng cho như thế. Đến khi

hạc của đạo sĩ đến chân núi, thì đã nghe tiếng tích trống bay trên núi rồi. Đạo sĩ phải chịu nhường.

Tác giả có ý nói người làm quan không theo được đạo thần tiên, không nhận lời.

SỨ HẠO SỞ GỬI BÀI TUYỆT CÚ MỜI LÊN NÚI
TIỀN NHÂN SƠN, NHÂN ĐÓ TỪ CHỐI KHÔNG ĐI

*Linh lung cây ngọc núi xanh,
Yếu đau, tiên phật đã dành khôn đương.
Núi tiên đâu thuộc hoạn trường,
Cứ cho tích trống rộng đường cao bay.*

崔護

THÔI HỘ

44. 題昔所見處

ĐỀ TÍCH SỞ KIẾN XƯ

去年今日此門中，
Khử niên kim nhật thử môn trung,
人面桃花相映紅。
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.
人面不知何處去，
Nhân diện bất tri hà xứ khứ,
桃花依舊笑東風。
Đào hoa y cựu tiếu đông phong.

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH. – Truyền chép rằng: Thôi Hô là một người đẹp trai, tính quả hợp, không hay chơi với ai. Một ngày thanh minh đi chơi một mình đến phía nam kinh thành, thấy một nhà có vườn đào nhiều hoa, mời gõ cửa xin nước uống. Một người con gái rất đẹp và rất nghiêm trang ra hỏi tên họ, rồi đem nước mời uống. Đến tiết thanh minh năm sau, Thôi Hô lại đến nhà ấy, thấy cửa đóng, để bài thơ này ở cánh cửa bên tả. Cách mấy hôm lại đến chợt nghe tiếng khóc và có ông lão ra hỏi: Anh có phải là Thôi Hô không? Con gái tôi đọc bài thơ của anh rồi nhìn ăn rồi chết. Thôi Hô vào khấn, thì người con gái ấy sống lại, bèn lấy làm vợ. Sau Thôi Hô đỗ tiến sĩ về đời Trịnh nguyên làm quan đến chức Lĩnh nam tiết độ sứ.

ĐỀ CHỖ ĐÃ TRÔNG THẤY NĂM TRƯỚC

*Hôm nay, năm ngoái, cửa cài,
Hoa đào ánh với mặt người đỏ tươi.
Mặt người chẳng biết đâu rồi,
Hoa đào còn đó vẫn cười gió đông.*

劉禹錫

LƯU VŨ TÍCH

45. 自朗州至京戲贈看花諸君子

TỰ LÃNG CHÂU CHÍ KINH HÍ TẶNG

KHÁN HOA CHƯ QUÂN TỬ

紫陌紅塵拂面來，

Tử mạch hồng trần phất diện lai.

無人不得看花回。

Vô nhân bất đạo khán hoa hồi.

玄都觀裏桃千樹，

Huyền đô quán lý đào thiên thụ,

盡是劉郎去後栽。

Tận thị Lưu lang khứ hậu tài.

CHÚ THÍCH - Thơ tặng những người nói đi xem hoa về. Người nào mắt cũng đầy những bụi dơ mà ai cũng nói đi xem hoa ở quán Huyền đô. Song những cây đào ấy mới giồng sau khi chàng Lưu đi vắng, chứ không phải đào của tiên. Vì bài thơ này mà Lưu Mộng đắc tội phải ra làm quan ở ngoài hơn mười năm nữa.

Ở LĂNG CHÂU VỀ KINH TẶNG
NHỮNG NGƯỜI XEM HOA

Bụi hồng trước mặt bay qua,

Ai ai cũng nói xem hoa trở về,

Huyền đô bao gốc đào kia,

Đều sau lúc gã Lưu đi mới giồng.

46. 石頭城

THẠCH ĐẦU THÀNH

山圍故國周遭在，

Sơn vi cố quốc chu tao tại,

湖打空城寂寞回。

Hồ dã không thành tịch mịch hồi.

淮水東邊舊時月，

Hoài thủy đông biên cựu thời nguyệt.

夜深還過女牆來。

Đạ thâm hoàn quá nữ tường lai.

ĐƯỜNG THI

CHÚ THÍCH. – *Thạch đầu thành* là thành nhà Ngô đời Tam quốc xây để đóng đô ở đó, nay ở trong thành Nam kinh. Ở ngoài Thạch đầu thành có sông Tân hoài chảy qua. – *Nữ tướng* là cái tường mỏng xây trên bờ thành

THẠCH ĐẦU THÀNH

*Cựu kinh vây núi chung quanh,
Nước hồ vỗ dưới chân thành vắng không.
Vàng trắng xưa chiếu bên sông,
Đêm khuya vẫn đến dòm trong nữ tướng.*

47. 烏衣巷

Ô Y HẠNG

朱 雀 橋 邊 野 草 花 ,
Chu tước kiều biên dã thảo hoa,
烏 衣 巷 口 夕 陽 斜 .
Ô y hạng khẩu tịch dương tà.
舊 時 王 謝 堂 前 燕 .
Cựu thời Vương, Tạ đường tiền yến,
飛 入 尋 常 百 姓 家 .
Phi nhập tầm thường bách tính gia.

CHÚ THÍCH. – *Vương* là Vương Đạo, *Tạ* là Tạ An, hai người rất có oai quyền đời Tấn. Khi hai họ ấy còn cường thịnh, người nhà đều mặc áo đen, cho nên người ta gọi con đường có nhà hai họ ấy ở là Ô y hạng. Nay Ô y hạng còn có ở trong thành Nam kinh.

Tác giả làm bài thơ này có ý nói mỉa những người chấp chính đã cây quyền thế mà đàn áp mình. Những người ấy cũng thất bại cả, vì nhu họ Vương họ Tạ bây giờ cũng đổ nát, đến con chim yến quen ở những nhà ấy

nay cũng phải đến ở những nhà tâm thường của dân gian.

ĐƯỜNG Ô Y

*Bên cầu Chu tước cổ hoa,
Ô y ngô hể, bóng tà thần thơ.
Nhà Vương, Tạ, yển hạ vơ,
Bay về lại ở những nhà dân gian.*

48. 春詞

XUÂN TỪ

新妝宜面下朱樓，
Tân trang nghi diện hạ chu lầu,
深鎖春光一院愁。
Thâm tỏa xuân quang nhất viện sầu.
行到中庭數花朵，
Hành đáo trung đình số hoa đoá,
蜻蜒飛上玉搔頭。
Tinh đình phi thượng ngọc tao đầu.

CHÚ THÍCH - Ngọc tao đầu là cái trâm cài đầu. - Tinh đình là con chuồn chuồn.

XUÂN TỪ

*Điểm trang xong, xuống lầu son,
Khóa xuân sâu thẳm nỗi buồn đầy vơi.
Giữa sân mấy đoá hoa khai,
Chuồn chuồn bay đậu chỗ cài cành trâm.*

白居易
BẠCH CỨ DỊ

49. 昭君詞

CHIÊU QUÂN TỪ

漢使卻回憑寄語，
Hán sứ khước hồi bằng ký ngữ,
黃金何日贖蛾眉。
Hoàng kim hà nhật thực nga my.
君王若問妾顏色，
Quân vương nhược vấn thiếp nhan sắc,
莫道不如宮裏時。
Mạc đạo bất như cung lý thì.

CHÚ THÍCH. – Ý nói mĩ Hân hoàng, muốn có người đẹp mà không biết lại đem gả cho vua Hung nô. Nếu có muốn chuộc lại cũng không được. Lại dẫn sứ rằng: Nếu vua có hỏi nhan sắc của mình, thì đừng nói kém trước.

BÀI HÁT BÀ CHIÊU QUÂN

Gửi lời Hán sứ sắp về,
Đem vàng chuộc lại nga my có ngày?
Dù vua hỏi thiếp mặt mày,
Chớ nên nói rõ kém ngày trong cung.

元稹
NGUYỄN CHẨN

50. 聞白樂天左降江州司馬

VĂN BẠCH LẠC THIÊN TẢ
GIÁNG GIANG CHÂU TƯ MÃ

殘燈無焰影憧憧，

Tàn đăng vô diễm ảnh đông đông,

此夕聞君謫九江，

Thử tịch văn quân trích Cửu giang.

垂死病中驚坐起，

Thùy tử bệnh trung kinh tọa khởi,

暗風吹雨入寒窗，

Âm phong xuy vũ nhập hàn song.

CHÚ THÍCH. – Khi được tin bạn phải trích ra Cửu giang, thì tác giả đang đau nặng, hoảng hốt ngồi dậy, chỉ thấy mưa gió lạnh lùng, càng kinh sợ thêm

NGHE BẠCH LẠC THIÊN PHẢI GIÁNG
LÀM TƯ MÃ Ở CỬU GIANG

Dèn tàn ngọn lửa lập lòe,

Mảng tin bác phải dậy về Cửu giang.

Bệnh nguy, giường dậy bàng hoàng,

Gió mưa qua cửa, trên giường lạnh ghê.

張籍

TRƯƠNG TỊCH

51. 秋思

THU TƯ

洛陽城裏見秋風，

Lạc dương thành lý kiến thu phong,

欲作家書意萬重。

Dục tác gia thư ý vạn trùng.

復恐匆匆說不盡，

Phục khủng thông thông thuyết bất tận,

行人臨發又開封。

Hành nhân lâm phát hựu khai phong.

CHÚ THÍCH. – Tả cái tâm tình người ở xa, bận khoản về nỗi viết thơ về nhà.

THU TƯ

Lạc thành thấy nỗi thu phong,

Thư nhà muốn viết, nỗi lòng khôn xuôi,

Vội vàng, sợ chẳng hết lời,

Sắp đi, lại mở ra coi kỹ càng.

楊巨源

DƯƠNG CỰ NGUYÊN

52. 和練秀才楊柳

HỌA LUYỆN TÚ TÀI DƯƠNG LIÊU

水邊楊柳綠煙絲，
Thủy biên dương liễu lục yên ti,
立馬煩君折一枝。
Lập mã phiền quân chiết nhất chi.
惟有春風最相惜，
Duy hữu xuân phong tối tương tích,
殷勤更向手中吹。
Ân cần cánh hướng thủ trung xuy.

CHÚ THÍCH. - Cây dương liễu mùa xuân rất đẹp, bẻ một cành cầm tay mà gió xuân vẫn quyến luyến.

HỌA LẠI BÀI THƠ DƯƠNG LIÊU
CỦA LUYỆN TÚ TÀI

Bên sông cành liễu tơ xanh,
Dùng yên cây bẻ một cành cho ta.
Gió xuân dường ý thiết tha,
Đến tay, còn thổi, tỏ ra ân cần.

朱慶餘
CHU KHÁNH DƯ

53. 近試上張水部

CẬN THÍ THUỞNG TRƯỞNG THỦY BỘ

洞房昨夜停紅燭，
Động phòng tạc dạ đình hồng chúc,
待曉堂前拜舅姑。
Đãi hiếu đường tiền bái cữu cô.
妝罷低聲問夫婿，
Trang bãi đề thanh vấn phu tế,
畫眉深淺入時無。
Họa mày thâm thiển nhập thời vô.

CHÚ THÍCH. – *Nhập thời* là hợp thời nghi, là vừa, là được. Khi gần vào thi tiến sĩ, tác giả có đưa những vần thơ của mình cho Trương Tích xem. Trương lúc ấy đang làm Thủy bộ lang trung. Khoa ấy Chu đỗ, bèn làm bài thơ này để tặng Trương.

GẦN THI, DÂNG TRƯỞNG THỦY BỘ

*Động phòng đèn tắt đêm qua,
Sáng ngày đợi lạy mẹ cha trên giường.
Điểm trang xong, sẽ hỏi chàng,
Lông mày đậm nhạt của nàng vừa chưa?*

54. 宮中詞

CUNG TRUNG TỪ

寂寂花時閉院門，
Tịch tịch hoa thời bế viện môn,
美人相並立瓊軒。
Mỹ nhân tương tịnh lập quỳnh hiên.
含情欲說宮中事，
Hàm tình dục thuyết cung trung sự,
鸚鵡前頭不敢言。
Anh vũ tiền đầu bất cảm ngôn.

CHÚ THÍCH. – Ở chỗ nghiêm cấm trong cung, phải giữ gìn lo sợ, có điều gì cũng không dám nói ra. *Anh Vũ* là con vẹt, loài chim biết nói

LỜI HÁT NGƯỜI Ở TRONG CUNG

Đóng phòng nhắc ngấm hoa tươi,
Đương cùng bạn gái đứng chơi hiên quỳnh.
Ngập ngừng muốn kể sự tình,
Thấy con anh vũ, thành tình lại thôi.

杜秋娘

ĐỖ THU NƯƠNG

55. 金縷衣

KIM LŨ Y

勸君莫惜金縷衣，
Khuyến quân mạc tích kim lũ y,

ĐUỜNG THI

勸君惜取少年時。
Khuyến quân tích thủ thiếu niên thì.
花開堪折直須折，
Hoa khai kham chiết trực tu chiết，
莫待無花空折枝。
Mạc đãi vô hoa không chiết chi.

CHÚ THÍCH. – Đỗ Thu Nương là người đàn bà hay thơ ở thành Kim Lăng trong đời Đường. nàng trước làm vợ lẽ quan Tiết độ sứ Lý Kỳ, thường hát bài này để mời Lý uống rượu. Sau Lý làm phản bị giết, vua Mục tôn (821–826) đem về dạy học ở trong cung.

ÁO KIM LŨ

*Khuyên anh chớ tiếc áo hoa,
Khuyên anh tiếc lấy thừa ta đương thì.
Cành hoa nên bẻ, bẻ đi,
Đừng chờ hoa hết, bẻ gì cành không.*

杜牧

ĐỖ MỤC

56. 泊秦淮

BẠC TÂN HOÀI

煙籠寒水月籠沙，
Yên lung hàn thủy nguyệt lung sa,
夜泊秦淮近酒家。
Đạ bạc Tân Hoài cận tửu gia.

商女不知亡國恨，
Thương nữ bất tri vong quốc hận,
隔江猶唱後庭花。
Cách giang do xướng Hậu đình hoa.

CHÚ THÍCH - Sông Tần Hoài chảy quanh thành Nam kinh và có một chi nhỏ chảy vào trong thành Trần Hậu chủ vì đắm dật mà để mất nước, thế mà đêm vẫn nghe gái ca hát những khúc Hậu đình hoa của Hậu chủ đời xưa

THUYỀN ĐẬU BẾN TẦN HOÀI

*Khởi lông nước, bóng trắng lông cát,
Bến Tần hoài, thuyền sát tửu gia.
Gái ca dẫu nghĩ nước nhà,
Cách sông vẫn hát khúc ca Hậu đình.*

57. 赤壁懷古

XÍCH BÍCH HOÀI CỔ

折戟沈沙鐵未消，
Chiết kích trầm sa thiết vị tiêu,
自將磨洗認前朝。
Tự tương ma tẩy nhận tiền triều.
東風不與周郎便，
Đông phong bất dữ Chu lang tiện,
銅雀春深鎖二喬。
Đồng tước xuân thâm tỏa nhị Kiều.

CHÚ THÍCH - Chu Du phá quân Tào Tháo ở Xích bích. Ý nói trời không giúp cho gió đông để tiện đánh hỏa công, thì còn đâu Đông Ngô

ĐƯỜNG THI

CẢM HOÀI VỀ TRẬN XÍCH BÍCH

*Mũi giáo gãy còn vùi dưới cát,
Mài rửa di, nhận vết tiền triều.
Gió đông chẳng giúp thuận chiều,
Trong đền Đồng tước, hai Kiều khóa xuân.*

58. 遣懷

KHIỂN HOÀI

落 魄 江 湖 載 酒 行 .
Lạc phách giang hồ tải tửu hành,
楚 腰 纖 細 拳 中 輕 .
Sở yếu tiêm tế chưởng trung khinh.
十 年 一 覺 揚 州 夢 ;
Thập niên nhất giác Dương châu mộng,
贏 得 青 樓 薄 倖 名 .
Đinh đắc thanh lâu bạc hạnh danh.

CHÚ THÍCH. – *Khiển hoài* là phóng phát điều tưởng nghĩ trong bụng. – *Lạc phách* là du dương, lang thang không có định sở. – *Sở yếu* là theo sách của Hàn Phi tử nói rằng: “*Sở linh vương hiếu tế yếu, nhi quốc trung đa ngã nhân*”. Vua Linh vương nước Sở thích người lưng eo, mà trong nước có nhiều người nhìn dôi. Nhìn dôi vì muốn bụng nhỏ lưng eo. – *Bạc hạnh* là người bội tình bạc nghĩa với tình nhân.

Tác giả làm bài thơ này nhắc lại mấy năm chơi bời lêu lổng ở Giang châu.

PHÓNG PHÁT SỰ NGHĨ TRONG BỤNG

*Giang hồ lạc phách rượi say,
Lưng eo bụng lép, trong tay không tiền.*

*Dương châu giấc mộng mười niên,
Nổi danh bạc hạnh ở miền lâu xanh.*

59. 金谷園

KIM CỐC VIÊN

繁華事散逐香塵，

Phồn hoa sự tán trục hương trần,

流水無情草自春。

Lưu thủy vô tình thảo tự xuân.

日暮東風怨啼鳥，

Nhật mộ đông phong oán đề diều,

落花猶似墜樓人。

Lạc hoa do tự truy lâu nhân.

CHÚ THÍCH. — Kim cốc viên là vườn của Thạch Sùng đời Tấn làm ở Kim cốc giản, thuộc Lạc dương huyện, tỉnh Hà nam bây giờ. Vợ lẽ Thạch Sùng là Lục châu bị người quyền thần đời Tấn, nằng phải gieo mình trên lầu xuống mà tự tử. Câu cuối bài này nhắc lại chuyện ấy.

VƯỜN KIM CỐC

Việc bộn rộn làm xong hồng mát,

Nước chảy vô tình, mọc cỏ xuân.

Gió chiều chim hót xa gần,

Hoa rơi, tựa khách gieo thân trên lầu.

60. 秋夕

THU TỊCH

銀燭秋光冷畫屏，
Ngân chúc thu quang lạnh họa bình,
輕羅小扇撲流螢。
Khinh la tiểu phiến phác lưu huỳnh.
天階夜色涼如水，
Thiên nhai dạ sắc lương như thủy,
臥看牽牛織女星。
Ngọa khán Khiên ngưu Chức nữ tinh,

CHÚ THÍCH. – *Khiên ngưu* trước người ta cho là sao Ngưu trong nhũ thập bát tú, nay người Tàu nhận là sao Thiên cổ và sao lớn gọi là sao Altair trong tòa sao Thiên Ưng (L'Aigle). – *Chức nữ* là sao lớn gọi là Vega trong tòa sao Thiên cầm (La Lyre). Sao Altair và sao Vega đứng đối nhau ở hai bên Ngân hà.

ĐÊM THU

*Đêm thu đèn gợi họa bình,
Đuổi xua dóm dóm, phong phanh quạt là,
Cảnh trời đêm mát vấn vơ,
Khiên ngưu Chức nữ nằm chờ xem chơi.*

61. 贈別

TẶNG BIỆT

多情卻似總無情，
Đa tình khước tự tổng vô tình,
唯覺尊前笑不成。
Duy giác tôn tiền tiếu bất thành.

蠟燭有心還惜別，
Lạp chúc hữu tâm hoàn tích biệt,
替人垂淚到天明。
Thế nhân thủy lệ đáo thiên minh.

CHÚ THÍCH. – Tặng biệt của tác giả có hai bài, bài này là bài thứ hai.
Ý nói người đa tình có khi xem như là vô tình.

TẶNG BIỆT

*Đa tình n. ò tựa vô tình,
Chỉ hay trước mặt buồn tênh không cười.
Có lòng, sấp vắn ngậm ngùi,
Thay người tuôn lệ ngấn dài suốt đêm.*

鄭谷

TRINH CỐC

67. 淮上別故人

HOÀI THUẬN BIỆT CỔ NHÂN

揚子江頭楊柳春，
Dương tử giang đầu dương liễu xuân,
楊花愁殺渡江人。
Dương hoa sầu sát độ giang nhân.
數聲風笛離亭晚，
Số thanh phong địch li đình vãn,

ĐƯỜNG THI

君向瀟湘我向秦。

Quân hướng Tiêu Tương ngã hướng Tần.

CHÚ THÍCH. - *Dương tử giang* là khúc sông của Trường giang ở vùng Dương châu. Nay người ngoại quốc lấy tên ấy mà gọi sông Trường giang - *Tiêu Tương* là sông Tiêu và sông Tương ở tỉnh Hồ nam chảy vào Động đình hồ ở đất Sở.

Cây dương có hoa là lúc đã cuối xuân. cho nên ai trông thấy cũng buồn. Chuyển sang ý từ biệt là lúc nghe tiếng gió thổi như tiếng sáo. là lúc trời đã muộn phải đi mỗi người một ngả.

TỪ BIỆT BẠN Ở TRÊN SÔNG HOÀI

Liều mùa xuân, bến sông Giang.

Qua sông ai thấy hoa dương, ngậm ngùi.

Gió đưa điệu sáo muộn rồi.

Anh sang bến Sở, ta lui côi Tần.

趙嘏

TRIỆU HỔ

63. 江樓書懷

GIANG LÂU THƯ HOÀI

獨上江樓思悄然，

Độc thượng giang lâu tứ tiếu nhiên,

月光如水水如天。

Nguyệt quang như thủy, thủy như thiên.

同來玩月人何在，
Đồng lai ngoạn nguyệt nhân hà tại.
風景依稀似去年。
Phong cảnh y hi tự khứ niên.

CHÚ THÍCH. - Lên giang lâu, trông phong cảnh nhớ người cũ.

Ở TRÊN LẦU BÊN BỜ SÔNG VIẾT NHỮNG ĐIỀU
NGHĨ TRONG BỤNG

*Giang lâu thơ thẩn một mình,
Long lanh trắng nước, mông mênh nước trời.
Người cùng thưởng nguyệt đâu rồi,
Phong quang phẳng phai như hồi năm xưa.*

崔魯

THÔI LỖ

64. 華清宮

HOA THANH CUNG

草遮回磴絕鳴鑾，
Thảo già hồi đặng tuyệt minh loan,
雲樹森森碧殿寒。
Vân thụ sâm sâm bích điện hàn.
明月自來還自去，
Minh nguyệt tự lai hoàn tự khứ.

ĐƯỜNG THI

更無人倚玉欄杆。
Cánh vô nhân ỷ ngọc lan can.

CHÚ THÍCH. - *Hoa thanh cung* là nơi vua Minh hoàng đời Đường với Dương Quý phi đêm mờng bảy tháng bảy đứng dựa lan can ở đền Trường sinh xem sao Ngưu và sao Nữ. Hai người thề với nhau, đời đời làm vợ chồng. Nay cung ấy, người đứng ở lan can thì không thấy nữa, mà trăng vẫn đến soi

CUNG HOA THANH

*Đường xưa xe vắng cỏ đầy,
Đèn không lạnh lẽo, cây mây xanh rì.
Bóng trăng lơ lảo đi về,
Không còn ai đứng dựa kê lan can.*

韋莊

VI TRANG

65. 東陽酒家贈別

ĐÔNG DƯƠNG TỬ GIA TẶNG BIỆT

天涯方歎異鄉身，
Thiên nhai phương thán dị hương thân.
又向天涯別故人。
Hựu hướng thiên nhai biệt cố nhân.
明日五更孤店月。
Minh nhật ngũ canh cô điếm nguyệt.
醉醒何處各沾巾。
Túy tỉnh hà xứ các triêm cân.

CHÚ THÍCH. – Tả cái tình cảnh li biệt ở nơi lữ thứ

TIỀN NHAU Ở QUÁN RƯỢU ĐÔNG DƯƠNG

*Than thân xa lạ quê người,
Lại cùng người cũ bên trời chia tay.
Trăng tàn quán khách sớm mai,
Tỉnh say ai cũng lệ rơi ướt đầm.*

66. 金陵圖

KIM LĂNG ĐỒ

江 雨 霏 霏 江 草 齊 .
Giang vũ phi phi giang thảo tề.
六 朝 如 夢 鳥 空 啼 .
Lục triều như mộng diều không đề.
無 情 最 是 臺 城 柳 .
Vô tình tối thị Đài thành liễu,
依 舊 煙 籠 十 里 隄 .
Y cựu yên lung thập lý đề.

CHÚ THÍCH – Lục triều là Đông Ngô, Đông Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần.
- Đài thành là cấm thành của các vua đời Lục Triều

CẢNH KIM LĂNG

*Mưa lũ tả, cỏ sông một sắc,
Mộng Lục Triều một giấc buồn tênh
Liễu Đài thành, thật vô tình,
Y nguyên như cũ rủ màn trên đề.*

陳陶
TRẦN ĐÀO

67. 隴西行

LŨNG TÂY HÀNH

誓掃匈奴不顧身，
Thệ tảo Hung nô bất cố thân,
五千貂錦喪胡塵。
Ngũ thiên điều cầm tang Hồ trần.
可憐無定河邊骨，
Khả liên Vô định hà biên cốt,
猶是春閨夢裏人。
Do thị xuân khuê mộng lý nhân.

CHÚ THÍCH. – *Lũng tây* trước là tên gọi tỉnh Cam túc, nay là tên một huyện thuộc tỉnh ấy. – *Điều cầm* là mũ có lông điều và áo gấm của các tướng sĩ. – *Vô định hà* là con sông chảy từ Tuy viễn qua thành Tuy đức thuộc phủ Diên an ở tỉnh Thiểm tây, rồi chảy vào Hoàng hà. Vì sông ấy có nhiều cát, chỗ đang nông hóa ra sâu, chỗ đang sâu hóa ra nông, nên mới gọi là Vô định. Ngày xưa quân Tàu đánh nhau với Hung nô chết ở đây nhiều lắm.

BÀI HÁT LŨNG TÂY

*Đánh Hung nô, quyết liều thân,
Năm ngàn tướng sĩ vào xuân đất Hồ.
Sông Vô định, đông ương khô,
Người còn trong mộng mấy cô khuê phòng.*

無名氏
VÔ DANH THI

68. 雜詩

TẠP THI

近寒食雨草萋萋，
Cận hàn thực vũ thảo thê thê,
著麥苗風柳映隄。
Trước mạch miêu phong liễu ánh đề.
等是有家歸未得，
Đẳng thị hữu gia qui vị đắc,
杜鵑休向耳邊啼。
Đỗ quyên hưu hướng nhi biên đề.

CHÚ THÍCH - *Hàn thực* là một tiết sau đông chỉ 105 ngày, tức là vào ngày mùng ba tháng ba, là tháng cuối mùa xuân. Theo tục xưa, đến ngày ấy thì cấy lúa, nên gọi là hàn thực. Tương truyền rằng ngày ấy là ngày Giới Tử Thôi nước Tấn bị đốt chết, nhưng theo sử thì Giới Tử Thôi chết vào giữa mùa đông, mà tết hàn thực lại vào cuối mùa xuân, vậy chuyện tục truyền ấy không đúng.

TẠP THI

Giàn hàn thực cỏ xanh mướt,
Ngọn lúa non gió lướt liễu bờ,
Có nhà chưa được về nhà,
Đỗ quyên thôi chớ rầy rà bên tai.

MỤC LỤC

<i>Bài tựa của Ưu thiền Búi Kỳ</i>	<i>Trương</i> V
<i>Bài tựa bằng thơ lục bát của Dương Bá Trạc</i>	VIII
<i>Bài Hậu tự của Minh tái Đặng Văn Ký</i>	IX
<i>Bài tự tự</i>	XV
<i>Tiểu sử những thi nhân đời Đường</i>	XIX

I- THƠ CỔ PHONG

27

A- Ngũ ngôn cổ 35 bài

Trần Tử Ngang	1 bài	31
Trương Cửu Linh	1 bài	32
Vương Xương Linh	3 bài	36
Mạnh Hạo Nhiên	3 bài	41
Vương Duy	6 bài	46
Thôi Hạo	1 bài	55
Lý Bạch	6 bài	56
Đỗ Phủ	4 bài	65
Thường Kiến	1 bài	74
Vì Ứng Vật	4 bài	75
Liều Tông Nguyên	2 bài	81
Manh Giao	1 bài	84
Bạch Cư Dị	2 bài	85

B- Thất ngôn cổ 23 bài

Trần Tử Ngang	1 bài	89
Trương Nhược Hư	1 bài	90

		<i>Trương</i>
Mạnh Hạo Nhiên	1 bài	95
Vương Duy	1 bài	96
Lý Bạch	6 bài	97
Đỗ Phủ	6 bài	108
Cao Thích	1 bài	118
Lý Kỳ	1 bài	120
Lưu Trường Khanh	1 bài	122
Vương Kiến	1 bài	124
Liễu Tôn Nguyên	1 bài	125
Trương Tích	1 bài	126
Bạch Cư Dị	1 bài	128

II.- THƠ LUẬT

141

A- Ngũ ngôn luật 76 bài

Vương Tích	1 bài	150
Dương Quynh	1 bài	151
Lạc Tân Vương	1 bài	153
Vương Bột	1 bài	154
Đỗ Thẩm Ngôn	1 bài	156
Tống Chi Vãn	2 bài	157
Thẩm Thuyên Kỳ	1 bài	160
Đường Huyền Tôn	1 bài	161
Trương Cửu Linh	1 bài	163
Vương Loan	1 bài	164
Mạnh Hạo Nhiên	7 bài	166
Vương Duy	8 bài	175
Lý Bạch	8 bài	185
Đỗ Phủ	16 bài	195
Sầm Tham	1 bài	216
Thường Kiến	1 bài	217
Trương Quán	1 bài	219
Lưu Trường Khanh	3 bài	220

		<i>Trương</i>
Vì Ứng Vật	2 bài	224
Tiền Khởi	1 bài	227
Tư Không Thự	1 bài	228
Đái Thúc Luân	1 bài	230
Lương Hoàng	1 bài	231
Lưu Vũ Tích	2 bài	233
Bạch Cư Dị	2 bài	235
Nguyễn Chấn	1 bài	238
Đỗ Mục	1 bài	239
Lý Thương Ẩn	2 bài	241
Vu Lương Sử	1 bài	243
Thôi Đồ	1 bài	245
Mã Đái	2 bài	246
Vì Trang	1 bài	249
Tăng Hạo Nhiên	1 bài	250

B- Thất ngôn luật 67 bài

Trương Thuyết	1 bài	252
Từ An Trinh	1 bài	253
Vương Xương Linh	1 bài	255
Vương Duy	2 bài	256
Thôi Hạo	1 bài	259
Lý Bạch	3 bài	261
Đỗ Phủ	12 bài	265
Sầm Tham	1 bài	281
Cao Thích	1 bài	283
Lý Kỳ	1 bài	284
Tổ Vịnh	1 bài	286
Lưu Trường Khanh	2 bài	287
Vì Ứng Vật	1 bài	290
Tiền Khởi	2 bài	291
Đái Thúc Luân	1 bài	294
Lưu Vũ Tích	3 bài	295
Bạch Cư Dị	4 bài	300

		<i>Trương</i>
Đỗ Mục	1 bài	305
Lý Thương Ẩn	4 bài	307
Ôn Đình Quán	4 bài	313
Hứa Hồn	1 bài	318
Tư Không Đồ	1 bài	319
Trịnh Cốc	1 bài	321
Lý Tấn	2 bài	322
Hạng Tư	1 bài	325
Lý Hàm Dụng	1 bài	326
Chu Phác	1 bài	328
Tào Đường	5 bài	329
Thôi Đồ	2 bài	336
Tấn Thao Ngọc	1 bài	339
Ngô Dung	1 bài	340
Vì Trang	1 bài	342
Đỗ Quang Đình	1 bài	343
Tăng Linh Nhất	1 bài	345

III.- THƠ TUYỆT CÚ 347

A- Ngũ ngôn tuyệt cú 67 bài

Vương Tích	1 bài	348
Lạc Tân Vương	1 bài	349
Vì Thừa Khánh	1 bài	350
Tiết Tắc	1 bài	351
Trương Cửu Linh	1 bài	352
Vương Xương Linh	1 bài	353
Mạnh Hạo Nhiên	2 bài	354
Vương Duy	8 bài	356
Thôi Hạo	1 bài	362
Lý Bạch	7 bài	364
Đỗ Phủ	4 bài	369
Sầm Tham	2 bài	373

		<i>Trương</i>
Thôi Quốc Phụ	2 bài	375
Trừ Quang Hy	1 bài	377
Tổ Vĩnh	1 bài	378
Lưu Trường Khanh	3 bài	379
Vì Ứng Vật	1 bài	381
Tiến Khởi	1 bài	382
Vương Kiến	1 bài	383
Lý Doan	3 bài	384
Tư Không Thự	1 bài	387
Đái Thúc Luân	1 bài	388
Liêu Tôn Nguyên	1 bài	389
Mạnh Giao	1 bài	390
Lưu Vũ Tích	3 bài	391
Lý Ích	1 bài	393
Lệnh Hồ Sở	1 bài	394
Bạch Cư Dị	3 bài	395
Nguyễn Chấn	1 bài	397
Trương Tịch	1 bài	398
Bùi Độ	1 bài	399
Giả Đảo	1 bài	400
Tiết Oánh	1 bài	401
Đỗ Mục	1 bài	402
Lý Thương Ẩn	2 bài	403
Lý Tấn	1 bài	404
Trừ Tự Tôn	1 bài	405
Cáp Gia Vận	1 bài	406
Đường Ngạn Khiêm	1 bài	407

B- Thất ngôn tuyệt cú 68 bài

Thẩm Thuyên Kỳ	1 bài	408
Trương Thuyết	1 bài	409
Hà Tri Chương	1 bài	410
Trương Húc	1 bài	411
Vương Hàn	1 bài	412

		<i>Trương</i>
Vương Xương Linh	4 bài	413
Vương Duy	6 bài	416
Lý Bạch	8 bài	422
Đỗ Phủ	3 bài	430
Cao Thích	1 bài	432
Sầm Tham	3 bài	433
Lý Kỳ	1 bài	436
Giả Chí	1 bài	437
Trương Vị	1 bài	438
Lưu Trường Khanh	1 bài	439
Trương Kế	1 bài	440
Lưu Phương Bình	2 bài	441
Vĩ Ứng Vật	1 bài	443
Tiền Khởi	1 bài	444
Vương Kiến	1 bài	445
Tư Không Thư	1 bài	446
Nhung Dục	1 bài	447
Liễu Tông Nguyên	1 bài	448
Thôi Hộ	1 bài	449
Lưu Vũ Tích	4 bài	450
Bạch Cư Dị	1 bài	454
Nguyên Chấn	1 bài	455
Trương Tịch	1 bài	456
Dương Cự Nguyên	1 bài	457
Chu Khánh Dư	2 bài	458
Đỗ Thu Nương	1 bài	459
Đỗ Mục	6 bài	460
Trịnh Cốc	1 bài	465
Triệu Hổ	1 bài	466
Thôi Lỗ	1 bài	467
Vĩ Trang	2 bài	468
Trần Đào	1 bài	470
Vô danh thị	1 bài	471
MỤC LỤC		473

ĐƯỜNG THI
TRẦN TRỌNG KIM tuyển dịch

Chịu trách nhiệm xuất bản :
QUANG HUY

<i>Biên tập :</i>	LÊ TAM NGUYÊN
<i>Trình bày sách :</i>	HOÀI ĐỨC
<i>Bìa :</i>	ĐỨC TÀI
<i>Sửa bản in :</i>	DIÊN KHÁNH

In 1.000 cuốn khổ 13 x 19 cm, tại Xí nghiệp In số 5, 02 Tân Thành Q.5. TP. Hồ Chí Minh. Giấy trích ngang kế hoạch xuất bản : 241-CXB/05-VHTT ngày 15-8-1994. In xong và nộp lưu chiểu tháng 01-1995.

PHÁT HÀNH TẠI

NHÀ SÁCH TRẺ

186 Nguyễn Thị Minh Khai Q.3, TP. HCM

ĐT : 225342

• **GIẢI THOẠI LĂNG NHỎ**

Lăng Nhân

• **GIẢI THOẠI VĂN CHƯƠNG
VIỆT NAM**

Thái Bạch

• **VĂN ĐÀI LOẠI NGŨ**

Lê Quý Dôn

(Ta Quang Phát dịch)

• **TRUYỆN THÚY KIỀU**

Nguyễn Du

(Bùi Kỳ và Trần Trọng Kim hiệu khảo)

• **TRUYỆN TRUYỀN KỲ
TRUNG QUỐC**

Lâm Ngữ Đường

(Nguyễn Quốc Doan dịch)